



gọi em bằng tên anh

call me by your name

tiểu
thuyết

LAMBDA
LITERARY
AWARD
FOR GAY
FICTION

ANDRÉ ACIMAN

NHẬT KHOA dịch

“... một cuốn sách đẹp và thông minh.

GOI EM BẰNG TÊN ANH sẽ nằm ngao ngổ trên kệ cùng *Giovanni's Room* của James Baldwin và *A Boy's Own Story* của Edmund White... một cuốn tiểu thuyết tuyệt vời về ánh sáng đầy khoái cảm của mùa hè Địa Trung Hải, những ngày và đêm lãng đãng đầy dục vọng... một điều huyền diệu.”

COLM TOIBÍN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

gọi em bằng tên anh

Call me by your name

Copyright © 2007 by André Aciman. All rights reserved including the rights of reproduction in whole or in part in any form.

Bản tiếng Việt © Nhà xuất bản Trẻ, 2017.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN

General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Aciman, André, 1951-

Gọi em bằng tên anh / André Aciman ; Nhật Khoa dịch. - In lần thứ 1. - T.P. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017.

316tr. ; 20cm.

Nguyên bản : Call me by your name.

1. Thiếu niên nam -- Tiểu thuyết. 2. Thanh thiếu niên đồng tính -- Tiểu thuyết. 3. Tiểu thuyết Mỹ -- Thế kỷ 21. 4. Văn học Mỹ -- Thế kỷ 21. I. Nhật Khoa. II. Ts. III. Ts: Call me by your name.

813.6 -- ddc 22

A181

call me by your name

ANDRÉ ACIMAN

NHẬT KHOA dịch

gọi em bằng tên anh

tiểu thuyết

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

*Cho Albio,
Alma de mi vida.*

Phần I

**Nếu không phải bây giờ
thì khi nào?**

“*Gặp sau!*” Hai chữ đó, giọng nói đó, thái độ đó.

Trước giờ, tôi chưa từng nghe ai dùng hai chữ “gặp sau” để tạm biệt. Nó có vẻ khắc nghiệt, cụt lùn, xua đuổi, thốt lên với sự bất cần ẩn giấu của những người không quan tâm là sẽ gặp lại hoặc nghe tin về ta nữa hay không.

Đó là điều đầu tiên tôi nhớ về anh, và đến tận hôm nay tôi vẫn còn nghe câu đó. *Gặp sau!*

Tôi nhắm mắt, nói câu đó, và trở lại nước Ý vào nhiều năm trước, bước dọc con lộ rợp bóng cây, nhìn anh xuống xe taxi, áo sơ-mi xanh dương thùng thình, cổ áo rộng phanh ra, kính râm, mũ rơm, chỗ nào cũng thấy da. Đột nhiên anh bắt tay tôi, dúi vào tôi cái ba-lô, lấy va-li ra khỏi cốp xe, hỏi bố tôi có nhà không.

Có thể chuyện đã bắt đầu ở ngay nơi đó, ngay lúc đó: cái áo, tay áo xắn lên, đôi gót chân tròn của anh thụt ra thụt vào đôi giày vải bạt đã sờn, háo hức muốn thử đi vào lối sỏi dẫn tới ngôi nhà của chúng tôi, vừa bước đi đã vội hỏi, Đường nào ra bãi biển?

Một anh khách trọ hè. Lại thêm một nỗi chán.

Rồi gần như không nghĩ ngợi gì, lưng anh đã quay

sang chiếc xe, anh vẫy bàn tay đang rảnh và thốt một câu vô tư *Gặp sau!* với người hành khách khác trong chiếc xe, rất có thể người này đã chia tiền cước xe từ ga tới. Không thêm tên tiếc hay lời đùa bỡn gì để làm dịu đi cái sự chia ly xáo động, không gì cả. Hai chữ tổng tiền của anh nhanh nhẩu, bạo dạn, và cụt lùn – ta có nói gì đáp lại anh cũng chẳng cần.

Bạn thấy đó, tôi nghĩ đây sẽ là cách anh tạm biệt chúng tôi khi tới lúc. Sẽ là hai chữ *Gặp sau!* ầu tả, cộc cằn.

Từ giờ tới đó là sáu tuần lễ, chúng tôi sẽ phải chịu đựng anh ta.

Tôi thật là khiếp sợ. Loại sợ không cắt nghĩa được.

Dẫu vậy, tôi có thể học cách thích anh ta. Từ cái cầm tròn trịa cho tới cái gót cũng tròn trịa. Rồi sau vài ngày, tôi sẽ học cách ghét anh ta.

Đây, chính con người có bức ảnh trên tờ đơn đăng ký vài tháng trước đã hiện ra cùng bao nhiêu hứa hẹn cho những mối thân tình chớp nhoáng.

Nhận khách trọ hè là cách bố mẹ tôi giúp các giảng viên đại học trẻ chỉnh sửa bản thảo trước khi xuất bản. Cứ sáu tuần mỗi mùa hè, tôi phải dọn trống phòng ngủ của mình, chuyển xuống căn phòng kế dọc hành lang, căn phòng này nhỏ hơn, xưa là của ông tôi. Trong những tháng mùa đông, khi chúng tôi ở thành phố, nó trở thành căn phòng kho tạm, phòng trữ đồ, cũng như phòng áp mái, nơi có tin đồn là người ông có cùng tên với

tôi vẫn nghiện rằng trong giấc ngủ vĩnh hằng. Khách trọ hè chẳng phải trả tiền bạc gì, được hưởng mọi thứ trong nhà, và về cơ bản thì được làm bất cứ gì họ ưng, miễn là họ dành chừng một giờ mỗi ngày để giúp ba tôi viết thư từ, và giấy tờ nhiều loại. Họ trở thành người nhà, và sau mười lăm năm như vậy, chúng tôi đã quen với từng cơn mưa bưu thiếp và quà cáp không chỉ vào mùa Giáng sinh mà trải dài suốt năm từ những con người giờ đây hết lòng tận tụy với gia đình tôi, và sẵn sàng đi chệch khỏi lộ trình châu Âu của họ để cùng gia đình mình tạt qua B. một hai ngày, và hồi tưởng về nơi ăn chốn ở xưa.

Lúc dùng bữa thường có hai hoặc ba vị khách khác, có khi là láng giềng hoặc họ hàng, có khi là đồng nghiệp, luật sư, bác sĩ, những kẻ giàu có và nổi danh ghé tới thăm ba tôi khi trên đường tới nhà nghỉ hè của riêng họ. Thậm chí đôi lúc chúng tôi đón mời một cặp đôi khách du lịch vãng lai vào phòng ăn gia đình, những người này đã nghe nói về căn biệt thự cũ xưa, và đơn giản chỉ muốn ghé qua xem chơi, họ rất đổi thích thú khi được mời dùng bữa cùng chúng tôi, kể chúng tôi nghe về họ, trong khi dì Mafalda dù được báo vào phút chót vẫn dọn ra những món thường lệ của dì. Ba tôi, một người kín đáo và rụt rè khi một mình, thích nhất là có vài chuyên gia danh giá đang nổi lên trong lĩnh vực nào đó giúp chuyện văn bằng vài thứ tiếng, trong khi mặt trời hè nóng rẫy cùng một vài ly vang ngọt *rosatello*¹ đẩy con người rơi vào trạng thái lơ đãng khó tránh khỏi. Chúng tôi gọi phần việc đó là

1 *rosatello*: một loại rượu vang ngọt của Ý

chuyện nhàm sau bữa chiều – và qua một dạo, hầu hết các vị khách sáu tuần của chúng tôi cũng vậy.

Có lẽ chuyện bắt đầu không lâu sau khi anh tới, ngay giữa một trong những bữa ăn trưa thê thảm đó. Anh ngồi xuống cạnh tôi, và rốt cuộc tôi nhận ra rằng, dù làn da anh có hơi rám nắng sau ít ngày ở Sicily mùa hè đó, màu da lòng bàn tay anh cũng xanh xao, mỏng mảnh như làn da ở lòng bàn chân, hầu, dưới cánh tay – những chỗ này không bị phơi ra nắng nhiều, gần như màu hồng nhạt, lấp lánh và trơn láng như bụng thần lùn. Kín đáo, trong sáng, non tơ, giống như màu ửng hồng trên gương mặt một vận động viên hoặc thoáng bình minh sau một đêm giông bão. Bấy nhiêu cho tôi biết nhiều điều về anh mà tôi sẽ chẳng biết hỏi thế nào.

Có lẽ chuyện bắt đầu trong những giờ bất tận sau buổi ăn trưa, lúc mọi người thơ thẩn trong những bộ đồ tắm cả bên trong và ngoài ngôi nhà, thân thể nằm ườn ra khắp nơi, giết thì giờ cho tới khi ai đó rốt cuộc đề nghị chúng tôi xuống chỗ rộng đá để bơi. Họ hàng, anh em họ, láng giềng, bạn, bạn của bạn, đồng nghiệp hoặc đơn giản là bất kỳ ai gõ cửa nhà chúng tôi rồi hỏi mượn sân quần vợt – ai ai cũng được chào mời vào thơ thẩn và bơi và ăn và được dùng cả căn nhà nghỉ, nếu họ ở lại đủ lâu.

Hay có lẽ chuyện bắt đầu trên bãi biển. Hoặc ở sân quần vợt. Hoặc trong lúc chúng tôi đi bộ cùng nhau lần đầu vào cái ngày đầu tiên, lúc tôi được nhờ dẫn anh đi xem nhà và chung quanh, và việc này dẫn tới việc kia, tôi đã đưa anh qua cánh cổng bằng sắt rèn cũ xưa đến tận

bãi trống bát ngát ở khu đất heo hút gần với dọc đường ray xe lửa bỏ hoang từng nối B. với N. “Đâu đây có một nhà ga bỏ hoang à?” Anh hỏi, nhìn qua tán cây dưới ánh mặt trời bóng râm, có thể là đang tìm chuyện để hỏi con trai chủ nhà. “Không, chưa từng có nhà ga nào cả. Con tàu đơn giản chỉ dừng lại thôi.” Anh tò mò về con tàu; vì đường ray có vẻ hẹp quá. Tôi giải thích rằng đó là con tàu hai toa có phù hiệu hoàng gia. Bây giờ đám du mục gypsy sống trong đó. Từ hồi mẹ tôi còn con gái tới đây nghỉ hè thì họ đã sống vậy rồi. Mấy người đó kéo các toa tàu vào sâu trong đất liền. Anh có muốn xem toa tàu không? “Có lẽ để sau.” Thái độ dừng dừng lịch sự, cứ như anh nhận thấy lòng sốt sắng sai chỗ của tôi nhằm làm vui lòng anh, và đẩy tôi ra xa một cách ngăn gọn.

Nhưng tôi lại đau.

Qua chuyện khác, anh bảo rằng anh muốn mở một tài khoản tại một trong những ngân hàng ở B., rồi tới gặp dịch giả tiếng Ý được nhà xuất bản ở Ý giao việc dịch cuốn sách của anh.

Tôi quyết định đưa anh tới đó bằng xe máy.

Đi xe thì chuyện trò cũng chẳng hơn gì lúc đi bộ. Dọc đường, chúng tôi dừng lại uống nước. Quán cà phê¹ tôi thui, vắng ngắt. Chủ quán đang lau sàn bằng dung dịch hăng mùi amoniac. Chúng tôi vội vã bước ra ngoài. Một con chim sáo lẻ loi đậu trên một cây thông Địa Trung Hải hót vài tiếng, tiếng hót lập tức chìm lìm giữa cơn xào xạc của cơn ve sầu.

1 Bar-tabaccheria: kiểu quán cà phê có bán thuốc lá, tem thư, v.v...

Tôi nốc một hơi dài nước khoáng từ trong chai, chuyển sang anh, rồi lại uống nữa. Tôi đổ một ít vào lòng bàn tay, chà mặt, rồi đưa mấy ngón tay ướt chải tóc. Nước không đủ lạnh, không đủ hơi ga, để lại chút khan khát mơ hồ.

Ở đây thì người ta làm gì?

Chẳng gì cả. Chờ mùa hè hết thôi.

Vậy thì mùa đông người ta làm gì?

Tôi mỉm cười, nghĩ tới lời đáp mình sắp nói ra. Anh hiểu ý và bảo, “Đừng có nói là người ta chờ mùa hè lại tới?”

Tôi thích người ta đọc được ý nghĩ mình. Anh nhận ra cái gọi là *chuyện nhàm sau bữa chiều* sớm hơn những người trước đây.

“Thực ra, mùa đông thì nơi này rất u ám, tối tăm. Chúng tôi về hưởng Giáng sinh. Chứ không thì đây chỉ là thị trấn ma.”

“Mà dịp Giáng sinh ở đây, mọi người làm gì ngoại trừ nướng hạt dẻ và uống rượu nóng đánh trứng?”

Anh đang châm chọc. Tôi cười đáp lại như trước. Anh hiểu ý, không nói gì, cả hai cười vang.

Anh hỏi tôi làm gì. Tôi chơi quần vợt. Bơi. Ra ngoài buổi tối. Chạy bộ. Cải biên nhạc¹. Đọc.

¹ Cải biên nhạc (transcribe music): Được hiểu là sự điều chỉnh lại hình thức thể hiện của một tác phẩm âm nhạc, phục vụ cho những mục đích đặc biệt, theo những yêu cầu của một dàn nhạc, nhạc cụ hoặc giọng hát thực tế của một ca sỹ, v.v... Hầu hết là các trường hợp phối khí lại hoặc chuyển sang khóa nhạc khác và không nhất thiết phải là sự sáng tạo một tác phẩm phái sinh, cũng được hiểu là cải biên âm nhạc.

Anh nói là anh cũng chạy bộ. Chạy sớm lúc sáng. Ở đây thì chạy chỗ nào? Thì chạy dọc theo lối đi bộ. Nếu anh ta muốn thì tôi chỉ ngay.

Tôi vừa bắt đầu thích anh trở lại thì câu nọ độp thẳng vào mặt tôi. “Có lẽ để sau.”

Tôi nói tới chuyện đọc sau cùng, bởi nghĩ rằng với thái độ ngoan cố, trơ trơ mà anh đã phô ra, việc đọc sẽ có vẻ cũng nằm chót danh sách của anh. Vài giờ sau, lúc tôi nhớ ra anh vừa viết xong một cuốn sách về Heraclitus và rất có thể “đọc” không phải là chuyện vô bổ trong đời anh, tôi nhận ra mình cần phải khôn khéo sửa lại lời nói, và cho anh biết rằng sở thích của tôi cũng rất giống anh. Tuy nhiên, chuyện làm tôi khó chịu không phải là việc sửa lại ý niệm về mình, mà là những nỗi nghi ngại không mời mà tới. Tôi rất cuộc nhận ra rằng từ trước tới giờ, tôi đã cố gắng và thất bại trong chuyện khiến anh thích mình, mà hoàn toàn không nhận ra, thậm chí chẳng chịu công nhận.

Khi tôi mời – bởi mọi vị khách đều thích ý này – đưa anh tới San Giacomo rồi đi lên đỉnh tháp chuông chúng tôi đặt biệt danh là To-die-for, lẽ ra tôi nên biết mà đứng yên đó, chứ không quay lại. Tôi tưởng mình sẽ đưa anh đi vòng quanh đơn giản bằng cách đưa anh lên đó, rồi để anh ngắm nhìn thị trấn, nhìn biển, và nhìn vào vĩnh cửu. Nhưng ôi. *Để sau!*

Nhưng chuyện có thể đã bắt đầu khá lâu sau đó mà tôi không hay biết gì cả. Bạn nhìn một người, nhưng bạn

không thật sự thấy người đó, cứ như người đó nấp sau cánh gà. Hoặc là bạn thấy, nhưng chẳng nhận ra gì hết, chẳng “nắm bắt” được gì hết, và trước khi bạn nhận ra một sự hiện diện, hoặc thứ gì đó khiến bạn khó chịu, sáu tuần lễ mà bạn có đã trôi qua gần hết, và người đó hoặc đã đi rồi, hoặc sắp sửa rời xa, và bạn đơn giản là đang vật vờ cố chấp nhận một điều gì đó, mà bạn không hề biết, điều đó đã được trù tính nhiều tuần rông ngay trước mắt ta, có tất cả các triệu chứng của cái mà ta buộc phải gọi là *Tôi muốn*. Bạn sẽ hỏi rằng có gì tôi lại không biết? Tôi biết thế nào là khao khát khi tôi thấy được – vậy mà lần này, nó hoàn toàn vượt mất. Tôi cứ tìm kiếm nụ cười xảo quyệt thỉnh linh làm mặt anh sáng bừng mỗi lần anh đọc được ý nghĩ của tôi, trong khi cái tôi thật sự muốn là da, chỉ da thôi.

Trong bữa tối thứ ba, tôi cảm nhận là anh đang nhìn mình chằm chằm trong khi tôi cất nghĩa bản nhạc *Bảy lời cuối của Chúa* của Haydn mà tôi cải biên. Năm đó tôi mười bảy, người nhỏ tuổi nhất bên bàn ăn, và là người ít được kẻ khác lắng nghe nhất, tôi đã tập một thói quen là dồn càng nhiều thông tin vào càng ít chữ càng tốt. Tôi nói nhanh, điều này khiến người ta bị ấn tượng rằng tôi đã luôn kiệm lời, im như thóc. Sau khi giải thích xong, tôi nhận ra ánh mắt nhìn tôi tha thiết nhất đến từ bên trái. Nó làm tôi phấn khích và tự hào, rõ ràng là anh quan tâm – anh thích tôi. Vậy thì đâu có gì khó khăn như tôi tưởng. Nhưng rồi lúc nói xong, tôi quay sang đối mặt, nhìn vào mắt anh thì lại gặp cái nhìn chằm chằm lạnh

lòng, buốt giá – cái ánh mắt ngay lập tức thành ra hằn học và trơ trơ gần như là ác độc.

Tôi hoàn toàn mất hứng. Tôi đã làm gì nên nổi để bị như vậy? Tôi muốn anh lại tử tế với tôi, cười với tôi như vài ngày trước ở chỗ đường tàu hoang phế, hay khi tôi giải thích cũng trong buổi chiều đó rằng B. là thị trấn duy nhất ở Ý nơi *corriera*, tuyến xe buýt nội vùng có Chúa phù hộ, chạy suốt mà không bao giờ dừng lại. Lập tức anh bật cười và nhận ra lời ám chỉ mập mờ tới cuốn sách của Carlo Levi. Tôi thích cách tâm trí chúng tôi dường như song hành với nhau, cách chúng tôi lập tức suy ra được từ ngữ mà người kia chực nói, nhưng rốt cuộc lại giữ lại.

Anh sẽ là một người hàng xóm khó chịu đây. Tôi nghĩ, tốt hơn cả là hãy tránh xa anh ra. Nghĩ rằng tôi đã suýt phải lòng vì làn da trên bàn tay, trên ngực, bàn chân anh chưa từng chạm vào một mặt phẳng thô ráp nào từ xưa đến giờ – và cặp mắt anh, khi ánh mắt kia, cái ánh mắt dịu dàng nhìn vào bạn nhiệm màu như sự Phục sinh vậy. Bạn sẽ chẳng thể nào nhìn lại đủ lâu, nhưng cần phải nhìn lại để tìm cho ra tại sao bạn lại không thể.

Tôi hẳn đã trao cho anh cái liếc mắt nguy hại tương tự.

Hai ngày rỗng, chúng tôi bỗng nhiên chẳng chuyện vãn gì với nhau.

Trên bao lơn dài chung của cả hai phòng ngủ chúng tôi diễn ra sự tránh né cùng tận: câu chào, thời tiết tốt nhỉ, những lời tán gẫu hời hợt.

Rồi không một lời giải thích, mọi việc trở lại như trước.

Tôi có muốn đi chạy bộ sáng nay không? Không, không hẳn. À, vậy thì đi bơi.

Ngày hôm nay, cơn đau, chuyện đốt lò, nỗi háo hức vì có người mới, niềm hạnh phúc cứ chấp chới cách ta chỉ một đầu ngón tay, chuyện dò xét ý tứ những người tôi có thể hiểu nhầm, và không muốn mất và phải dọ ý mọi nơi mọi lúc, cái sự khôn vặt tuyệt vọng mà tôi trao cho mỗi một người tôi muốn và khao khát được đáp lại, những bức màn tôi dựng lên như thể giữa tôi và thế giới không chỉ có một mà là nhiều lớp cửa trượt bằng giấy thông thảo¹, sự thúc giục mã hóa rồi lại giải mã điều chưa bao giờ được mã hóa ngay từ đầu – tất cả những điều này bắt đầu vào mùa hè Oliver tới ở nhà chúng tôi. Những việc ấy in dấu lên mỗi bài hát thịnh hành mùa hè đó, mỗi cuốn tiểu thuyết tôi đọc trong và sau những ngày anh ở, trên bất cứ gì từ mùi rau hương thảo những ngày nóng nực cho tới tiếng xào xạc điên cuồng của bọn ve sâu vào buổi chiều – những thanh âm và vị hương tôi lớn lên cùng và biết đến mỗi năm trong đời cho tới khi chuyện đó thành linh chộp lấy tôi, và đạt tới một sự chuyển điệu mãi thấm sắc màu những sự kiện mùa hè đó.

Hoặc có lẽ chuyện bắt đầu sau tuần đầu tiên anh ở, lúc tôi háo hức muốn xem anh còn nhớ tôi là ai không, khi thấy anh không làm lơ, và nhờ vậy, tôi có thể cho mình cái quyền xa xỉ là đi ngang qua anh trên lối ra vườn và

1 thông thảo (rice-paper): loại giấy làm từ lõi cây thông thảo, thường dùng để dán các cửa trượt trong nhà của người Nhật

không phải làm bộ rằng mình không biết có anh. Chúng tôi cùng chạy bộ sớm vào buổi sáng đầu tiên, xa tới tận B. rồi trở lại. Sáng sớm hôm sau chúng tôi bơi. Rồi ngày kế thì chúng tôi lại chạy bộ. Tôi thích chạy đua cạnh cái xe tải giao sữa khi nó còn lâu mới xong việc, hoặc gần tiệm tạp hóa và bánh nướng người ta hãy còn chuẩn bị mở hàng, thích chạy dọc bờ biển và lối đi riêng khi xung quanh còn chưa có móng người nào và ngôi nhà của chúng tôi trông như một ảo ảnh xa tít. Tôi thích những khi chân chúng tôi cùng nhịp, trái với trái, và chạm vào đất ở cùng thời điểm, để lại những dấu chân trên bờ biển mà tôi ước ao quay lại, và, trong bí mật, ướm chân mình vào chỗ anh đã để lại dấu vết.

Sự xen kẽ chạy bộ và bơi này đơn giản là “lịch” của anh hồi ở cao học. Anh có chạy ở đường Sabbath¹ không? Tôi đùa. Anh luôn tập thể dục, ngay cả khi anh bệnh; có phải nằm trên giường thì cũng tập. Anh nói, ngay cả khi đêm anh ngủ cùng với ai mới, sáng sớm hôm sau anh vẫn ra ngoài mà tập. Lần duy nhất anh không tập là khi người ta phẫu thuật cho anh. Khi tôi hỏi phẫu thuật gì, câu trả lời mà tôi đã tự hứa với lòng là không bao giờ xui anh thốt ra, nó tới với tôi như cú bật của hình nộm lò xo trong hộp, trên mặt nó là nụ cười ngớ ngẩn. “Để sau.”

Có lẽ anh bị hụt hơi và không muốn nói quá nhiều, hoặc đơn giản là muốn tập trung bơi hoặc chạy. Hoặc có lẽ đó là cách anh khích lệ tôi tập trung như anh – hoàn toàn vô hại.

1 Sabbath: ngày thứ bảy trong đạo Do Thái, là ngày nghỉ ngơi và thờ phụng Chúa, tương ứng với ngày chủ nhật trong đạo Thiên chúa

Nhưng có gì đó ngay lập tức trở nên lạnh lẽo và khó chịu trong cái khoảng cách len vào giữa chúng tôi tại những khoảnh khắc không ngờ nhất. Cứ gần như là anh làm vậy có chủ ý; cho tôi một chút, rồi một chút nữa, sau đó giật phắt đi bất kỳ dấu hiệu nào của tình bạn.

Ánh mắt sắt đá đó luôn trở lại. Một ngày nọ, trong khi tôi đang tập guitar ở cái chỗ đã trở thành “bàn của tôi” ở sân sau cạnh hồ bơi và anh đang nằm trên cỏ gần đó, tôi nhận ra ánh mắt kia ngay. Anh nhìn tôi chằm chằm trong khi tôi tập trung nhìn cần đàn, và rồi tôi đột nhiên ngẩng mặt lên để xem anh có thích đoạn tôi đang chơi, thì nó kìa: sắc lẹm, tàn độc, như một lưỡi dao lóe sáng lập tức rút lại ngay khoảnh khắc nạn nhân bắt gặp nó. Anh cười nhạt với tôi như ý nói, *Giấu làm gì nữa.*

Tránh xa anh ta ra.

Hắn anh đã nhận thấy tôi run, và để cố đền lại cho tôi, anh bắt đầu hỏi nhiều điều về guitar. Tôi quá cảnh giác, nên đáp lại chẳng vô tư gì mấy. Trong khi đó, nghe tôi khó nhọc trả lời, anh nghi ngờ rằng có lẽ tôi diễn đạt thiếu đi nhiều thứ. “Thôi khỏi giải thích chi. Cứ chơi lại lần nữa đi.” Nhưng tôi tưởng anh ghét nó. Ghét nó? Sao cậu lại nghĩ vậy? Chúng tôi cãi qua cãi lại. “Cứ chơi đi, được không?” “Bản đó luôn hả?” “Bản đó luôn.”

Tôi đứng dậy, bước vào phòng khách, để cửa sổ mái mở cho anh nghe tôi chơi bài đó trên đàn piano. Anh theo tôi đến giữa quăng và, tựa vào khung gỗ cửa sổ, nghe một lát.

“Cậu đổi rồi. Không phải bản đó. Cậu đã làm gì vậy?”

“Tôi chỉ đánh theo cách Liszt sẽ chơi nếu ông ta cải biên nó.”

“Đánh lại lần nữa đi mà!”

Tôi thích cách anh giả vờ bức tức. Nên tôi bắt đầu đánh bản đó lần nữa.

Sau một lúc: “Tôi không tin nổi, cậu lại đổi nữa rồi.”

“À thì đâu có bao nhiêu. Đây là cách Busoni chơi, nếu ông ta cải bản của Liszt.”

“Cậu không chơi nhạc Bach theo đúng như Bach đã soạn được hay sao?”

“Nhưng Bach chưa từng soạn cho đàn guitar. Có thể ông cũng chưa từng viết nó cho đàn harpsichord. Thực ra thì ta còn không chắc đó là của Bach soạn.”

“Thôi coi như chưa hỏi.”

“Được rồi, được rồi, không cần phải bức vậy chứ,” tôi nói. Đến lượt tôi giả vờ thuận lòng. “Đây là Bach do tôi cải biên mà không có Busoni và Liszt. Bản này của một Bach rất trẻ, được dành riêng cho anh trai của ông.”

Tôi biết chính xác đoạn khúc nào trong bản nhạc rõ ràng là đã khiến anh chú ý ở lần đầu, và mỗi lần tôi đàn, tôi như đang gửi cho anh một món quà nhỏ, bởi vì nó thực sự là dành riêng cho anh, như một biểu tượng cho điều gì đó rất đẹp đẽ trong tôi mà không cần phải thiên tài mới nhận ra, và điều đó thôi thúc tôi thêm vào một đoạn độc tấu nữa. Chỉ dành cho anh.

Chúng tôi – và hẳn anh đã nhận ra tín hiệu khá lâu trước tôi – đang tán tỉnh nhau.

Lát sau trong buổi tối đó, tôi ghi vào nhật ký của mình: *Lúc tôi nói rằng tôi tưởng anh ghét bản nhạc, tôi đã phóng đại. Điều tôi muốn nói là: Tôi tưởng anh ghét tôi. Tôi đã hi vọng anh sẽ thuyết phục tôi tin điều ngược lại – và anh đã làm vậy, một lát. Cố gì sáng hôm sau tôi lại không tin?*

Con người anh là vậy, tôi tự nhủ sau khi thấy anh bật từ lạnh lùng sang tươi vui.

Có lẽ tôi cũng đã hỏi: Tôi có bật tới bật lui đúng như vậy không?

T. B. Chúng ta không được soạn ra dành cho một nhạc cụ đơn tấu; tôi không phải, và anh cũng không.

Tôi đã rất muốn gán cho anh cái nhãn người khó chịu và khó gần, và tôi chẳng liên quan gì với anh nữa. Chỉ cần anh nói hai chữ thôi, tôi từ bấu môi hờ hững chuyển sang tôi sẽ đàn bất cứ bản nào cho anh cho tới khi anh bảo tôi dừng lại, cho tới giờ ăn trưa, cho tới khi da trên ngón tay tôi tróc ra từng lớp một, bởi vì tôi thích làm điều này điều nọ cho anh, sẽ làm bất kỳ điều gì cho anh, chỉ cần anh nói ra, tôi thích anh từ ngày đầu, và ngay cả khi anh hồi đáp lạnh lùng lời mời mọc bè bạn từ tôi, tôi sẽ không bao giờ quên rằng cuộc nói chuyện này giữa hai ta đã diễn ra, và có những cách dễ dàng để ta mang mùa hè trở lại giữa cơn bão tuyết.

Trong lời hứa ấy tôi đã quên đánh dấu một điều là sự lạnh lùng và hờ hững có thể lập tức hủy bỏ mọi hòa hoãn cùng cam kết đã ký trong những thời khắc tươi vui hơn.

Rồi một chiều chủ nhật tháng Bảy, lúc ngôi nhà bỗng nhiên trống hoác, và chỉ có chúng tôi ở đó, và bụng tôi như có lửa – bởi vì “lửa” là từ đầu tiên và dễ nhất đến với tôi trong buổi tối đó, lúc tôi cố cất nghĩa nó trong nhật ký. Tôi đã chờ, chờ mãi trong phòng mình, dính chặt trên giường trong một trạng thái hoang tưởng gồm nỗi kinh hoàng và mong đợi. Không phải là ngọn lửa đam mê, không phải là ngọn lửa tàn phá, mà là thứ gì đó gây tê liệt, giống như lửa từ những quả bom chùm hút dưỡng khí xung quanh, rồi để lại ta hỗn hển vì như vừa bị đá vào bụng và một khoảng ngạt đã xé mọi mô phổi sống và làm khô miệng ta, và ta mong không ai cất tiếng, bởi tim ta bị nghẽn và đập nhanh tới nỗi nó sẽ bắn ra những mảnh gương sớm hơn bất kỳ thứ gì khác chảy qua các thất hẹp của nó. Lửa như nỗi sợ, nỗi hoảng loạn, biết đâu chỉ một phút thế này nữa thôi, tôi sẽ chết nếu anh không gõ cửa phòng mình, nhưng tôi sẽ chết còn sớm hơn nếu anh chẳng bao giờ gõ, hơn là gõ bây giờ. Tôi đã học cách để cửa sổ mái mở hờ, và tôi sẽ nằm trên giường, mặc mỗi áo choàng tắm, cả thân người tôi như rục lửa. Lửa như một lời cầu xin rằng, Làm ơn, làm ơn nói với tôi rằng tôi sai, nói với tôi rằng tôi tưởng tượng ra mà thôi, bởi vì không thể nào anh cũng cảm thấy vậy, và nếu đúng là anh thấy vậy thì anh là con người độc địa nhất trên đời. Rồi rốt cuộc một buổi chiều anh bước vào phòng tôi mà không gõ, như thể được những lời cầu nguyện của tôi với đến, và hỏi tại sao tôi không ở bãi biển cùng những người khác, và tất cả những gì tôi có thể nghĩ để nói, dù tôi

không thể khiến mình nói ra, Để được bên anh. Để được bên anh, Oliver. Mặc hay không mặc cái áo choàng tắm của tôi. Để được cùng anh trên giường tôi. Trên giường anh. Đó là giường của tôi trong những tháng khác của năm. Hãy làm những gì anh muốn với tôi. Hãy chiếm lấy tôi. Chỉ cần hỏi tôi có muốn không, và hãy hiểu câu trả lời anh sẽ nhận được, chỉ cần đừng để tôi nói không.

Và hãy nói với tôi rằng đêm đó không phải tôi mơ, lúc tôi nghe một tiếng động ngoài chiếu nghỉ gần cửa và đột nhiên biết rằng ai đó đang trong phòng mình, ai đó đang ngồi ở cuối giường mình, nghĩ, nghĩ, nghĩ, và rồi cuộc nhích về phía tôi và bây giờ đang nằm, không phải bên cạnh, mà là bên trên tôi, trong khi tôi nằm sắp bụng, và tôi thích đến nỗi không muốn liêu lĩnh làm bất cứ gì để cho thấy là mình đã bị đánh thức hoặc khiến anh đổi ý mà bước đi, nên tôi giả vờ mau ngủ, suy nghĩ, Đây không phải, không thể, không nên là một giấc mơ, bởi vì những từ ngữ đến với tôi trong khi tôi nhắm chặt mắt mình lại, là, Cảm giác này giống như được về nhà, được về nhà sau bao nhiêu năm tha hương giữa bọn Trojan và Lestrygonian, như được về nhà nơi mọi người đều như anh, nơi người ta biết, họ biết mà – như được về nhà bởi khi mọi thứ bừng sáng tỏ và đột nhiên ta nhận ra rằng suốt mười bảy năm rông tất cả những gì bạn làm là nghịch vớ vẩn với mối liên kết sai lầm. Đó là lúc tôi quyết định truyền đạt mà không hề nhúc nhích hay động cựa một cơ nào trên người, rằng tôi sẽ đầu hàng nếu anh ép, rằng tôi đã đầu hàng sẵn rồi, đã là của anh, tất cả của

anh, có điều đột nhiên anh biến mất và dù điều đó quá thật chứ không như mơ, vậy mà tôi bị thuyết phục rằng tất cả những gì tôi muốn kể từ ngày đó trở đi là anh làm đúng điều mà anh đã làm trong giấc ngủ của tôi.

Ngày hôm sau chúng tôi đang chơi đánh đôi, và trong khi giải lao, trong khi chúng tôi đang uống nước chanh dì Mafalda pha, anh quàng tay sang tôi rồi kẹp ngón cái và ngón trỏ vào vai tôi như bắt chước điệu bộ cái ôm mát-xa thân thiện – toàn bộ cử chỉ đó rất là thân thiện. Nhưng tôi như phải bùa, tôi giật người ra khỏi cái chạm của anh, bởi vì chỉ một thoáng nữa thôi tôi sẽ rã ra như món đồ chơi gỗ tí hon chỉ cần động vào dây nối là ụp xuống. Ngạc nhiên, anh xin lỗi và hỏi có phải anh ấn trúng “dây thần kinh hay gì đó không” – anh không có ý làm tôi đau. Nếu anh ngờ rằng anh làm tôi đau hoặc chạm tôi không đúng cách, hẳn anh đã cảm thấy rất là mất mặt. Tôi không hề muốn làm cho anh nản. Vậy mà tôi buột ra một câu, “Đau có đau,” và sắp sửa bỏ qua chuyện đó. Nhưng tôi lại nghĩ, nếu phản ứng đó không phải tại đau thì giải thích thế nào cho chuyện mình rũ anh ra một cách cộc cằn như vậy trước mặt các bạn tôi? Nên tôi làm ra vẻ mặt một người đang rất cố, nhưng không giấu được cái nhăn mặt đau đớn.

Tôi chưa từng biết rằng cái làm tôi phát hoảng cực độ lúc anh chạm chính là cái khiến các cô gái trinh giết mình khi được chạm vào lần đầu bởi người mà họ muốn: anh ta đánh thức những dây thần kinh mà họ chưa từng

biết là có tồn tại, và như vậy tạo ra những khoái lạc phiền phức hơn nhiều so với cảm giác họ tự chạm mình.

Anh vẫn có vẻ ngạc nhiên vì phản ứng của tôi, nhưng tỏ ý tin là vai tôi bị đau thật, trong khi tôi giấu giếm lý do. Đó là cách anh thả tôi ra khỏi tình thế khó xử, và cách anh giả vờ không hề biết tí gì về phản ứng của tôi. Về sau tôi biết rằng đó là khả năng sắc bén khi xử lý những tín hiệu mâu thuẫn, tôi không may mắn nghĩ ngờ rằng hẳn anh vốn đã nghĩ ngờ gì đó. “Nào, để tôi giúp cho.” Anh đang thử tôi và tiếp tục xoa vai tôi. “Thư giãn đi,” anh nói trước mặt mấy người kia. “Nhưng tôi đang thư giãn mà.” “Cậu cũng đỡ như cái băng ghế này vậy. Cảm nhận đi,” anh nói với Marzia, một trong những cô gái gần chúng tôi nhất. “Căng quá mà.” Tôi cảm nhận bàn tay cô gái trên lưng mình. “Đây,” anh ra lệnh, ấn lòng bàn tay phẳng của cô vào lưng tôi. “Thấy không? Cậu ta nên thả lỏng hơn nữa,” anh nói. “Cậu nên thả lỏng hơn nữa,” cô lặp lại.

Có lẽ trong chuyện này cũng như mọi chuyện khác, vì tôi không biết nói mẹo, tôi chẳng biết nói năng làm sao cả. Tôi thấy mình như một người vừa cầm vừa điếc, đến ngôn ngữ dấu hiệu cũng chẳng thể dùng. Tôi cứ lấp bấp đủ thứ để không phải nói thật ý mình. Đó là trình độ nói mẹo của tôi. Miễn là tôi có hơi để nói lại ý của người khác, thì may ra tôi thoát được. Không thì sự im lặng giữa chúng tôi rất có thể sẽ làm tôi bị lộ – cho nên ngay cả việc lấp bấp nói ra điều nhằm nhí nhất còn hay hơn sự im lặng. Im lặng sẽ làm lộ tôi. Nhưng cái chắc chắn

làm lộ tôi nhiều hơn nữa là sự cố gắng vượt thoát của tôi trước mặt những kẻ khác.

Nỗi tuyệt vọng trong lòng hẳn đã khiến vẻ ngoài của tôi thành ra gần như bất nhần hoặc thịnh nộ không lời. Một ý nghĩ chưa từng lướt qua đầu tôi là anh có thể nhầm hai cảm giác đó là nhắm vào anh.

Có lẽ cũng vì những lý do tương tự, mỗi lần anh nhìn tôi thì tôi lại nhìn đi chỗ khác: để giấu đi cái nhút nhát bị căng tức của tôi. Thêm một ý nghĩ nữa chưa từng lướt qua đầu tôi là anh có thể thấy sự tránh né của tôi mang tính xúc phạm, và đáp trả bằng cái liếc mắt hằn học thoáng khi.

Cái tôi hi vọng anh đã không nhận ra trong phản ứng thái quá của tôi khi anh nắm lấy mình lại là thứ gì khác. Trước khi vùng khỏi cánh tay anh, tôi biết rằng mình đã đầu hàng bàn tay anh, và suýt nữa đã dựa vào như thể muốn nói – như tôi từng nghe người lớn hay nói, chuyện xảy ra khi có người xoa bóp vai ta lúc đi qua ta phía sau lưng – Đứng dừng lại. Anh có nhận ra tôi đâu đã chỉ sẵn lòng đầu hàng mà còn hòa quyện vào thân thể anh?

Cảm giác đó cũng được ghi vào nhật ký của tôi vào buổi đêm: tôi gọi nó là “loạn nhịp”. Tại sao tôi lại loạn nhịp? Mà nó đã dễ đến như vậy – chỉ cần anh chạm vào chỗ nào trên người tôi là tôi sẽ hoàn toàn rùn rời, mất hết ý chí vậy sao? Đây có phải là hiện tượng điển hình mà người ta nói không?

Mà tại sao tôi không chịu cho anh thấy mình đã điển

cả hôn? Bởi tôi sợ chuyện có thể xảy ra sau đó? Hay tôi sợ anh sẽ cười nhạo mình, kể với mọi người, hoặc coi như không bởi cái cố là tôi còn quá trẻ nên chẳng biết mình đang làm gì? Hay lẽ nào anh có nghi ngờ – mà hể ai cùng pha mới nghi ngờ như vậy – và có thể làm tới? Tôi có muốn anh làm vậy không? Hay tôi ứng chuyện sống cả đời trong khao khát, miễn là hai chúng tôi tiếp diễn trò chơi bóng bàn này: không biết, không phải không biết, không phải là không không biết? Cứ lặng thinh, không nói gì cả, và nếu bạn không thể nói “được,” thì cũng đừng nói “không được,” chỉ nói “để sau.” Có phải vậy nên người ta mới dùng chữ “có lẽ” trong khi bụng họ muốn nói “được,” nhưng lại mong bạn sẽ nghĩ đó là “không” trong khi thực ra họ muốn nói, *Làm ơn hỏi tôi thêm lần nữa, rồi một lần nữa đi mà?*

Tôi nhớ lại mùa hè ấy, tôi đã luôn phải gắng gượng sống qua từng cơn “hừng hực” và “ngất ngư” đó, vậy mà cuộc đời vẫn ban cho tôi những khoảnh khắc tuyệt vời. Nước Ý. Mùa hè. Tiếng lũ ve sầu đầu giờ chiều. Phòng tôi. Phòng anh. Bao lơn của hai chúng tôi tách thế giới bên ngoài hẳn ra. Gió nhẹ phả qua vườn, len lên cầu thang, vào phòng tôi. Mùa hè đó tôi bắt đầu thích câu cá. Bởi vì anh thích. Thích chạy bộ. Bởi vì anh thích. Thích bạch tuộc, Heraclitus, *Tristan*. Mùa hè đó, tôi đã nghe tiếng chim, ngửi thấy mùi cây, hoặc cảm nhận làn hơi tỏa lên từ dưới đôi chân mình những ngày rực nắng, và bởi giác quan của tôi luôn thính nhạy nên tôi cũng tự động nhận thấy chúng tự động hướng tới anh.

Tôi có thể phủ nhận rất nhiều thứ – rằng tôi thêm chạm vào đầu gối và cổ tay anh khi chúng ngồi rặng dưới ánh mặt trời, hầu như chưa từng thấy ai như vậy; rằng tôi thích chiếc quần soóc tennis của anh dường như bị ố mãi một màu đất sét, mà sau nhiều tuần, màu ấy cũng trở thành màu da của anh; thích tóc anh càng ngày càng vàng, bắt nắng ngay cả khi mặt trời chưa mọc hẳn đầu ngày; thích chiếc áo sơ-mi dợn sóng màu xanh dương càng dợn sóng hơn khi anh mặc nó vào những ngày nhiều gió ở sân trong cạnh bể bơi, trên nếp vải là mùi da và mồ hôi, chỉ cần nghĩ tới bấy nhiêu là đủ khiến tôi cương rồi. Tất cả những điều này, tôi có thể phủ nhận hết. Rồi tin vào những lời phủ nhận của mình.

Nhưng có một thứ cho tôi biết có gì đó mạnh mẽ hơn cả mà tôi muốn có từ anh, đó là sợi dây chuyền vàng có mặt ngôi sao Do Thái cùng quyển kinh thánh trên cổ anh. Bởi vì vật đó kết nối chúng tôi và nhắc tôi nhớ rằng trong khi mọi thứ vào hòa với nhau để biến chúng tôi thành hai con người khác nhau nhất, thì ít nhất có điều này vượt lên mọi khác biệt. Tôi nhìn thấy ngôi sao của anh gần như lập tức vào ngày đầu anh tới nhà tôi. Và kể từ giây phút đó tôi biết rằng điều khiến tôi bối rối và khiến tôi kiếm tìm sự bầu bạn từ anh mà chưa từng mong tìm ra cách ghét anh, điều này lớn hơn bất kỳ thứ gì mà hai chúng tôi có thể mong muốn từ nhau, lớn hơn và do đó tốt hơn tâm hồn anh, thân thể tôi, hoặc chính cõi nhân gian. Bắt đầu từ cổ anh cùng với ngôi sao và vật hộ mạng làm lộ chân tướng đó, cũng giống như bắt đầu

từ một thứ gì đó phi thời gian, cổ xưa, bất tử trong tôi, trong anh, trong cả hai, van nài được làm sống lại, được khơi thức từ trong giấc ngủ ngàn năm.

Điều đánh đổ tôi là anh dường như không quan tâm hay nhận ra là tôi cũng đeo sợi dây chuyền ấy. Cũng như rất có thể anh vừa không quan tâm, vừa không nhận ra mỗi lần mắt tôi nhìn dọc theo chiếc áo choàng tắm và cổ muông tượng ra đường nét của vật biến chúng tôi thành hai kẻ thân thuộc giữa chốn xa lạ.

Ngoại trừ gia đình tôi, rất có thể anh là người Do Thái duy nhất khác từng đặt chân tới B. Nhưng không như nhà tôi, anh cho bạn thấy điều đó ngay từ đầu. Nhà tôi không phải dân Do Thái lộ liễu. Chúng tôi mang dấu hiệu Do Thái giáo như mọi người khác trên khắp cõi đời: dưới lần áo, không giấu giếm, nhưng được cất đi. “Do Thái giáo thận trọng,” như lời mẹ tôi nói. Việc nhìn thấy ai đó hiển lộ là theo Do Thái giáo trên cổ như Oliver làm lúc anh chụp một trong những chiếc xe máy của chúng tôi rồi phóng vào phố, áo phanh rộng khiến chúng tôi sốc ngang giữa với chuyện việc ấy cho thấy chúng tôi có thể làm y hệt mà chẳng bị gì cả. Tôi thử bắt chước anh vài lần. Nhưng tôi e dè quá đỗi, giống như một người cố cảm thấy tự nhiên trong lúc trần truồng đi loanh quanh trong căn phòng khóa kín, để rồi rốt cuộc bị hưng phấn bởi chính sự trần truồng của mình. Trong phố, tôi thử phô dấu Do Thái giáo với thái độ khoe khoang thâm lặng, mà thái độ này xuất phát từ nỗi ngượng ngập kìm nén hơn là sự hung hăng. Không phải anh. Đâu phải anh

không nghĩ tới chuyện anh là dân Do Thái, hoặc tới cảnh sống của dân Do Thái trong một đất nước Công giáo. Thi thoảng chúng tôi chỉ nói về mỗi chuyện này vào những buổi chiều dài thướt, khi cả hai đặt công việc qua một bên và thoải mái trò chuyện, trong khi người nhà tôi và khách khứa đều đã lảng vào các phòng ngủ trống để nghỉ vài giờ. Anh đã sống đủ lâu nơi những thị trấn nhỏ vùng New England để biết cái cảm giác người Do Thái lạc lõng. Nhưng Do Thái giáo chưa bao giờ gây khó cho anh như nó gây khó cho tôi, và nó cũng không phải một chủ đề gây khó chịu trường cửu, siêu hình với anh và cõi đời. Nó cũng chẳng dung dưỡng lời hứa thệ bí ẩn, ngầm hiểu nào về tình huynh đệ mang tính cứu rỗi. Và có lẽ đây là lý do anh không bị khó chịu với chuyện là người Do Thái. Anh ổn thỏa với bản thân mình, cái cách anh ổn với cơ thể, với diện mạo, với cú đánh bóng tay trái tuyệt hảo, với những lựa chọn sách, nhạc, phim, và bè bạn. Anh ổn với chuyện mất cây viết Mont Blanc được thưởng. “Tôi mua một cây khác giống vậy là được.” Anh cũng ổn với chuyện bị phê bình. Anh cho cha tôi xem vài trang mà anh tự hào viết được. Bố tôi nói với anh rằng những nhìn nhận của anh về Heraclitus là sáng suốt, nhưng cần viết lại cho rõ ràng, rằng anh cần chấp nhận bản chất nghịch lý trong cách tư duy của triết gia, chứ không chỉ đơn giản giải thích nó. Anh ổn với chuyện viết lại cho rõ ràng, anh ổn với chuyện nghịch lý. Trở lại tấm bảng vẽ, anh cũng ổn với tấm bảng vẽ. Anh mời người cô trẻ của tôi đi tâm tình lúc nửa đêm trên chiếc xuống máy của chúng tôi.

Người cô từ chối. Chuyện đó ổn. Vài ngày sau anh lại mời, bị từ chối lần nữa, rồi lại coi như không. Cô chịu quá đi chứ, và nếu mà cô ở với chúng tôi thêm một tuần thì rất có thể cũng chịu ra biển để tâm tình lúc nửa đêm, để có khi tới tận lúc mặt trời mọc.

Ngay trong những ngày đầu ấy, duy có một lần tôi có cảm giác cái anh chàng hăm bốn tuổi cương quyết, tử tế, thoải mái, ngoài tầm kiểm soát, bình thản, tỉnh bơ này, anh ta ổn với bao nhiêu chuyện trong đời, nhưng thực ra lại là một người xét đoán tính cách và tình hình rất chi tinh táo, lạnh lùng và sắc sảo. Cái gì anh làm cũng được tính toán thâm sâu. Anh nhìn thấu suốt mọi người, nhưng anh nhìn họ chuẩn xác vì cái đầu tiên anh tìm kiếm ở những con người chính là cái điều anh đã thấy trong chính mình và không muốn kẻ khác thấy. Có lần mẹ tôi bức dọc biết được rằng anh là một tay chơi bài poker siêu hạng, hay lén xuống phố lúc đêm khoảng hai lần mỗi tuần để “làm vài ván”. Đây là lý do anh nhất mực mở tài khoản ngân hàng ngay ngày đầu tiên tới đây, điều khiến chúng tôi sửng sốt. Không người dân nào trong vùng từng mở tài khoản ngân hàng. Hầu hết đều nghèo kiệt.

Có chuyện xảy ra một bữa ăn trưa nọ, khi ấy bố tôi mời một nhà báo từng học lõm bõm triết học thời trẻ và muốn khoe mẽ, dù ông ta chưa hề viết về Heraclitus, ông ta vẫn tán được khối chuyện. Ông ta và Oliver chẳng ưa gì nhau được ngay. Sau đó, bố tôi nói, “Một gã thật dí dỏm, mà cũng cực thông minh.” “Ông nghĩ vậy thật à,

chuyên gia?” Oliver cắt ngang, đâu biết rằng bố tôi, vốn là người rất dễ tính, không phải lúc nào cũng ưa bị cãi lại, còn bị gọi là “chuyên gia” thì khỏi phải nói, dù rằng bố chấp nhận cả hai điều ấy. “Đúng, tôi nghĩ vậy,” bố tôi cả quyết. “Chà, tôi thì không đồng ý mấy. Tôi thấy gã là kẻ xấu xược, tối dạ, cứng đầu, lại lỗ mãng. Gã viện tới khiếu khôi hài và giọng to” – Oliver nhại cử chỉ trịnh trọng của ông ta – “cùng với cử chỉ khoa trương để thuyết phục người nghe, vì bản thân gã không biết tranh luận cái gì cả. Giọng gã cũng quá lớ nữa, chuyên gia ạ. Người ta cười sự khôi hài của gã, nhưng không phải tại gã hài, mà vì gã truyền tải cái ham thích muốn được vui nhộn của mình. Khiếu khôi hài của gã chẳng qua chỉ là mách để giành cảm tình của những người hèn không thuyết phục nổi.

“Nếu ông vừa nói vừa nhìn gã, gã luôn quay đi, gã không nghe, gã chỉ muốn nói những điều đã dợt trong lúc ông nói và gã muốn nói ra trước khi quên bống.”

Làm sao mà một người có thể trực cảm được tư duy của ai đó, trừ khi chính người này đã quen thuộc với cách tư duy như vậy? Làm sao anh ta có thể nhận biết những mách lối ranh ma của kẻ khác trừ khi chính anh ta đã từng tập luyện như vậy?

Điều khiến tôi kinh ngạc không phải là thiên khiếu của anh trong việc nhìn nhận con người, đi guốc trong bụng họ, rồi moi ra cái mô tả chính xác về tính cách của họ, mà là khả năng anh trực cảm sự việc theo chính xác cái cách mà tôi có thể trực cảm được. Điều này về sau là thứ bức ép tôi gần lại anh mạnh hơn cả ham muốn hay

tình bạn hay sự quyến rũ của việc cùng tôn giáo. “Hay là ta xem một bộ phim?” Một tối nọ anh buột miệng hỏi khi mọi người đang ngồi cùng nhau, cứ như anh thành lĩnh bất được một giải pháp để giải khuây cho một đêm ngồi nhà sắp thành ra tẻ ngắt. Chúng tôi vừa rời bàn ăn, khi này bố tôi theo thói thường dạo này đã giục tôi đi chơi thường hơn với bạn bè, nhất là vào buổi tối. Suýt nữa thì thành cả tràng giảng thuyết. Oliver vẫn còn mới mẻ, chẳng biết ai nơi phố, nên chắc tôi có vẻ là một người bạn đi xem phim như mọi người khác. Nhưng anh hỏi câu này quá đỗi bất chợt, cứ như anh muốn tôi và mọi người ở phòng khách biết rằng anh chẳng mặn mà gì chuyện đi xem phim, anh sẵn lòng ngồi nhà mà xem bản thảo. Tuy vậy, lời đề nghị bằng giọng vô tư của anh cũng là cái nháy mắt với bố tôi: anh chỉ vờ rằng bất chợt nảy ra ý đó; thực ra, để tôi khỏi nghi ngờ, khi này anh có hỏi lời khuyên của bố tôi bên bàn ăn và đề nghị đi xem chỉ vì có lợi cho tôi.

Tôi mỉm cười, không cười vì lời đề nghị, mà cười cái thủ đoạn lợi hại kia. Anh lập tức bắt gặp nụ cười của tôi. Khi thấy rồi, cười lại, gần như tự giễu, cảm nhận rằng nếu anh tỏ bất kỳ dấu hiệu nào đoán biết là tôi đã biết tông thủ đoạn ấy thì anh sẽ thừa nhận tội lỗi; nhưng bởi anh không chịu thừa nhận sau khi tôi đã tỏ rõ rằng mình sẽ phá thủ đoạn ấy, nụ cười của anh lại càng buộc tội anh hơn nữa. Vậy nên anh mỉm cười để thú nhận rằng mình bị bắt quả tang, nhưng cũng để cho thấy anh là một người đủ độ lượng để thừa nhận mà vẫn tận

hường được chuyện đi xem phim cùng tôi. Việc ấy làm tôi phần khích.

Hoặc có lẽ chẳng, nụ cười của anh là cách để anh ăn miếng trả miếng chuyện tôi biết tổng, với sự ngẫm hiểu rằng, dù anh bị bắt quả tang khi ra về hồ hững khi đề nghị, anh cũng tìm thấy gì đó *trong tôi* để mà mỉm cười – cụ thể là cái khoái trá sắc sảo, tinh ranh, tội lỗi mà tôi có được từ chuyện tìm ra quá nhiều mối tương đồng tính cách giữa chúng tôi. Hoặc có lẽ chẳng có gì hết, có lẽ tôi đã dựng chuyện cũng nên. Nhưng cả hai đều biết người kia đã thấy gì. Buổi tối đó, lúc chúng tôi đi xe cùng nhau tới rạp phim, tôi đã – và tôi không thêm giấu giếm – vui phơi phới.

Vậy đó, với bấy nhiêu thấu hiểu, lẽ nào anh *không* nhận biết được ý nghĩa đằng sau chuyện tôi thỉnh linh giật người khỏi tay anh? *Không* nhận biết rằng tôi đã tựa vào cái nắm của anh? *Không* biết rằng tôi không muốn anh thả tôi ra? *Không* cảm nhận rằng lúc anh bắt đầu xoa bóp tôi, chuyện tôi không thả lỏng được là nơi ẩn náu sau cùng của tôi, sự phòng ngự sau cùng của tôi, sự giả vờ sau cùng của tôi, bởi tôi không thể chống cự và sẽ không bao giờ muốn chống cự, bất kể anh có làm gì hay đòi tôi làm gì chẳng nữa? *Không* biết là khi tôi ngồi trên giường buổi chiều chủ nhật ấy trong nhà chẳng còn ai ngoại trừ hai chúng tôi, nhìn anh bước vào phòng mà hỏi sao tôi không cùng ra biển với những người kia, rằng nếu tôi từ chối trả lời mà chỉ nhún vai khi anh nhìn chằm chằm, đơn giản chỉ là tôi không thể đủ hơi để mà cất tiếng, rằng

nếu tôi mà cất lên một tiếng thôi là sẽ thành lời thú nhận tuyệt vọng hoặc cơn nức nở – cái này hoặc cái kia. Chưa từng có ai kể từ thời thơ ấu khiến tôi xúc động đến vậy. Bị dị ứng, tôi nói. Tôi cũng vậy, anh đáp. Rất có thể chúng tôi kỵ cùng thứ. Lần nữa tôi lại nhún vai. Anh cầm con gấu bông của tôi trên một tay, xoay mặt nó vào anh, rồi thì thầm gì đó vào tai nó. Xong thì xoay mặt con gấu về phía tôi mà hỏi, “Sao vậy? Cậu buồn.” Lúc đó hẳn anh đã để ý cái quần tắm tôi đang mặc. Nó có trễ xuống quá không? “Muốn đi bơi không?” anh hỏi. “Có lẽ để sau,” tôi nói, vọng lại chữ của anh nhưng cũng đang cố nói càng ít càng tốt trước khi anh nhận ra tôi hụt hơi. “Đi liền đi.” Anh giơ tay ra để giúp tôi dậy. Tôi nắm lấy và quay mặt vào tường né tránh để anh khỏi nhìn thấy mình, tôi hỏi, “Phải đi sao?” Đây là câu gần nhất tới ý tôi muốn nói, Ở lại đi. Ở lại đây với tôi. Tôi sẽ không gây động, sẽ không kể với ai.

Anh không bắt được tín hiệu nào cả sao?

Anh bảo là sẽ thay đồ, rồi bước khỏi phòng tôi. “Tôi gặp cậu dưới lầu.” Khi nhìn xuống quần của mình, tôi hết hồn thấy nó ướt. Anh có thấy không? Chắc chắn anh đã thấy. Đó là lý do anh muốn chúng tôi ra bãi biển. Đó là lý do anh bước khỏi phòng tôi. Tôi đắm nắm tay vào đầu mình. Sao tôi lại có thể bất cẩn, vô ý, hoàn toàn ngu ngốc như vậy? Tất nhiên là anh đã thấy.

Lẽ ra tôi đã phải học cách xử thế của anh. Nhún vai – và ổn với chuyện kèm lại. Nhưng tôi không thể. Tôi chẳng thể nào tự hỏi, Ừ anh ấy thấy thì sao? Giờ thì anh biết rồi.

Có một điều chưa từng nảy ra trong đầu tôi. Một người khác sống chung nhà, chơi bài với mẹ tôi, dùng điểm tâm và bữa khuya ở bàn chúng tôi, đọc kinh Do Thái vào các thứ sáu chỉ để cho vui, ngủ trên một trong những chiếc giường của chúng tôi, dùng khăn tắm của chúng tôi, chia sẻ bè bạn của chúng tôi, xem ti-vi với chúng tôi vào những ngày mưa trong phòng khách trong cùng tấm chăn bởi vì trời lạnh và chúng tôi thấy rất dễ ấm áp ở hết bên nhau trong khi nghe tiếng mưa lộp độp trên cửa sổ. Người khác đó ngay trong thế giới gần gũi của tôi có thể thích cái tôi thích, muốn cái tôi muốn, là người giống như tôi. Điều này chưa từng nảy ra trong đầu tôi vì tôi vẫn bị cái ảo tưởng, trừ những gì tôi đọc trong nhiều quyển sách, phỏng đoán dựa theo lời đồn đại, và nghe lồm bồm những chuyện văn tục tiêu đây đó, không có ai ở tuổi tôi từng muốn làm vừa đàn ông, vừa đàn bà – cùng với những đàn ông và đàn bà. Nhưng trước khi anh bước khỏi chiếc taxi rồi bước vào ngôi nhà của chúng tôi, khó mà có vẻ khả dĩ rằng có người quá ổn thỏa với chính mình có thể muốn tôi chia sẻ thân thể của anh ta nhiều như tôi khao khát hiến dâng thân thể mình.

Và vậy mà chừng hai tuần sau khi anh đến, hàng đêm tôi đều muốn anh rời phòng, không phải bằng cửa phòng, mà là qua cửa sổ hai cánh trên ban công. Tôi muốn nghe tiếng cửa sổ của anh mở ra, tiếng giày vãi của anh trên ban công, và rồi tiếng cửa sổ phòng tôi, nơi chẳng bao giờ khóa, được đẩy mở ra khi anh bước vào lúc mọi người đã đi ngủ hết, lên vào dưới chăn của tôi, cời đồ

tôi mà không hỏi, rồi sau khi khiến tôi muốn anh nhiều hơn mức tôi có thể muốn bất kỳ một linh hồn nào, nhẹ nhàng, êm ái, và khoan hòa một người Do Thái dành cho kẻ đồng đạo khác, đi vào trong thân thể tôi, nhẹ nhàng và êm ái, sau khi lắng nghe những chữ tôi đã dợt nhiều ngày rồi, Xin đừng làm tôi đau, có nghĩa là, Cứ cho tôi đau như anh muốn.

Ban ngày, tôi hiếm khi ở trong phòng mình. Thay vào đó, vài mùa hè qua tôi đã chiếm riêng cái bàn tròn có dù che ở sân sau cạnh bể bơi. Pavel, một khách trú mùa hè trước, thích làm việc trong phòng, thi thoảng bước ra ban công để thoáng nhìn biển hay hút một điếu thuốc. Trước anh ta, Maynard cũng làm việc trong phòng đó. Oliver cần bầu bạn. Anh bắt đầu với việc cùng ngồi ở cái bàn của tôi, nhưng sau lại thích tung một tấm trải lớn xuống mặt cỏ rồi nằm, tựa vào những trang rời bản thảo và cái mà anh gọi là “đồ lễ”: nước chanh, kem rám nắng, sách, giày vải, kính râm, bút màu, và nhạc mà anh nghe bằng tai đeo, cho nên ta không thể nói gì với anh trừ khi anh nói với ta trước. Thi thoảng khi tôi xuống lầu với cuốn sổ ghi điểm thể thao hay sách khác vào buổi sáng, anh đã nằm ườn ra, trên người là quần bơi màu đỏ hoặc vàng, và mồ hôi. Chúng tôi sẽ chạy bộ hay bơi, rồi về thì thấy bữa sáng đã sẵn. Rồi anh có thói quen để lại “đồ lễ” trên cỏ và nằm trên mép lát gạch của bể bơi – chỗ gọi là “thiên đàng,” rút gọn của câu “Nơi này là thiên đàng,” như anh hay nói sau bữa ăn trưa. “Giờ tôi tới thiên đàng đây,” rồi nói thêm như một kiểu đùa chỉ người nghiên

cứu tiếng Latinh hiểu, “để sưởi nắng.” Chúng tôi trêu đùa anh chuyện bơi đầy kem râm nắng rồi nằm chính xác ở một vị trí dọc bể bơi vô khối tiếng đồng hồ. “Sáng nay cậu ở *thiên đường* bao lâu?” mẹ tôi sẽ hỏi vậy. “Hai giờ liền. Nhưng tôi định về sớm chiều nay để sưởi nắng lâu hơn nhiều.” Đi tới *góc nhỏ thiên đường* cũng có nghĩa là nằm ngửa dọc rìa bể bơi, một chân đóng đũa dưới nước, đeo tai nghe và chụp cái nón rơm trên mặt.

Đây là người chẳng thiếu một thứ gì. Tôi không hiểu được cảm giác này. Tôi ghen tị với anh ta.

“Oliver, anh đang ngủ à?” Khi không khí bên bể bơi trở nên tĩnh mịch, yên ả đến mức gây mê mụ.

Lặng thinh.

Rồi lời đáp của anh sẽ đến, gần như tiếng thở dài, người anh không nhúc nhích một cơ nào. “Tôi đã.”

“Xin lỗi.”

Bàn chân dưới nước kia – tôi có thể hôn lên từng ngón một. Rồi hôn mắt cá và đầu gối anh. Tôi đã nhìn chăm chăm vào chiếc quần bơi của anh bao lần những khi cái nón che mặt anh? Anh đâu thể biết tôi đã nhìn cái gì.

Hoặc:

“Oliver, anh đang ngủ à?”

Im lặng hồi lâu.

“Không. Đang nghĩ.”

“Về điều gì?”

Ngón chân anh búng nước.

“Về một đoạn Heidegger diễn dịch Heraclitus.”

Hoặc khi tôi không tập đàn guitar và anh không đeo tai nghe, vẫn nón rơm đầy mặt, anh sẽ thành linh phá vỡ im lặng:

“Elio ơi?”

“Sao?”

“Cậu đang làm gì vậy?”

“Đọc.”

“Làm gì có.”

“Vậy thì đang nghĩ.”

“Nghĩ gì?”

Tôi muốn nói với anh chết đi được.

“Bí mật,” tôi đáp.

“Vậy là cậu không kể à?”

“Vậy là tôi sẽ không kể.”

“Vậy là người đó sẽ không kể,” anh lặp lại một cách trầm ngâm, như thể đang giải thích với ai đó về tôi.

Tôi rất thích cách anh lặp lại điều tôi vừa lặp lại. Nó khiến tôi nghĩ tới sự mơn trớn, hoặc một cử chỉ xảy ra hoàn toàn tình cờ lần đầu nhưng đến lần thứ hai là cố ý, lần thứ ba càng cố ý hơn. Nó làm tôi nhớ tới cách dì Mafalda chuẩn bị giường cho tôi mỗi đêm, đầu tiên là xếp tấm đắp lên trên chăn, rồi xếp tấm ga phủ gối trên chăn, rồi một lần nữa dì gấp tất cả lên khung giường – gấp qua gấp lại cho tới khi tôi biết rằng gói giữa nhiều lớp gấp kia là những kỷ vật của điều gì đó thành kính

và khoan dung, giống như sự nhu thuận đáp lại một khoảnh khắc yêu thương.

Những buổi chiều ấy luôn tĩnh mịch một cách êm đềm và khẽ khàng.

“Tôi không nói đâu,” tôi đáp.

“Vậy thì tôi ngủ lại đây,” anh sẽ đáp.

Tim tôi đập dồn. Hẳn anh đã biết.

Lại im phắc. Lát sau:

“Đây là thiên đường”

Và tôi sẽ không nghe anh nói chữ nào suốt ít nhất là một giờ nữa.

Tôi thích nhất trên đời là được ngồi cạnh bàn, nghiền ngẫm bản chuyển biên nhạc trong khi anh nằm úp bụng, đánh dấu những trang anh lấy mỗi sáng từ Signora¹ Milani, người biên dịch của anh ở B.

“Nghe này,” thi thoảng anh nói vậy, gõ tai nghe ra, phá vỡ bầu im lặng ngọt ngào của những buổi sáng dài oi ả. “Nghe thử đoạn ngớ ngẩn này xem.” Rồi anh sẽ đọc to gì đó mà anh tin là anh đã viết vài tháng trước.

“Cậu có hiểu ra ý nghĩa gì không? Tôi thì không.”

“Có lẽ lúc anh viết nó thì có,” tôi đáp.

Anh ngẫm ngợi một lúc như đang cân nhắc lời tôi.

“Mấy tháng rồi mới được nghe một câu tử tế như vậy” – câu này được thốt lên thành khẩn, cứ như anh vừa đạt tới một huyền ngộ nào đó và nghĩ lời tôi hàm ngôn hơn

1 Signora: tiếng gọi trang trọng một phụ nữ Ý

tôi tưởng. Tôi thấy dễ chịu, nhìn chỗ khác, rồi sau cùng khẽ nói điều đầu tiên hiện ra trong trí. “Tử tế sao?” Tôi hỏi.

“Ừ, tử tế.”

Tôi không hiểu tử tế thì liên quan gì. Hoặc có lẽ tôi không rõ câu chuyện sẽ dẫn tới đâu và muốn bỏ qua nó. Lại im lặng. Tôi lần tiếp theo anh nói.

Tôi thích những lúc anh phá vỡ bầu im lặng giữa chúng tôi để nói gì đó – bất cứ gì – hoặc hỏi tôi nghĩ gì về X, hoặc có từng nghe tới Y chưa. Chưa từng có ai trong số người nhà hỏi ý kiến tôi về bất cứ điều gì. Nếu anh vẫn chưa nghĩ ra tại sao, thì anh sẽ biết sớm thôi – không sớm thì muộn anh cũng sẽ theo quan điểm mọi người rằng tôi là đứa trẻ nít trong gia đình. Vậy mà đây, tuần thứ ba anh ở cùng chúng tôi rồi, hỏi tôi tôi có từng nghe tới Athanasius Kircher, Giuseppe Belli, và Paul Celan.

“Có nghe.”

“Tôi già hơn cậu gần một con giáp, vậy mà mới vài ngày trước tôi mới nghe tới tên họ. Tôi không hiểu.”

“Có gì khó hiểu? Ông già làm giáo sư đại học. Tôi lớn lên không có ti-vi. Hiểu rồi chứ?”

“Thôi trở lại với tiếng đàn tưng tưng của cậu đi!” anh nói cứ như đang cuộn một cái khăn rồi ném đũa mặt tôi.

Tôi cũng thích cả cách anh bảo tôi thôi đi.

Ngày nọ, trong lúc dời cuốn vở trên bàn, tôi vô tình làm đổ cái ly. Nó rơi xuống cỏ. Không vỡ. Oliver đang ở gần đó, đứng dậy, nhặt nó lên, rồi đặt nó không phải trên bàn mà là ngay cạnh mấy trang giấy của tôi.

Tôi không biết dùng từ ngữ nào để cảm ơn anh cho vừa.

“Phiền anh quá,” rốt cuộc tôi nói.

Anh chờ vừa đủ một chốc để tỏ ý rằng lời đáp của anh không hề hững hay vô tâm.

“Tôi muốn vậy.”

Anh muốn vậy, tôi nghĩ.

Tôi muốn vậy, tôi tưởng tượng anh lặp lại – tử tế, ân cần, dạt dào, có lúc đột nhiên anh như vậy.

Đối với tôi thời gian bên cái bàn gỗ trong vườn nhà có cái dù lớn thưa che mớ giấy của tôi, tiếng đá viên lóc cốc trong bình nước chanh, tiếng sóng vỗ không xa lắm ập vào mớ đá tảng bên dưới, và xa xa từ vài căn nhà kế cận, loáng thoáng vẳng ra tiếng mấy bài nhạc đang thịnh cử chơi đi chơi lại – tất cả những thứ này mãi khắc ghi vào những buổi sáng ấy, khi tôi chỉ muốn thời gian ngừng trôi. Hãy cho mùa hè còn mãi, đừng bao giờ để anh ra đi, hãy cho tiếng nhạc kia còn vang mãi, tôi chỉ đòi hỏi bấy nhiêu, và tôi thể mình sẽ không đòi hỏi gì thêm.

Tôi đã muốn gì? Và tại sao tôi không thể biết cái tôi muốn, ngay cả khi tôi hoàn toàn sẵn sàng thú nhận một cách dữ dội?

Có lẽ điều tôi ít muốn nghe anh nói nhất là tôi chẳng bị sao cả, tôi không hề kém người hơn bất kỳ ai trạc tuổi tôi. Tôi sẽ hài lòng và chẳng đòi hỏi gì khác, còn hơn là anh sẽ cúi xuống mà cứu vãn lòng tự trọng mà tôi đã ném xuống chân anh dễ như không.

Tôi là Glaucus, còn anh là Diomedes¹. Theo một nghi thức khó hiểu giữa đàn ông với nhau, tôi trao cho anh bộ giáp vàng để lấy giáp đồng của anh. Vậy là công bằng. Không ai mặc cả, cũng như không ai nói tới thiệt hơn.

Trong tâm trí hiện ra chữ “tình bạn”. Nhưng tình bạn theo định nghĩa của mọi người là thứ xa lạ, chẳng mấy ích lợi mà tôi chẳng hề bận tâm. Thay vào đó, có lẽ điều tôi muốn kể từ giây phút anh xuống khỏi chiếc xe taxi cho tới lần vĩnh biệt ở Rome của chúng tôi là điều mà mọi con người đòi hỏi từ một kẻ khác, điều làm cho cuộc đời này đáng sống. Hẳn là nó xuất phát từ anh trước. Rồi có lẽ từ tôi.

Có một quy luật ở đâu đó nói rằng khi một người si mê ai thật đắm đuối, người kia thể nào cũng si mê trở lại. *Amor ch'a null'amato amar perdona*. Ái tình khiến người được yêu cũng phải yêu, lời của Francesca trong *Inferno*. Chỉ cần chờ đợi và hi vọng. Tôi đã tràn đầy hi vọng, dù có lẽ đây là điều tôi luôn muốn – chờ đợi mãi mãi.

Buổi sáng, trong khi tôi ngồi cải biên nhạc ở cái bàn tròn, điều tôi chấp nhận không phải là tình bạn của anh,

1 Glaucus và Diomedes: Trong tác phẩm *Iliad* của Homer, Glaucus gặp Diomedes giữa chiến trường. Đáp lại lời thách thức của Diomedes, Glaucus nói rằng anh là cháu trai của Bellerophon, anh sẽ chiến đấu với bất kỳ kẻ nào. Khi biết tên người ông của Glaucus, Diomedes cảm giáo xuống đất, bảo rằng ông của anh là Oeneus khi xưa là bạn thân của Bellerophon, rồi tuyên bố rằng dù họ có nghịch chiến tuyến nhưng vẫn nên tiếp tục tình bằng hữu. Để tỏ thiện ý, Diomedes cởi bộ giáp đồng đáng giá 9 con bò đực trao cho Glaucus. Glaucus khi ấy bị thần Zeus tước mất trí khôn, liền trao cho bộ giáp vàng đáng giá 100 con bò đực cho Diomedes.

không gì cả. Chỉ cần nhìn lên và thấy anh ở đó, kem rám nắng, mũ rơm, quần tằm màu đỏ, nước chanh. Nhìn lên và thấy anh thôi, Oliver. Bởi sẽ có một ngày tôi nhìn lên và anh chẳng còn đó nữa.

Gần trưa, bạn bè và xóm giềng từ những ngôi nhà kế cận thường ghé qua. Mọi người sẽ tụ tập trong vườn của chúng tôi, rồi cùng nhau đi xuống bãi biển bên dưới. Ngôi nhà chúng tôi gần biển nhất, và bạn chỉ cần mở cánh cổng con con cạnh dàn chắn song, men theo dãy bậc thêm hẹp xuống dốc là tới chỗ rặng đá. Chiara, một trong những đứa con gái mới ba năm trước còn thấp bé hơn tôi, và mới mùa hè rồi nàng quần tôi như sam, giờ đã trở thành một phụ nữ rành rỏi cái nghệ thuật khi chào khi không trong những lúc chạm mặt. Có lần nàng với chị gái ghé nhà với những người khác, nhặt chiếc áo sơ-mi của Oliver trên cỏ, ném nó vào anh rồi nói, “Thôi đi. Mọi người ra biển đây, anh phải theo.”

Anh sẵn sàng phục tùng. “Để tôi cất mớ giấy tờ đi đã. Không thì bố cậu ta” – tay cầm mớ giấy, anh hất hàm về phía tôi – “ông già lột da tôi mất.”

“Nói tới da, lại đây nào,” nàng nói, rồi đưa móng tay nhẹ nhàng, chạm rai kéo một miếng da tróc trên đôi vai rám nắng của anh, vốn đã ngả sang sắc vàng của đồng lúa mì cuối tháng Sáu. Ước chi tôi làm được vậy.

“Anh nói với ông là em vò giấy của ông đó. Xem ông nói gì.”

Oliver để bàn thảo lại trên bàn ăn lớn khi đi lên lầu. Cầm lên nhìn qua, Chiara hét lên từ bên dưới rằng nàng

có thể dịch mấy trang đó tốt hơn cô biên dịch trong vùng. Cùng cảnh ngộ làm con của những người xa quê hương như tôi, Chiara có mẹ là người Ý và bố người Mỹ. Nàng nói tiếng Anh và Ý với cả hai.

“Em đánh máy cũng tốt chứ?” Anh nói từ trên lầu trong lúc lục lọi tìm đồ tắm trong phòng ngủ, rồi trong buồng tắm, đóng rầm cửa, dập ngăn kéo, xỏ giày.

“Em đánh tốt mà,” nàng hét, nhìn lên cầu thang trống không.

“Tốt như em nói không vậy?”

“Tốt hơn. Mà em lấy giá cũng rẻ hơn luôn.”

“Anh cần năm trang dịch mỗi ngày, sẵn sàng mỗi buổi sáng.”

“Vậy thì thôi thôi,” Chiara ngắt lời. “Đi mà tìm người khác ấy.”

“À thì Signora Milani cần tiền,” anh vừa nói vừa xuống lầu, áo sơ-mi dọn sóng màu xanh dương, giày vải, quần ngắn màu đỏ, kính râm và quyển Lucretius ấn bản đỏ của Loeb luôn kề bên người. “Tôi ổn với cô ấy,” anh nói trong khi bôi chút kem lên hai vai.

“Tôi ổn với cô ấy,” Chiara cười khúc khích nói. “Tôi ổn với anh, anh ổn với tôi, cô ấy ổn với hẳn...”

“Đừng có làm hể nữa, đi bơi đi,” chị của Chiara nói.

Phải mất một dạo tôi mới nhận ra anh có bốn tính cách tùy thuộc vào chiếc quần tắm biển mà anh mặc. Biết được phải trông đợi cái gì khiến tôi có ảo tưởng là mình có chút lợi thế. Đò: táo bạo, cương quyết, rất người

lớn, gần như cộc cằn và nóng nảy – tránh xa ra. Vàng: sôi nổi, vui vẻ, tếu lâm, nhưng có khi ba gai – đừng tưởng bỏ, có thể biến thành đồ tức thì. Xanh lá, màu anh ít mặc: nhường nhịn, háo hức học hỏi, thích nói, tươi sáng – sao anh không như thế này mãi? Xanh dương: buổi chiều anh bước vào phòng tôi từ ban công, ngày anh xoa vai tôi, hoặc lúc anh nhặt cái ly rồi đặt xuống ngay bên tôi.

Hôm nay là đỏ: anh vội vã, cương quyết, gắt gỏng.

Trên đường ra, anh chop một trái táo từ cái tô lớn đựng trái cây, vui vẻ nói “Gặp sau, Bà P.” với mẹ tôi đang ngồi với mấy người bạn trong bóng râm, cả ba mặc đồ tắm, và thay vì mở cổng lối bậc thang hẹp ra bãi đá, anh nhảy qua luôn. Chưa từng có người khách trọ hề nào của chúng tôi vô tư như vậy. Nhưng vì đó mà ai cũng mến anh, cái cách người ta trở nên thích hai chữ *Gặp sau!*

“Được, Oliver, gặp sau, được,” mẹ tôi nói, cố dùng chữ của anh, thậm chí mẹ đã dần chấp nhận cái tên gọi mới là Bà P. . Hai chữ đó luôn có chút gì đường đột. Không phải là “Hẹn tái ngộ” hay “Bảo trọng nhé,” thậm chí chẳng bằng nổi chữ “Chào. *Gặp sau!*” là một lời chào kinh khủng, sỗ sàng, vứt hết những tế nhị dịu dàng Âu châu của chúng tôi. *Gặp sau!* luôn để lại cái hậu vị sắc lèm dù cho ngay trước đó có thể là giây phút nồng ấm, chân tình. *Gặp sau!* không khép lại sự tâm tình một cách gọn ghẽ hay để nó chệch hướng, mà là chấm dứt nó hẳn.

Nhưng *Gặp sau!* cũng là một cách để tránh nói lời tạm biệt, cách để làm dịu đi mọi lời tạm biệt. Bạn nói *Gặp sau!* không phải để tỏ ý chia xa, mà là tỏ ý bạn sẽ trở lại sớm

thôi. Cũng tương tự như cách anh nói “Chờ tí” khi lần nọ mẹ tôi nhờ anh đưa bánh mì mà anh đang bận rút xương cá trên đĩa của mình. “*Chờ tí.*” Mẹ tôi, người ghét cái thứ gọi là *chủ nghĩa Mỹ*, rất cuộc gọi anh là *Il cauboi – tên cao bồi*. Mỗi đầu chữ đó là để chê bai, và chẳng bao lâu sau trở thành cách gọi yêu, cùng với biệt danh khác mà mẹ ban cho anh trong tuần đầu tiên, lúc anh tắm tấp xong xuôi, xuống lầu ăn tối, mái tóc óng mượt chải ra sau. *La star*, mẹ nói, rút gọn của *la muvi star*. Bố tôi luôn là người khoan dung nhất, nhưng cũng là người tinh ý nhất, đã hiểu cái anh chàng cauboi này. “*É un tímido*, cậu ta nhút nhát,” ông nói khi người ta yêu cầu ông giải thích cái *Gặp sau!* gây phật ý của Oliver.

Oliver mà *tímido*? Cái này mới. Có lẽ nào cái chủ nghĩa Mỹ thô lỗ của anh chẳng hơn gì cái cách cường điệu che giấu sự thật đơn giản là anh không biết – hoặc sợ rằng anh không biết – làm sao để xin kiếu cho trang nhà? Điều này làm tôi nhớ tới chuyện anh từ chối ăn trứng chần vào buổi sáng. Tối ngày thứ tư hay thứ năm gì đó, dì Mafalda nài rằng anh không thể bỏ qua món trứng của chúng tôi mà rời được khỏi xứ này. Rốt cuộc anh chịu phép, chỉ để thừa nhận với một tí ti ngượng ngùng không giống ai mà anh chẳng thêm che giấu, rằng anh không biết đập vỏ trứng chần thế nào cho phải. “*Lasci fare a me, Signor Ulliva*, để tôi giúp,” dì nói. Từ buổi sáng đó trở đi và suốt trong thời gian anh ở cùng chúng tôi, dì cứ mang cho Ulliva hai quả trứng, ngừng phục vụ cho mọi người cho tới khi dì đã cắt xong vỏ hai quả trứng ấy.

Cậu muốn ăn nữa không nào? Dì hỏi. Có người thích ăn hơn hai quả. Không, hai là đủ rồi, anh đáp, rồi quay sang bố mẹ tôi nói thêm, “Tôi biết mình. Nếu tôi xơi ba trứng, tôi sẽ xơi trứng thứ tư, và hơn nữa.” Tôi chưa từng nghe ai ở tuổi anh nói cái câu *Tôi biết mình*. Câu đó làm tôi hãi.

Nhưng dì đã bị chinh phục từ lâu, vào buổi sáng thứ ba, lúc dì hỏi anh có thích uống nước quả buổi sáng không, và anh đáp rằng có. Có lẽ anh mong đó là nước cam hoặc nho; nhưng nhận được một vại lớn đầy tới miệng nước mơ đặc. Trong đời anh chưa từng uống nước mơ. Dì đứng đối diện anh, ôm cái khay áp vào tạp dề, cố dò xét phản ứng của anh khi anh nốc ực một hơi. Mười đầu anh im thít. Rồi có lẽ lơ đãng, anh chép môi. Dì lên mây. Mẹ tôi không tin nổi có người giảng dạy ở những trường đại học nổi danh toàn cầu lại chép môi sau khi uống nước mơ. Kể từ hôm ấy, mỗi buổi sớm lại có vại nước quả ấy chờ sẵn anh.

Anh sống sờ khi biết rằng cây mơ chẳng phải ở đâu xa xôi mà ở ngay trong vườn nhà. Vào những buổi chiều muộn, lúc trong nhà chẳng có gì để làm, dì Mafalda sẽ nhờ anh mang rổ trèo lên thang mà hái những quả đã gần như chín vì ngưng, dì nói vậy. Anh sẽ pha trò bằng tiếng Ý, hái một quả, rồi hỏi, Quả này chín đỏ vì ngưng chưa? Dì sẽ bảo rằng không, quả này còn non quá, non chẳng biết ngưng, già mới biết ngưng.

Tôi sẽ không bao giờ quên lúc ngắm anh từ bàn mình, trong khi anh vận chiếc quần tằm màu đỏ leo lên cái

thang con, loay hoay mãi để hái những quả mơ chín nhất. Khi trở vào bếp – rổ đan liễu gai, giày vải bạt, áo dụn sổng, kem rám nắng và mọi thứ – anh ném cho tôi một quả thật lớn, nói, “Của cậu,” cũng y như cái cách anh ném bóng quần vợt qua sân và nói, “Tối cậu.” Tất nhiên, anh chẳng biết gì điều tôi nghĩ vài phút trước, nhưng quả mơ với rìa tròn chắc với cái lùm ở giữa nhắc tôi nhớ dáng anh nhoài qua cành lá, mông tròn căng tựa tựa màu sắc và hình dáng của quả này. Chạm vào quả như là chạm vào anh. Anh sẽ chẳng bao giờ biết, cũng như những người mà chúng tôi mua báo và rồi ngẫm ngợi về họ cả đêm không hề biết rằng cái đường cong trên mặt họ hoặc cái màu rám nắng dọc theo vai trần của họ sẽ khiến chúng tôi vui thích không thôi những khi chúng tôi ở một mình.

Của cậu, giống như Gặp sau!, có cái tính chất văng bặt, xuề xòa kiểu, ê, chụp khiến tôi nhớ những thềm muốn rối rắm và thắm kín của mình so với cái tính tự phát vô bờ ở mọi thứ liên quan tới anh. Anh sẽ không bao giờ ngờ rằng cái hành động đặt quả mơ vào lòng bàn tay tôi anh đã đưa mông mình cho tôi ôm lấy, hoặc bằng cái hành động cắn vào quả ấy, tôi cũng cắn vào phần tương ứng trên người anh mà hằn sáng màu hơn những chỗ khác bởi nó chẳng bao giờ phơi nắng – và gần nó, nếu tôi dám đi xa tới vậy, cắn vào cái ấy mơ của anh.

Thật ra, anh biết nhiều về mơ hơn chúng tôi – cách ghép, từ nguyên, xuất xứ, phân bố trong và quanh vùng Địa Trung Hải. Bên bàn điểm tâm sáng hôm ấy, bố tôi

giảng giải rằng tên của quả này có gốc gác Ả Rập, bởi chữ ấy – trong tiếng Ý là *albicocca*, trong tiếng Pháp là *abricot*, trong tiếng Đức là *aprikose*, giống như các chữ “algebra,” “alchemy,” và “alcohol” – đều phái sinh từ một danh từ tiếng Ả Rập kết hợp với mao từ tiếng Ả Rập là *al-* liền trước. Từ gốc của *albicocca* là *al-birquq*. Bố tôi, người không thể tìm được ham muốn làm sáng tỏ thêm sự đã rành rành, và cần phải kết thúc tràng tuyệt nghệ kia bằng chút kiến thức gần đây, đã nói thêm rằng thật là ngạc nhiên khi ngày nay ở Israel và nhiều nước Ả Rập, quả này được gọi bằng một cái tên khác hẳn: *mishmish*.

Mẹ tôi sững sờ. Tất cả chúng tôi, gồm hai đứa anh em họ tới chơi tuần đó chỉ chực vỗ tay.

Nhưng về chuyện từ nguyên, Oliver lại có ý khác. “Hử?!” là câu đáp ngỡ ngàng của bố tôi.

“Chữ đó thực ra không phải là chữ Ả Rập,” anh nói.

“Sao lại vậy?”

Bố tôi rõ là đang bắt chước cái châm biếm kiểu Socrate, bắt đầu bằng một câu hiền lành “Anh khoan nói,” rồi thì dẫn dắt kẻ đối thoại vào những cái bẫy ngầm hỗn loạn.

“Chuyện dài lắm, chịu khó nghe chút nào chuyện gia.” Đột nhiên Oliver nghiêm chỉnh hẳn. “Nhiều chữ La-tinh được phái sinh từ tiếng Hy Lạp. Tuy nhiên trong trường hợp chữ ‘mơ’ thì ngược lại. Người Hy Lạp du nhập từ tiếng La-tinh. Chữ La-tinh đó là *praecoquum*, từ chữ *pre-coquere*, trước-khi-nấu, tức là chín sớm, như trong chữ ‘*precocious*,’ có nghĩa là sớm trước mong đợi.

“Người Byzantine mượn chữ *praecox*, rồi nó trở thành *prekokkia*, hoặc *berikokki*, đây là chữ rất cuộc người Ả Rập đã thụ hưởng ở dạng *al-birquq*.”

Mẹ tôi không cưỡng nổi sự duyên dáng của anh, đưa tay ra mà vò tóc anh và nói, “*Che movie star!*”

“Không thể phủ nhận là cậu ta đúng,” bố tôi nói khẽ, cứ như nhại theo Galileo bị buộc phải thối chí chân lý với chính mình.

“Nhờ môn Triết học 101,” Oliver nói.

Tôi thì chỉ nghĩ tới *apricock precock*, *precock apricock*¹.

Một hôm tôi thấy Oliver đang trên thang cùng với thợ vườn, cố học hỏi tất tậ về cách ghép nhánh của ông Anchise, lý do những quả mơ của chúng tôi to hơn, nhiều thịt và mọng hơn hầu hết mơ trong vùng. Anh mê mẩn chuyện ghép nhánh, nhất là khi anh phát hiện rằng ông thợ vườn có thể dành hàng nhiều giờ liền kể tất tậ những gì biết được với bất kỳ ai hỏi han.

Thì ra là Oliver biết về tất tậ các thức ăn, các loại phô mai, và rượu vang nhiều hơn tất cả chúng tôi cộng lại. Ngay cả dì Mafalda cũng tán phục và thi thoảng chấp nhận ý kiến của anh – Cậu thấy tôi nên rán nhanh patê với hành hay xô thơm? Giờ vị nó đậm vị chanh quá rồi nhì? Tôi làm hỏng mất rồi à? Tôi phải thêm một quả trứng nữa – nó không dính! Tôi nên dùng máy xay mới hay nên dùng cối chày kiểu cũ? Mẹ tôi không dùng được,

¹ apricock: ghép hai chữ apricot (trái mơ) và cock (dương vật); pre-cock: ghép tiền tố pre trong các chữ pre-coquere và cock.

thả vào vài câu châm chọc. Bà nói, thì bọn cao bồi ấy mà, bọn chúng biết tất tậ về đồ ăn bởi chúng không cầm nổi dao nĩa cho đúng phép. Lưỡi thì của vua mà phong thái thì của bọn bần hàn. Cho hẳn dùng bữa trong nhà bếp ấy.

Rất vui lòng, dì Mafalda sẽ đáp lại như thế. Và đúng vậy, một ngày nọ anh về rất trễ quá giờ dùng bữa sau buổi sáng với người biên dịch, có một quý ngài Signor Ulliva trong bếp, ăn spaghetti và uống rượu vang đỏ huyết dụ với dì Mafalda, chú Malfredi chồng dì và là tài xế của chúng tôi, cùng ông Anchise, tất cả cố dạy cho chú một bài hát xứ Naples. Đó không chỉ là bài quốc ca miền Nam thời trai trẻ của họ, mà còn là bài hợp nhất mà họ có thể xướng lên để giúp vui cho giới quý tộc.

Mọi người đều bị chinh phục.

Có thể nói Chiara cũng si mê tương đương. Chị của nàng cũng thế. Ngay cả đám người chơi quần vợt hạng bét mà nhiều năm qua cứ mỗi chiều sớm lại ghé chơi trước khi ra bãi biển bơi muộn cũng ở lại lâu hơn thường lệ, hi vọng được chơi một ván rút với anh.

Nếu đó là vị khách trọ hè nào khác của chúng tôi, tôi sẽ bực. Nhưng khi thấy mọi người ai ai cũng thích anh đến vậy, tôi cảm thấy một sự thanh bình kỳ lạ như trên ốc đảo nhỏ. Khi bạn thích một người mà ai ai khác cũng thích thì có gì là sai trái? Mọi người đều mê anh, gồm cả hai người anh em họ cũng như bà con của tôi, những người ở chơi với chúng tôi vào các ngày cuối tuần và thi thoảng lâu hơn nữa. Vốn là người ưa bắt được nhược điểm ở mọi kẻ khác, phải nói là tôi có được sự hài lòng nhất định

trong việc che giấu cảm tình của mình đối với anh đang sau sự hờ hững, hằn học, hoặc ganh ghét thường lệ đối với bất kỳ ai ở vị thế tỏa sáng hơn tôi trong nhà mình. Tôi giống như đám nam giới càng công khai tuyên bố rằng vài người đàn ông khác là điển trai đến mức không cưỡng nổi càng tốt để che giấu nỗi thèm muốn được ôm lấy họ. Nếu cưỡng lại sự tán đồng phổ biến, tôi sẽ khiến kẻ khác để ý rằng mình có động cơ ngấm trong chuyện cần cưỡng lại anh. Ô, con thích anh ta lắm, tôi nói trong mười ngày đầu khi cha hỏi tôi nghĩ sao về anh. Tôi đã cố ý dùng từ ngữ trần trụi bởi tôi biết chẳng ai ngờ rằng tôi ngấm có ý gì sâu sắc hơn trong mọi điều tôi nói về anh. Anh ấy là người tuyệt nhất mà con từng biết, tôi nói vậy vào cái đêm chiếc thuyền câu bé teo mà anh đi cùng với ông Anchise hồi chiều không về, và chúng tôi loay hoay tìm số điện thoại của cha mẹ anh ở Mỹ phòng khi phải báo tin dữ.

Hôm đó tôi thậm chí buông lỏng sự kiểm chế của mình và bày tỏ đau buồn cái cách mọi người khác bày tỏ. Nhưng tôi làm vậy cũng nhằm để khỏi ai ngờ rằng tôi ôm mối sầu kín đáo và tuyệt vọng hơn – cho tới khi tôi nhận ra, gần như hổ thẹn, rằng một phần trong tôi không để tâm chuyện anh chết đi, rằng thậm chí còn có gì đó gần như phấn khích trong cái ý nghĩ xác anh phập phều, mất mát rồi cuộc xuất hiện trên bờ.

Nhưng tôi đã không tự lừa mình. Tôi tự thuyết phục rằng không ai trên cõi đời muốn có được anh về mặt thể xác hơn là tôi; cũng như không ai sẵn sàng đi xa tới mức

tôi sẵn sàng vì anh. Không ai từng ngắm nghía từng cái xương trên người, mắt cá, đầu gối, cổ tay, ngón tay và ngón chân của anh, không ai thèm khát mỗi khi làn cơ của anh gợn lên, không ai đưa anh vào giường mỗi đêm và khi nhìn thấy anh nằm ở chỗ *thiên đường* cạnh hồ bơi vào buổi sáng, mỉm cười với anh, ngắm một nụ cười đến trên môi anh.

Có lẽ ngay cả những người khác cũng mộng tưởng gì đó hơn bình thường về anh, mỗi người che giấu và bày tỏ theo cách riêng. Tuy vậy, không như kẻ khác, tôi là người đầu tiên bắt gặp những lúc anh từ bãi biển đi vào vườn, hoặc những lúc bóng dáng mơ hồ chiếc xe đạp của anh, mờ mờ trong làn sương giữa chiều nhú ra từ lối đi dọc hàng thông dẫn vào nhà chúng tôi. Tôi là người đầu tiên nhận ra bước chân anh khi anh tới rạp phim trễ một đêm nọ và đứng đó chờ chúng tôi, im thít cho tới khi tôi quay sang, biết rằng anh rất vui sướng vì tôi đã bắt gặp anh. Tôi nhận ra anh nhờ tiếng bước chân anh lên cầu thang ra bao lơn hoặc trên chiếu nghỉ ngoài cửa phòng ngủ của tôi. Tôi biết khi anh dừng lại bên ngoài cửa sổ áp mái của tôi, như thể đang phân vân nên gõ cửa hay chẳng, rồi nghỉ lại, và bước tiếp. Tôi biết đó là anh đang chạy xe đạp nhờ tiếng chiếc xe trượt một cách tinh quái xuống con dốc sỏi dài và vắn lao đi khi lốp không còn bám chút nào, rồi lại dừng một cách thành lình, mạnh bạo, với chút gì đó đồng dục *voilà*¹ trong cái cách anh phi xuống.

1 Voilà: thần từ tiếng Pháp, cho thấy sự hài lòng với việc vừa làm hoặc điều vừa nhận được

Tôi luôn cố giữ anh trong tầm mắt mình. Tôi không khi nào để anh trượt khỏi tôi trừ khi anh không ở cạnh tôi. Và khi anh không ở cạnh, tôi không quan tâm mấy chuyện anh làm gì lâu thế, bởi anh vẫn chính là con người ấy với kẻ khác cũng như với tôi. Đừng để anh là ai khác khi anh ở xa. Đừng để anh là ai đó tôi chưa từng gặp. Đừng để anh có cuộc đời khác chứ không phải cuộc đời anh sống với chúng tôi, với tôi.

Đừng để tôi mất anh.

Tôi biết tôi không cách chi giữ anh, không có gì để cho đi, không có gì để mỗi chài anh.

Tôi không là gì.

Chỉ là một thằng nhóc.

Đơn giản là anh bố thí sự chú tâm khi thấy thuận dịp. Lúc anh tới giúp tôi hiểu ra một đoạn của Heraclitus, bởi tôi nhất định đọc tác giả “của anh,” những tính từ nảy ra trong trí tôi không phải là “hòa dịu” hay “rộng lượng” mà là “kiên nhẫn” và “chịu đựng,” được xếp bậc cao hơn. Lát sau, lúc anh hỏi tôi có thích một cuốn sách tôi đang đọc không, câu hỏi của anh bật ra là vì tò mò hơn là một dịp để tán gẫu vu vơ. Mọi thứ đều vu vơ.

Anh ổn với sự vu vơ.

Sao cậu không ra bãi biển chơi với mấy người kia?

Trở lại trò gảy đàn từng từng của cậu đi.

Gặp sau!

Của cậu!

Nói chuyện chơi thôi.

Tán gẫu vu vơ.

Không gì cả.

Oliver đang được nhiều nhà khác mời tối chơi. Điều này cũng đã thành lệ đối với các khách trọ hè khác của chúng tôi. Bố tôi luôn muốn họ thoải mái “truyền” sách vở và chuyên môn quanh thị trấn. Ông cũng tin rằng các học giả nên học cách nói với người bình dân, đó là lý do ông luôn có các luật sư, bác sĩ, thương gia tối cùng dùng bữa. Mọi người ở Ý đã đọc các văn hào Dante, Homer và Virgil, ông nói. Không quan trọng bạn nói chuyện với ai, miễn là bạn Dante-và-Homer họ trước. Virgil là bắt buộc, Leopardi tiếp theo, rồi sau thì cứ thoải mái làm họ lóa mắt với bất cứ gì bạn có, Celan, celery, salami, sao cũng được¹. Điều này có cái lợi là cho phép mọi khách trọ hè của chúng tôi hoàn thiện tiếng Ý, một trong những yêu cầu của việc định cư. Chuyện họ đi dùng bữa tối ở các nhà trong thị trấn B còn có một cái lợi khác: chúng tôi không phải dùng bữa cùng họ suốt các buổi tối trong tuần.

Nhưng người ta mời Oliver nhiều tối chóng mặt. Chiara và cô chị gái muốn có anh ít nhất hai lần một tuần. Một họa sĩ biếm họa đến từ Brussels, người thuê

¹ Celan, celery, salami

Celan: Paul Celan (1920-1970), nhà thơ và dịch giả người Đức gốc Do Thái

celery: cần tây (một loại gia vị)

salami: xúc xích Ý

Có lẽ tác giả muốn nhại câu: Veni, vidi, vici (ta đến, ta thấy, ta chinh phục) của Julius Caesar

một tòa biệt thự trọn mùa hè, muốn có anh riêng cho những bữa *souper*¹ chủ nhật, dịp mà các nhà văn và học giả trong vùng luôn được đón mời. Rồi tới nhà Moreschi, ở cách ba biệt thự, nhà Malaspina từ N. , và thi thoảng người quen đến gặp tại một trong những quầy rượu trên *piazetta*², hoặc ở quán Le Danzing. Đó là còn chưa kể tới những lần anh đi chơi bài poker và bridge ban đêm, việc này nảy nở mà chúng tôi không hề biết.

Cuộc đời anh, giống như những bài viết của anh, ngay cả khi ta có ấn tượng là nó hỗn loạn, luôn được phân chia một cách tỉ mỉ. Đôi khi anh bỏ hẳn bữa tối mà chỉ nói với dì Mafalda, “*Esco*, tôi đi chơi đây.”

Tôi sớm nhận ra chữ *Esco* của anh chỉ là một phiên bản khác của *Gặp sau!* Một lời từ biệt vắn tắt và không điều kiện, được nói ra không phải khi bạn rời đi mà là sau khi bạn đã ra khỏi cửa. Bạn nói với lại sau lưng tới những người bạn bỏ lại phía sau. Tôi thương cảm cho những ai ở đầu tiếp nhận muốn nài nỉ, kêu xin.

Không biết được anh sẽ xuất hiện ở bữa tối hay không là một cực hình. Nhưng còn chịu được. Nhưng không dám hỏi anh sẽ có mặt hay không mới là thử thách thực sự. Tim tôi nảy lên khi thành linh tôi nghe giọng anh hoặc thấy anh ngồi yên chỗ trong khi tôi đã gần như bỏ cái hi vọng anh sẽ chung vui với chúng tôi tối nay, rồi rồi cuộc nó bung nổ như một đóa hoa phải độc. Chuyện trông thấy anh và nghĩ rằng anh sẽ cùng dùng bữa tối

1 *souper*: tiếng Pháp, bữa tối muộn

2 *piazetta*: tiếng Ý, quảng trường

với chúng tôi rồi chỉ để nghe tiếng Escro tuyệt tình dạy tôi rằng có những ước mong tuyệt vọng chắc chắn sẽ khiến ta tan vỡ.

Tôi muốn anh đi khỏi nhà chúng tôi để mà dứt tình với anh.

Tôi cũng muốn anh chết, là vì nếu tôi đã không thể dừng tương tư anh và lo lắng chuyện khi nào tôi mới lại gặp anh thì ít ra cái chết của anh sẽ chấm dứt điều ấy. Thậm chí tôi những muốn chính tay giết anh để cho anh biết sự hiện hữu của anh phiền tôi thế nào, chuyện anh thoả mái với mọi việc và mọi người, bình thản với tất thảy, cái kiểu tôi-ổn-với-chuyện-này-chuyện-kia không ngừng nghỉ của anh, cái cách anh nhảy qua cổng ra bãi biển trong khi mọi người mở then trước, ấy là còn chưa kể tới mấy bộ đồ tắm, chỗ anh nằm ở *thiên đường*, câu nói *Gặp sau!* vênh váo, cái chếp miệng thích mê nước mơ của anh. Nếu tôi không giết anh thì tôi sẽ khiến anh tàn tật cả đời, để anh ở lại với chúng tôi trên chiếc xe lăn và không bao giờ về Mỹ nữa. Nếu anh ngồi xe lăn, tôi sẽ luôn biết anh ở đâu và dễ tìm anh. Tôi sẽ cảm thấy mình trên cơ anh và trở thành chủ nhân của anh bởi anh bị tàn phế.

Rồi trong tôi chợt lóe lên rằng thay vì giết anh tôi có thể tự giết mình, hoặc hủy hoại mình đủ nghiêm trọng rồi cho anh biết tại sao tôi làm vậy. Nếu tôi hủy gương mặt mình, tôi muốn anh nhìn tôi mà lòng tự hỏi tại sao, tại sao người ta có thể tự hại mình như vậy, cho đến nhiều nhiều năm sau – phải, *Gặp sau!* – anh sẽ xâu chuỗi sự việc lại và đập đầu vào tường.

Thi thoảng tôi nghĩ người phải bị loại bỏ là Chiara. Tôi biết nàng định làm gì. Bằng tuổi tôi, thân xác nàng đã quá sẵn sàng cho anh. Nhiều hơn tôi chẳng, tôi tự hỏi. Nàng theo đuổi anh, điều đó đã rõ, trong khi tất cả những gì tôi muốn là một đêm với anh, chỉ một đêm – thậm chí là một giờ thôi – nếu chỉ để xác định xem tôi có muốn anh cho đêm sau nữa không. Điều tôi không nhận ra là, chuyện ta muốn thử dục vọng chẳng qua là một mưu mẹo để có được cái ta muốn mà không thừa nhận là ta muốn. Tôi khiếp hãi nghĩ tới anh từng trải đến mức nào. Vì bởi anh dễ dàng kết bạn trong vòng vài tuần ở đây, bạn cứ thế mà nghĩ anh ta sống ở quê nhà thế nào. Chỉ cần tưởng tượng việc thả lỏng anh ta trong một khu học xá thành thị như ở Columbia¹, nơi anh giảng dạy mà xem.

Chuyện tình với Chiara xảy ra dễ dàng tới không ngờ. Với Chiara, anh thích vào lòng thuyền chèo thân đôi của chúng tôi để mà tâm tình, anh thì chèo còn nàng thì nằm ườn dưới nắng trên một trong hai thân thuyền, sau rớt thì cởi áo ngực khi họ đã dừng xa bờ.

Tôi đã nhìn. Tôi sợ mất anh vào tay nàng. Sợ mất nàng vào tay anh nữa. Nhưng ý nghĩ họ bên nhau không làm tôi mất tinh thần. Nó làm tôi cương cứng, dù tôi chẳng biết cái khiến tôi rạo rục là thân thể trần truồng của nàng nằm trong nắng, của anh cạnh nàng, hoặc cả hai cạnh nhau. Từ nơi tôi đứng tựa hàng chấn song dọc khu vườn trông ra dốc biển, tôi căng mắt ra và cuối cùng bắt gặp họ nằm bên nhau trong nắng, rất có thể đang ôm ấp

1 Đại học Columbia, New York, Mỹ.

nhau, thi thoảng nàng gác một đùi lên trên anh, rồi vài phút sau anh cũng làm vậy. Họ không cởi bỏ áo quần. Tôi cảm thấy dễ chịu vì vậy, nhưng rồi một đêm muộn nọ tôi thấy họ nhảy múa, có gì đó cho biết những động tác kia đi quá mức ôm ấp đơn sơ.

Thực ra tôi thích dõi nhìn họ nhảy với nhau. Có lẽ nhìn thấy anh nhảy kiểu này với ai đó khiến tôi nhận ra rằng giờ đây anh đã bị chiếm mất rồi, rằng chẳng còn lý do gì để hi vọng. Và đây là chuyện tốt, sẽ giúp tôi hồi phục. Có lẽ nghĩ như vậy đã là một dấu hiệu hồi phục đang đà tới. Tôi đã phạm vào cấm địa và bị trừng phạt chẳng nặng nề gì.

Nhưng khi tim tôi đánh thót sáng hôm sau, lúc thấy anh ở chỗ thường lệ trong vườn, tôi biết rằng dù lòng mình có cố sức cầu chúc cho họ và khao khát hồi phục, chuyện này không liên quan gì tới cái tôi vẫn muốn từ anh.

Liệu tim anh có đánh thót khi thấy tôi bước vào một căn phòng không?

Tôi chẳng tin.

Liệu anh có lừa tôi đi cái cách tôi lừa anh sáng hôm ấy: cố tình, để buộc tôi thổ lộ, để bảo vệ anh, để cho thấy tôi chẳng là gì với anh hết? Hoặc anh chẳng biết gì, như kiểu thi thoảng những người nhạy cảm nhất lại không bắt được những gợi ý rành rành nhất, bởi đơn giản họ không chú ý, không bị dụ dỗ, không quan tâm?

Khi anh và Chiara nhảy tôi thấy nàng luồn đùi mình vào giữa hai chân anh. Và tôi đã thấy họ vờ vật nhau

trên bãi cát. Chuyện bắt đầu khi nào nhỉ? Tại sao tôi không có mặt khi đó? Và tại sao không ai kể với tôi? Tại sao tôi không thể tái hiện khoảnh khắc họ tiến từ x đến y? Chắc hẳn dấu hiệu đều đã lộ ra quanh tôi. Tại sao tôi không thấy?

Tôi bắt đầu mài miết nghĩ về những gì họ có thể làm cùng nhau. Tôi sẽ làm bất cứ gì để phá hỏng mọi cơ hội mà họ có để được riêng tư. Tôi sẽ nói xấu với người này về người kia, rồi báo lại phản ứng của người này cho người kia hay. Nhưng tôi cũng muốn thấy họ làm vậy, tôi muốn dự phần, khiến họ nợ tôi và biến tôi thành đồng lõa cần thiết, kẻ trung gian, quân tốt của họ, vốn đã trở nên cốt yếu đối với quân vua và hậu đến nỗi giờ đây quân tốt là chủ cả bàn cờ.

Tôi bắt đầu nói lời hay về mỗi người, vờ như tôi không khó chịu gì về mối quan hệ giữa họ. Anh nghĩ tôi lúc ấy rụt rè. Nàng nói nàng có thể tự lo được.

“Anh đang cố giúp tụi này hẹn hò à?” Nàng hỏi, giọng chế giễu.

“Có quan trọng gì với cậu đâu?” Anh hỏi.

Tôi mô tả thân thể trần trụi của nàng mà tôi thấy hai năm về trước. Tôi muốn anh nổi hứng. Không quan trọng anh khao khát cái gì, miễn là anh nổi hứng. Tôi cũng mô tả anh cho nàng, bởi tôi muốn xem sự rạo rực trong nàng có hướng về anh như tôi không, để tôi có thể độ lòng ham muốn của tôi với của nàng, và xem cái nào trong hai thứ là đích thực.

“Cậu đang cố xui tôi thích cô ta à?”

“Vậy thì có gì hại?”

“Không hại. Nhưng tôi muốn tự xử trí, cậu đừng phiền.”

Phải qua một thời gian tôi mới hiểu điều tôi đeo đuổi là gì. Không đơn giản là khiến anh nổi hứng khi tôi hiện diện, hoặc khiến anh cần tôi, mà là thúc giục anh nói về nàng sau lưng, tôi sẽ biến Chiara thành đối tượng tán gẫu giữa đàn ông với nhau. Như vậy chúng tôi sẽ nồng ấm với nhau thông qua nàng, để khóa lấp khoảng trống giữa chúng tôi bằng cách thừa nhận chúng tôi cùng bị thu hút bởi một phụ nữ.

Có lẽ tôi chỉ muốn anh biết rằng mình thích các nàng con gái.

“Này, cậu tốt bụng lắm, tôi quý điều đó. Nhưng thôi đi.”

Lời quở trách của anh cho thấy anh sẽ không chơi trò của tôi. Nó đưa tôi về chỗ của mình.

Tôi nghĩ, không, anh là kiểu người cao thượng. Không như tôi, xảo quyệt, hắc ám, hạ tiện. Điều ấy khiến tôi càng đau đớn và hổ thẹn thêm nữa. Giờ đây, trên nỗi hổ thẹn vì khao khát anh như Chiara, tôi kính trọng và sợ anh và ghét anh bởi anh khiến tôi ghét chính mình.

Buổi sáng sau lần trông thấy họ nhảy tôi không tỏ ý gì chuyện chạy bộ cùng anh. Anh cũng không. Khi hết cuộc tôi nhắc tới, bởi cứ lần lửa trong im lặng thì không chịu nổi nữa, anh nói anh đã chạy rồi. “Dạo này cậu dậy trễ.”

Khéo thật, tôi nghĩ.

Thực ra vài bữa sáng rồi, tôi quen chuyện thấy anh chờ mình tới nỗi tôi trở nên bạo dạn và không lo mấy tới chuyện mình sẽ dậy lúc nào. Bài học cho tôi.

Sáng hôm sau, dù tôi muốn đi bơi với anh, hành động đi xuống lầu sẽ giống như phản ứng miễn cưỡng với một lời quở trách băng quơ. Nên tôi ở lại phòng. Chỉ để chứng tỏ quan điểm. Tôi nghe anh bước nhẹ ngang bao lơn, gần như là nhón chân. Anh đang lảng tránh tôi.

Lâu sau tôi mới xuống lầu. Lúc ấy anh đã đi đưa bản sửa lỗi và lấy những trang dịch mới nhất từ Signora Milani.

Chúng tôi thôi chuyện trò.

Ngay cả khi chúng tôi ở cùng chỗ vào buổi sáng, nhiều nhất cũng chỉ là nói dăm câu vắn vơ lấp chỗ. Thậm chí không thể gọi là tán gẫu nữa.

Chuyện đó chẳng phiền anh. Rất có thể anh không mấy may nghĩ thêm về nó.

Sao lại có chuyện ai đó chịu bao khổ phiền, cố gắng đạt tới bạn, trong khi bạn chẳng hề có một ý niệm dù là mơ hồ nhất và chẳng buồn nghĩ ngợi khi hai tuần trôi qua và bạn chẳng hề đưa đẩy dẫu chỉ một lời với người ta? Anh có biết hay không? Tôi có nên nói ra chẳng?

Chuyện tình với Chiara bắt đầu ở bãi biển. Rồi anh bỏ chơi quần vợt, bắt đầu đi xe đạp với nàng và các bạn nàng những buổi chiều muộn ở những thị trấn có đồi xa về phía tây dọc bờ biển. Một hôm, lúc có quá nhiều người

đi đập xe, Oliver cầu cứu tôi, hỏi mượn chiếc xe của tôi cho Mario bởi tôi không dùng.

Cứ ấy ném tôi về tuổi lên sáu.

Tôi nhún vai, ý là, Cứ việc, tôi không bận tâm. Nhưng họ vừa đi chưa bao lâu tôi lết lên lầu và bắt đầu vùi vào gối nức nở.

Buổi tối, thi thoảng chúng tôi gặp nhau ở quán Le Danzing. Không bao giờ biết được Oliver sẽ tới lúc nào. Anh chỉ thỉnh thoảng xuất hiện, rồi cũng thỉnh thoảng biến mất, có khi một mình, có khi với những người khác. Khi Chiara tới nhà chúng tôi theo thói quen từ thuở ấu thơ, nàng sẽ ngồi trong vườn ngó mông lung, cốt là để chờ anh tới. Rồi vài phút trôi đi mà chẳng có chuyện gì để nói mấy, rồi cuộc nàng sẽ hỏi, “*C’è Oliver?*”¹ Anh ta đi gặp người biên dịch rồi. Hoặc: Anh ta trong phòng đọc sách với bố. Hoặc: Anh ta đâu đó dưới bãi biển. “À, vậy em đi đây. Nhấn với anh ấy là em ghé.”

Hết rồi, tôi nghĩ.

Dì Mafalda lắc đầu, ánh mắt quở trách thương hại. “Con bé mới tí tuổi đầu, cậu ta là giảng viên đại học. Sao nó không chịu tìm ai khác cùng lứa?”

“Có ai hỏi dì đâu chứ,” Chiara đập lại, nàng thoáng nghe và không bỏ qua chuyện bị một bà nấu bếp xia xối.

“Đừng có nói kiểu đó với tôi, không thì tôi chẻ đầu ra làm hai à,” người đầu bếp xứ Naples của chúng tôi đáp,

1 “*C’è Oliver?*”: Oliver đâu rồi?

giơ lòng bàn tay lên. “Chưa được mười bảy nữa mà đã dâng ngực cho giai. Tưởng tôi không thấy gì chắc?”

Tôi chỉ biết dì Mafalda xem xét tấm trải giường của Oliver mỗi sáng. Hoặc đối chiếu với người hầu gái của Chiara. Không bí mật nào thoát được mạng lưới *perpetue*, những người giúp việc.

Tôi nhìn Chiara. Tôi biết nàng đau đớn.

Mọi người ngờ ngợ có gì đó giữa họ. Thi thoảng vào buổi chiều, anh nói anh sắp ra nhà kho lấy xe rồi vào thị trấn. Một tiếng rưỡi sau anh trở lại. Anh sẽ giải thích là đi gặp người biên dịch.

“Người biên dịch,” giọng bố tôi cứ lặp đi lặp lại trong khi nhấm nháp chút cognac sau bữa ăn tối.

“*Traduttrice*¹ cái con mắt,” dì Mafalda sẽ ngâm nga.

Thi thoảng chúng tôi gặp nhau trong thị trấn.

Ngồi trong quán cà phê nơi vài người chúng tôi gặp mặt buổi tối sau khi xem phim hoặc trước khi tới sân nhảy, tôi thấy Chiara và Oliver vừa thả bộ ra khỏi một con hẻm nhỏ cùng nhau vừa nói chuyện. Anh đang ăn một cây kem, trong khi nàng ôm cánh tay bên kia của anh. Tự khi nào họ đã có thì giờ để trở nên thân thiết đến thế? Họ có vẻ đang nói chuyện gì nghiêm chỉnh.

“Cậu làm gì ở đây?” Anh hỏi khi trông thấy tôi. Cái cách anh lẩn tránh và cố che giấu thật giễu cợt, chúng tôi đều im bật. Tôi nghĩ đó là một mảnh tồi.

¹ *Traduttrice*: người dịch (tiếng Ý)

“Đi chơi.”

“Không phải quá giờ đi ngủ rồi sao?”

“Bố tôi đâu tin chuyện giờ giấc ngủ nghe,” tôi gạt đi.

Chiara vẫn còn suy nghĩ miên man. Nàng tránh ánh mắt tôi.

Anh có nói với nàng những lời hay mà tôi từng nói về nàng chưa? Nàng trông buồn. Nàng có phiền chuyện tôi thành linh xâm phạm vào thế giới nhỏ của họ chẳng? Tôi còn nhớ giọng nàng cái buổi sáng nàng mất bình tĩnh với dì Mafalda. Một nụ cười giấu lơ lửng trên mặt nàng, nàng sắp nói gì đó cay độc.

“Không bao giờ có chuyện đi ngủ đúng giờ, không luật lệ, không giám sát, không gì cả. Cho nên anh chàng đây mới cư xử tốt đến vậy. Em thấy không? Vậy thì nổi loạn để chống cái gì.”

“Phải vậy không?”

“Anh nghĩ vậy,” tôi đáp, cố hòa hoãn trước khi họ đi xa hơn. “Chúng ta có cách nổi loạn riêng.”

“Có à?” Anh hỏi.

“Kể một cách xem,” Chiara phụ họa.

“Em không hiểu đâu.”

“Cậu ta đọc Paul Celan,” Oliver chen vào, cố đánh trống lảng nhưng có lẽ là cố cứu tôi và cho thấy rằng (dù là không rõ ràng gì) anh chưa quên lần nói chuyện trước. Liệu có phải anh đang cố thu nhận lại tôi sau cú đâm thọc về vụ tôi dậy trễ, hoặc đây là khởi đầu một trò đùa khác không đếm xỉa gì tới cảm xúc của tôi? Trên mặt anh

là vẻ lạnh lùng, dửng dưng. “*E chi è?*”¹ Nàng chưa từng nghe tới Paul Celan.

Tôi đánh sang anh ánh mắt đồng lõa. Anh bắt gặp, nhưng trong mắt anh không có chút gì tình quái lúc anh rút cuộc cũng liếc lại tôi. Anh về phe nào?

“Một thi sĩ,” anh thì thầm trong khi họ bắt đầu thông thả bước ra giữa quảng trường, và ném cho tôi một cái *Gặp sau!* băng quơ.

Tôi dõi theo họ tìm bàn trống trong một quán cà phê liền kề.

Mấy đứa bạn hỏi tôi có phải anh đang tán tỉnh nàng không.

Không biết, tôi đáp.

Họ có đang như vậy không nhỉ?

Cũng không biết nốt.

Tôi thích được ở vào vị trí của anh.

Ai lại không?

Nhưng tôi sướng như lên mây. Việc anh chưa quên lần nói chuyện giữa chúng tôi về Celan khiến tôi vui sướng, đã nhiều nhiều ngày rồi tôi không vui. Nó tràn ra mọi thứ tôi chạm vào. Chỉ một tiếng nói, một cái nhìn, và tôi đã lên mây. Được hạnh phúc thế này có lẽ cũng không khó lắm. Tôi chỉ cần tìm nguồn vui trong bản thân và không dựa vào kẻ khác trong lần tới.

Tôi nhớ lại cảnh trong kinh thánh, khi Jacob đòi Rachel nước và khi nghe bà nói những lời tiên tri cho ông, ông

¹ *E chi è?*: Ai vậy?

vung hai tay lên trời và hôn mặt đất cạnh giếng. Tôi Do Thái, Celan Do Thái, Oliver Do Thái – chúng tôi ở một nơi nửa là khu dân cư Do Thái, nửa là ốc đảo. (Nếu không, thế giới sẽ là tàn bạo và dửng dưng, nơi ta đột nhiên chẳng thể say sưa với người lạ được nữa.) Nơi chúng tôi không hiểu sai ai và không ai đánh giá sai chúng tôi, nơi một người đơn giản là biết người khác, biết một cách sâu sắc tới nỗi nếu ta bị tước đi sự thân mật ấy là *galut*, chữ trong tiếng Do Thái chỉ sự lưu đày, đuối xua. Có phải anh là nhà, vậy thì, sự trở về nhà của tôi? Anh là sự trở về nhà của tôi. Khi tôi ở bên anh và chúng ta hòa thuận với nhau, tôi chẳng cần gì thêm nữa. Anh làm tôi thích con người tôi là, con người tôi trở thành khi anh bên tôi, Oliver. Nếu trên đời này có sự thật nào thì đó là khi tôi bên anh, và nếu tôi đủ can đảm để nói sự thật của tôi cho anh vào ngày nào đó, hãy nhắc tôi thắp lên một ngọn nến vào lễ Tạ ơn trên mỗi bệ thờ thành Rome.

Tôi chưa từng nghĩ, nếu một tiếng anh nói đã làm tôi vui sướng đến vậy, một tiếng nữa có thể dễ dàng đè bẹp tôi, và nếu tôi không muốn mình bất hạnh, tôi nên học cách để ý những niềm vui nhỏ nhất như vậy nữa.

Nhưng cùng đêm đó tôi nhân niềm vui bốc đồng kia mà nói chuyện với Marzia. Chúng tôi nhảy với nhau quá nửa đêm, rồi tôi đưa nàng về nhà theo bờ biển. Rồi chúng tôi dừng lại. Tôi nói bỗng nhiên tôi thích bơi một chốc, mong là nàng không giữ tôi lại. Nhưng nàng bảo nàng cũng thích bơi đêm. Chớp mắt sau chúng tôi chẳng còn mặc gì. “Anh đi với em vì anh giận Chiara?”

“Sao anh lại giận Chiara?”

“Tại anh ấy.”

Tôi lắc đầu, vờ bối rối nhằm tỏ ý tôi không thể đoán nổi nàng bắt được ý đó từ đâu.

Nàng bảo tôi quay đi, không nhìn trong khi nàng lấy áo len lau mình cho khô. Tôi làm bộ liếc trộm, nhưng tôi quá vâng lời nên lại làm đúng như được bảo. Tôi không dám bảo nàng đừng nhìn lúc tôi mặc đồ lại nhưng vui vì nàng nhìn đi chỗ khác. Khi chúng tôi không còn trần trụi nữa, tôi nắm lấy tay nàng, hôn vào lòng bàn tay, rồi hôn kẽ tay, rồi môi nàng. Nàng chậm đáp lại, nhưng nàng không muốn dừng.

Chúng tôi hẹn gặp nhau ở chỗ này trên bãi biển vào tối hôm sau. Tôi nói mình sẽ tới trước nàng.

“Mà đừng nói với ai nhé,” nàng bảo.

Tôi ra dấu khóa kín miệng.

“Tụi con suýt nữa là làm tới rồi,” tôi nói với cả bố tôi và Oliver sáng hôm sau lúc chúng tôi dùng điểm tâm.

“Mà tại sao con lại không?” Bố tôi hỏi.

“Ai biết.”

“Cố gắng rồi thất bại còn hơn...” Oliver nửa giễu cợt, nửa an ủi với cái câu cũ rích ấy. “Con chỉ cần lấy can đảm mà chìa tay ra và chạm vào, thì em ấy đã chịu rồi,” tôi nói, một phần là nhằm gạt đi chỉ trích từ hai người nhưng một phần cũng nhằm chứng tỏ khi nói tới chuyện tự

giữ mình thì tôi tự chủ được liều lượng, cảm ơn nhiều. Tôi đang khoe khoang.

“Sau này cố lần nữa,” Oliver nói. Đây là điều mà những người ổn với bản thân họ làm. Nhưng tôi cũng cảm nhận được rằng anh đang nói tới gì đó mà không chịu để lộ ra, có lẽ bởi có gì đó hơi băn khoăn đằng sau cái câu ngớ ngẩn dù rằng có ý tốt của anh *sau này cố lần nữa*. Anh đang chỉ trích tôi. Hoặc trêu chọc tôi. Hoặc nhìn thấu tôi.

Tôi bị đau khi rốt cuộc anh nói phớt ra. Chỉ có người đã hoàn toàn thấu hiểu tôi mới nói như vậy. “Nếu không sau này thì khi nào?”

Bố tôi thích câu đó. “Nếu không sau này thì khi nào?” Nó vọng lại câu lệnh của lãnh tụ tôn giáo Hillel, “Nếu không bây giờ thì khi nào?”

Oliver lập tức cố thu lại lời nhận xét gây khó chịu kia. “Tôi chắc chắn sẽ cố lần nữa. Rồi lần nữa,” là phiên bản được pha dịu đi. Nhưng *sau này cố lần nữa* là lớp nguy trang anh đã vẽ lên *Nếu không sau này thì khi nào?*

Tôi lặp lại câu đó như thể đó là một thần chú tiên tri có ý nghĩa phản ánh cách anh đã sống đời mình và tôi đã cố gắng sống đời tôi. Bằng cách lặp lại câu thần chú đã đến thẳng từ miệng anh, tôi có thể bắt gặp một lối đi bí mật tới một sự thật nào đó đã trốn tránh tôi, sự thật về tôi, về cuộc đời, về những kẻ khác, và tôi và những kẻ khác.

Sau này cố lần nữa là những chữ sau cùng tôi tự nhủ mỗi đêm khi tôi thề rằng sẽ làm gì đó để khiến Oliver gần

lại với tôi hơn. *Sau này cố lần nữa* có nghĩa là ngay lúc này tôi không có can đảm. Mọi thứ chưa được sẵn sàng *ngay lúc này*. Từ đầu tôi sẽ tìm được ý chí và can đảm để mà *sau này cố lần nữa*, tôi không biết. Nhưng cái quyết tâm làm gì đó chứ không ngồi yên chỗ khiến tôi cảm thấy tôi đã làm gì đó, giống như gặt hái một mớ tiền lời mà tôi đã không đầu tư, tôi đã kiếm được tiền đâu mà đầu tư.

Nhưng tôi cũng biết rằng tôi đang dồn đời mình vào chỗ nguy khốn với những câu *sau này cố lần nữa*, và những tháng, những mùa, suốt nhiều năm, cả cuộc đời có thể đi qua chỉ với ông Thánh *Sau-này-cố-lần-nữa* in dấu từng ngày. *Sau này cố lần nữa* có hiệu quả với người như Oliver. *Nếu không sau này thì khi nào?* mới là dấu ấn của riêng tôi.

Nếu không sau này thì khi nào? Chuyện gì xảy ra nếu anh lần ra được tôi và tung hê mỗi một bí mật của tôi với bảy chữ sắc như dao ấy?

Tôi phải cho anh biết tôi hoàn toàn không có cảm giác với anh.

Vài buổi sáng sau đó, sau cuộc nói chuyện với anh, tôi bị rối loạn, và hiểu ra rằng anh không chỉ lơ tịt đi tất thấy những lời hay ý đẹp của tôi về Chiara, mà tôi còn bị nhầm lẫn hoàn toàn.

“Anh nói sao, nhầm lẫn là sao?”

“Tôi không quan tâm.”

Tôi không biết ý anh là không quan tâm việc trao đổi về nó, hay không quan tâm tới Chiara.

“Ai cũng quan tâm mà.”

“Ừ có thể. Nhưng tôi thì không.”

Vẫn chưa rõ.

Giọng anh có gì đó khô khốc, khó chịu và kiêu cách.

“Nhưng tôi thấy hai người với nhau.”

“Cái cậu thấy không phải là chuyện của cậu. Dù sao, tôi không chơi trò này với em hay cậu đâu.”

Anh rít điều thuốc, rồi nhìn lại tôi bằng ánh mắt dọa dẫm, lạnh băng như thường lệ, ánh mắt ấy có thể cắt và khoan vào tận tâm can tôi cực kỳ chính xác.

Tôi nhún vai. “Này, tôi xin lỗi,” rồi trở lại với mớ sách của mình. Tôi lại vượt qua ranh giới và không có cách nào thoát được một cách hòa nhã, trừ khi chịu thừa nhận rằng tôi đã quá là thiếu suy xét.

“Có lẽ cậu nên thử,” anh ném một câu.

Tôi chưa từng nghe anh nói bằng giọng bền lên vậy bao giờ. Thường khi tôi mới là người chấp chới vượt ra khỏi rìa khuôn phép.

“Cô ấy không muốn dính líu gì với tôi.”

“Cậu có muốn không?”

Chuyện gì đây, và tại sao tôi lại cảm thấy một cái bẫy giăng ra vài bước trước mặt?

“Không?” Tôi đáp lại cẩn trọng, không nhận ra rằng sự rụt rè của mình đã biến chữ “không” của mình nghe như một câu hỏi.

“Cậu chắc không?”

Lẽ nào tôi đã từng vô tình khiến anh tin rằng tôi muốn có nàng ngay từ đầu?

Tôi nhìn lên anh như thách thức lại anh.

“Anh thì biết gì?”

“Tôi biết cậu thích cô nàng.”

“Anh không hề biết tôi thích gì cả,” tôi gắt. “Không hề biết.”

Tôi đang cố tỏ vẻ hóm hỉnh và bí ẩn, như thể đang đề cập tới một cõi trải nghiệm mà người như anh chẳng biết chút gì. Nhưng giọng tôi chỉ đủ sức biểu đạt sự cău kỉnh và kích động.

Một kẻ ít biết nắm bắt tâm hồn con người hơn sẽ nhận thấy rằng dù tôi khẳng khẳng phủ nhận, trong lòng tôi đang kinh hoàng, cố che giấu đi sự thừa nhận về Chiara.

Một kẻ quan sát từng trải hơn sẽ xem đó là một lối vào dẫn tới sự thật hoàn toàn khác: đẩy cửa mở ra thì gắng mà chịu – hãy tin tôi, bạn không muốn nghe điều này. Có lẽ bạn nên đi ngay khi hãy còn kịp.

Nhưng tôi cũng biết rằng hể anh mà tỏ dấu hiệu nghi ngờ sự thật, tôi sẽ cố mọi cách để tống khứ anh đi ngay lập tức. Tuy vậy, nếu anh không nghi ngờ gì thì những lời lẽ hoang mang của tôi cũng sẽ khiến anh bị lạc lõng y như vậy. Rốt cuộc thì tôi vui hơn nếu anh nghĩ tôi muốn Chiara, hơn là nếu anh đẩy vấn đề đi xa hơn và khiến tôi tự lật tẩy chính mình. Không nói nên lời, tôi sẽ thừa nhận những gì tôi chưa muốn tượng ra cho mình hoặc không biết tôi có để mà thừa nhận. Không nói nên lời,

tôi sẽ tới nơi mà thân thể tôi khao khát tới quá sớm, chứ không phải sau vài tiếng đồng hồ chuẩn bị trước. Tôi sẽ đỏ mặt, và đỏ mặt bởi vì tôi đã đỏ mặt, rối rắm với chữ nghĩa và cuối cùng suy sụp – và rồi tôi sẽ tới đâu? Anh sẽ nói gì?

Tốt hơn là suy sụp ngay, tôi nghĩ, còn hơn là sống thêm một ngày nữa để mà tung tẩy những điều phân tích lan man của tôi về mấy chữ *sau này cố lần nữa*.

Không, tốt hơn cả là anh chẳng bao giờ biết. Tôi có thể sống với điều đó. Tôi luôn luôn có thể sống như vậy. Thậm chí tôi chẳng ngạc nhiên khi thấy thật là dễ dàng chấp nhận.

Vậy mà đột nhiên, một khoảnh khắc êm dịu xảy tới thật bất ngờ giữa chúng tôi, tới nỗi những lời tôi khao khát thổ lộ với anh suýt nữa đã cất lên. Tôi gọi đó là những lúc đồ tắm màu xanh lá – ngay cả sau khi cái lý thuyết về màu đồ của tôi bị bác bỏ hoàn toàn và chẳng cho tôi chút lòng tin nào để mà kỳ vọng sự tử tế vào những ngày “xanh dương” hay dè chừng những ngày “đỏ.”

Nhạc là đề tài chúng tôi dễ dàng tán chuyện, đặc biệt là khi tôi ngồi bên cây piano. Hoặc khi anh muốn tôi chơi gì đó theo cách thế này thế kia. Anh thích những bản phối có hai, ba hay thậm chí bốn nhà soạn nhạc vang lên trong cùng một tác phẩm, và rồi được tôi chép lại. Một hôm nọ Chiara bắt đầu ngâm nga một điệu nhạc thịnh hành rồi đột nhiên, vì là một ngày nhiều gió, và chẳng ai ra bãi biển hay ở ngoài trời, bạn bè chúng tôi tụ lại quanh đàn piano ở phòng khách trong khi tôi ứng tấu một biến

khúc của Brahms cho bản cải biên của Mozart của chính ca khúc đó. “Cậu làm điều đó thế nào?” Một sáng nọ anh hỏi tôi khi nằm trong *thiên đàng*.

“Đôi khi, cách duy nhất để ta hiểu một nghệ sĩ là hòa mình vào họ, vào bên trong họ. Rồi mọi thứ sẽ diễn ra tự nhiên.”

Chúng tôi lại nói chuyện về sách. Trước thì tôi hiếm khi nói với ai ngoài bố tôi về sách.

Hoặc chúng tôi nói chuyện về âm nhạc, về các triết gia tiền Socrates, về đại học ở nước Mỹ.

Hoặc về bé Vimini.

Lần đầu tiên cô bé xâm nhập vào những buổi sáng của chúng tôi chính xác là khi tôi vừa chơi một biến khúc của các biến khúc cuối cùng của Brahms dựa theo nhạc Handel.

Giọng cô bé phá vỡ sức nóng oi ả giữa buổi sáng.

“Anh đang làm gì vậy?”

“Làm việc,” tôi đáp.

Oliver đang nằm úp bụng thẳng đờ bên rìa bể bơi, nhìn lên, mồ hôi chảy xuống từ cặp xương bả vai.

“Anh cũng vậy,” anh nói lúc cô bé quay sang hỏi anh cùng câu đó.

“Anh đang nói, không phải đang làm.”

“Cũng vậy thôi.”

“Em ước gì em được làm việc. Nhưng chẳng ai giao việc gì cho em.”

Oliver, vốn chưa từng gặp Vimini, nhìn lên tôi, rất đỗi sững sốt, như thể anh không biết luật của cuộc nói chuyện này.

“Oliver, đây là Vimini, hàng xóm nhà bên của chúng ta.”

Cô bé chìa tay ra cho anh, và anh bắt.

“Vimini có cùng ngày sinh với tôi, nhưng cô bé mười tuổi. Vimini cũng là một thiên tài. Có đúng em là một thiên tài không, Vimini?”

“Người ta nói vậy. Nhưng có lẽ em sẽ không được.”

“Sao lại vậy?” Oliver truy vấn, cố gắng không ra vẻ bề trên quá mực.

“Sẽ là một chuyện không hay nếu tạo hóa cho em làm một thiên tài.”

Oliver trông sững sốt chưa từng thấy: “Nói gì chứ?”

“Anh ấy không biết phải không?” Cô bé hỏi tôi trước mặt anh.

Tôi lắc đầu.

“Người ta nói em có lẽ không sống được lâu.”

“Sao em lại nói vậy?” Anh trông choáng váng. “Sao em biết được?”

“Ai cũng biết mà. Bởi vì em bị bệnh bạch cầu.”

“Nhưng em thật là đẹp, trông khỏe mạnh lắm, thông minh nữa,” anh phản đối.

“Em nói rồi đó, thật là đùa ác mà.”

Lúc ấy, Oliver đang quỳ trên cỏ, đánh rơi quyển sách xuống đất.

“Hay hôm nào em sang đây đọc cho anh nghe,” cô bé nói. “Em thật ra là rất hiền, em thấy anh cũng hiền nữa. Thôi, chào nhé.”

Cô bé leo qua gờ tường. “Mà em xin lỗi nếu có lỡ làm hai anh *nhảy dựng lên...à...*”

Có thể gần như thấy cô bé cố rút lại mấy chữ không hợp đó.

Nếu hôm đó, âm nhạc chưa đủ khiến cho chúng tôi gần lại với nhau thì sự xuất hiện thành linh của Vimini đã làm được.

Chúng tôi hàn huyên về cô bé suốt cả chiều. Tôi không phải kiểm chuyện để nói. Anh dành gần hết phần hỏi và nói. Oliver bị mê hoặc. Đó là lần tôi không phải nói về mình.

Không lâu sau hai người thành bạn. Buổi sáng, cô bé luôn sẵn sàng lúc anh trở về sau cuộc chạy bộ hoặc bơi sớm, và cùng nhau họ sẽ bước lại cổng nhà chúng tôi, rẽ rả xuống bậc thang rồi hướng ra một trong những tầng đá lớn, nơi họ ngồi và nói chuyện tới tận giờ điểm tâm. Tôi chưa từng thấy một tình bạn nào đẹp đẽ hơn, hoặc mãnh liệt hơn. Tôi chưa từng thấy ghen tị, và không có ai, chắc chắn là cả tôi cũng không dám xen vào giữa họ, hay nghe lỏm họ. Tôi sẽ không bao giờ quên cảnh cô bé trao tay cho anh khi họ mở cánh cổng xuống những bậc thang dẫn ra rặng đá. Cô bé hiếm khi đi xa tới vậy trừ khi có người lớn hơn đi cùng.

Khi tôi nghĩ về mùa hè đó, tôi không thể chia tách

diễn tiến các sự kiện. Có một vài cảnh chính. Nếu không, tất cả những gì tôi nhớ là những khoảnh khắc “lặp lại.” Nghi thức buổi sáng trước và sau điểm tâm: Oliver nằm trên cỏ, hoặc cạnh hồ, tôi ngồi bên bàn mình. Rồi tới bơi hoặc chạy bộ. Rồi anh chộp lấy chiếc xe đạp đi gặp người biên dịch trong thị trấn. Bữa ăn trưa ở chiếc bàn lớn dưới bóng râm trong khu vườn kia, hoặc bữa trưa trong nhà, luôn có một hai người khác dự vào cái *chuyện nhàm sau bữa trưa*. Những giờ chiều thì huy hoàng cùng ánh nắng và tỉnh mịch ngập tràn.

Rồi tới những cảnh còn lại: bố tôi luôn tự hỏi tôi làm gì với thời gian của mình, sao tôi lúc nào cũng một mình; mẹ thì giục tôi làm quen bạn mới nếu không thích bạn cũ, nhưng trên tất cả có một điều luôn lơ lửng trong nhà – sách, sách, sách, luôn luôn là sách, và tất cả những quyển sổ ghi điểm, chúng đều van nài tôi chơi quần vợt nhiều hơn, đi nhảy nhiều hơn, làm quen với người này người nọ, tìm hiểu xem tại sao những người khác lại cần thiết trong đời đến vậy chứ không chỉ là những dị vật để ta dần gần lại. Bố mẹ nói với tôi hoài rằng cứ làm những điều điên khùng nếu phải thế, họ luôn luôn dò xét để moi ra những dấu hiệu khó hiểu làm lộ ra nguồn cơn sự rầu rĩ mà theo cách vụng về, xâm phạm và tận tụy của họ, hai người muốn chữa lành, cứ như tôi là một chàng lính bị thương lạc vào ngôi vườn của họ và vết thương kia phải được cầm máu ngay không thì anh ta chết mất. Lúc nào con cũng có thể nói với bố. Bố tôi hay nói, bố đã từng qua tuổi con. Những gì con cảm thấy và nghĩ rằng

chỉ mình con cảm thấy, hãy tin bố, bố đã sống qua và chịu đựng tất cả, và hơn một lần – có những thứ bố chưa từng vượt qua nổi, và những thứ khác bố chẳng biết gì, cũng như con chẳng biết hôm nay. Nhưng bố gần như biết hết từng lối rẽ, từng ngục tù, từng căn phòng trong trái tim con người.

Có những cảnh khác: sự tĩnh mịch ngay sau bữa ăn – vài người ngủ, vài người làm việc, những người khác thì đọc, cả thế giới đắm chìm vào những nốt nửa cung thật khê. Những giờ thần thánh khi tiếng nói từ thế giới ngoài ngôi nhà chúng tôi sẽ lọt vào thật nhẹ tới nỗi tôi chắc là mình đã lim dim. Rồi quần vợt buổi chiều. Tắm táp và những ly cocktail. Chờ bữa ăn tối. Lại khách khứa. Bữa tối. Lần thứ hai anh đi gặp người biên dịch. Thả bộ vào thị trấn rồi trở về lúc khuya, đôi lúc một mình, đôi lúc với bạn.

Rồi có những ngoại lệ: cái buổi chiều giông bão khi chúng tôi ngồi trong phòng khách, nghe nhạc và nghe cả tiếng mưa đá bắn loạn vào mọi cửa sổ trong nhà. Đèn sẽ tắt, rồi nhạc sẽ dứt, và chúng tôi chỉ còn lại gương mặt của nhau. Một người cô cứ lú lú kể về những năm tháng kinh khiếp ở St. Louis, Missouri mà cô đọc là *San Lui*. Mẹ thì lần theo mùi hương trà Earl Grey, và văng lên từ xa dưới bếp giọng nói của chú Malfredi và dì Mafalda – những tiếng thì thầm hiếm hoi của cặp đôi đang cãi nhau the thé. Trong màn mưa có dáng hình gầy gò, phủ áo choàng, đội mũ trùm của người làm vườn đang chiến đấu với các nguyên tố của tự nhiên, luôn luôn nhỏ cò

ngay cả trong mưa, bố tôi ra dấu bằng cánh tay từ cửa sổ phòng khách, *Vào lại đi, Anchise, vào lại đi.*

“Cái ông đó khiến tôi rờn rợn thế nào,” cô tôi sẽ nói vậy.

“Xem vậy chứ ông ta phúc hậu lắm,” bố tôi sẽ đáp.

Nhưng tất cả những giờ ấy căng lên vì nỗi sợ, cứ như nỗi sợ là một bóng ma xúi quẩy, hoặc một con chim lạ bị lạc vào thị trấn của chúng tôi, cánh đầy muội đen, vấy vào mọi sinh thể những đốm bóng tối không bao giờ sạch đi. Tôi không biết mình đã sợ gì, cũng như tại sao lại lo lắng nhiều thế, tại sao điều đó có thể dễ dàng gây nên cơn hoảng loạn mà đôi lúc lại ngỡ như hi vọng, và giống như hi vọng trong những khoảnh khắc tăm tối nhất, lại mang tới niềm hân hoan, niềm hân hoan không thật, niềm hân hoan với sợi thông lọng cột quanh nó. Tiếng tim tôi đánh thịch khi trông thấy anh mà không được báo trước khiến tôi vừa khiếp hãi vừa phấn khích. Tôi đã sợ khi anh xuất hiện, sợ khi anh không, sợ khi anh nhìn tôi, càng sợ hãi hơn nữa khi anh không nhìn. Nỗi thống khổ rất cuộc làm tôi mệt đừ, và những buổi chiều nóng như thiêu, tôi chỉ còn nước đầu hàng và ngủ trên chiếc trường kỷ trong phòng khách, dù còn mơ màng nhưng vẫn biết chính xác ai trong phòng, ai nhón chân đi vào và đi ra, ai đang đứng đó, ai đang nhìn tôi và nhìn bao lâu, ai đang cố lấy một tờ báo hôm đó và cố gây ra ít tiếng sột soạt nhất, chỉ để bỏ cuộc và đi tìm danh sách phim chiếu buổi tối, dù họ có đánh thức tôi dậy hay không.

Nỗi sợ chưa bao giờ biến đi. Tôi thức dậy đã có, nhìn

nó biến thành niềm hân hoan khi tôi nghe tiếng anh tắm sớm và biết anh sẽ xuống lầu dùng điểm tâm với chúng tôi, để rồi thấy nó đông đặc lại khi thay vì uống cà phê, anh lao xuyên qua căn nhà và ngay tức thì bày biện để làm việc trong vườn. Đến giữa trưa, nỗi thống khổ vì chờ đợi anh nói bất cứ gì với tôi đã thành quá sức chịu đựng. Tôi biết rằng một giờ nữa, chiếc trường kỷ chờ đón tôi. Điều đó khiến tôi ghét bản thân vì cảm thấy sao mà xui xẻo, sao mà hoàn toàn vô hình, sao mà si dại, sao mà non nớt đến vậy. Hãy nói gì đi, hãy chạm tôi đi, Oliver. Nhìn tôi đủ lâu anh sẽ thấy nước mắt tôi dâng trào. Gõ cửa phòng tôi khi đêm thì sẽ biết tôi để cửa khép hờ cho anh. Bước vào trong đi. Giường tôi luôn có chỗ.

Tôi sợ nhất là những ngày không thấy anh những khoảng thời gian khá lâu – cả những buổi chiều và tối đôi lúc chẳng biết anh đã đi đâu. Thi thoảng tôi bắt gặp anh băng qua quảng trường hoặc chuyện trò với những người tôi chưa từng thấy nơi đó. Nhưng cái đó không tính, bởi trong quảng trường nhỏ nơi người ta tụ tập gần giờ nghỉ, anh hiếm khi nhìn tôi lần thứ hai, chỉ là cái gật đầu nhiều khi là nhằm vào người bố của tôi, chứ không hẳn là với tôi.

Bố mẹ tôi, nhất là bố tôi vui khôn xiết vì có anh. Oliver giúp việc giỏi hơn hầu hết các khách trọ hè của chúng tôi. Anh giúp bố tôi sắp xếp giấy tờ, quản lý tốt nhiều thư từ nước ngoài của ông, và rõ ràng là đang tiến triển với quyển sách của chính anh. Đời sống riêng tư và thời gian của anh là chuyện riêng của anh – *Nếu tuổi trẻ phải đi*

nước kiệu thì ai sẽ lo nước đại? là câu châm ngôn vụng về của bố tôi nói về anh. Trong ngôi nhà chúng tôi, Oliver chẳng thể làm gì sai cả.

Bởi bố tôi không bao giờ để ý tới những lần vắng mặt của anh, tôi nghĩ sẽ an toàn hơn nếu không bao giờ để lộ ra rằng những lần ấy gây cho tôi bất kỳ sự âu lo nào. Tôi nhắc tới sự vắng mặt của anh chỉ khi một trong hai người hỏi anh đã đi đâu; tôi sẽ vờ ngạc nhiên như họ. À phải nhỉ, anh ta đi lâu quá. Không, không biết. Và tôi phải lo chuyện không được tỏ vẻ quá ngạc nhiên nữa, bởi vì như vậy có thể thành ra giả tạo, và đánh động với hai người điều gì khiến tôi u sầu. Họ mà bắt gặp hành vi gian dối là biết ngay tức thì. Tôi ngạc nhiên vì họ còn chưa. Họ luôn nói rằng tôi *quá dễ gần* với người ta. Tuy vậy, mùa hè này, rốt cuộc tôi nhận ra ý của họ trong chữ *quá dễ gần*. Rõ ràng là chuyện đã xảy ra trước đây, và họ hẳn đã nhận thấy, rất có thể là hồi tôi còn quá nhỏ để nhận thấy bất cứ gì. Nó đã tạo ra những gợn sóng báo động suốt đời họ. Họ lo lắng cho tôi. Tôi biết họ lo là đúng. Tôi chỉ hi vọng họ sẽ không bao giờ biết sự thể cách xa những lo lắng thông thường của họ đến nhường nào. Tôi biết họ chẳng nghi ngờ gì, và điều này phiền lòng tôi – dù ngược lại tôi sẽ chẳng muốn. Như vậy nếu tôi không còn trong suốt nữa và có thể nguy hại nhiều đến vậy trong đời mình, thì rốt cuộc tôi đã được an toàn khỏi họ, và khỏi anh – nhưng với cái giá nào, và tôi có muốn được an toàn tới vậy khỏi bất kỳ ai chẳng?

Không có ai để mà thổ lộ. Tôi kể cho ai mới được?

Dì Mafalda? Dì sẽ đi khỏi nhà. Cô của tôi? Rất có thể cô sẽ nói với mọi người. Marzia, Chiara, bạn bè tôi? Họ sẽ bỏ tôi trong tích tắc. Anh em họ của tôi lúc họ tới chơi? Không bao giờ. Bố tôi có quan điểm phóng khoáng nhất – nhưng trong chuyện này? Ai khác nữa? Viết thư cho một trong các giáo viên của tôi? Gặp bác sĩ? Nói là tôi cần một bác sĩ trị điên? Nói với Oliver?

Nói với Oliver. Không có ai khác để nói với cả, Oliver ạ, nên tôi e người đó sẽ phải là anh...

Một chiều nọ, khi tôi biết trong nhà chẳng có ai, tôi lên phòng anh. Tôi mở tủ đồ của anh và vì đây là phòng tôi lúc không có khách nào, giả vờ tìm gì đó tôi đã bỏ lại trong số những ngăn kéo dưới cùng. Tôi dự tính là sẽ lục mớ giấy tờ của anh, nhưng ngay khi tôi mở tủ ra, tôi thấy nó. Treo trên móc là chiếc quần tắm màu đỏ hồi sáng mà anh vẫn chưa mặc đi bơi, là lý do tại sao nó nằm trong tủ chứ không phải đang khô đi ngoài ban công. Tôi nhặt nó lên, chưa bao giờ trong đời tôi tọc mạch vào đồ đạc cá nhân của người khác. Tôi đưa chiếc quần tắm lên mặt, rồi chà mặt mình vào lớp trong, như thể đang cố rúc vào nó và biến mất sau những lần gấp của nó – Vậy ra đây là mùi của anh khi người anh không bôi kem rôm nắng, đây là mùi của anh, đây là mùi của anh, tôi cứ lặp lại với mình như thế, nhìn vào trong chiếc quần để tìm gì đó còn riêng tư hơn mùi của anh, và rồi hôn lên từng góc của nó, gần như là ước ao tìm được lông, bất cứ gì để liếm, để cho cả chiếc quần vào miệng, giá mà tôi có thể đánh cắp nó, giữ nó với tôi mãi mãi, không bao giờ để

dì Mafalda giặt nó, dùng tôi nó trong những tháng mùa đông ở nhà, và khi hít nó thì tái hiện lại anh, trần trụi như anh bên tôi ngay lúc này. Bất giác, tôi cởi chiếc quần tắm của mình và bắt đầu mặc của anh vào. Tôi biết mình muốn gì, và tôi muốn nó với một tâm trạng mê ly, như vẫn thường khiến con người ta nhận lấy những rủi ro mà họ không bao giờ nhận ngay cả khi đã say khướt. Tôi muốn để lại bằng chứng cho anh tìm thấy đam mê của tôi trong đó. Rồi khi ấy một ý niệm còn điên khùng hơn choán lấy trí tôi. Tôi gỡ khăn trải giường của anh lên, cởi chiếc quần tắm của anh, rồi cuộn người giữa những tấm đắp của anh, trần trụi. Hãy để anh tìm ra mình – tôi sẽ đối mặt mà giải quyết, dù bằng cách này hay cách khác. Tôi nhận ra cảm giác trên giường. Giường của tôi. Nhưng mùi của anh ở khắp quanh tôi, trọn vẹn và hòa dịu, giống như cái mùi kỳ lạ đã đột nhiên phủ trùm lên thân thể tôi khi một ông cụ lớn tuổi tình cờ đứng ngay bên phải tôi trong một đền thờ vào ngày Yom Kippur¹ đặt tấm khăn tallis² của ông lên đầu tôi cho đến khi tôi gần như biến mất hoàn toàn và lúc bấy giờ hòa vào một cõi nào luôn tản mát nhưng thi thoảng tụ lại khi một thực thể và một thực thể khác phủ trùm họ bằng cùng một mảnh vải ấy. Tôi đặt gối anh lên mặt mình, hôn điên dại, và kẹp chân mình quanh nó, nói với nó rằng tôi không đủ can đảm để

1 Yom Kippur: ngày thiêng liêng nhất trong lịch Do Thái, họ nhịn ăn và đọc kinh sám hối

2 tallis: khăn choàng bằng vải trắng của người Do Thái, có viền bốn góc, có sọc tía, đen hoặc xanh, dùng trong lễ cầu kinh buổi sáng

nói với những người khác trên cõi đời. Rồi tôi nói với anh những gì muốn nói. Mất không đến một phút.

Bí mật đã ra khỏi thân thể tôi. Nếu anh thấy thì sao. Nếu anh bắt gặp tôi thì sao. Thì đã sao, thì đã sao, thì đã sao.

Từ phòng anh trở lại phòng tôi, tôi tự hỏi có bao giờ mình đủ điên để làm chuyện đó lần nữa hay chẳng.

Tối hôm ấy tôi theo dõi cẩn thận vị trí của mọi người trong nhà. Con ham muốn đáng hổ thẹn lại ào tới tôi nhanh hơn tôi tưởng tượng. Biết đâu chừng tôi lại lên lên lầu như không.

Một buổi tối nọ lúc đang đọc sách trong phòng đọc của bố, tôi gặp câu chuyện về một chàng hiệp sĩ trẻ đẹp si mê một nàng công chúa. Nàng cũng yêu chàng, dù rằng nàng có vẻ không hoàn toàn nhận biết điều ấy, và dù tình bạn nảy nở giữa họ, hoặc có lẽ vì chính tình bạn ấy, chàng thấy mình sao quá đối hèn mọn và ghen ngào bởi sự trong trắng đến đáng sợ của nàng, đến nỗi chàng hoàn toàn không thể nói lên được tình yêu của mình. Một ngày kia chàng thẳng thừng hỏi nàng: “Nói ra hay chết quách đi thì tốt hơn?”

Tôi thậm chí chưa bao giờ đủ can đảm để hỏi một câu như vậy.

Nhưng điều tôi đã nói với chiếc gối của anh cho tôi biết rằng ít ra trong một khoảnh khắc, tôi đã tập vượt cái sự thật, đưa nó ra khỏi miền thinh lặng, rằng tôi thực ra đã thích nói nó ra, và nếu anh tình cờ đi ngang ngay

khoảnh khắc tôi lẩm nhẩm những điều tôi sẽ không dám nói với chính mình trong gương, tôi sẽ chẳng bận tâm, sẽ chẳng phiền – cho anh biết, cho anh thấy, cho anh phán xét luôn nếu anh muốn – chỉ cần đừng nói với ai – ngay cả khi anh là cả thế giới với em ngay lúc này, ngay cả khi trong mắt anh là một thế giới kinh sợ, đầy khinh miệt. Cái ánh nhìn sắt đá ấy của anh, Oliver, em thà chết còn hơn nhận lấy nó một khi em đã thổ lộ với anh.

Phần 2

Gò vẽ của Monet

Gần tới ngày cuối tháng Bảy, mọi chuyện đòi hỏi tôi phải có hành động. Dường như sau Chiara, anh có một loạt *cotte*¹, say nắng, say nắng ngắn, say nắng một đêm, rồi chơi bời, ai mà biết được. Đối với tôi, tất cả kết đọng lại ở một điều: cái ấy của anh đã tung tăng khắp B. Mỗi cô gái đều đã chạm vào cái của quý của anh. Nó đã giao lưu với biết bao nhiêu là âm đạo, bao nhiêu mồm miệng. Tôi thấy hình dung đó thú vị. Chưa bao giờ tôi buồn bực khi nghĩ tới cảnh anh ở giữa cặp chân một cô gái, cô ta nằm đối mặt anh, đôi vai rộng, rám nắng, lấp lánh của anh cứ lên xuống như tôi đã tưởng tượng vào buổi chiều đó, lúc tôi cũng kẹp chiếc gối của anh giữa chân mình.

Chỉ cần nhìn vào đôi vai anh trong khi anh đang xem bản thảo trong cái *thiên đàng* của anh là tôi thắc mắc đêm qua đôi vai đó đã ở chốn nào. Mỗi lần anh dịch người, cặp xương bả vai chuyển động thật thoải mái, tự do, và thật vô tư chúng bắt lấy ánh nắng mặt trời. Có phải người đàn bà nằm bên dưới anh đêm qua đã cắn vào, thấy đôi vai đó có vị biển? Hay là vị kem rám nắng của anh? Hay có mùi chăn gối lúc tôi nằm vào?

1 *cotte*: say nắng (tiếng Ý)

Tôi ước ao mình có đôi vai như vậy. Có lẽ tôi sẽ không khao khát, nếu tôi có?

*Muvi star*¹.

Tôi có muốn giống anh không? Tôi có muốn mình là anh không? Hay tôi chỉ muốn có anh thôi? Hay “hiện hữu” và “sở hữu” là những động từ hoàn toàn sai bét khi nói về mớ bòng bong của sự khao khát, theo đó chuyện có được thân xác một người để mà sờ nắm và chuyện ta là người mà ta khao khát chạm vào là cùng một chuyện, chỉ như đôi bờ một con sông chảy từ ta đến người đó, trở lại ta và rồi trở sang người đó trong vòng mạch vĩnh cửu, trong đó những tâm thất, giống như những cánh cửa lật của khao khát, và những lỗ thông thời gian, và cái ngăn kéo có đáy giả mà ta gọi là nhân thân có cùng một logic lừa dối, tùy thuộc vào đó mà khoảng cách ngắn nhất giữa cuộc đời thực và cuộc đời ta không sống, giữa con người thật của ta và con người ta mong muốn, là một cái cầu thang xoắn xít được thiết kế với sự tàn ác quỷ quái của M. C. Escher². Tự khi nào chúng đã chia rẽ hai ta, anh và tôi, hờ Oliver? Và tại sao tôi biết, còn anh lại không? Có phải thân thể anh là cái tôi muốn, khi tôi nghĩ tới cảnh nằm bên cạnh thân thể đó mỗi đêm, hay tôi muốn lên vào đó và chiếm lấy cứ như nó là của chính mình, như tôi đã làm khi tôi mặc đồ tắm của anh rồi lại cởi ra, lúc nào

1 Ngôi sao điện ảnh

2 M. C. Escher: Maurits Cornelis Escher (1898 – 1972), một họa sĩ trường phái siêu thực, nổi tiếng vì những bức tranh chứa đựng sự phi lý.

cũng thêm muốn, khi tôi chẳng thêm muốn gì hơn trong đời mình vào buổi chiều đó hơn là cảm nhận anh trượt vào trong tôi như thể cả thân người tôi là bộ đồ tắm của anh, nhà của anh? Anh trong tôi, tôi trong anh...

Rồi ngày đó tới. Chúng tôi ở trong vườn, tôi nói với anh về cuốn tiểu thuyết ngắn mà tôi vừa đọc xong.

“Sách về gã hiệp sĩ không biết nên nói hay là chết quách đi. Cậu có kể rồi.”

Rõ là tôi có kể, và đã quên.

“Phải.”

“Thế nào, hẳn biết hay là không biết?”

“Nàng bảo, nói ra thì tốt hơn. Nhưng nàng cảnh giác, nàng cảm thấy như có bẫy.”

“Rồi hẳn có nói không?”

“Không, hẳn lảng tránh.”

“Biết mà.”

Khi đó là ngay sau bữa điểm tâm. Cả hai đều không có hứng làm việc.

“Này, tôi cần vào thị trấn lấy một thứ.”

Một thứ luôn là những trang mới nhất từ người biên dịch.

“Nếu anh muốn thì tôi đi cho.”

Anh ngồi im lặng một lát.

“Không, đi chung đi.”

“Bây giờ à?” Thật ra tôi có ý hỏi là, Thật chứ?

“Ờ, cậu có gì khác để làm à?”

“Không.”

“Vậy thì đi.” Anh đặt vài trang giấy vào cái ba-lô xanh lá cũ sờn rồi quảy nó lên vai.

Kể từ lần cuối chúng tôi đi xe tới B. , anh chưa từng hỏi tôi đi bất cứ đâu với anh.

Tôi đặt cây viết mực của mình xuống, gập cuốn sổ cái biên nhạc, đặt cái ly còn nửa nước chanh lên trên mớ giấy, vậy là sẵn sàng đi.

Trong lúc ra nhà kho, chúng tôi đi ngang ga-ra.

Như thường lệ, chú Malfredi, chồng dì Mafalda, đang cãi nhau với già Anchise. Lần này chú tố rằng ông đã tưới quá đậm cây cà chua, như vậy là sai cả, bởi vì cà chua đang lớn nhanh quá. “Rồi cà xanh éo cho mà xem,” chú phàn nàn.

“Này, tôi lo cà chua, anh lo lái xe, vậy là vui vẻ cả nhé.”

“Ông không hiểu. Ngày xưa có lúc ông dời mấy cây cà chua từ một chỗ qua chỗ khác, từ chỗ này qua chỗ kia” – chú nhấn mạnh – “rồi ông trồng húng quế gần bên nữa. À phải rồi, ai từng đi lính thì biết tuốt.”

“Đúng đấy.” Già Anchise phớt lờ.

“Tất nhiên tôi đúng. Cho nên họ giữ ông lại trong quân đội làm gì.”

“Đúng luôn. Họ không giữ tôi lại trong quân đội.”

Cả hai chào chúng tôi. Ông thợ vườn trao chiếc xe đạp cho Oliver. “Tối qua tôi nắn thẳng lại bánh xe, cũng tốn chút công. Tôi còn bơm thêm hơi vào lốp nữa.”

Chú Malfredi cúi hết chỗ nói.

“Từ rày trở đi, tôi sửa bánh xe, còn ông trồng cà chua,” chú tài xế bực tức.

Già Anchise cười nhảu nhờ. Oliver cười lại.

Khi tới lối đi bên hàng cây bách dẫn vào con đường chính ra thị trấn, tôi hỏi Oliver, “Ông ấy không làm anh rờn rợn sao?”

“Ai?”

“Già Anchise.”

“Không, sao chứ? Bữa nọ lúc về tôi bị ngã, thấy xước khá nặng. Ông Anchise bắt tôi uống thứ rượu phù thủy gì đó, còn sửa xe cho tôi nữa.”

Một tay trên thanh ghi-đông, anh nhấc áo lên, để hở ra một vết xước lớn cùng mảng bầm bên hông trái.

“Vậy mà tôi vẫn rờn rợn,” tôi nói, lặp lại nhận định của người cô.

“Chỉ là một linh hồn lạc lối thôi mà.”

Tôi những muốn chạm vào, mân mê, tôn thờ vết xước ấy.

Trên đường đi, tôi nhận thấy Oliver đang thông thả. Anh không vội, không phi nhanh, không chia đoạn con đường ra với lòng hăng hái của vận động viên như thường lệ. Có vẻ anh cũng chẳng vội gì trở về với công việc giấy tờ, hay gặp bạn trên bãi biển, hay bỏ tôi, như thường lệ. Có lẽ anh chẳng có gì hay hơn để làm. Đây là giây phút tôi ở *thiên đàng*. Tôi còn trẻ tuổi, tôi biết điều ấy sẽ không được lâu, và tôi nên tận hưởng thực tại chứ đừng phá hỏng bằng giải pháp thường là kỳ cục nhằm để thất

chặt tình bạn giữa chúng tôi hoặc đẩy nó lên một trạng thái khác. Sẽ không bao giờ có tình bạn, tôi nghĩ, lúc này không là gì cả, chỉ là một phút ân huệ mà thôi. *Zwischen Immer und Nie*¹. Giữa luôn luôn và không bao giờ. Celan.

Khi chúng tôi tới quảng trường trông ra biển, Oliver dừng để mua thuốc lá. Anh đã bắt đầu hút Gauloise². Tôi chưa từng thử Gauloise, nên hỏi anh cho thử. Anh lấy một que diêm ra khỏi hộp, cúp tay lại sát cận mặt tôi rồi châm điếu thuốc. “Không tệ, nhỉ?” “Không tệ chút nào.” Tôi nghĩ, những điếu thuốc này sẽ nhắc tôi nhớ về anh, nhớ về ngày hôm nay, chợt nhận ra rằng chưa đầy một tháng nữa anh sẽ hoàn toàn biến mất không dấu vết.

Đây rất có thể là lần đầu tiên tôi cho phép mình đếm số ngày anh còn ở lại B.

“Nhìn mà xem này,” anh nói trong lúc chúng tôi dắt xe bước thong thả dưới mặt trời giữa buổi sáng về phía rìa quảng trường trông xuống những ngọn đồi nhấp nhô bên dưới.

Xa hơn bên dưới là cảnh biển tuyệt vời, chỉ có vài dải bọt đánh dấu bờ vịnh như những con cá heo khổng lồ phá những cơn sóng vỗ. Một chiếc xe buýt tí hon đang bò lên dốc, trong khi ba người đi xe máy mặc đồng phục tụt lại đằng sau nó, hẳn là đang cần nhả vì hứi khói. “Chắc cậu biết lời đồn về người chết đuối gần chỗ đây,” anh nói.

1 *Zwischen Immer und Nie*: Giữa luôn luôn và không bao giờ (tiếng Đức)

2 Gauloise: Một nhãn hiệu thuốc lá của Pháp. Điếu thuốc lá Gauloise truyền thống ngắn, đường kính to, không đầu lọc, làm bằng sợi thuốc lá sẫm màu từ Syria và Thổ Nhĩ Kỳ cho mùi thuốc mạnh đặc trưng.

“Shelley.”

“Chắc cậu cũng biết người vợ Mary cùng thân hữu đã làm gì khi tìm thấy xác ông?”

“*Cor cordium*, tim của những trái tim,” tôi đáp, ý nói tới giây phút một thân hữu nắm lấy trái tim của Shelley trước khi lửa hoàn toàn phủ trùm thi thể trượng phu của ông đang được hỏa táng trên bờ biển. Tại sao anh lại bóp chặt trái tim tôi?

“Sao cái gì cậu cũng biết hết vậy?”

Tôi nhìn anh. Đây là khoảnh khắc của tôi. Tôi có thể nắm lấy nó hoặc để mất nó, nhưng dù chọn cách nào thì tôi biết mình sẽ chẳng bao giờ vượt qua được. Hoặc tôi có thể hã hê vì lời khen của anh – nhưng rồi sống hối tiếc mọi điều khác. Đây có lẽ là lần đầu trong đời tôi nói chuyện với một người lớn mà không tính trước điều mình sắp nói. Tôi quá căng thẳng, chẳng tính toán được gì.

“Tôi không biết gì cả, Oliver. Không gì hết.”

“Cậu biết nhiều hơn bất kỳ ai trong vùng này.”

Tại sao anh đáp lại giọng điệu gần như bị kích của tôi bằng một câu tăng bốc nhặt thếch như vậy?

“Giá mà anh biết rằng tôi biết rất ít về những điều thật sự quan trọng.”

Tôi đang đi xuống nước, không phải để chìm hay để bơi vào chốn an toàn, chỉ là đứng yên chỗ, bởi vì sự thật là thế này – ngay cả khi tôi không thể nói ra sự thật hoặc gợi ý về nó, tôi dám thề là nó nằm quanh chúng tôi thôi,

giống như cách ta nói về một cái vòng cổ rớt mất khi ta bơi: Tôi biết nó ở đâu đó dưới kia. Ước gì anh biết, giá mà anh biết được rằng tôi đang cho anh cơ hội để suy ra từ những điều đã biết, và hiểu được tất cả.

Nhưng nếu anh hiểu thì hẳn anh đã nghi ngờ, và nếu anh nghi ngờ thì chính anh đã đến đó, nhìn tôi từ một đường song song bằng ánh mắt sắt đá, thù địch, trong veo, sắc sảo và biết tuốt.

Hẳn anh đã phát hiện ra gì đó, dù chỉ có trời mới biết là gì. Có lẽ anh đang cố tỏ ra điềm nhiên.

“Những điều gì mới quan trọng?”

Có phải anh đang không thành thật?

“Anh biết điều gì mà. Tới lúc này thì hơn ai hết, *anh* nên biết mới phải.”

Im lặng.

“Tại sao cậu nói với tôi tất cả những chuyện này?”

“Bởi tôi nghĩ anh nên biết.”

“Bởi cậu nghĩ tôi nên biết.” Anh chậm rãi nhắc lại câu đó, cố hiểu trọn nghĩa, cứ lặt đi lặt lại, lần nữa bằng cách lặp lại những chữ ấy. Tôi biết là tình thế đang gay go.

“Bởi vì tôi muốn *anh* biết,” tôi buột miệng. “Bởi vì tôi chỉ có thể nói với một mình anh thôi, không ai khác.”

Đó, tôi nói ra rồi.

Lời ấy có ý nghĩa chăng?

Tôi sắp sửa cắt lời và đánh trống lảng bằng cách nói gì đó về biển, về thời tiết ngày mai và có nên đi thuyền tới E. như cha tôi hứa hẹn vào thời điểm này mỗi năm.

Nhưng thừa biết là anh không tha cho tôi.

“Cậu biết cậu đang nói gì không?”

Lần này tôi nhìn ra biển, bằng một giọng mơ hồ và mệt mỏi là sự đánh lạc hướng, chốn ẩn náu, đường thoát duy nhất của mình, nói rằng, “Vâng, tôi biết mình đang nói gì, và anh không nhầm lẫn *một chút gì* cả. Tôi không giỏi mấy chuyện ăn nói. Nhưng anh định không bao giờ nói với tôi nữa cũng không sao.”

“Khoan. Cậu nói điều mà tôi nghĩ cậu đang nói đó à?”

“Và-âng.” Vì tôi đã thốt ra điều bí mật, tôi có thể dùng đến cái kiểu cách thoải mái và hơi cáu tiết mà một tên tội phạm vốn đã đầu thú cảnh sát lại thú tội lần nữa với một viên cảnh sát khác nữa chuyện hắn đã cướp cửa tiệm như thế nào.

“Chờ tôi đây nhé, tôi phải lên lầu lấy vài giấy tờ. Đừng đi đâu.”

Tôi nhìn anh và cười cả tin.

“Anh biết rõ là tôi sẽ không đi đâu cả.”

Tôi nghĩ, nếu đó không phải là một lời thú nhận thì còn là gì nữa?

Trong khi chờ, tôi dắt cả hai chiếc xe về phía đài tưởng niệm chiến tranh tôn vinh những thanh niên của thị trấn đã hi sinh trong trận chiến Piave hồi thế chiến thứ nhất. Mỗi thị trấn nhỏ ở nước Ý đều có một đài tưởng niệm tương tự. Hai chiếc xe buýt nhỏ vừa dừng gần đó và thả khách xuống – những bà cụ trọng tuổi tới từ làng mạc lân cận để mua sắm trong thị trấn. Quanh quảng

trường nhỏ, người già gồm hầu hết là đàn ông ngồi trên những chiếc ghế nhỏ ọp ẹp, lưng bọc cói hoặc trên ghế băng công viên, mặc những bộ đồ tẻ nhạt, cũ kỹ màu xám. Tôi tự hỏi có bao nhiêu người nơi đây còn nhớ về những thanh niên đã chết đi trên dòng Piave. Nếu biết họ thì bạn phải chỉ ít là tám mươi tuổi. Và ít nhất là một trăm tuổi, có khi hơn, để lớn tuổi hơn họ ngày ấy. Ở tuổi bách niên, chắc hẳn bạn học được cách vượt qua mất mát và đau khổ – hay những điều đó vẫn sẵn đuổi bạn cho tới tận phút chót? Trăm tuổi, anh chị em quên, các con trai quên, những người thân thương quên, không ai còn nhớ bất cứ gì, kể cả những ai cõi lòng tan nát nhất cũng quên nhớ nốt. Những bậc cha mẹ đã khuất bóng từ lâu. Hãy còn ai nhớ?

Một ý nghĩ vụt đến: Liệu con cháu tôi sẽ biết được những lời trên chính quảng trường này hôm nay chăng? Liệu có ai biết không? Hay lời nói sẽ tan vào thinh không như một phần trong tôi muốn vậy? Liệu đám con cháu ấy có biết số phận của chúng gần kề vực thẳm thế nào vào hôm nay trên quảng trường này? Ý nghĩ thú vị ấy cho tôi khoảng cách cần thiết để đối diện với phần còn lại của ngày hôm nay.

Sau ba mươi, bốn mươi năm nữa, tôi sẽ trở lại đây, hồi tưởng về cuộc trò chuyện tôi biết mình sẽ không bao giờ quên, dù ngày nào đó tôi có muốn quên đến mức nào đi nữa. Tôi sẽ tới đây với vợ tôi, con tôi, cho họ thấy phong cảnh, chỉ ra vịnh, những quán cà phê trong vùng, Le Danzing, và khách sạn Grand. Rồi tôi sẽ đứng đây, đòi

bức tượng cùng những chiếc ghế lưng bọc cói cũng như những chiếc bàn gỗ lung lay nhắc tôi nhớ về người có tên Oliver.

Lúc trở lại, câu đầu tiên anh thốt ra là, “Mụ Milani ngốc ngếch đó lẫn trang, nên phải gỡ lại toàn bộ. Chiều nay tôi không có gì để mà làm, chậm cả một ngày trời.”

Đến lượt anh viện cớ để đánh trống lảng. Tôi có thể để anh thoát nếu anh muốn. Chúng tôi có thể nói về biển, về dòng Piave, hoặc những triết đoạn của Heraclitus, ví dụ như “Thiên nhiên ưa thích trốn tránh” hay “Tôi đi tìm bản thể mình.” Và nếu không phải những điều ấy thì còn chuyển đi tới E. mà chúng tôi đã bàn bạc nhiều ngày qua. Còn có một đoàn nhạc thánh phòng có thể tới bất cứ ngày nào.

Trên đường, chúng tôi đi qua một cửa hiệu mẹ tôi vẫn đặt mua hoa. Khi còn nhỏ tôi thích ngắm cái cửa kính ở mặt trước luôn có một màn nước chảy xuống chậm chậm khiến cho cửa hiệu trở nên thần tiên, bí ẩn, điều này gợi cho tôi nhớ tới những cảnh trong phim khi màn ảnh mờ đi báo hiệu sự hồi tưởng.

“Ước gì tôi chưa nói ra,” rốt cuộc tôi nói.

Tôi biết ngay khi nói vậy mình đã phá vỡ điều màu nhiệm mong manh giữa chúng tôi.

“Tôi sẽ vờ là cậu chưa bao giờ nói.”

Chà, đó là một cách đối đãi mà tôi chưa từng mong ở một con người ổn thỏa đến vậy với thế gian. Tôi chưa từng nghe một câu như thế trong ngôi nhà mình.

“Ý anh là chúng ta vẫn có thể nói chuyện – nhưng không hẳn?”

Anh ngẫm nghĩ.

“Này, chúng ta không thể nói những chuyện như vậy. Thật sự không thể.”

Anh quàng túi lên người, rồi chúng tôi đi xuống đồi.

Mười lăm phút trước tôi trong trạng thái đau khổ cùng cực, đầu óc tôi quay cuồng, tâm tư bầm dập, tả tơi, bị nghiền nát như trong chiếc cối giã của dì Mafalda, tất cả tan ra cho đến khi ta chẳng thể phân biệt nỗi sợ hãi và tức giận hay một tí ti ham muốn. Nhưng khi ấy hãy còn gì để mà mong mỏi. Bây giờ chúng tôi đã ngửa hết bài, sự bí ẩn, nỗi hổ thẹn đã qua, nhưng đồng thời niềm hi vọng không lời vốn giữ cho mọi thứ sống động mấy tuần qua cũng đã biến mất.

Giờ đây chỉ còn phong cảnh và khí hậu có thể nâng đỡ tinh thần tôi. Còn có chuyến đi cùng nhau dọc con đường vắng, lúc này trong ngày chỉ có mỗi chúng tôi, và đến nơi mặt trời bắt đầu dội từng vệt nắng lên đường những chỗ không có cây cối. Tôi bảo anh theo tôi, tôi sẽ chỉ anh một chỗ mà hầu hết khách du lịch cũng như người lạ chưa từng thấy qua.

“Nếu anh có thì giờ,” tôi nói thêm, lần này không muốn tỏ ra thúc bách.

“Tôi có thì giờ,” anh nói mà trong giọng có chút mập mờ êm dịu, cứ như anh thấy lời tôi khéo một cách cường điệu nên thành ra hơi khô hời. Nhưng có lẽ đây chỉ là

một nhượng bộ nhỏ để đền bù chuyện không bàn về vấn đề trước mắt.

Chúng tôi rẽ khỏi đường lớn, hướng về rìa vách đá.

“Đây,” tôi nói như mở đầu một lời giới thiệu nhằm khiến anh quan tâm, “là nơi Monet¹ đến để vẽ.”

Những cây cọ tí hon, còi cọc cùng những cây ô-liu cong vẹo rải rác khắp trắng xanh. Rồi xuyên qua cây cối, trên một lối dốc nhỏ dẫn ra ngay rìa vách đá là một cái gò, phần nào được phủ bóng bởi những nhánh thông. Tôi tựa xe vào một cái cây, anh cũng vậy, rồi tôi chỉ anh lối lên gò. “Giờ hãy nhìn mà xem,” tôi nói, cực kỳ hài lòng, như thể đang tiết lộ điều gì hùng hồn hơn bất cứ gì tôi có thể nói trong lúc cao hứng.

Một vịnh nhỏ tĩnh lặng, yên bình nằm bên dưới tầm mắt chúng tôi. Không một dấu hiệu nào của nền văn minh quanh đây, không nhà, không cầu tàu, không thuyền câu. Xa hơn luôn là những đường nét của N. , và xa hơn nữa dường như là ngôi nhà của chúng tôi cùng những biệt thự kế cận, nơi Vimini sống, và nhà của gia đình Moreschi, họ có hai đứa con gái mà Oliver rất có thể đã ngủ cùng, một mình hay cả hai, ai mà biết được, lúc này ai mà quan tâm.

“Đây là nơi của tôi. Hoàn toàn của riêng tôi. Tôi tới đây để đọc. Tôi không đếm xuể những cuốn sách mà tôi đã đọc ở đây.”

1 Oscar-Claude Monet (1840 – 1926), họa sĩ Pháp thuộc trường phái ấn tượng

“Cậu thích ở một mình à?” Anh hỏi.

“Không. Đâu ai thích ở một mình. Nhưng tôi đã học cách chịu đựng điều đó.”

“Lúc nào cậu cũng khôn ngoan đến thế sao?” Anh hỏi. Có phải anh sắp sửa lên giọng bề trên trước khi thuyết giảng, để rồi cũng vào hòa với mọi người bảo tôi nên ra ngoài nhiều hơn, kết bạn nhiều hơn, và nếu đã kết bạn thì đừng có ích kỷ với họ quá? Hay đây là mở đầu cho anh nhận vai trò bác sĩ trị điên/bạn-hữu-tạm-thời-của-gia-đình? Hay một lần nữa tôi lại hoàn toàn hiểu sai anh?

“Tôi chẳng khôn ngoan gì cả. Nói với anh rồi mà, tôi đâu biết gì. Chỉ biết sách, và cách xâu chuỗi nghĩa lại với nhau – như vậy đâu có nghĩa là tôi biết nói về những gì quan trọng nhất với mình.”

“Nhưng giờ cậu đang nói đó thôi – theo một cách nào đó.”

“Ừa, theo một cách, đó là cách tôi luôn nói về mọi chuyện: theo một cách nào đó.”

Trông ra ngoài khơi để khỏi nhìn anh, tôi ngồi xuống cỏ và để ý anh đang nhón chân nhích đi một vài mét khỏi tôi, cứ như anh sẽ đứng phắt dậy rồi trở lại chỗ để xe bất cứ lúc nào.

Trong tôi chưa hề có ý nghĩ rằng tôi đưa anh tới đây không chỉ để cho anh thấy thế giới nhỏ của tôi, mà cũng để thế giới nhỏ của tôi cho anh vào, sao cho nơi tôi đến để được một mình vào những chiều hè cũng làm quen với anh, xét đoán anh, xem anh có hợp không, đón nhận anh

vào, sao cho tôi có thể trở lại đây mà nhớ nhung. Nơi đây tôi sẽ tới để thoát khỏi thế gian và tìm kiếm một thế giới mình tự sáng tạo nên; tôi đơn giản là giới thiệu anh với điểm xuất phát của mình. Tôi chỉ cần nêu ra danh sách tác phẩm tôi đã đọc ở đây, thế là anh sẽ biết tất cả những nơi tôi đã đi tới.

“Tôi thích cách cậu nói chuyện. Sao cậu luôn tự hạ thấp mình vậy?”

Tôi nhún vai. Có phải anh đang chỉ trích tôi vì tôi chỉ trích chính mình?

“Tôi không biết. Có lẽ để anh khỏi làm vậy.”

“Cậu sợ chuyện người khác nghĩ gì đến mức đó sao?”

Tôi lắc đầu. Nhưng tôi không biết câu trả lời. Hoặc có lẽ lời đáp rõ ràng tôi nổi tôi chẳng cần thốt lên. Những giây phút thế này khiến tôi cảm thấy mình rất dễ tổn thương, rất dễ trần trụi. Hãy thúc ép tôi, khiến tôi căng thẳng, và trừ khi tôi thúc ép lại anh, anh đã hiểu ra tôi rồi đó. Không, tôi chẳng có gì để đáp lại. Nhưng tôi cũng không nhúc nhích. Ý định bốc đồng của tôi là để anh chạy xe về nhà một mình. Còn tôi sẽ về sau, kịp giờ bữa trưa.

Anh đang chờ tôi nói điều gì. Anh nhìn tôi chằm chằm.

Tôi nghĩ, đây là lần đầu mình thách thức bản thân nhìn lại anh. Thường thì tôi chỉ liếc một cái rồi nhìn đi chỗ khác, bởi tôi không muốn chơi vơi trong ánh mắt đáng yêu, trong vạt của anh trừ khi mình được mời đón,

và tôi không bao giờ chờ đủ lâu để biết được người ta có muốn mình nhìn không; nhìn lảng đi bởi tôi quá sợ hãi nhìn lại ai đó; nhìn lảng đi bởi tôi không muốn để lộ điều gì; nhìn lảng đi bởi tôi không thể xác thực là anh có ý nghĩa thế nào. Nhìn lảng đi bởi ánh mắt sắt đá của anh luôn khiến tôi nhớ lại anh cao ngạo đến thế nào, và tôi đứng cách xa bên dưới anh đến mức nào. Giờ đây trong phút giây im lặng, tôi nhìn lại, không phải để thách đố anh hay để chứng tỏ tôi không còn nguỵng nguỵng nữa, mà là để đầu hàng, để nói anh biết đây là con người tôi, đây là con người anh, đây là điều tôi muốn, giờ đây giữa chúng mình không có gì khác ngoài sự thật, và nơi sự thật thì không có rào cản nào, không có cái liếc lura dối nào, và nếu đã vậy không có gì xảy ra, hãy đừng bao giờ nói rằng có ai đó trong chúng tôi không biết điều có thể xảy ra. Tôi chẳng còn hi vọng nào sót lại. Và có lẽ tôi nhìn lại bởi giờ đây chẳng còn gì để mà mất. Tôi nhìn lại với ánh mắt biết-tuốt, tôi-thách-anh-hôn-tôi của một người vừa thách thức vừa trốn chạy trong cùng một cử chỉ.

“Cậu đang làm khó tôi quá.”

Có lẽ nào anh đang nói tới chuyện nhìn nhau đắm đắm?

Tôi không lùi bước. Anh cũng không. Vâng, anh đang nói tới cái nhìn của hai đứa.

“Tại sao tôi lại làm khó?”

Tim tôi đập quá nhanh nên nói chẳng được liền lạc nữa. Thậm chí tôi cũng chẳng ngại cho anh thấy tôi đỏ mặt tới mức nào. Vậy thì cứ để anh thấy, cứ để anh.

“Vì như vậy sẽ rất sai trái.”

“Sẽ?” Tôi hỏi.

Vậy, phải chăng đã có một tia hi vọng?

Anh ngồi xuống cỏ, rồi nằm ngửa ra, gác tay gối đầu trong khi nhìn lên bầu trời.

“Phải, sẽ. Tôi sẽ không làm bộ là chuyện này chưa từng xảy ra trong đầu tôi.”

“Tôi sẽ là người biết sau cùng.”

“Thì xảy ra rồi. Chứ khi này, cậu nghĩ chuyện gì đã xảy ra?”

“Xảy ra?” Tôi lông ngóng thốt lên như hỏi. “Không có gì.” Tôi nghĩ thêm chút nữa. “Không có gì,” tôi lặp lại như thể điều tôi vừa lơ mơ bắt được một điều gì đó vô định tới nỗi nó có thể bị gạt đi bằng cái “không có gì” tôi lặp lại và do đó lấp vào khoảng trống im lặng đờn đau. “Không gì cả.”

“Tôi hiểu,” rốt cuộc anh đáp. “Bạn tôi ơi cậu hiểu lắm rồi,” giọng anh có vẻ kẻ cả quở trách. “Nếu nó làm cậu thấy tốt lên chút nào thì tôi phải kể lại. Đến lúc cậu cũng phải học rồi.”

“Điều tốt nhất tôi làm được là giả vờ không quan tâm.”

“Cái đó thì chúng ta đã biết cũng lâu lâu rồi,” anh đập lại tức khắc.

Tôi tan nát. Tất cả những lần khi tôi nghĩ mình đang khinh khi anh bằng cách cho thấy rất dễ để mà lừa gạt anh đi trong vườn, trên bao lơn, ở bãi biển, anh đã luôn nhìn

thấu tôi và xem động thái của tôi là dấu hiệu điển hình của tính cáu bẳn.

Lời thú nhận của anh dường như mở ra mọi ngã kênh đào giữa chúng tôi, chính xác là thứ đã đánh đắm mọi hi vọng mới nhú của tôi. Từ đây chúng tôi đi tới đâu được chứ? Còn gì để nói thêm nữa? Và lần sau chúng tôi giả vờ không nói nhưng không còn chắc là băng giá giữa chúng tôi vẫn còn là vờ vọt, thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Chúng tôi nói một chốc nữa, rồi cuộc trò chuyện vãng đi. Bởi đã ngửa hết bài trên bàn, cảm giác như cuộc tán chuyện vu vơ.

“Vậy ra đây là chỗ Monet tới để vẽ.”

“Về nhà tôi cho anh xem. Nhà tôi có một cuốn sách có những bản sao tuyệt vời phong cảnh quanh vùng này.”

“Vâng, cậu cho tôi xem mới được.”

Anh đang làm như một người học kịch trích thượng dự bị thế vai. Tôi ghét điều đó.

Tựa người trên cánh tay, cả hai chúng tôi thả ánh mắt vào quang cảnh.

“Cậu là đứa con may mắn nhất trần đời,” anh nói.

“Anh không biết gì đâu.”

Tôi để anh suy tư về lời tôi. Rồi có lẽ để lấp đi sự im lặng đang trở nên không chịu được nữa, tôi buột miệng, “Nói vậy thì rất sai.”

“Hở? Về gia đình cũng sai?”

“Cũng sai.”

“Sống ở đây suốt mùa hè, đọc sách một mình, gặp gỡ

mấy tên hầu việc mà bữa ăn nào bố cậu cũng tìm cho bằng được vào bàn mà không may à?” Anh lại đang giễu cợt tôi.

Tôi cười mỉm. Không, không phải cái đó.

Anh ngừng một lúc.

“Ý cậu là chúng ta.”

Tôi không đáp lại.

“Vậy thì xem nào...” Và tôi chưa kịp gì thì anh đã lên tới bên cạnh. Chúng tôi quá gần nhau, tôi nghĩ, tôi chưa từng gần anh tới vậy trừ khi trong giấc mơ hoặc khi anh cúp tay châm thuốc hút cho tôi. Anh mà đưa tai lại gần thêm nữa là nghe tiếng tim tôi đập. Tôi đã thấy chuyện được viết trong tiểu thuyết nhưng chưa từng tin, tới lúc này. Anh nhìn thẳng vào mặt tôi, như thể anh thích gương mặt tôi và muốn ngắm nghía nó và để kéo dài việc ấy anh đưa ngón tay cầm lấy môi dưới của tôi rồi đưa sang trái sang phải rồi phải rồi trái nhiều lần trong khi tôi nằm đó, nhìn anh cười, nụ cười làm tôi sợ rằng bất cứ gì cũng có thể xảy ra lúc này và chẳng còn thể quay lại được nữa, sợ rằng đây là cách anh hỏi và đây là cơ hội để tôi từ chối hoặc nói gì đó và chần chừ, để tôi vẫn có thể đấu tranh với chính bản thân mình, bởi chuyện đã đến mức này – ngoại trừ việc tôi chẳng còn thời gian nữa, bởi anh đã áp môi vào miệng tôi, một cái hôn ấm áp, hòa giải kiểu tôi-sẽ-gặp-cậu-ở-giữa-chặng-đường-không-hơn-cho-tới-khi-anh-nhận-ra-sự-đáp-lại-của-tôi-ngheo-nàn-tới-mức-nào. Tôi ước gì mình biết hôn như anh. Nhưng đam mê cho phép chúng tôi che giấu nhiều

hơn, và giây phút ấy ở gò vẽ của Monet, nếu tôi có ước ao che giấu tất cả mọi thứ về bản thân trong nụ hôn ấy, tôi cũng quá mong quên nó đi bằng cách chìm đắm vào nó.

“Khá hơn chứ?” Sau đó anh hỏi.

Tôi không trả lời, nhưng ngẩng mặt lên ngang mặt anh và hôn anh lần nữa, gần như cuồng dại, không phải bởi vì tôi tràn đầy đam mê hay thậm chí vì nụ hôn của anh vẫn thiếu cái nhiệt tình mà tôi tìm kiếm, nhưng bởi tôi không chắc nụ hôn ấy đã thuyết phục tôi tin vào bất cứ gì về bản thân mình. Thậm chí tôi không chắc được là mình đã thích nó nhiều như mong đợi, và cần phải thử lần nữa, để kiểm tra lại bài kiểm tra bằng hành động của mình. Tâm trí tôi chuyển sang nghĩ tới những điều thế tục nhất. *Phủ nhận nhiều vậy sao?* Một môn đệ tầm thường của Freud hẳn sẽ nhận thấy. Tôi dìm tắt những nghi ngờ của mình bằng một cái hôn còn thô bạo hơn nữa. Tôi không muốn đam mê, tôi không muốn lạc thú. Có lẽ tôi thậm chí chẳng cần bằng chứng. Và tôi không muốn lời nào, chuyện vu vơ, chuyện nghiêm chỉnh, chuyện xe, chuyện sách, bất cứ gì. Chỉ có mặt trời, cỏ, làn gió biển thoảng khi cùng mùi của anh tỏa ra từ ngực và nách. Hãy lột trần, chiếm lấy tôi, và làm tôi đảo lộn hết cả, cho đến khi tôi hòa làm một với dự vọng của anh như một nhân vật trong thơ Ovid¹, đó là điều tôi muốn. Hãy đưa tôi khấn bịt mắt, nắm tay tôi, và đừng bảo tôi suy nghĩ – anh sẽ làm vậy vì tôi chứ?

1 Publius Ovidius Naso (43 TCN – 17 CN) nhà thơ La Mã

Tôi không biết tất cả những chuyện này sẽ dẫn tới đâu, nhưng tôi đang đầu hàng anh từng chút một và hẳn là anh biết, bởi tôi cảm nhận được rằng anh vẫn giữ khoảng cách giữa chúng tôi. Ngay cả khi má áp má, thân thể kề nhau. Tôi biết rằng giờ đây mình có làm gì, cử động thế nào có thể phá đi sự hài hòa hiện tồn. Cảm nhận được rằng sau cái hôn sẽ không có gì tiếp diễn, tôi bắt đầu thử rời môi ra. Nhưng tôi lại nhận ra khi mình bắt đầu rút ra thì lại rất không muốn dừng. Tôi muốn có lưỡi anh trong miệng mình và lưỡi tôi trong miệng anh – bởi vì sau nhiều tuần lễ rỗng, sau bao nhiêu là giận hờn và thất thường mà mỗi lần lại dẫn tới băng giá, tất cả những gì chúng tôi đã trở thành chỉ là hai cái lưỡi ướt đẫm mờ mẫm trong miệng nhau. Chỉ là hai cái lưỡi, tất cả mọi thứ khác đều vô nghĩa. Rồi rốt cuộc tôi nhấc một bên gối và di về phía anh để đối mặt anh, tôi biết mình đã phá hỏng thời khắc kỳ diệu ấy.

“Mình nên đi về thôi.”

“Chưa đâu.”

“Mình không làm thế này được – tôi biết mình. Cho tới giờ chúng ta đã cư xử dằn đoàng. Chúng ta đã hòa thuận. Không ai trong chúng ta đã làm bất cứ gì đáng hổ thẹn. Hãy giữ như thế. Tôi muốn mọi chuyện được tốt đẹp.”

“Đừng hổ thẹn. Tôi không quan tâm. Ai mà biết được chứ?”

Trong phút giây tuyệt vọng tôi làm một việc mà nếu anh không hồi đáp thì tôi mang nhục mãi: tôi chìa tay ra

rồi đặt lên đũng quần anh. Anh không nhúc nhích. Lẽ ra tôi nên thọc bàn tay vào trong chiếc quần ngắn của anh. Hẳn anh đoán được ý định của tôi. Rất bình tĩnh, anh nhẹ nhàng nhưng cũng khá lạnh lùng đặt tay lên tay tôi một giây, rồi đan ngón tay vào ngón tay tôi để gỡ bàn tay tôi ra.

Giữa hai chúng tôi có một lúc im lặng không thể chịu nổi.

“Tôi xúc phạm anh à?”

“Đừng vậy.”

Nghe có chút giống *Gặp sau!* lần đầu tôi nghe vài tuần trước – chua cay, cụt lủn, chẳng chút gì hào hứng, chẳng có chút hương vị nào của niềm vui hay đam mê mà chúng tôi vừa có với nhau. Anh đưa tay để giúp tôi đứng dậy.

Bỗng nhiên anh nhăn mặt.

Tôi nhớ tới vết xước bên hông anh.

“Tôi nên chắc là nó không bị nhiễm trùng.”

“Mình ghé chỗ bán thuốc trên đường về.”

Anh không đáp. Nhưng đó gần như là điều tỉnh táo nhất mà chúng tôi có thể nói. Nó cho thế giới thực xâm phạm ào ào vào cuộc sống chúng tôi – già Anchise, chiếc xe đạp được sửa, cuộc cãi vã liên quan tới những trái cà chua, cuốn sổ cái biên nhạc bị bỏ lại vội vã dưới ly nước chanh, dường như tất cả đã *lâu lắm rồi*.

Thật vậy, trong lúc đạp xe rời chỗ của tôi, chúng tôi thấy hai chiếc xe khách du lịch đi về hướng nam tới N. Hẳn là đã gần giữa trưa.

“Mình sẽ không bao giờ nói chuyện nữa,” tôi nói trong lúc chúng tôi thả xuống con dốc bất tận, gió mơn man trên tóc.

“Đừng nói vậy chứ.”

“Tôi biết mà. Mình sẽ tán vu vơ. Vu vơ, vu vơ thôi. Chỉ có vậy. Mà chuyện buồn cười là tôi có thể bơ nó đi.”

“Cậu nói vẫn thì có,” anh bảo.

Tôi thích cách anh đùa bỡn với tôi.

Hai giờ sau lúc ăn trưa, tôi tự cho mình mọi bằng chứng tôi cần để chứng tỏ là tôi sẽ không bao giờ bơ đi mà sống được.

Gần tới món tráng miệng, trong khi dì Mafalda đang gom đĩa, mọi người đang chú ý tới cuộc trò chuyện về Jacopone da Todi, tôi cảm thấy một bàn chân trần ấm thân nhiên cạ vào bàn chân mình.

Tôi nhớ rằng ở gò vễ, lẽ ra tôi nên nắm lấy cơ hội để xem da bàn chân anh có mịn màng như tôi tưởng tượng không. Giờ là cơ hội duy nhất tôi có được.

Có lẽ bàn chân tôi đi lạc và chạm vào anh. Tôi rụt lại, không phải tức thì, nhưng đủ sớm, như thể nó đã chờ một khoảng thời gian vừa phải để không gây ấn tượng là đã rụt lại vì hoảng sợ. Tôi cũng chờ thêm vài giây nữa, rồi không dự tính thế nào, để cho bàn chân mình bắt đầu kiểm tìm bàn chân nọ. Tôi vừa bắt đầu tìm nó thì ngón chân bỗng đâm bổ vào bàn chân anh; bàn chân anh không hề nhúc nhích, giống như một con tàu hải tặc tò dấu hiệu là đã bỏ chạy nhiều dặm nhưng thực ra đang nấp trong

màn sương chỉ cách đầu năm mươi thước, chực chờ tấn công thành linh khi cơ hội xuất hiện. Tôi chẳng có đủ thời gian để làm gì với bàn chân mình, không có thời gian để nhích chân về phía anh hay nghỉ ở khoảng cách an toàn lần nữa thì bỗng nhiên bàn chân anh đặt lên bàn chân tôi nhẹ nhàng và bắt đầu mơn trớn nó, chà vào nó không ngừng, cái gót tròn mềm mịn của chân anh cố định bàn chân tôi, thi thoảng ấn mạnh xuống nhưng rồi lại nhẹ đi, ngón chân lại mơn trớn, chứng tỏ từ lúc đầu trò này là để vui chơi thôi, bởi vì đây là cách anh thôi giúp sức cho các khách hầu việc bữa trưa đang ngồi đối mặt chúng tôi, đồng thời cũng cho tôi biết rằng chuyện này không liên quan gì đến kẻ khác và nên được giữ kín giữa chúng tôi, bởi vì đây là chuyện của chúng tôi, nhưng tôi không nên suy diễn quá xa thực tế. Cử động mơn trớn thăm lạng và ngoan cổ nơi anh khiến tôi lạnh xương sống. Một cơn chóng mặt thành linh chớp lấy tôi. Không, tôi không phải sắp khóc, đây không phải cơn hoảng loạn, cũng không phải “cơn xiu,” và tôi cũng không xuất tinh trong quần, dù rằng tôi đang rất rất hưng phấn, nhất là khi vòm gan bàn chân anh nằm trên bàn chân tôi. Nhìn xuống đĩa tráng miệng của mình thì thấy miếng bánh sô-cô-la lốm đốm nước sốt mâm xôi, dường như ai đó đang rưới càng lúc càng nhiều sốt đỏ hơn bình thường, và nước sốt kia dường như rơi xuống từ trần nhà trên đầu tôi cho tới khi tôi chợt nhận ra là nó đang chảy ra từ mũi mình. Tôi thờ hờn hển, nhanh tay vò khăn ăn lên chặn mũi, ngửa đầu ra sau hết mức có thể. “Dì Mafalda, *ghiaccio*, nước đá, *per*

favore, presto, làm ơn mau mau” tôi nói từ tốn để chứng tỏ tôi đang hoàn toàn tự chủ tình huống. “Sáng nay tôi lên đồi bị trúng gió. Chuyện bình thường ấy mà,” tôi nói để xin lỗi khách khứa.

Một loạt tiếng động vang lên khi mọi người chạy ra chạy vào phòng ăn. Tôi đã nhắm mắt, cứ nhắc đi nhắc lại với mình là tự chủ lại đi. Đừng để thân thể làm lộ hết mọi chuyện.

“Có phải tại tôi không?” Anh hỏi lúc bước vào phòng ngủ của tôi sau bữa trưa.

Tôi không đáp. “Tôi thật chẳng ra làm sao, phải không?”

Anh mỉm cười, không nói gì.

“Ngồi xuống chút đi.”

Anh ngồi xuống góc xa chiếc giường. Anh sắp đi thăm một người bạn bị thương phải cấp cứu vì tai nạn lúc đi săn.

“Cậu sẽ ổn chứ?”

“Tôi cứ tưởng là mình ổn. Rồi tôi sẽ vượt qua được.” Tôi đã nghe quá nhiều nhân vật nói điều ấy trong quá nhiều tiểu thuyết. Điều ấy giải phóng người tình khỏi những vương bận. Nó cho phép mọi người giữ thể diện. Nó phục hồi phẩm giá và đảm lược cho một người đã bị vạch trần lớp vỏ bên ngoài.

“Tôi để cậu nghỉ nhé.” Nói cứ như một y tá ân cần.

Lúc đi ra anh bảo, “Tôi sẽ ở gần thôi,” kiểu như người ta thường nói, Tôi sẽ để đèn sáng cho cậu. “Ngaoan nhé.”

Khi tôi cố chớp mắt thì mơ về nơi đâu đó giữa đài tưởng niệm chiến tranh Piave và chuyến đạp xe lên đồi của chúng tôi trong sợ sệt, hổ thẹn và còn gì ám tôi nữa ai mà biết được, việc xảy ra trên quảng trường dường như trở về với tôi từ những mùa hè và năm tháng trước, cứ như tôi đã đạp xe tới quảng trường khi hãy còn là một cậu bé trước thế chiến thứ nhất, lúc trở về đã là một phế binh chín mươi tuổi bị giam trong căn phòng ngủ thậm chí chẳng phải của mình, bởi vì phòng của tôi đã bị giao cho một người đàn ông trẻ tuổi là ánh sáng trong mắt tôi.

Ánh sáng trong mắt tôi, tôi nói, ánh sáng trong mắt tôi, ánh sáng của trần gian, đó là anh, ánh sáng đời tôi. Tôi không biết ánh sáng trong mắt tôi nghĩa là thế nào, và tự hỏi tôi đào đâu ra cái sáo ngũ rỗng tuếch ấy, nhưng chuyện vợ vẫn đó lại khiến nước mắt trào ra, những giọt nước mắt tôi muốn vùi vào gối anh, đắm vào chiếc quần tẩm của anh, tôi muốn anh chạm vào những giọt nước mắt bằng đầu lưỡi và xua đi nỗi sầu.

Tôi không hiểu sao anh lại đưa bàn chân đặt lên bàn chân của tôi. Có phải đó là một cú tấn công, hay là một cử chỉ tốt lành biểu thị tình tương ái và tình bạn, giống như cái ôm-xoa thân mật của anh, cái huých nhẹ vô tư của cặp tình nhân dẫu không còn ngủ chung nhưng vẫn quyết định làm bạn với nhau và thi thoảng cùng đi xem phim? Có phải điều đó có nghĩa là, *Tôi chưa quên, tình cảm ấy sẽ luôn tồn tại giữa chúng ta, ngay cả khi nó chẳng dẫn tới đâu cả?*

Tôi muốn đào tẩu khỏi nhà. Tôi muốn giờ đã là mùa thu sau và muốn ở càng xa càng tốt. Bỏ cái thị trấn này với quán Le Danzing ngớ ngẩn cùng gã thanh niên ngớ ngẩn mà không ai tinh trí lại muốn bầu bạn cùng. Bỏ cha mẹ và đám anh em họ, những người luôn ganh đua với tôi, và những khách trọ hề kinh khủng với mấy cái dự án học thuật thần bí luôn chiếm riêng tất cả các buồng tắm mé bên phòng tôi.

Lỡ tôi gặp lại anh thì chuyện gì sẽ xảy ra? Tôi có chảy máu nữa, khóc, xuất tinh trong quần? Và lỡ như tôi thấy anh đi cùng ai khác thông thả dạo bước như anh vẫn thường làm quanh quán Le Danzing thì sao? Lỡ như thay vì một người đàn bà, đó là đàn ông thì sao?

Tôi nên học cách tránh anh, cắt đứt từng mối ràng buộc như một bác sĩ phẫu thuật thần kinh cắt tách từng neuron, từng ước ao cháy bỏng, thôi đi ra vườn sau, thôi nhìn trộm, thôi vào thị trấn buổi đêm, như kẻ nghiện mỗi ngày cai đi một ít, mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, mỗi giây còn vật vã. Có thể làm được. Tôi biết chuyện mình chẳng có tương lai. Giả như anh vào phòng tôi đêm nay. Hay tốt hơn là tôi uống vài ly rồi vào phòng anh mà nói trắng ra cái sự thật vào mặt anh, Oliver: Oliver, tôi muốn anh chiếm lấy tôi. Ai đó phải làm vậy, và người đó có thể là anh. Sửa lại: tôi muốn đó là anh. Tôi sẽ cố để không phải là bạn tình tệ nhất đời anh. Hãy làm với tôi như anh muốn làm với bất kỳ ai anh mong là sẽ chẳng bao giờ tái ngộ. Tôi biết nói thế này chẳng lãng mạn chút nào

nhưng tôi bị rối như bông bong nên tôi cần tới biện pháp mạnh¹. Nên cứ làm vậy đi.

Chúng tôi sẽ làm. Rồi tôi trở lại phòng ngủ của mình để vệ sinh. Sau đó tôi sẽ là người thi thoảng đặt bàn chân lên bàn chân anh, để xem anh thích thú ra sao.

Kế hoạch của tôi là vậy. Đó là cách của tôi để loại anh ra khỏi hệ thống của mình. Tôi sẽ chờ mọi người đi ngủ hết. Theo dõi ánh đèn của anh. Tôi sẽ vào phòng anh từ bao lơn.

Cốc cốc. Không, không gõ. Tôi chắc là anh ngủ khòà thân. Lỡ anh không một mình? Tôi sẽ nghe ngóng ngoài bao lơn trước khi bước vào. Nếu có ai khác cạnh anh và quá muộn để rút lui cho kịp, tôi sẽ nói, “Ồi nhầm phòng.” Phải: Ồi, nhầm phòng. Nói đùa chút vậy để khỏi mất mặt. Còn nếu anh ở một mình? Tôi sẽ bước vào. Pyjama. Không, chỉ quần pyjama thôi. Tôi sẽ nói, tôi đây. Sao cậu qua đây? Tôi không ngủ được. Muốn uống chút gì không?

¹ Nguyên văn: I know this doesn't sound remotely romantic but I'm tied up in so many knots that I need the Gordian treatment.

Gordian knot: Gút thắt này được dùng như thành ngữ để nói về một vấn đề phức tạp chỉ có thể giải quyết được bằng hành động táo bạo. Năm 333 TCN, Alexander Đại đế hành quân tới Gordium, thủ phủ của vùng Phrygia. Nơi đó người ta cho ông xem chiếc xe kéo của người khai lập vùng này là Gordius. Ách xe được cột vào trụ bằng một gút thắt phức tạp, đầu dây bị giấu đi. Theo lời tiên tri của Gordius thì gút thắt này phải được gỡ bằng người chinh phục xứ Á châu tương lai. Theo lời kể phổ biến rất có thể được dệt nên cho tương xứng với người chiến binh dũng mãnh, Alexander cắt gút thắt bằng kiếm, nhưng trong những lời kể trước đó thì ông tìm ra đầu dây bằng cách cắt vào gút hoặc bằng cách rút trụ lên. Cụm từ “cutting the Gordian knot” từ đó có ý nghĩa là giải pháp táo bạo cho một vấn đề phức tạp.

Tôi không cần uống. Tôi phải cố lắm mới gom đủ can đảm bước từ phòng tôi tới phòng anh. Tôi tới đây là vì anh. Tôi hiểu rồi. Đừng làm khó, đừng nói, đừng viện lý do, và tỏ vẻ anh có thể gào lên kêu cứu bất cứ lúc nào. Tôi nhỏ tuổi hơn anh, nếu anh đánh động cả nhà hoặc dọa mách mẹ tôi thì anh chỉ tổ biến mình thành trò cười. Rồi tôi sẽ cởi chiếc quần pyjama và lên lên giường anh ngay. Nếu anh không chạm tôi thì tôi sẽ là người chạm anh, và nếu anh không đáp lại, tôi sẽ để môi mình tới những chỗ nó chưa từng tới. Cái hài hước trong những chữ ấy khiến tôi thích thú. Liên tưởng gì mà quá trốn. Ngôi sao David của tôi, ngôi sao David của anh, cổ chúng tôi áp vào nhau, hai người đàn ông Do Thái hòa vào nhau từ thời thượng cổ. Nếu bấy nhiêu vẫn chưa đủ, tôi sẽ đánh anh, anh sẽ đáp trả, rồi chúng tôi vật nhau, và tôi bảo đảm sẽ khiến anh nổi húng trong khi anh đè tôi xuống, còn tôi thì kẹp hai chân mình quanh anh như đàn bà, thậm chí làm anh đau chỗ vết xước hồi anh ngã xe đạp, và nếu bấy nhiêu vẫn chưa đủ thì tôi sẽ làm việc nhục nhả nhất, và với sự nhục nhả ấy sẽ cho anh thấy rằng anh mới là người phải hổ thẹn chứ không phải là tôi, rằng tôi đã tới với sự thật và lòng tốt của con người trong tim mình và rằng tôi để nó lại trên chần gối anh để nhắc anh nhớ anh đã từ chối lời cầu khẩn của một chàng trai trẻ về tình bầu bạn như thế nào. Anh mà từ chối điều ấy thì khi chết sẽ xuống thẳng địa ngục.

Lỡ như anh không thích tôi thì sao? Người ta nói trong bóng đêm thì mèo nào cũng... Lỡ như anh không thích làm chút nào thì sao? Vậy thì anh phải thử thôi. Lỡ như

anh nổi cáu và thấy bị xúc phạm? “Cút đi, đồ bệnh hoạn, tồi tệ, đồ cặn bã thối tha.” Nụ hôn là bằng chứng cho thấy anh có thể bị đẩy tới mức ấy. Không nói gì về bàn chân? *Amor ch'a null' amato amar perdona.*

Bàn chân. Lần cuối anh có phản ứng như vậy với tôi không phải là khi anh hôn tôi mà là anh ấn ngón tay cái vào vai tôi.

Không, còn có một lần nữa. Lúc tôi ngủ, khi anh vào phòng rồi nằm lên trên tôi, và tôi giả vờ đang ngủ. Lại sửa lần nữa: trong lúc ngủ tôi đã nhồm người lên thật khê, chỉ vừa đủ để cho anh biết rằng, Đừng đi, anh tiếp nữa cũng được, chỉ là đừng nói tôi biết.

Chiều ấy lúc thức dậy, tôi thêm sữa chua quá đổi. Kỳ ức tuổi thơ đây mà. Tôi vào bếp, thấy dì Mafalda đang uể oải cắt đồ sứ được rửa vài giờ trước. Dì hẳn cũng đã ngủ trưa, và vừa dậy. Tôi tìm được một trái đào lớn trong chạn trái cây, bắt đầu gọt nó.

“*Facio io*¹,” dì nói, cố giành cái dao trong tay tôi.

“Không, không, *faccio da me*²,” tôi đáp, cố không làm dì phật ý.

Tôi muốn thái rồi cắt những miếng nhỏ thành các mẩu nhỏ hơn, rồi những mẩu nhỏ hơn đó thành những mẩu nhỏ hơn nữa. Cho tới khi chúng biến thành những nguyên tử. Rồi tôi lấy một trái chuối, lột vỏ nó thật là chậm, rồi thái nó ra thành những lát mỏng hết cỡ, rồi cắt hạt lựu. Rồi một trái mơ. Một trái lê. Nhiều trái chà

1 Để dì làm cho

2 Thôi để đó tôi làm

là. Rồi tôi lấy bình sữa chua lớn từ trong tủ lạnh, đổ sữa chua cùng trái cây thái nhỏ vào máy xay. Cuối cùng để tạo màu, tôi thêm vài trái dâu tây hái trong vườn. Tôi thích tiếng vo vo của máy xay.

Đây không phải món tráng miệng mà dì quen thuộc. Nhưng dì cứ để tôi làm gì tùy thích trong bếp của dì mà không chen ngang, như thể đang đùa đùa với một người đã chịu đủ thương tổn. Mụ bếp ấy biết. Hẳn mụ đã thấy vụn bàn chân. Cặp mắt mụ dõi theo tôi từng bước một như sẵn sàng chớp lấy con dao trước khi tôi đâm nó vào mạch máu mình.

Xay xong món đồ uống đặc chế, tôi rót ra cái ly lớn, phóng một ống hút vào đó như phóng phi tiêu, rồi đi ra sân hiên. Trên đường ra tôi bước vào phòng khách và lấy cuốn sách lớn có ảnh tác phẩm của Monet. Tôi đặt nó lên cái ghế nhỏ xíu cạnh thang. Tôi sẽ không chỉ anh cuốn sách, chỉ để đó thôi. Anh sẽ biết.

Ngoài sân hiên, tôi thấy mẹ đang dùng trà với hai chị em từ tận S. tới chơi bài bridge. Còn tay chơi thú tư sắp tới.

Ở khu ga-ra phía sau, tôi nghe tiếng tài xế của họ đang khảo chuyện cầu thủ bóng đá với chú Manfredi.

Tôi cầm ly đồ uống ra phía xa sân hiên, lấy ra một ghế nệm dài, nằm trông ra hàng rào chắn song, cố tận hưởng giờ cuối ngày mặt trời tròn trịa hãy còn soi tỏ. Tôi thích ngồi mà ngắm ngày lịm dần trải rộng ra thành màn sáng trước hoàng hôn. Đây là lúc người ta đi bơi chiều, nhưng đọc sách cũng thú.

Tôi thích cảm giác quá đổi thư thái này. Có lẽ cổ nhân đã đúng: thi thoảng bị chảy máu thì không hại gì¹. Nếu tôi tiếp tục cảm nhận thế này, về sau tôi có thể thử chơi một hai bản dạo đầu hoặc fuga, có lẽ là một bản ngẫu hứng của Brahms. Tôi nuốt thêm nước sữa chua, gác chân lên ghế bên cạnh.

Phải mất một lúc tôi mới nhận ra mình đang ngồi khá đom đóm.

Tôi muốn anh khi về bắt gặp tôi lúc thư thái đến thế. Anh đâu biết tôi đang dự tính gì cho đêm nay.

“Oliver đâu nhỉ?” Tôi quay sang mẹ hỏi.

“Cậu ta không ra ngoài sao?”

Tôi không nói gì. Vậy mà nói “Tôi sẽ ở gần bên.”

Sau một lúc, dì Mafalda tới lấy cái ly không. *Vuoi un altro di questi*, tôi có muốn một ly *những trái này* nữa không? Dì nói mà như đang đề cập tới một món pha chế kỳ lạ mà nếu có một cái tên ngoại quốc, phi Ý đi nữa cũng chẳng làm dì bận tâm.

“Thôi, có lẽ tôi ra ngoài.”

“Nhưng giờ này cậu đi đâu chứ?” Dì hỏi, ý là sắp tới bữa tối rồi. “Nhất là cậu mới bị như vậy hồi bữa trưa. *Mi preoccupo*, tôi lo.”

“Tôi sẽ ổn mà.”

“Tôi thấy cậu không nên đi.”

“Đừng lo.”

1 Phương pháp chữa bệnh phổ biến thời Hy Lạp và La Mã cổ đại là trích máu.

“Signora,” dì gào lên, cố viện tới hỗ trợ của mẹ tôi.

Mẹ tôi cũng cho rằng ra ngoài là ý tôi.

“Vậy thì con đi bơi.”

Gì cũng được, trừ ngồi không đếm từng giờ đến đêm.

Đọc lối xuống cầu thang ra bãi biển, tôi gặp phải một nhóm bạn. Họ đang chơi bóng chuyền trên cát. Tôi muốn chơi cùng không? Không, cảm ơn, tôi bị ốm. Tôi rời đi, thông thả bước ra tảng đá lớn, nhìn chằm chằm nó một lúc, rồi nhìn ra biển. Biển dường như đang nhắm những mũi ánh sáng mặt trời vào tôi theo từng con sóng, như trong một bức tranh của Monet. Tôi bước vào làn nước ấm. Không phải là tôi không vui. Tôi muốn ở cạnh ai đó. Nhưng tôi ở một mình thì cũng không phiền.

Vimini, hẳn ai đó đã mang cô bé ra, bảo rằng nghe nói tôi không khỏe. “Những người ốm đau như chúng ta...” cô bé bắt đầu.

“Em biết Oliver ở đâu không?” Tôi hỏi.

“Em không biết. Tưởng là anh ấy đi câu cá với già Anchise.”

“Với già Anchise nữa sao? Điên rồi. Lần trước suýt nữa là anh ta mất mạng.”

Không lời đáp. Cô bé đang nhìn về phía không có ánh mặt trời lặn.

“Anh thích anh ấy, phải không?”

“Ừa,” tôi nói.

“Anh ấy cũng thích anh, em nghĩ là nhiều hơn anh thích anh ấy.”

Có phải đây là ấn tượng của cô bé?

Không, là của Oliver.

Anh nói với cô bé hồi nào?

Một dạo trước.

So ra thì khớp với dạo chúng tôi gần như dừng hẳn nói chuyện với nhau. Cả mẹ tôi tuần ấy cũng kéo tôi ra một góc, đề nghị tôi lịch sự hơn với chàng cauboi của chúng tôi – cứ ra vào phòng ốc chạm mặt hoài mà không có lấy một lời chào chiếu lệ, không hay.

“Em nghĩ là anh ấy đúng,” Vimini nói.

Tôi nhún vai. Nhưng trong lòng chưa từng gặp phải những mâu thuẫn nội tâm mạnh mẽ tới vậy. Đây là cảm giác thống khổ, bởi có gì đó như cơn giận chực ào ra trong tôi. Tôi cố tự trấn an, nghĩ tới trời hoàng hôn trước mặt, cách người ta thích mừng tượng ra khung cảnh tĩnh lặng, thanh bình để đánh lạc hướng sự khó chịu trong lòng khi bị kiểm tra phát hiện nói dối. Nhưng tôi cũng tự ép mình nghĩ tới những chuyện khác bởi tôi không muốn chạm tới hay làm cạn kiệt những suy tư liên quan tới đêm nay. Anh có thể nói không, thậm chí có thể quyết định rời khỏi nhà chúng tôi và nếu bị gặng hỏi sẽ lý giải tại sao. Tôi chỉ cho mình nghĩ tới đó thôi.

Một ý nghĩ kinh khủng choán lấy tôi. Lẽ như ngay lúc này anh có dự định tiết lộ hoặc chỉ úp mở về chuyện đã xảy ra trong lần chúng tôi đi xe vào thị trấn giữa những người anh đã làm quen hoặc giữa tất cả những ai gào thét mời anh tới dùng bữa tối thì thế nào? Ở vị trí của anh, liệu *tôi* có thể giữ một bí mật như thế không? Không.

Vậy mà anh đã cho tôi thấy điều tôi muốn có thể được cho và nhận tự nhiên đến mức ta phải thắc mắc tại sao lại cần đến bấy nhiêu khổ sở và tù ngục, dầu biết rằng hành vi đó chả phức tạp gì hơn chuyện, ví dụ như, mua một gói thuốc lá, hay cho hút ké một điếu cần sa, hay dừng lại cạnh một trong các cô gái phía sau quảng trường lúc đêm khuya, rồi thỏa thuận giá cả xong thì đi lên lầu hành lạc vài phút?

Trở về sau khi bơi, vẫn không có dấu hiệu nào của anh. Tôi hỏi. Không, anh chưa về. Chiếc xe của anh vẫn dựng ở chỗ cũ nơi chúng tôi để ngay trước giữa trưa. Già Anchise đã về nhiều giờ trước. Tôi lên phòng mình, từ bao lơn cố len vào qua cửa sổ mái phòng anh. Cửa đóng. Nhìn qua lớp kính tôi chỉ thấy được chiếc quần ngắn anh mặc hồi dùng bữa trưa.

Tôi cố nhớ lại. Anh đang mặc bộ đồ tắm khi anh vào phòng ngủ tôi chiều đó và hứa là sẽ ở gần bên. Tôi nhìn ra bao lơn, hi vọng trông thấy chiếc thuyền lơ khi anh quyết định lại đi thuyền chơi. Nó đang nằm cạnh cầu tàu.

Khi tôi xuống lầu, cha đang dùng cocktail với một phóng viên tới từ Pháp. Sao con không đi chơi gì đi? Ông hỏi. “*Non mi va,*” tôi nói, “không có hứng.” “*E perché non ti va?*¹” Ông lại hỏi, như đang khó chịu với âm điệu những chữ ấy. “*Perché non mi va!*²” Rốt cuộc cũng vượt qua được rào cản chính sáng nay, dường như tôi có thể

1 E perché non ti va?: Tại sao lại không đi?

2 Perché non mi va!: Tại vì không đi!

công khai bày tỏ những điều vụn vặt đang diễn ra trong tâm trí mình.

Có lẽ tôi cũng nên làm vài giọt vang, cha tôi nói.

Dì Mafalda báo bữa tối sẵn sàng.

“Không phải còn quá sớm để ăn tối sao?” Tôi hỏi.

“Hơn tám giờ rồi.”

Mẹ tôi đang hộ tống một trong những người bạn tới bằng ô tô và phải ra về.

Tôi dễ chịu vì tay người Pháp đang ngồi ở mép ghế bành như thể đang chực đứng dậy để được chỉ vào phòng ăn, nhưng vẫn còn yên vị, thế là cha tôi, vốn vừa hỏi hẩn nghĩ sao về mùa opera sắp tới, ngồi yên chỗ trong khi chờ hẩn xong câu trả lời.

Bữa tối bị hoãn chừng năm mươi phút nữa. Nếu anh trễ bữa tối, anh sẽ không ăn cùng chúng tôi. Nhưng nếu anh trễ có nghĩa là anh đã ăn tối ở đâu khác rồi. Tôi không muốn anh ăn tối ở đâu khác trừ ở nhà chúng tôi đêm nay.

“*Noi ci mettiamo a tavola*, mời các vị cùng ngồi xuống,” mẹ tôi nói. Mẹ bảo tôi ngồi kế.

Chiếc ghế của Oliver trống. Mẹ tôi phàn nàn rằng ít nhất anh cũng phải báo chúng tôi biết là không về ăn tối.

Cha bảo có khi thuyền lại hỏng nữa. Nên phá bỏ quách cái thuyền đó cho xong.

Nhưng thuyền còn nguyên dưới kia, tôi nói.

“Vậy thì chắc là người dịch. Hồi tối ai nói với mẹ là cậu ta cần gặp người dịch nhỉ?” Mẹ tôi hỏi.

Không được để lộ lo lắng. Hay sự quan tâm. Hãy bình tĩnh. Tôi không muốn chảy máu cam lần nữa. Nhưng cái khoảnh khắc sung sướng tuyệt vời vì được dắt xe đạp cùng nhau trên quảng trường trước và sau cuộc nói chuyện dường như thuộc về một chiều thời gian khác, cứ như đã xảy ra với một tôi khác trong một cuộc đời khác không khác mấy so với chính cuộc đời tôi, nhưng đủ khác để biến vài giây chia cách chúng tôi thành ra như vài năm ánh sáng. Nếu tôi đặt bàn chân mình lên sàn, giả vờ rằng bàn chân anh ở ngay sau chân bàn, liệu bàn chân đó, giống như chiếc phi thuyền đã bật chế độ tàng hình, giống như một hồn ma được người sống triệu hồi, đột nhiên hiện hình từ trong không gian mà nói, *Tôi biết anh đã ra hiệu. Tìm đi, sẽ thấy tôi ngay.*

Không lâu sau, bạn của mẹ tôi, người đã quyết định ở lại dùng bữa tối vào phút chót, được mời vào ngồi chỗ tôi vẫn ngồi ăn cơm trưa. Dao nĩa của Oliver lập tức được dọn đi.

Chúng được dọn đi thật nhanh, không chút gì luyến tiếc hay hối hận như cái cách bạn thay một bóng đèn đã hỏng, hay rút bộ đồ lòng khỏi một con cừu từng là vật cưng vừa bị giết thịt, hay tháo chăn chiếu khỏi một chiếc giường trên đó có người đã chết. Đây, hãy lấy những thứ này, dọn đi cho khuất mắt. Tôi nhìn đồ sứ, khay lót, khăn ăn, toàn bộ sự hiện diện của anh biến mất. Đó là điểm báo chính xác cho điều sẽ xảy tới trong chưa đầy một tháng nữa. Tôi không nhìn dì Mafalda. Dì ghét chuyện thay đổi vào phút chót trong việc chuẩn bị bữa tối. Dì

đang lắc đầu với Oliver, với mẹ tôi, với thế giới của chúng tôi. Tôi nghĩ là với tôi nữa. Khởi nhìn đi tôi cũng biết cặp mắt đi đang dò xét mặt mày tôi chỉ chờ tôi ngẩng lên nhìn, nên tôi tránh ngước mắt khỏi món *semifreddo* mà mình ưa thích. Dĩ biết tôi thích và đã đặt nó ở đó cho tôi bởi vì dù về mặt đi có quở trách, có hăm he từng cái liếc mắt của tôi đi nữa, dĩ biết là tôi biết dĩ thương tôi.

Đêm đó, khi tôi đang đánh đàn piano bài gì đó, tim tôi giật thót khi nghĩ là mình vừa nghe tiếng xe máy dừng trước cổng nhà. Ai đó đưa anh về. Nhưng có thể tôi nhầm. Tôi lắng tai chờ nghe tiếng bước chân anh, từ tiếng sỏi lạo xạo cho tới tiếng lép lép bị hăm từ đế đôi giày vải của anh khi anh lên cầu thang dẫn ra ban công. Nhưng chẳng có ai đi vào nhà cả.

Rất rất lâu sau, trên giường, tôi nghe ra tiếng nhạc từ một chiếc ô tô dừng bên đường chính, mé ngoài lối đi có hàng thông. Cửa mở. Cửa đóng sầm lại. Xe chạy đi. Nhạc bắt đầu phai. Chỉ có tiếng sóng vỗ cùng tiếng sỏi lạo xạo dưới những bước chân thông thả của một người hoặc đang miên man suy nghĩ hoặc đang ngà ngà say.

Lỡ như trong lúc đi lên phòng anh, anh lại bước vào phòng ngủ của tôi, hỏi một câu như: *Tính ghé qua trước khi đi ngủ xem cậu thế nào. Ổn không?*

Không lời đáp.

Bực à?

Không lời đáp.

Cậu bực à?

Không, chẳng bực gì cả. Có điều anh nói là sẽ ở gần bên.

Vậy là cậu bực.

Vậy tại sao anh không ở gần bên?

Anh nhìn tôi, cách một người lớn nhìn một người lớn khác, *Cậu biết chính xác tại sao mà.*

Tại vì anh không thích tôi.

Không phải.

Tại vì anh chưa từng thích tôi.

Không phải. Tại vì tôi không tốt cho cậu.

Im lặng.

Tin tôi đi, cứ tin tôi đi.

Tôi nhắc góc tấm chăn.

Anh lắc đầu.

Một lát thôi mà?

Lại lắc. *Tôi biết mình,* anh nói.

Tôi đã nghe anh dùng chính ba chữ ấy trước đây. Có nghĩa là *Tôi muốn chết đi được, nhưng hãy bắt đầu rồi là không dừng lại được, nên tốt hơn là tôi không bắt đầu.* Có người thật là tự tin khi bảo rằng bạn không thể chạm vào anh ta bởi bạn biết chính mình.

Chà, anh sẽ không làm gì với tôi cả, vậy ít nhất cũng đọc truyện cho tôi nghe được không?

Tôi sẽ xem bấy nhiêu đó là đủ. Tôi muốn anh đọc một truyện cho tôi nghe. Gì đó của Chekhov, Gogol hay Katherine Mansfield. Hãy cởi đồ ra, Oliver, rồi vào giường

tôi, để tôi cảm nhận làn da anh, tóc anh trên da thịt tôi, bàn chân anh trên bàn chân tôi, ngay cả khi chúng ta không làm gì cả thì hãy ôm ấp, anh và tôi khi màn đêm trải rộng khắp bầu trời, và đọc những câu chuyện về những con người không ngơi nghỉ luôn kết thúc trong cô đơn và ghét cô đơn bởi vì họ luôn luôn không chịu đựng được việc ở một mình với bản thân họ...

Đồ phản bội, tôi nghĩ trong khi chờ nghe tiếng cửa phòng ngủ của anh mở ra rồi đóng lại. Đồ phản bội. Sao mà dễ quên đến thế. *Tôi sẽ ở gần thôi*. Thế đấy. Đối trá.

Tôi chưa từng nghĩ rằng mình cũng là một kẻ phản bội, bởi đâu đó trên bãi biển gần nhà cô ấy, đêm nay một người con gái đã chờ tôi, như đã chờ đợi mỗi đêm, và bởi tôi giống như Oliver đã không hề may mắn nghĩ đến.

Tôi nghe tiếng anh bước lên chiếu nghỉ. Tôi đã cố tình để cửa phòng ngủ mình khép hờ, hi vọng rằng ánh sáng từ phòng giải lao sẽ len vào vừa đủ để làm lộ cơ thể tôi. Mặt tôi xoay vào tường. Tùy ở anh. Anh bước ngang phòng tôi, không ngừng lại. Thậm chí ngập ngừng cũng không. Không có gì cả.

Tôi nghe tiếng cửa phòng anh đóng lại.

Chưa tới vài phút sau, anh mở cửa. Tim tôi đánh thót. Nhưng giờ đây tôi đang vã mồ hôi ướt cả gối. Tôi nghe thêm vài tiếng bước chân nữa. Rồi tôi nghe tiếng buông tấm đóng kịch lại. Nếu anh mở vò sen có nghĩa là anh đã làm tình. Tôi nghe tiếng nước bồn tắm rồi vò sen. Đồ phản bội. Đồ phản bội.

Tôi chờ anh ra khỏi buồng tắm. Nhưng anh cứ ở đó mãi.

Khi rốt cuộc quay lại nhòm ra hành lang, tôi để ý thấy phòng mình tối đen. Cửa đã được đóng lại – có ai trong phòng tôi? Tôi ngửi được hương dầu gội đầu Roger & Gallet của anh, gần sát tới nỗi tôi biết là mình mà nhấc cánh tay lên sẽ chạm vào mặt anh. Anh đang trong phòng tôi, đứng trong bóng đêm, bất động như đang quyết định xem sẽ thức tôi dậy hay chỉ tìm tôi trên giường. Ôi, đêm phước lành, đêm phước lành, tôi nghĩ. Không nói một lời, tôi cố nhận ra đường nét cái áo choàng tắm mình đã mặc biết bao lần sau khi anh dùng, dây thắt lưng bằng vải bông xù của áo lơ lửng gần sát tôi, cạ vào gò má thật nhẹ trong khi anh đứng đó, sẵn sàng thả áo xuống sàn. Anh đi chân trần qua đây? Mà anh khóa cửa phòng tôi chưa? Anh có cứng như tôi không, cái ấy của anh có phải đã đẩy lớp áo choàng ra không, vậy nên dây thắt lưng mới chỉ mơn man trên mặt tôi, có phải anh cố ý làm vậy không, làm mặt tôi nhột, đừng đừng lại, đừng đừng lại, đừng bao giờ đừng lại. Không báo trước, cánh cửa bắt đầu mở. Sao bây giờ lại mở cửa?

Chỉ là một luồng gió. Một luồng gió đã đóng nó lại. Rồi một luồng gió kéo nó mở ra. Cái dây thắt lưng tinh quái làm nhột mặt tôi hóa ra chỉ là tấm màn chống muỗi cạ vào mặt mỗi lần tôi thở. Ngoài kia, tôi nghe có tiếng nước chảy trong phòng tắm, dường như nhiều giờ đồng hồ đã trôi qua từ khi anh đi tắm. Không, không phải tiếng vòi sen mà là tiếng giặt bồn cầu. Nó thì thoảng bị

hư và đều đặn tự xả khi suýt tràn, để rồi tự nạp lại và xả, lần này tới lần khác suốt đêm. Khi tôi bước ra bao lơn, nhìn thấy mặt biển một màu xanh dương nhạt, tôi biết trời đã bình minh.

Tôi thức dậy một giờ sau đó.

Lúc dùng điểm tâm, theo thói quen, tôi giả vờ không để ý tới anh. Mẹ tôi là người khi nhìn anh đã thốt lên, *Ma guardi un po' quant'è pallido*, trông cậu hốc hác quá chừng! Dù nhận xét thẳng tuột như vậy nhưng mẹ tôi vẫn dùng cách nói trịnh trọng với Oliver. Cha tôi ngẩng lên, tiếp tục đọc báo. “Cầu trời là đêm qua anh kiếm bộn, bằng không tôi phải báo cho bố anh biết.” Oliver đập vỡ quả trứng chần bằng cán cái muỗng nhỏ. Anh vẫn chưa học được cách. “Tôi chẳng bao giờ thua cả, chuyên gia.” Anh đang nói chuyện với quả trứng như cách cha tôi nói vào tờ báo. “Bố anh có ung bụng không?” “Tôi tự xoay sở. Tôi đã tự xoay sở kể từ hồi học dự bị đại học. Bố tôi ưng quá đi chứ.” Tôi ghen tị với anh. “Đêm qua anh có uống nhiều không?”

“Có, và những thứ khác nữa.” Lần này anh đang phết bơ lên bánh mì.

“Tôi nghĩ là mình không muốn biết,” cha tôi nói.

“Bố tôi cũng không. Mà nói hoàn toàn thành thật, tôi nghĩ mình cũng chẳng thèm nhớ.”

Có phải là vì lợi ích của tôi? *Nghe này, sẽ không bao giờ có chuyện gì giữa chúng ta, cậu càng sớm hiểu ra thì chúng ta càng đỡ khổ.*

Hay tất cả chỉ là làm bộ làm tịch một cách tàn nhẫn?

Tôi rất đỗi hâm mộ những người nói về tật xấu của họ như thể đó là những họ hàng xa mà họ đã học được cách chịu đựng bởi chẳng thể từ mặt. *Thứ ấy và những thứ khác nữa. Tôi chẳng buồn nhớ* – giống như câu *Tôi biết mình* – gọi ra thế giới trải nghiệm con người mà người khác có thể vào được, tôi thì không. Tôi rất đỗi ao ước mình nói được như thế một ngày nào đó – rằng sáng bạch ra thì tôi chẳng buồn nhớ mình đã làm gì đêm trước. Tôi tự hỏi còn những thứ gì khác khiến cho anh cần tắm tấp. Anh đi tắm để làm mình phấn khích bởi nếu không anh sẽ đổ bệnh? Hay anh đi tắm để quên, để gột rửa đi mọi dấu vết nhơ bẩn và đỗi bại đêm qua? À, công khai những thói tật của mình bằng cách lắc đầu phủ nhận chúng rồi cho trôi hết mọi chuyện bằng nước mơ do dì Mafalda làm bằng những ngón tay viêm khớp, rồi sau đó chệp môi!

“Anh có để dành tiền thắng được không?”

“Để dành và đầu tư, thưa chuyên gia.”

“Ước gì tôi khôn ngoan thế ở tuổi anh, được vậy tôi đã tránh được nhiều bước đi lầm lỗi,” cha tôi nói.

“Ông mà lầm lỗi sao chuyên gia? Thực tình, tôi thậm chí không hình dung nổi ông có thể tưởng tượng ra một bước đi lầm lỗi.”

“Đó là bởi anh nhìn tôi như nhìn một nhân vật, chứ không phải một con người. Tệ hơn nữa: một nhân vật già nua. Nhưng có đấy. Những bước đi lầm lỗi. Mỗi người đều qua một giai đoạn là *traviamento* – khi chúng ta chọn

một bước ngoặt khác biệt trong đời, không thì *thông qua* nó. Chính Dante đã trải qua. Vài người thì hồi phục, vài người giả vờ hồi phục, vài người không bao giờ được như xưa, vài người bỏ chạy ngay trước khi kịp bắt đầu, và vài người khác vì sợ chọn bất kỳ bước ngoặt nào, sau này nhận ra là họ đã sống cả cuộc đời lầm lạc.”

Mẹ tôi thờ dài nhè nhẹ, đó là cách bà cảnh báo những người ngồi cùng rằng chuyện còn con này có thể dễ dàng biến thành cả một bài giảng bất chợt của con người vĩ đại ấy.

Oliver tiếp tục đập một cái trứng nữa.

Bọng mắt của anh sưng lên. Và đúng là anh trông hốc hác.

“Thi thoảng cái *traviamento* hóa ra lại là đường đúng ấy chứ, chuyên gia. Hoặc là một con đường tốt như bất kỳ đường nào khác.”

Cha tôi đang hút thuốc, gạt đầu trầm ngâm, dấu hiệu cho thấy ông không am tường về những chủ đề như vậy, và rất mong nhường lời cho ai khác tường tận. “Ở tuổi anh tôi đâu biết gì. Nhưng ngày nay thì người ta biết mọi thứ, và ai cũng nói, nói, nói.”

“Có lẽ cái Oliver cần là ngủ, ngủ, ngủ.”

“Signora P. , tôi hứa đêm nay sẽ không bài poker, không nhậu nhẹt gì hết. Tôi sẽ mặc quần áo sạch sẽ, xem bản thảo, rồi sau bữa tối chúng ta sẽ cùng xem tivi và chơi bài canasta như người già ở đất Tiểu Ý.”

“Nhưng trước hết,” anh nói thêm, mặt như đang cười

mim, “Tôi cần gặp Signora Milani một lát. Nhưng tôi hứa đêm nay tôi sẽ là chàng trai cư xử đúng mực nhất toàn vùng Riviera.”

Chuyện xảy ra như vậy đấy. Sau cuộc trốn thoát chóng vánh tới B, anh là Oliver “xanh lá” cả ngày, một đứa trẻ chẳng lớn hơn Vimini là mấy, với tất cả sự trong sáng và không chút nào chua ngoa của cô bé. Anh cũng đặt tiệm hoa trong vùng gửi đến bao nhiêu là hoa. “Cậu mất trí rồi,” mẹ tôi bảo. Sau bữa ăn trưa, anh nói sẽ ngủ chút – lần đầu và lần cuối suốt thời gian anh ở với chúng tôi. Rồi đúng là anh ngủ trưa, bởi lúc thức dậy chừng năm giờ chiều, trông anh tươi tắn như trẻ lại cả chục tuổi: gò má hồng hào, mắt trong, vẻ hốc hác biến mất. Trông cứ như trẻ ngang tuổi tôi vậy. Đúng như đã hứa, đêm đó chúng tôi đều ngồi với nhau, xem phim lãng mạn trên truyền hình, không có khách khứa nào nữa. Cái hay nhất là tất cả mọi người gồm Vimini, cô bé sang chơi, và dì Mafalda đang ngồi trong “chỗ” gần cửa phòng khách bình phẩm về từng cảnh phim, dự đoán kết cuộc, từng chấp lại nổi cẩu và chế giễu sự ngu xuẩn của câu chuyện, các diễn viên, các nhân vật. Sao, nếu là cô ấy thì làm gì? Là tôi thì tôi bỏ phất hần đi. Còn dì, Mafalda? À, theo ý tôi, tôi thấy cô ta nên chấp nhận chàng ngay từ lần đầu chứ không phải trù trù mãi thế. Chính xác là vậy chứ gì nữa! Cô ta bị thế là đáng thôi. Đáng lắm.

Chúng tôi chỉ bị ngắt ngang đúng một lần. Một cuộc gọi từ Mỹ. Oliver thích nói rất ngắn, hầu như là cộc lốc trên điện thoại. Chúng tôi nghe anh thốt lên cái câu

không tránh khỏi *Gặp sau!*, cúp máy, rồi thoát một cái đã trở lại, hỏi anh đã lỡ những gì. Mọi người xung phong kể với anh cốt truyện cùng một lúc, gồm cả cha tôi, lời ông kể kém chính xác hơn của dì Mafalda. Thế là âm ỉ cả lên, kết quả chúng tôi bỏ lỡ còn nhiều cảnh hơn Oliver lúc anh nhận cuộc gọi ngắn gọn kia. Nhiều tiếng cười. Tôi một lúc, khi chúng tôi đang chăm chú theo dõi một đoạn kịch tính cao độ, già Anchise bước vào phòng khách, mở ra một cái áo thun cũ dầm nước, trình ra thứ bắt được hồi tối: một con cá mú biển to đùng, thế là nó được định đoạt dùng cho bữa trưa và tối ngày mai, sẽ dư dùng cho mọi người tham dự. Cha quyết định rót cho mỗi người chút rượu nho Ý, Vimini cũng được uống một ít.

Đêm đó chúng tôi đi nghỉ sớm. Ai nấy đều mệt lử sau ngày dài. Hẳn tôi đã ngủ rất ngon, bởi lúc dậy thì bữa điểm tâm đã được dọn khỏi bàn.

Tôi thấy anh đang nằm trên bãi cỏ, bên trái là cuốn từ điển, ngay dưới ngực là cái bìa màu vàng. Tôi đang hi vọng anh trông hốc hác hoặc đang trong tâm trạng như suốt ngày hôm qua. Nhưng anh đang chăm chú làm việc. Tôi thấy phá vỡ bầu tĩnh lặng thì kỳ khôi quá. Tôi những muốn trở lại thói quen giả vờ không trông thấy anh, nhưng bây giờ thì khó quá, nhất là vì hai ngày trước anh đã thấu suốt cái tiểu xảo vờ vịt của tôi.

Liệu rằng chuyện biết chúng tôi đang giả vờ có thay đổi mọi thứ giữa chúng tôi khi chúng tôi trở lại tình trạng không nói chuyện với nhau nữa?

Có thể là không. Nó có thể khiến cho hố ngăn cách

thêm sâu, bởi sẽ khó cho một trong hai chúng tôi tin rằng chúng tôi ngu ngốc tới mức giả vờ chính cái điều chúng tôi chỉ là giả vờ. Nhưng tôi không tìm được.

“Có một đêm tôi đã chờ anh.” Giọng tôi nghe như lúc mẹ tôi khiển trách bố tôi lúc ông về trễ tới mức vô lý. Tôi chưa từng biết rằng giọng mình có thể cấu kình tới vậy.

“Sao cậu không vào thị trấn?” Anh trả lời.

“Chả biết.”

“Chúng tôi đã đi chơi rất thú. Cậu cũng vậy. Ít nhất cậu cũng ngủ được chứ?”

“Theo cách nào đó. Không ngủ, nhưng ồ.”

Anh trở lại nhìn chăm chăm vào trang giấy anh đang đọc và đánh vần các âm tiết, có lẽ để cho thấy rằng tâm trí anh đang rất tập trung vào đó.

“Sáng nay anh có vào thị trấn không?”

Tôi biết mình đang quấy rầy, và đâm ghét chính mình.

“Có lẽ để sau.”

Lẽ ra tôi nên hiểu ý ngầm, có, tôi hiểu. Nhưng một phần trong tôi từ chối tin rằng bất kỳ ai có thể thay đổi nhanh đến vậy.

“Tôi thì định vào thị trấn đây.”

“À vậy.”

“Một cuốn sách tôi đặt mua đã tới. Tôi định sáng nay đi nhà sách lấy về.”

“Sách gì?”

“*Armance*.”

“Tôi sẽ lấy giúp cậu nếu cậu muốn.”

Tôi nhìn anh. Cảm giác như một đứa trẻ dù đã được người ta dỗ dành, gợi ý bao nhiêu đi nữa vẫn thấy không thể nhắc nhở bố mẹ việc họ đã hứa đưa nó tới hiệu đồ chơi. Không cần đánh trống lảng gì cả.

“Tôi mong là hai chúng ta đi cùng nhau.”

“Ý cậu là giống hôm trước à?” Anh nói thêm như thể giúp tôi nói ra điều tôi không thể tự khiến mình thốt ra, nhưng chẳng làm cho việc dễ dàng hơn bằng cách giả vờ quên ngày chính xác.

“Tôi nghĩ chúng ta sẽ không bao giờ làm bất cứ gì tương tự nữa.” Tôi cố lấy giọng cao quý và nghiêm nghị dẫu thất bại. “Nhưng phải, giống vậy.” Tôi cũng có thể mơ hồ.

Một thiếu niên cực kỳ nhút nhát như tôi có can đảm để thốt ra những điều ấy là nhờ một lý do duy nhất: một giấc mơ trong hai, có lẽ ba đêm liên tiếp. Trong giấc mơ tôi, anh nài xin tôi, nói rằng, “Cậu mà dừng lại là giết tôi.” Tôi ngỡ mình nhớ bối cảnh, nhưng tôi ngượng tới nỗi tôi dậm ra ngăn ngừa, thậm chí là tự ngăn chính mình thú nhận. Tôi đã chụp lên nó một lớp màn rồi chỉ có thể lén lút trộm nhìn vào.

Ngày hôm ấy thuộc về một chiều không gian khác. Chúng tôi nên gọi lại quá khứ...

Oliver lắng nghe.

“Điểm dễ khiến người ta cảm tình nhất ở cậu là giọng nói khôn ngoan này đây.” Anh rời mắt khỏi tấm bìa,

ngẩng lên nhìn đăm đăm vào mặt tôi, khiến tôi cảm thấy bối rối kinh khủng. “Cậu thích tôi nhiều vậy sao, Elio?”

“Tôi có thích anh không ấy à?” Tôi muốn ra giọng hoài nghi, như tỏ ý hỏi có sao anh lại có thể nghi ngờ điều ấy. Nhưng rồi tôi nghĩ kỹ, sắp sửa hạ giọng đáp lại bằng một câu lảng tránh *Có lẽ* vốn nên có nghĩa là *Nhất định rồi*, rồi tôi buột miệng: “Tôi thích anh hay không ấy à, Oliver? Tôi tôn thờ anh.” Đấy, tôi nói ra rồi. Tôi muốn hai chữ ấy khiến anh giật mình, như bị một cái tát vào mặt, để có thể lập tức dẫn tới những cơn trớn úy mị nhất. Đã gọi là *tôn thờ* thì *thích* có nghĩa lý gì. Nhưng tôi cũng muốn cái động từ của tôi hàm chứa một đòn kết liễu thuyết phục không phải đối với người thích ta, mà là đối với bạn thân của người đó, người bạn thân đó sẽ kéo ta ra mà nói, Đấy, tôi nghĩ là anh phải biết người-như-vậy-đó tôn thờ anh. Hai chữ “tôn thờ” dường như nói nhiều hơn bất kỳ ai có can đảm nói ra trong nhiều tình huống; nhưng đó là điều an toàn nhất, và tối nghĩa nhất mà tôi nặn ra được. Tôi tự công nhận là đã hất sự thật khỏi lồng ngực mình, trong khi luôn tìm kiếm một lối thoát để rút lui lập tức trong trường hợp mình đã liệu đi quá xa.

“Tôi sẽ cùng đi với cậu vào B.,” anh nói. “Nhưng không diễn văn gì cả nhé.”

“Không diễn văn gì cả, không gì hết, một từ cũng không.”

“Nửa tiếng nữa mình lấy xe đi được không?”

Ồi Oliver, tôi tự nhủ trong lúc vào bếp tìm nhanh gì để ăn, tôi sẽ làm bất cứ gì vì anh. Tôi sẽ đạp xe lên đồi

với anh, rồi tôi sẽ đưa với anh trên con đường vào thị trấn, và sẽ không chỉ ra biển khi cả hai tới gò vẽ, và tôi sẽ chờ ở quán bar trên quảng trường trong khi anh gặp cô biên dịch của anh, và tôi sẽ chạm vào đài tưởng niệm người chiến sĩ vô danh đã hi sinh trên dòng Piave, và tôi sẽ không nói một lời, tôi sẽ chỉ anh đường tới hiệu sách, rồi cả hai sẽ để xe trước cửa hiệu, cùng đi vào, cùng rời đi, và tôi hứa, tôi hứa, tôi hứa rằng sẽ không có bất kỳ gợi ý nào về Shelley hay Monet, tôi cũng sẽ không bao giờ hạ mình mà nói với anh rằng hai đêm trước anh đã thêm một vòng sinh trường vào hồn tôi.

Tôi sẽ tận hưởng điều này vì nó đáng tận hưởng, tôi cứ tự nhủ như vậy. Chúng tôi là hai thanh niên đi xe đạp, và chúng tôi sẽ đi vào thị trấn rồi trở về, và chúng tôi sẽ bơi, chơi quần vợt, ăn, uống, và khi đêm buông sẽ tình cờ gặp nhau ở chính cái quảng trường mà hai buổi sáng trước giữa hai chúng tôi đã có thật nhiều điều nhưng thực ra là không có gì được nói ra. Anh sẽ cùng đi với một cô gái, tôi sẽ cùng đi với một cô gái, và chúng tôi sẽ vui vẻ. Mỗi ngày, nếu tôi không làm mọi thứ rối lên, chúng tôi có thể đạp xe vào thị trấn rồi trở về, và ngay cả khi anh chỉ cho đi được có vậy, tôi sẽ nhận lấy – ít hơn nữa cũng được, nếu chỉ để sống bằng những mẩu miếng xác xơ ấy.

Sớm hôm đó chúng tôi đạp xe vào thị trấn, mau chóng xong việc với cô biên dịch, nhưng sau ly cà phê vội vàng ở quán bar, hiệu sách vẫn chưa mở cửa. Thế nên chúng tôi nhẩn nha trên quảng trường, tôi ngó đăm chiêu vào đài tưởng niệm, anh ngó ra cảnh vịnh nhuộm nắng,

không ai nói lời nào về bóng ma của Shelley ám từng bước chân chúng tôi trong thị trấn và vẫy gọi còn âm ỉ hơn cả phụ thân của chàng Hamlet. Không nghĩ ngợi gì, anh hỏi biển như vậy thì sao người ta lại chết đuối được. Tôi lập tức mỉm cười, bởi tôi bất gặp ý muốn trở lại đối thoại của anh, điều này liền mang lại nụ cười đồng lõa trên mặt chúng tôi, giống như cái hôn ướt át thắm thiết giữa cuộc nói chuyện của hai con người đã vô tư lự tìm đến môi nhau qua một sa mạc đỏ bỏng cháy mà cả hai đã cố ý đặt ở giữa để khỏi sờ soạn nhau trong trần trụi.

“Cứ tưởng mình sẽ không nhắc tới,” tôi bắt đầu.

“Không diễn văn. Tôi biết.”

Khi trở lại hiệu sách, chúng tôi để xe bên ngoài rồi bước vào.

Cảm giác thật đặc biệt. Giống như cho ai thấy nhà thờ riêng của mình, nơi lui tới bí mật, nơi giống như gò vê, ta tới để được một mình, để mơ về những kẻ khác. Đây là nơi tôi mơ về anh trước khi anh bước vào đời tôi.

Tôi thích phong thái của anh trong hiệu sách. Anh tò mò nhưng không hoàn toàn tập trung, quan tâm nhưng lại hồ hững, đảo qua đảo lại giữa hai thái cực *Xem tôi tìm được gì này và Tất nhiên là nhà sách phải có những quyển thế này thế đó!*

Người bán sách đã đặt hai cuốn *Armance* của Stendhal, một cuốn bìa mềm và một cuốn bìa cứng đắt tiền. Một cơn bốc đồng khiến tôi nói là tôi sẽ lấy cả hai và ghi tên cha tôi vào hóa đơn. Rồi tôi hỏi mượn người phụ việc của ông ta một cây viết, mở cuốn bìa cứng ra, viết vào,

Zwischen Immer und Nie, dành cho anh trong im lặng, đâu đó ở nước Ý giữa những năm tám mươi.

Nhiều năm tới, nếu cuốn sách vẫn còn thuộc về anh, tôi muốn anh đau khổ. Tốt hơn cả, tôi muốn ai đó một ngày nọ đọc những cuốn sách của anh, mở cuốn *Armance* tí hon này ra rồi hỏi, *Nói tôi biết ai im lặng ở đâu đó ở nước Ý giữa những năm tám mươi?* Và rồi tôi muốn anh có một cảm giác trỗi dậy thật nhanh như sấu khổ và mãnh liệt hơn hối tiếc, thậm chí có lẽ là thương cảm tôi, bởi trong hiệu sách sáng hôm ấy tôi cũng sẽ nhận lấy lòng thương cảm, nếu thương cảm là tất cả anh có thể trao, nếu thương cảm có thể khiến anh ôm lấy tôi, và bên dưới cơn thương cảm cùng hối tiếc lơ lửng một dòng ngẫm mơ hồ, dục cảm mà sau bao nhiêu năm trời, tôi muốn anh nhớ về buổi sáng ở gò vẽ của Monet, khi tôi hôn anh không phải lần đầu mà là lần thứ hai và cho nước bọt vào miệng anh bởi vì tôi muốn có của anh trong mình đến mức tuyệt vọng.

Anh nói gì đó đại ý món quà là điều tốt đẹp nhất anh nhận được trong cả năm. Tôi nhún vai để làm nhẹ đi lời tri ân xã giao. Có lẽ tôi chỉ muốn anh lặp lại câu đó.

“Vậy tôi vui rồi. Tôi chỉ muốn cảm ơn anh vụ sáng nay.” Và trước khi anh kịp nghĩ tới chuyện ngắt lời, tôi nói thêm, “Tôi biết rồi, không diễn văn, không bao giờ.”

Trên đường xuống đồi, chúng tôi đi qua điểm quen thuộc của tôi, và lần này người nhìn đi hướng khác là tôi, cứ như bị lơ đãng. Tôi chắc rằng nếu lúc đó mình nhìn anh, chúng tôi sẽ cười với nhau cái nụ cười dễ lây

mà chúng tôi sẽ lập tức tắt đi khi nhắc tới cái chết của Shelley. Nó có thể mang chúng tôi lại gần nhau hơn, giá như chỉ để nhắc nhở chúng tôi phải xa cách đến mức nào. Có lẽ khi nhìn hướng khác và biết rằng chúng tôi đã nhìn hướng khác để tránh “diễn văn,” chúng tôi đã tìm ra một duyên cớ để cười với nhau, bởi tôi chắc anh biết tôi biết là anh biết tôi đang lảng tránh chuyện nhắc tới gò vè của Monet, và rằng sự tránh né này, điều này là dấu hiệu khiến chúng tôi xa cách nhau, thay vào đó, lại là một khoảnh khắc đồng bộ tuyệt vời của tình thân mật mà cả hai chúng tôi đều không muốn xua tan đi. Cũng như vậy trong cuốn sách tranh, tôi có thể nói như vậy, nhưng lại cắn lưỡi lặng im. Không diễn văn gì cả.

Nhưng nếu trong lúc chúng tôi đạp xe cùng nhau những buổi sáng kế tiếp, anh mà hỏi là tôi sẽ phun ra tất cả.

Tôi sẽ nói với anh rằng dù cả hai chạy xe đạp mỗi ngày lên tới tận quảng trường, nơi tôi nhất quyết không nói trừ khi tôi lướt mình, nhưng hàng đêm, khi tôi biết anh nằm trên giường, tôi vẫn mở rèm và bước ra bao lơn, hi vọng anh sẽ nghe tiếng rung kính từ cái cửa sổ mái, theo sau là tiếng bản lề cũ cọt két không lẫn vào đâu được. Tôi sẽ chờ anh ở đó, chỉ mặc chiếc quần pyjama, nếu anh hỏi tôi ở đó làm gì, tôi sẵn sàng thừa nhận rằng vì đêm quá nóng, mùi hương sả nồng không chịu nổi, và tôi thích thức chứ không ngủ, không đọc, chỉ thao láo, bởi tôi không khiến mình ngủ được. Rồi nếu anh hỏi tại sao tôi không ngủ được, tôi sẽ nói đơn giản rằng, Anh

không muốn biết đâu, hoặc nói vòng vo là tôi đã hứa sẽ không bao giờ băng qua mé bao lơn của anh, một phần là vì tôi rất sợ làm anh phật ý, nhưng cũng là vì tôi không muốn thử sợi dây gài¹ vô hình giữa chúng tôi – *Cậu đang nói dây gài gì vậy?* – Cái dây gài mà đêm nọ, nếu cơn mơ của tôi quá mãnh liệt hoặc tôi uống nhiều rượu hơn bình thường, tôi đã có thể dễ dàng vượt qua, để đẩy mở cửa sổ kính của anh mà nói, Oliver, là em đây, em không ngủ được, cho em ở với anh. Là sợi dây gài đó!

Sợi dây gài ấy cứ lù lù hiện ra suốt buổi đêm. Tiếng một con cú, tiếng của chớp bên phòng Oliver cọt két theo gió, tiếng nhạc văng vẳng từ một sàn nhảy thâu đêm bên thị trấn trên đôi kế cận, tiếng mèo cào lúc đã rất khuya, hoặc tiếng kéo kẹt của rầm gỗ trên cửa phòng ngủ, bất cứ gì cũng có thể thức tôi dậy. Nhưng tôi đã biết những thanh âm này từ ấu thơ, và giống như con nai biết vẫy đuôi đuổi loài côn trùng quấy rầy rồi lập tức ngủ lại. Dầu vậy, đôi khi có một thứ mơ hồ, ngỡ như cảm giác sợ hãi hoặc xấu hổ sẽ thoát ra khỏi giấc ngủ rồi lơ lửng quanh tôi, nhìn tôi ngủ, cúi xuống tai tôi rồi rút cuộc thì thâm, *Ta không thức mi dậy đâu, thật vậy, ngủ lại đi, Elio, cứ ngủ đi* – trong khi tôi cố hết sức nổi lại giấc mơ tôi sắp mơ ngay lúc này và gần như có thể viết lại nó nếu cố thêm chút nữa.

Nhưng giấc ngủ không chịu đến, lại có không chỉ một mà là hai ý nghĩ xáo động, như cặp bóng ma hiện thân ra

1 trip wire: dây thép giấu dưới đất để phát hiện kẻ xâm nhập, nếu kéo mạnh có thể gây nổ hoặc tạo tiếng động

từ màn sương mộng mị, đứng đó nhìn tôi: là ham muốn – nổi khát khao muốn bung mở cửa sổ và không nghĩ ngợi gì, trần truồng chạy bỏ vào phòng anh, và ô nhục – tôi không thể nào đánh liều làm vậy. Chúng đứng đó, huyền thoại của tuổi xuân, hai phúc vật của đời tôi là đói khát và sợ hãi, dõi theo tôi mà nói, *Biết bao người trước mi đã nắm lấy cơ hội và được tưởng thưởng, sao mi lại không thể?* Không lời đáp. Bao nhiêu kẻ đã ngần ngại, vậy thì có sao mi lại ngần ngại? Không lời đáp. Rồi câu đó cất lên như để nhạo báng tôi mãi: *Nếu không phải là sau này thì khi nào hờ Elio?*

Một lần nữa, câu trả lời đến vào đêm đó, dù là đến trong giấc mơ, giấc mơ này lại nằm trong một giấc mơ. Tôi thức dậy với một hình ảnh cho tôi biết nhiều hơn tôi muốn biết. Đường như tôi có thành thật đến đâu khi thừa nhận với bản thân về điều mình muốn từ anh, và muốn đến mức nào, tôi vẫn còn né tránh một vài góc khuất. Trong giấc mơ này, rốt cuộc tôi biết rằng thân thể mình hẳn đã nhận biết kể từ ngày đầu tiên. Chúng tôi ở trong phòng anh, và trái ngược với tất cả những gì tôi tưởng tượng, không phải tôi nằm ngửa trên giường, mà là Oliver; tôi nằm trên anh, ngắm nhìn. Trên gương mặt anh có nét gì đó đột nhiên phấn khởi, chực chờ nhu thuận, và ngay trong giấc ngủ tôi, điều này rút hết tình cảm ra khỏi tôi mà nói cho tôi biết rằng tôi không tài nào biết hoặc đoán được: rằng việc tôi không trao cho anh thứ tôi khát khao dâng hiến dù bất cứ giá nào có lẽ là tội ác lớn lao nhất tôi từng phạm phải trong đời. Tôi muốn

dâng cho anh gì đó, muốn đến tuyệt vọng. Ngược lại, việc nhận lấy có vẻ nhạt nhẽo, giả tạo, máy móc. Rồi tôi nghe ra lời đó, như tôi biết, đến lúc này tôi sẽ nghe ra. “Cậu dừng lại là giết tôi đó,” anh đang thở gấp, biết rằng anh đã nói ra lời y hệt với tôi vài đêm trước trong một giấc mơ khác, nhưng một khi đã nói ra, anh cũng tự do lặp lại nó bất cứ khi nào anh vào giấc mơ tôi, dấu hình như cả hai đều không biết đó là giọng nói của anh vang lên bên trong tôi hay ký ức của tôi về nó vang lên trong anh. Gương mặt anh, với vẻ vừa chịu đựng vừa xúi bẩy niềm đam mê của tôi, khiến tôi nghĩ đến sự bao dung và ngọn lửa mà tôi chưa từng thấy và chẳng bao giờ tưởng tượng ra trên gương mặt ai đó trước đây. Chính hình ảnh này về anh sẽ trở thành ngọn đèn trong đêm tối đời tôi, mãi soi tỏa những ngày tôi đã gần như bỏ cuộc, nhen nhóm lại niềm khát khao anh khi tôi muốn nó chết đi, khơi lại đốm lửa can đảm khi tôi sợ rằng sự hắt hủi có thể xua tan bất cứ thứ gì tương tự lòng tự trọng. Về mặt anh trở thành tấm ảnh tí hon của người thương mà những người lính mang theo ra chiến trường, không chỉ để nhắc nhở rằng trên đời có điều tốt đẹp và hạnh phúc đón chờ họ, mà cũng là để nhắc nhở rằng gương mặt này có thể chẳng bao giờ tha thứ cho họ nếu họ trở về trong túi đựng xác.

Những lời này khiến tôi thêm khát và thử làm nhiều thứ tôi chẳng bao giờ nghĩ mình có thể.

Bất kể anh muốn dứt khỏi tôi đến mức nào, bất kể những kẻ mà anh đã bầu bạn và chắc chắn là ngủ cùng hằng đêm, bất cứ ai đã hé lộ toàn bộ nhân tính với tôi khi

trần trụi nằm dưới tôi, cả khi trong giấc mơ, không thể nào khác đi trong đời thật. Đây là con người thật của anh; những thứ còn lại chỉ là sự tình cờ.

Không: anh là con người khác, người trong bộ đồ tắm màu đỏ.

Có điều tôi không thể tự cho phép mình hi vọng sẽ có dịp thấy anh không mặc bộ đồ tắm nào.

Nếu như buổi sáng ngày thứ hai, sau khi tới quảng trường, tôi gom hết can đảm để nài cho được cùng đi vào thị trấn với anh dù rõ là anh chả thêm nói chuyện với tôi, nguyên nhân chỉ là vì lúc tôi nhìn anh và thấy anh đọc to những từ anh vừa viết trên tấm bìa vàng, tôi cứ nhớ đến những từ khác, van vì của anh: “Cậu dừng lại là giết tôi đấy.” Khi đưa cho cuốn sách cho anh trong hiệu sách, rồi sau đó thậm chí còn nài để được trả tiền kem vì đi mua kem có nghĩa là đẩy xe cùng nhau qua những lối đi phủ bóng râm của B. và do đó được bên nhau lâu thêm chốc lát, cũng là để tôi cảm ơn anh đã nói ra câu “Cậu dừng lại là giết tôi đấy” – bây giờ càng quý giá hơn bất kỳ lời thú nhận nào từ anh. Sáng hôm ấy, tôi viết vào nhật ký nhưng bỏ đi câu tôi đã mơ. Tôi muốn nhiều năm sau đọc lại và tin, dù chỉ một khoảnh khắc, rằng thực sự anh đã nói lời van nài ấy với tôi. Điều tôi muốn lưu giữ là tiếng hỗn hển của anh còn vang trong tôi mãi nhiều ngày sau, và cho tôi biết, nếu tôi có thể đêm nào cũng có anh trong mơ suốt đời mình, tôi sẽ đặt cược cả đời mình vào những giấc mơ và thay thế những thứ khác.

Trong khi thả dốc xuống đồi qua chỗ của tôi, qua những lùm ô-liu và hướng dương đưa gương mặt hốt hoảng nhìn ra, chúng tôi lướt đi ngang qua những cây thông biển sao, qua hai toa tàu cũ đã mất bánh từ mấy đời rồi nhưng vẫn còn mang huy hiệu hoàng gia của gia tộc Savoy, ngang qua chuỗi quầy bán hàng của người gypsy, họ gào đòi giết chúng tôi vì tội suýt quẹt vào các cô con gái của họ, tôi quay sang anh mà nói, “Giết tôi đi nếu tôi dừng lại.”

Tôi nói câu đó để đặt lời của anh vào miệng mình, thường thức nó một chốc lâu hơn trước khi gom nó trở vào nơi ẩn trốn của mình, giống như cách những người chăn cừu đưa cừu lên đồi khi trời nóng nhưng khi trời mát đi, lại vội lừa cừu trở vào nhà. Bằng cách thét lên lời anh, tôi tô vẽ thêm chi tiết cho nó, cho nó sống lâu hơn, giống như giờ đây nó có cuộc đời riêng, một cuộc đời dài lâu và âm ỉ hơn mà chẳng ai chi phối được, giống như sự sống của những tiếng vang vọng bật khỏi vách đá của B., lặn xuống bãi cạn nơi con thuyền của Shelley gặp nạn. Tôi trả lại Oliver điều thuộc về anh, trả lại những lời của anh với mong ước ngầm là anh lặp lại những lời ấy với tôi, giống như trong giấc mơ, bởi vì giờ đây tới lượt của anh cất tiếng.

Bữa ăn trưa, không một lời. Sau đó anh ngồi trong bóng râm ngoài vườn để làm phần việc của hai ngày theo như anh thông báo trước khi uống cà phê. Không, tối nay anh không vào thị trấn. Có lẽ mai. Cũng chẳng chơi bài poker. Rồi anh đi lên lầu.

Vài ngày trước bàn chân anh nằm trên bàn chân tôi. Giờ đây, một cái liếc nhìn cũng không có.

Gần giờ ăn tối, anh trở xuống uống nước. “Tôi sẽ nhớ tất cả những điều này, thưa Signora P.,” anh nói, mái tóc lấp lánh sau khi tắm vào chiều muộn, nét mặt của “ngôi sao” ngời ngời. Mẹ tôi mỉm cười; *la muvi star*¹ rất được hoàn nghênh *ennnni taim*². Rồi anh đi bộ một chốc như thường lệ với Vimini để giúp cô bé tìm con tắc kè hoa cứng. Tôi không bao giờ hiểu nổi hai người họ nhìn ra điều gì ở nhau, nhưng có cảm giác là nó tự nhiên và ngẫu hứng hơn nhiều so với bất cứ gì anh và tôi sẽ chia. Nửa giờ sau, họ về. Vimini đã bóc vỏ một cây vả, và bị mẹ nó bảo đi rửa tay trước khi ăn tối.

Lúc ăn tối không lời nào. Sau bữa tối anh biến mất lên lầu.

Tôi chắc mẩm là tới chừng mười giờ anh sẽ chuồn ra, vào thị trấn. Nhưng tôi thấy ánh sáng hắt ra từ đoạn cuối bao lơn của anh, dải sáng màu cam xiên ra phía chiếu nghỉ cạnh cửa phòng tôi. Thi thoảng tôi lại nghe tiếng anh di chuyển.

Tôi quyết định gọi một người bạn để hỏi xem cậu ấy có vào thị trấn không. Mẹ cậu ta bảo cậu đã đi rồi, và đúng, rất có thể là tới cùng nơi đó. Tôi gọi một đứa khác. Cậu ta cũng đã đi rồi. Cha tôi hỏi, “Sao con không gọi con bé Marzia? Con đang tránh mặt nó sao?” Không phải tránh mặt – nhưng nằng lúc nào cũng có vẻ nhiều rắc rối. “Chứ

1 *la muvi star*: ngôi sao điện ảnh

2 *any time*: bất cứ lúc nào

còn gì nữa!” Ông nói thêm. Khi tôi gọi, nàng bảo rằng tối nay nàng không đi đâu cả. Giọng nàng lạnh nhạt, u ám. Anh gọi để xin lỗi em. “Nghe nói anh bị bệnh.” Không có gì. Tôi đáp. Tôi có thể tới đón nàng bằng xe đạp, rồi hai đứa sẽ đạp xe vào B. Nàng bảo sẽ đi cùng.

Cha mẹ tôi đang xem ti-vi lúc tôi bước ra khỏi nhà. Tôi nghe tiếng chân mình trên lối sỏi. Tôi chẳng ngại tiếng động, vì nó bầu bạn cùng tôi. Tôi nghĩ anh cũng sẽ nghe thấy.

Marzia gặp tôi trong vườn. Nàng ngồi trên cái ghế cũ bằng sắt uốn, hai chân xoãi ra trước, gót chạm đất. Nàng mặc cái áo khoác len. Anh bắt em đợi lâu quá, nàng nói. Hai đứa rời nhà nàng bằng lối tắt, dốc hơn, nhưng dẫn tới thị trấn rất nhanh. Ánh sáng và âm thanh nhộn nhịp của cuộc sống về đêm từ quảng trường tràn ra cả những ngõ phố kế cận. Có một nhà hàng thường hay đặt những chiếc bàn gỗ bé xíu trên vỉa hè khi hết cả chỗ cho đám khách quen trên quảng trường. Lúc vào quảng trường, sự nhộn nhịp, huyền ảo khiến trong lòng tôi dâng đầy cái cảm giác quen thuộc – lo lắng, bất thỏa đáng. Marzia sẽ gặp phải bạn bè, những người khác rồi sẽ chông ghẹo. Ngay cả chuyện ở bên nàng cũng thách thức tôi cách này hay cách khác. Tôi không thích bị thách thức.

Thay vì ngồi cùng với những người quen ở bàn trong quán ăn, hai đứa đứng xếp hàng để mua kem. Nàng cũng bảo tôi mua thuốc lá nữa.

Tay cầm kem ốc quế, hai đứa bắt đầu dạo thong thả qua quảng trường đông đúc, đi thẳng dọc theo một con

phố, rồi một con phố nữa, rồi lại một con phố nữa. Thôi thích ánh đá cuội lấp lánh trong bóng tối, giống như cách nàng và tôi thả bước một cách lười nhác, tay dắt xe đạp đi qua thị trấn, lắng nghe tiếng ti-vi vụn nhỏ lên ra từ đằng sau những cánh cửa sổ mở. Hiệu sách vẫn còn mở, thế là tôi hỏi nàng có phiền nếu ghé vào chẳng. Không, nàng không phiền, nàng sẽ vào cùng tôi. Hai đứa gá xe đạp vào tường. Sau tấm rèm tràng hạt là căn phòng mốc meo vương khói thuốc, đầy đó những gạt tàn đầy ú. Ông chủ hiệu tính đóng cửa sớm, nhưng bản tứ tấu của Schubert hãy còn vang, và có một cặp chùng hai mươi mấy, là khách du lịch, đang lật xem vài quyển trong góc sách tiếng Anh, có lẽ đang tìm một tiểu thuyết mang âm hưởng địa phương. Thật là khác với buổi sáng nọ, chẳng có bóng người nào, chỉ có ánh mặt trời chói lóa cùng mùi cà phê mới ngập tràn hiệu sách. Marzia nhìn qua vai tôi, trong khi tôi cầm lấy một quyển thơ trên bàn rồi bắt đầu đọc một bài. Tôi sắp sang trang thì nàng bảo còn chưa đọc xong. Tôi thích thế này. Nhìn thấy cặp đôi bên cạnh sắp mua một tiểu thuyết dịch từ tiếng Ý, tôi cắt ngang cuộc chuyện trò của họ, khuyên đừng mua. “Quyển này hay hơn nhiều, rất nhiều. Bối cảnh ở Sicily, không phải vùng này, nhưng chắc đây là cuốn tiểu thuyết Ý hay nhất được viết ra trong thế kỷ này.” “Bọn tôi xem phim rồi,” cô gái nói. “Có hay như Calvino không chứ?” Tôi nhún vai. Marzia vẫn còn hứng thú với bài thơ đó, đang đọc lại lần nữa. “Calvino làm sao mà so được – hào nhoáng mà rỗng ruột. Nhưng tôi chỉ là một đứa nhóc thôi, tôi biết gì chứ?”

Có hai thanh niên khác mặc áo khoác thể thao mùa hè sành điệu, không cà vạt đang bàn luận văn chương với chủ hiệu sách, cả ba đều đang hút thuốc. Trên bàn, cạnh quầy thu tiền có một mớ ly rượu vang gần như cạn, và cạnh đó là một chai porto¹ lớn. Tôi để ý thấy mấy người khách du lịch đang cầm ly đã cạn. Rõ ràng là họ được mời rượu trong buổi tiệc ra mắt sách. Chủ hiệu sách nhìn sang chúng tôi, cái liếc mắt lặng lẽ tỏ ý cáo lỗi vì đường đột và hỏi xem hai đứa tôi có muốn nhắm chút porto chẳng. Tôi nhìn Marzia rồi nhún vai đáp lại, tức là, Nàng dường như không muốn. Chủ hiệu sách, vẫn im lặng, chỉ vào cái chai rồi lắc đầu kiểu như không ưng bụng, tỏ ý bỏ phí chai rượu porto ngon thế này tối nay thật là uống, vậy sao không giúp ông ta uống cạn trước khi đóng cửa hiệu. Rốt cuộc tôi chấp nhận, Marzia cũng vậy. Theo phép lịch sự, tôi hỏi tối nay ra mắt quyển sách nào. Một người đàn ông khác mà tôi chưa thấy, bởi ông đã đọc gì đó trong kệ tường, nêu tên quyển sách: *Se l'amore. Nếu tình yêu*. “Nó hay không?” Tôi hỏi. “Đồ bỏ đi thôi.” Ông ta trả lời. “Tôi biết mà. Tôi viết nó chứ ai.”

Tôi ghen tị với ông. Tôi ghen tị với ông về chuyện đọc sách, về tiệc ra mắt sách, về bạn bè và những kẻ ái mộ đến từ quanh đây để chúc mừng ông trong cái hiệu sách nho nhỏ cạnh cái quảng trường nho nhỏ trong cái thị trấn nho nhỏ của chúng tôi. Họ đã để lại hơn năm mươi cái ly cạn đằng sau. Tôi ghen tị với ông cái đặc quyền hạ mình.

1 porto: rượu vang đỏ ngọt nặng ở Bồ Đào Nha

“Ông ký tặng tôi một quyển nhé?”

“*Con piacere*, rất vui lòng” ông đáp, rồi trước khi chủ hiệu sách kịp chìa ra một cây bút ni, tác giả đã rút ra cây Pelikan của ông. “Tôi không chắc quyển sách này là dành cho anh, nhưng...” Ông bỏ lửng để câu nói trượt vào thinh lặng, với thái độ pha lẫn giữa cực kỳ khiêm nhường và một tí ti khoa trương kiểu cách, được diễn dịch ra là, *Anh yêu cầu tôi ký tên, và tôi quá là vui sướng được đóng vai của thi sĩ trứ danh mà hai ta đều biết rằng tôi không phải.*

Tôi quyết định mua một quyển cho Marzia nữa, và nài ni ông ta ký tặng nàng, ông thuận ý, thêm vào hình loăng ngoăng bất tận gì đó cạnh tên ông. “Tôi cũng không nghĩ rằng nó là dành cho cô, nhưng...”

Rồi một lần nữa, tôi bảo ông chủ hiệu sách ghi thanh toán bằng tên cha tôi.

Lúc hai đứa đứng gần quầy thu tiền, nhìn ông chủ hiệu mài mê bao từng quyển sách lại bằng giấy bóng vàng, sau cột một dải ruy-băng, rồi trên ruy-băng là cái nhãn dính màu bạc của cửa hiệu, tôi rút rề lại gần nàng, rồi có lẽ đơn giản là vì nàng đứng đó quá gần bên tôi, hôn vào sau tai nàng.

Hình như nàng rung mình, nhưng không cử động. Tôi hôn nàng lần nữa. Rồi lấy lại được bình tĩnh, tôi thăm thì, “Có sao không?” “Đâu có sao,” nàng thì thăm đáp lại.

Ra ngoài, nàng không kiểm chế được nữa. “Tại sao anh mua cuốn sách này cho em?”

Trong một thoáng tôi cứ tưởng nàng sắp hỏi tại sao tôi hôn nàng.

“*Perché mi andava*, bởi vì anh muốn như thế.”

“Ừ, nhưng tại sao anh mua nó cho em – tại sao mua cho em một cuốn sách?”

“Anh không hiểu sao em hỏi vậy.”

“Tên gốc nào cũng hiểu được tại sao em hỏi. Nhưng anh thì không. Phải rồi!”

“Anh vẫn chưa hiểu.”

“Anh đúng là hết thuốc chữa.”

Tôi nhìn chăm chăm vào nàng, hoàn toàn bất ngờ thấy những run rẩy vì cơn giận và phật ý trong giọng nàng.

“Anh mà không nói, em sẽ tưởng tượng ra đủ chuyện – rồi em sẽ thấy kinh khủng.”

“Em đúng là gốc. Đưa anh điếu thuốc đi.”

Đâu phải tôi không dò được ý nàng nói gì, nhưng chẳng ngờ mình không tin nổi nàng nhìn thấu tôi rõ đến vậy. Có lẽ tôi không muốn tin điều nàng ám chỉ, vì sợ phải cắt nghĩa hành vi mua sách. Có phải tôi đã cố ý không thành thật? Liệu tôi có thể tiếp tục diễn giải sai điều nàng nói mà không cảm thấy hoàn toàn gian dối?

Rồi tôi đạt được một sự thấu thị. Có lẽ tôi đã phớt lờ từng tín hiệu một từ nàng có chủ ý – để đẩy nàng đến chỗ thổ lộ – tức là tôi đã dùng sự ngượng ngịu cũng như bất lực của mình như một chiến lược.

Chỉ khi đó, một ý nghĩ này bật ra khiến tôi ngạc nhiên. Có phải Oliver đã và đang làm điều tương tự với tôi? Tức là lúc nào cũng cố ý phớt lờ tôi để thu hút tôi lại gần?

Có phải đây là điều anh ám chỉ lúc nói rằng đã nhìn thấu hết nỗ lực của tôi nhằm phớt lờ anh?

Hai đứa rời hiệu sách, châm hai điếu thuốc. Một phút sau thì nghe thấy tiếng kim loại rầm rập. Chủ hiệu đang hạ cửa kéo. “Anh thích đọc nhiều vậy sao?” Nàng hỏi trong khi cùng tôi đi nhấn nha trong bóng tối về phía quảng trường.

Tôi nhìn nàng, cứ như nàng vừa hỏi tôi có yêu âm nhạc không, hay bánh mì, bơ muối, hay trái cây chín mọng vào hè. “Đừng hiểu lầm em,” nàng nói. “Em cũng thích đọc. Nhưng không kể với ai cả.” Rốt cuộc mình cũng gặp người nói sự thật, tôi nghĩ. Tôi hỏi nàng sao lại không kể với ai. “Em chẳng biết...” Đây là cách nàng trì hoãn, hoặc rào đón trước khi trả lời, “Người đọc là người giấu giếm. Họ giấu con người thật. Mà đã giấu thì họ không phải lúc nào cũng thích con người thật của mình.”

“Em có giấu con người thật không?”

“Thì thoảng. Anh có không?”

“Anh ấy à? Cũng có.” Và rồi hoàn toàn không phải bốc đồng, tôi thấy mình đang nghĩ tới một câu hỏi mà trong trường hợp khác tôi sẽ chẳng bao giờ dám hỏi. “Em có giấu anh không?”

“Không, không giấu anh. Hay có lẽ, ừ, một chút.”

“Như là gì?”

“Anh biết chính xác *như là gì* mà.”

“Sao em lại nói vậy?”

“Sao ấy à? Bởi em nghĩ anh có thể làm em tổn thương, mà em thì không muốn bị tổn thương.” Rồi nàng nghiêng ngả một lúc. “Không hẳn là anh có ý làm hại ai, nhưng anh thì hay đổi ý lắm, hay trốn tránh, nên chẳng ai biết tìm anh ở đâu cả. Anh làm em sợ.”

Cả hai đang bước đi chậm rãi đến nỗi khi dừng xe lại, không ai nhận ra. Tôi nhào sang hôn nhẹ lên môi nàng. Nàng đẩy chiếc xe tới dựa vào cửa một tiệm đã đóng, rồi dựa vào tường, nói, “Hôn em lại đi?” Bật chống xe, tôi dựng nó giữa lối đi, rồi khi bên cạnh nhau, tôi áp hai bàn tay vào mặt nàng, gấn lại nàng bắt đầu hôn, tay tôi dưới áo nàng, tay nàng luồn vào tóc tôi. Tôi thích sự đơn giản, thật thà của nàng trong từng từ từng chữ nàng nói với tôi đêm đó – thẳng thắn, đầy tình người, không kìm nén – và cái cách hông nàng đáp lại tôi mà không ức chế hay cưỡng điệu, như thể giữa cặp môi và hông ở nàng là mối liên kết tức thời không ngừng biến đổi vậy. Nụ hôn môi không phải là khúc dạo đầu cho sự tiếp xúc toàn phần, bản thân nó đã là tiếp xúc toàn phần. Chẳng có gì ngăn cách giữa thân thể hai đứa trừ lớp quần áo, nên tôi không ngạc nhiên khi nàng chen bàn tay vào giữa rồi xuống dưới, vào trong quần tôi, rồi nói, “*Sei duro, duro*, anh cứng quá.” Và chính sự thẳng thắn, tự nhiên, không giới hạn của nàng lại khiến tôi càng cương thêm nữa.

Tôi muốn nhìn sâu thẳm vào trong mắt nàng trong khi nàng nắm tay tôi, nói với nàng tôi muốn hôn nàng từ lâu rồi, nói gì đó để chứng tỏ rằng con người đã đến nhà rồi đưa nàng đi không còn là cậu nhóc lạnh lùng, vô hồn

nữa – nhưng nàng cắt ngang: “*Baciami ancora*, hôn em lần nữa đi.”

Tôi hôn nàng lần nữa, nhưng tâm trí lại vụt nghĩ về gò vế. Tôi có nên đề nghị chỗ đó? Hai đứa sẽ phải đạp xe năm phút nữa, nếu đi theo con đường tắt của nàng, chạy thẳng qua rừng ô-liu. Tôi biết hai đứa sẽ chạm mặt các cặp tình nhân khác quanh vùng. Nếu không thì bãi biển. Tôi từng dùng chỗ đó. Ai cũng vậy. Tôi có thể mời về phòng mình, ở nhà sẽ chẳng ai hay biết, mà có biết chuyện cũng chẳng quan tâm.

Một hình ảnh vụt qua trong đầu tôi: nàng và tôi cùng ngồi trong vườn mỗi sáng, sau bữa điểm tâm, nàng mặc bikini, cứ giục tôi xuống lầu để đi bơi với nàng.

“*Ma tu mi vuoi veramente bene*, anh thích em thật chứ?” Nàng hỏi. Sao bỗng dừng lại hỏi thế – hay có phải vì ánh mắt tổn thương, cần vỗ về đã ám vào từng bước chân hai đứa từ khi rời khỏi hiệu sách?

Tôi không hiểu nổi làm sao sự bạo dạn cùng nỗi u sầu, làm sao mà *anh cũng quá* và *anh thích em thật chứ?* lại có thể gắn với nhau khăng khít tới vậy. Tôi cũng không lường được làm sao một người có vẻ rất dễ tổn thương, ngần ngại, và háo hức thổ lộ biết bao điều bất an về bản thân mình lại có thể cùng lúc đó thọc tay vào quần tôi một cách táo bạo, rồi nắm lấy cái ấy của tôi mà bóp chặt.

Trong khi hôn nhau say đắm, và tay chúng tôi đi lạc khắp trên thân thể nhau, tôi lại thấy mình soạn ra lời nhắn mà tôi quyết tâm luồn vào khe cửa phòng anh đêm đó: *Không chịu nổi im lặng nữa. Tôi cần nói với anh.*

Đến lúc sẵn sàng luồn mẩu tin dưới khe cửa phòng anh, trời đã bình minh. Marzia và tôi làm tình ở một chỗ vắng ngoài bãi biển, chỗ đó có biệt danh là Hồ-cá, nơi mớ bao cao su trong đêm sẽ tụ lại rồi bập bênh giữa những hòn đá, như bọn cá hồi quy cố hương bị kẹt lại trong vùng nước. Hôm đó hai đứa định còn gặp nhau nữa.

Bây giờ, lúc trên đường về nhà, tôi thích mùi hương nàng trên thân thể, trên tay mình. Tôi sẽ không làm gì cả, để giữ nguyên. Tôi sẽ giữ như vậy đến lúc chúng tôi gặp nhau vào buổi tối. Một phần trong tôi vẫn đang đắm mình trong cơn sóng dừng dừng mới nổi lên, gần như là chán ghét đối với Oliver, nó vừa khiến tôi vui dạ, vừa chứng tỏ rốt cuộc tôi là con người thoát nắng thoát mưa thế nào. Có lẽ anh đã cảm giác được rằng điều tôi muốn ở anh chỉ là được ngủ với anh, rồi chấm dứt. Cho nên theo bản năng anh đã quyết định không liên can gì với tôi nữa. Mới vài đêm trước tôi còn nghĩ rằng mình bị thúc giục mạnh mẽ muốn giữ thân thể anh trong tôi, suýt nữa tôi đã nhảy ra khỏi giường mà sang phòng tìm anh. Giờ đây ý nghĩ đó chẳng mảy may khiến tôi hứng thú. Có lẽ tất cả chuyện với Oliver chỉ là cơn động cơn kỳ đại thử¹, và nó qua rồi. Ngược lại, tôi chỉ cần ngửi mùi hương Marzia trên tay mình, và tôi yêu sự nữ tính ở mọi phụ nữ.

Tôi biết cảm giác ấy sẽ không bền, và như với mọi kẻ nghiện, thật dễ thể thốt bỏ tạt ngay sau một cơn phê.

1 canicular: tiết đại thử, thời gian nóng nhất trong năm, vào hạ tuần tháng 7 dương lịch, khi sao Sirius (Thiên lang) mọc

Rồi chưa đầy một giờ sau, Oliver học tốc trở lại với tôi. Rồi lại ngồi trên giường với anh, giơ lòng bàn tay ra mà nói, Đây, ngủ đi. Rồi nhìn anh hít bàn tay mình, cảm nó thật nhẹ nhàng bằng cả hai tay anh, rồi tôi đưa ngón giữa lên môi anh, rồi đột nhiên đẩy nó vào trong miệng anh.

Tôi xé một tờ giấy trong cuốn vở đi học.

Xin đừng tránh né tôi.

Xong tôi sửa:

Xin đừng tránh né tôi. Tôi chết mất.

Lại sửa thành:

Anh im lặng là giết tôi đấy.

Gì mà dữ thần vậy.

Không chịu nổi khi nghĩ là anh ghét tôi.

Thảm thiết quá. Thôi, bớt suốt mướt đi, nhưng vẫn giữ kiểu nói chết chóc sáo mòn.

Tôi sẽ chết ngay khi biết anh ghét tôi.

Vào phút cuối tôi trở lại nguyên bản.

Không chịu nổi sự im lặng. Tôi cần nói với anh.

Tôi gấp tờ giấy kẻ hàng, rồi nhét nó dưới cửa phòng anh, ngầm hiểu rằng hành động này tựa như Caesar vượt qua dòng sông Rubicon¹. Không thối lui được nữa. *Iacta alea est*, lời Caesar đã nói, phóng lao phải theo lao.

¹ Caesar dẫn quân vượt dòng Rubicon, vốn là con sông phân ranh giới xứ Gaul và nước Ý thời La Mã cổ đại. Đây là hành động có ý nghĩa tuyên chiến với Viện Nguyên lão, vì theo luật, tướng cầm quân trấn giữ lãnh địa bên ngoài không được đưa quân vào chính quốc. Sau đó là ba năm nội chiến, kết thúc với việc Caesar lên làm hoàng đế. Cụm từ có ý nói đây là hành động bất khả vãn hồi.

Tôi thấy thú vị khi nghĩ rằng động từ “ném,” *iacere* trong tiếng Latin có cùng gốc với động từ “xuất tinh.” Vừa nghĩ đến đây, tôi nhận ra thứ mình muốn mang đến cho anh không chỉ là mùi của nàng trên ngón tay mình, mà còn là dấu vết tinh dịch đã khô đi.

Mười lăm phút sau tôi bị giằng xé bởi hai tình cảm đối nghịch nhau: nuối tiếc vì đã gửi thông điệp, và nuối tiếc vì thông điệp đó chẳng có chút mĩa mai nào.

Lúc ăn sáng, anh xuất hiện sau khi chạy bộ, chẳng thèm ngẩng đầu lên, hỏi mỗi câu là đêm trước tôi có vui không, ám chỉ việc tôi vào giường rất trễ. “Mất ngủ, tạm tạm,” tôi trả lời mù mờ hết sức có thể, đây cũng là cách tỏ ý rằng tôi nói vậy là để tóm gọn một bản báo cáo rất dài. “Vậy thì chắc là mệt nhỉ,” cha tôi chích vào một câu mĩa mai. “Hay là dạo này con cũng chơi poker?” “Con đâu chơi poker.” Cha tôi và Oliver liếc nhau, thần sắc nghiêm trọng. Rồi hai người bắt đầu bàn công việc trong ngày. Thế là tôi mất anh. Thêm một ngày khổ ải nữa.

Lúc trở lên lầu lấy sách, tôi thấy mảnh giấy tập kẻ ngang trên bàn. Hẳn anh đã đi cửa bao lơn vào phòng tôi, đặt nó ở chỗ tôi thấy. Nếu bây giờ tôi đọc thì hỏng cả ngày mất. Nhưng nếu tôi trì hoãn đọc nó, cả ngày sẽ thành ra vô nghĩa, và tôi chẳng thể nghĩ tới gì khác. Chắc là anh ném trả lại tôi mà chẳng viết gì thêm, như để nói: *Tôi thấy cái này dưới sàn. Chắc là của cậu. Sau nhé!* Hoặc là cộc cằn hơn: *Không hồi đáp.*

Trưởng thành đi chứ! Nửa đêm tôi gặp cậu.

Đó là những gì anh thêm vào dưới dòng của tôi.

Anh đã đặt nó trước bữa điểm tâm.

Vài phút sau tôi mới nhận ra, nhưng trong lòng vừa nôn nóng, vừa mất hết can đảm. Tôi có muốn điều này chẳng, khi mà có người trao cho tôi gì đó? Và thực sự có gì được trao không? Và nếu tôi muốn hay không muốn nó đi nữa, làm thế nào sống được tới nửa đêm đây? Còn chưa tới mười giờ sáng: còn mười bốn tiếng nữa... Lần sau cùng tôi chờ lâu đến vậy là chờ sổ liên lạc. Hay một ngày thứ bảy hai năm về trước, một đứa con gái hứa là sẽ cùng đi xem phim, mà tôi không chắc là cô ả nhớ hay quên cái hẹn. Nửa ngày trời cuộc đời mình bị treo. Tôi quá ghét đợi chờ và phụ thuộc vào ý thích bất chợt của kẻ khác.

Có nên đáp lại lời nhắn của anh?

Lẽ nào lại đi trả lời một câu trả lời.

Xem lại lời nhắn: có phải giọng điệu cố tình nhẹ nhàng không, hay nó có vẻ là ý nghĩ muộn mằn ngoáy vội chỉ vài phút sau khi chạy bộ và vài giây trước bữa điểm tâm? Tôi bắt gặp cái ý châm chọc tính úy mị suốt suốt của mình, theo sau là giọng tự tin, nói-thẳng-vào-vấn-đề *gặp cậu lúc nửa đêm*. Hai thứ ấy có phải điểm lành, và cái nào trong hai thứ rốt cuộc sẽ thắng thế, là cú đập của châm biếm, hay là câu vui nhộn *Tối nay mình hãy tới với nhau thử xem chuyện thế nào?* Rồi chúng tôi sẽ nói chuyện – chỉ nói chuyện mà thôi? Đây là một mệnh lệnh hay là lời thuận lòng gặp tôi vào cái thời khắc hay được nói tới trong tiểu thuyết và vở kịch? Rồi giữa đêm chúng tôi sẽ gặp ở đâu? Liệu anh có rảnh phút nào trong ngày để nói

tôi biết nơi đó? Hay bởi biết rằng tôi đã bực bội cả đêm nọ, và cái dây gài chia cách hai gờ bao lơn giữa chúng tôi chỉ là đồ giả, liệu anh có cho rằng một trong hai chúng tôi rốt cuộc sẽ băng qua cái phòng tuyến Maginot¹ vốn chưa từng ngăn được ai cả?

Và chuyện này sẽ ảnh hưởng thế nào tới việc đạp xe gần-như-nghi-lễ của chúng tôi vào buổi sáng? Liệu “giữa đêm” có kéo theo đạp xe vào buổi sáng? Hay chúng tôi tiếp tục như trước, dù chẳng có gì thay đổi ngoại trừ chuyện giờ đây có một cái hẹn “giữa đêm” để trông chờ? Nếu bây giờ tình cờ gặp anh, liệu tôi có cười thật tươi với anh, hay tiếp tục như trước, và thay nụ cười tươi kia bằng ánh nhìn chằm chằm lạnh lùng, lén lút *kiểu Mỹ*?

Trong số những điều tôi muốn cho anh thấy vào lần tới gặp anh, hãy còn thứ nữa là lòng biết ơn. Người ta có thể bày tỏ lòng biết ơn mà không bị xem là ép buộc và độc đoán. Hay lòng biết ơn, dù cho có được kiểm chế thế nào, luôn mang theo một chút đường mật khiến cho mọi đam mê ở xứ Địa Trung Hải không tránh khỏi tính chất ủy mị, kịch cỡm? Không thể để yên mọi thứ, không thể xem nhẹ, phải kêu la lên, phải tuyên bố, phải diễn thuyết...

1 Maginot line: hệ thống phòng tuyến phức tạp Pháp xây dựng vào thập niên 1930 ở biên giới đông Pháp nhằm ngăn chặn vĩnh viễn một cuộc xâm lăng từ nước Đức, đặt tên theo Bộ trưởng Chiến tranh của Pháp thời đó là André Maginot, theo sau sự kiện là các pháo đài hiện đại đã đứng vững trước sự tấn công của quân Đức trong Thế Chiến I. Tuy nhiên người Đức đã tránh phòng tuyến này trong Thế chiến II, tấn công nước Pháp qua ngả Bỉ. Nghĩa bóng: một rào cản hoặc chiến lược tạo ra niềm tin mù quáng về sự an toàn

Nếu không nói gì thì anh sẽ nghĩ là mình hối hận vì đã nhần.

Nói bất cứ gì thì sẽ thành ra hồng hét.

Vậy làm sao?

Chờ.

Tôi biết ngay từ đầu. Chỉ đợi thôi. Tôi sẽ làm việc cả sáng. Đi bơi. Có lẽ chơi quần vợt buổi chiều. Gặp Marzia. Trở lại vào giữa đêm. Không, mười một rưỡi. Tắm? Không tắm? A, từ thân xác này sang thân xác khác.

Chẳng phải anh cũng đang làm vậy sao? Từ thân xác này sang thân xác khác.

Và rồi một cơn hoảng loạn chiếm lấy tôi: liệu tối nay có phải chỉ là một cuộc nói chuyện để hóa giải cảm xúc, kiểu như trong cách nói phẩn chấn lên, vui vẻ lên, trưởng thành lên!

Nhưng sao lại phải chờ đến giữa đêm? Ai đời lại chọn giờ đó để nói chuyện như vậy?

Hay giữa đêm sẽ là *giữa đêm như thế*?

Giữa đêm thì mặc gì đây?

Ngày trôi qua như tôi đã lo sợ. Oliver tìm được cách lên đi mà không nói với tôi, từ ngay sau bữa điểm tâm mãi đến tận bữa trưa. Anh ngồi ở chỗ thường lệ cạnh tôi. Vài lần tôi cố gọi chuyện vui vẻ nhưng nhận thấy dịp này sắp thành chuỗi ngày đừng-nói-gì-với-nhau-cả nữa của chúng tôi lúc cả hai cố làm rõ rằng chúng tôi không còn giả vờ im lặng nữa.

Sau bữa trưa, tôi đi ngủ. Tôi nghe tiếng anh đi theo lên lầu rồi đóng cửa phòng anh.

Sau đó tôi gọi Marzia. Hai đứa gặp ở sân quần vợt. May là ở đó chẳng có ai, nên yên tĩnh. Hai đứa chơi bóng nhiều giờ liền dưới ánh mặt trời thiêu đốt, điều cả hai cùng thích. Thi thoảng hai đứa ngồi trên băng ghế cũ trong bóng râm, nghe tiếng đế gáy. Dì Mafalda mang nước giải khát, rồi cảnh báo rằng dì già quá cho chuyện này rồi, rằng lần tới hai đứa muốn dùng gì thì tự đi mà phục vụ. “Nhưng tụi con có nhờ vả dì làm gì đâu,” tôi phản đối. “Vậy lẽ ra cậu đừng nên uống.” Thế là dì rẽ ra đi khỏi, thẳng thẽ.

Hôm ấy cô bé Vimini vốn thích nhìn người ta chơi quần vợt lại không đến. Hẳn cô bé đã ở cạnh Oliver nơi họ ưa thích.

Thời tiết tháng Tám thật tuyệt. Thị trấn im lìm hơn thường lệ vào những tuần cuối hè. Lúc ấy mọi người đã rời đi hưởng kỳ nghỉ, và khách du lịch vãng lai cũng thường biến mất trước bảy giờ tối. Tôi thích những buổi chiều nhất: mùi hương thảo, cái nóng, lũ chim, bọn ve sầu, lá cây cọ trông như cái lược, sự tĩnh mịch rơi xuống như mảnh khăn choàng vải lanh nhẹ rơi vào ngày nắng rực đến không ngờ, tất cả những điều này đều tuyệt nhưng còn thua cuộc thả bộ xuống bờ biển rồi trở lên lầu tắm tấp. Tôi thích nhìn lên nhà mình từ sân quần vợt, thấy các bao lơ trổng trải phơi ra trong ánh mặt trời, biết rằng từ bao lơ nào bạn cũng có thể bắt gặp mặt biển menh mông. Đây là bao lơ của tôi, thế giới của tôi.

Từ nơi tôi đang ngồi đây, tôi có thể nhìn quanh mình mà nói, Đây là sân quần vợt của chúng tôi, kia là khu vườn, cây trái, nhà kho, nhà chính, và bên dưới kia là cây cầu tàu của chúng tôi – mọi người và mọi thứ tôi mến thương đều ở đây. Gia đình tôi, nhạc cụ của tôi, sách của tôi, dì Mafalda, Marzia, Oliver.

Buổi chiều ấy, lúc ngồi cùng Marzia, tay đặt lên đùi và gối nàng, lòng tôi chợt nghĩ mình là một trong những kẻ diễm phúc nhất trên đời, theo lời Oliver. Không thể biết tất cả những điều tốt đẹp sẽ kéo dài bao lâu, và ngày hay đêm sẽ diễn ra thế nào lại càng khó đoán. Mỗi phút giây đều như vô thường. Mọi thứ có thể đột biến trong tích tắc.

Nhưng ngồi đây, tôi biết mình đang trải nghiệm cái diễm phúc vừa phải của những người quá mê tín để mà nói rằng họ có thể đạt được mọi điều mơ ước, nhưng vì quá thành kính nên chẳng biết những điều ấy có thể dễ dàng mất đi.

Sau khi chơi quần vợt và ngay trước khi ra bãi biển, tôi đưa nàng lên lầu theo lối bao lơn vào phòng ngủ. Buổi chiều thì chẳng có ai qua lại. Tôi đóng cửa chớp nhưng để cửa sổ mở để ánh nắng dịu ban chiều vẽ bóng lam lên giường, lên tường, lên Marzia. Hai đứa yêu nhau trong im lặng vô cùng, không ai nhắm mắt.

Phần nào trong tôi muốn hai đứa bập nhau vào tường, hoặc nàng không kìm được một tiếng kêu, thế là Oliver sẽ biết được chuyện gì đang xảy ra bên kia bức tường. Tôi tưởng tượng ra anh đang ngủ, nghe tiếng lò xo giường tôi, rồi khổ sở.

Lúc đi tới vòm, tôi lại thấy vui sướng khi thấy mình không quan tâm chuyện anh biết về hai đứa tôi hay không, chỉ bởi tôi không quan tâm chuyện đêm nay anh không xuất hiện. Thậm chí tôi chẳng quan tâm anh hay đôi vai anh hay làn da trắng dưới cánh tay anh. Lòng bàn chân anh, lòng bàn tay anh, phần dưới thân thể anh – không quan tâm. Tôi thà ở cạnh nàng đêm nay còn hơn chờ đợi anh rồi nghe anh hùng biện về cái sự sùng kính nhạt phèo đối với thời khắc giữa đêm. Hồi sáng lúc nhét mảnh giấy cho anh tôi đã nghĩ gì không biết?

Phần khác trong tôi biết rằng nếu đêm nay anh xuất hiện và tôi không thích sự khởi đầu của bất cứ thứ gì tôi có trong lòng mình, tôi vẫn sẽ làm tới, cho đến nơi đến chốn, bởi tốt nhất là tìm hiểu cho ra một lần và mãi mãi, còn hơn là mãi đấu tranh với thân xác này suốt những ngày hè còn lại, hoặc có lẽ là cả cuộc đời.

Tôi lạnh lùng ra quyết định. Và nếu anh có hỏi, tôi sẽ nói. Tôi không chắc mình muốn tiến tới trong chuyện này, nhưng tôi cần biết, mà với anh thì tốt hơn với bất kỳ ai khác. Tôi muốn biết thân thể anh, tôi muốn biết anh cảm nhận thế nào, tôi muốn biết anh, và thông qua đó, là tôi.

Marzia rời đi ngay trước bữa tối. Nàng đã hứa đi xem phim. Mấy đứa bạn, nàng nói. Sao tôi không đi cùng? Lúc nghe tên mấy đứa đó tôi nhăn nhó. Tôi bảo, anh ở nhà tập thì hơn. Em tưởng anh tập mỗi sáng. Sáng nay anh bắt đầu trễ, nhớ không? Nàng hiểu ra ý ngầm của tôi, mỉm cười.

Còn ba tiếng nữa.

Chúng tôi đã im lặng với nhau cả buổi chiều. Thật buồn. Nếu tôi không nhận được lời anh là sẽ nói chuyện sau, tôi chẳng biết cách gì để qua nổi một ngày thế này.

Lúc ăn tối, khách khứa gồm một giáo sư kiêm nhiệm dạy nhạc, và một cặp đồng tính nam quê Chicago cứ một mực nói thứ tiếng Ý tẻ hại. Hai gã ngồi cạnh nhau, đối mặt với mẹ và tôi. Một gã quyết định trích dẫn vài đoạn thơ của Pascoli – dì Mafalda bắt gặp ánh mắt của tôi, thế là làm ra vẻ mặt quạu quọ thường có để khiến tôi bật cười. Cha tôi cảnh báo rằng không được vô phép khi có mặt các học giả từ Chicago. Tôi bảo mình sẽ mặc cái sơ-mi tía của một người anh họ ở Uruguay cho. Cha tôi cười ngất, bảo tôi lớn rồi mà không chịu chấp nhận bản tính người khác. Nhưng ánh mắt ông lấp lánh khi cả hai xuất hiện, cùng mặc áo màu tía. Họ bước ra khỏi hai bên chiếc taxi cùng lúc, mỗi người cầm một bó hoa trắng. Hẳn cha tôi cũng nhận ra được họ trông cứ như phiên bản hoa lá, bánh chọe của cặp song sinh Thomson và Thompson trong truyện Tintin.

Tôi tự hỏi cuộc chung sống của họ thế nào.

Có vẻ lạ khi đếm từng phút tới bữa tối, trong lòng nặng trĩu ý nghĩ rằng đêm nay tôi có nhiều tương đồng với cặp đôi truyện Tintin hơn là với cha mẹ tôi hay bất kỳ ai trên đời.

Tôi nhìn họ, tự hỏi ai là top và ai là bottom, là người này hay người kia.

Gần tới mười một giờ, tôi xin kiếu đi ngủ, chào cha mẹ tôi và khách khứa. “Marzia thì sao?” Cha tôi hỏi, trong mắt ánh lên tia dí dỏm không lẫn vào đâu được. Ngày mai, tôi đáp.

Tôi muốn ở một mình. Tắm. Một cuốn sách. Có lẽ là một bài vào nhật ký. Giữ tập trung vào cái hẹn nửa đêm, nhưng giữ tâm trí tôi không nghĩ tới bất cứ gì về nó.

Lúc lên cầu thang, tôi cố tưởng tượng mình đi xuống chính cái cầu thang này vào sáng mai. Nhưng khi ấy có thể tôi đã thành người khác. Liệu tôi có thích con người khác mà mình chưa biết đó, và ai sẽ không muốn nói lời chào hay không muốn dính líu gì với tôi vì đã mang anh tới mức độ này? Hay tôi vẫn sẽ là cùng một con người đang bước lên cầu thang, không thay đổi chút gì, và chả giải quyết được mối nghi ngờ nào trong lòng?

Hoặc chả có gì xảy ra hết. Anh có thể khước từ, và ngay cả khi không một ai biết chuyện tôi đã mời anh, tôi vẫn sẽ bị sỉ nhục, mà sỉ nhục chả có lý do. Anh sẽ biết; tôi sẽ biết.

Nhưng tôi xong với chuyện sỉ nhục rồi. Sau biết bao tuần lễ đợi chờ – cứ đối mặt đi – van nài, hi vọng rồi chuyển sang chống lại chính hi vọng, tôi tan nát cả rồi. Xong xuôi rồi thì làm sao về phòng để mà ngủ? Lén về phòng mi rồi vờ mở sách ra đọc để cho buồn ngủ à?

Hoặc: làm sao có thể ngủ lại khi đã mất trinh? Đâu còn đường thối lui! Những gì tôi nghĩ bấy lâu nay sẽ hòa vào đời thật, không còn lơ lửng trong cái miền mơ hồ vĩnh cửu của tôi nữa. Cảm giác như một người bước vào

tiệm xăm hình rồi nhìn lần cuối thật lâu vào một bên vai còn trống của mình.

Có nên đứng giờ không?

Đúng giờ, rồi nói: Hô hô, nửa đêm đã điểm.

Không lâu sau tôi nghe tiếng trò chuyện của hai vị khách trong sân. Họ đứng bên ngoài, có lẽ đang chờ vị giáo sư kiêm nhiệm đưa về phòng. Vị kiêm nhiệm còn đang thư thả, thế là cặp đôi trò chuyện bên ngoài, một người cười khúc khích.

Đúng nửa đêm, phòng anh hoàn toàn tĩnh lặng. Có phải anh lại cho tôi leo cây? Như vậy thì quá lắm. Tôi chưa nghe tiếng anh về. Vậy thì anh sẽ phải vào phòng tôi. Hoặc tôi vẫn nên sang phòng anh? Đợi chờ thật là khổ sở.

Tôi sẽ sang.

Tôi bước ra bao lơn giây lát, hé nhìn về phía phòng anh. Tối đen. Tôi vẫn sẽ gõ cửa.

Hoặc tôi có thể chờ. Hoặc không sang gì cả.

Không sang nữa – điều này bật ra trong trí tôi như thứ tôi muốn có nhất trên đời. Nó cứ níu kéo, dần ép tôi thật dịu dàng ngay lúc này, giống như ai đó đã thì thầm một hai lần trong lúc tôi ngủ, nhưng bởi thấy tôi không thức dậy, rốt cuộc gõ vào vai tôi, rồi lúc này đang khuyến dụ tôi lắng nghe từng tiếng xúi giục trì hoãn gõ cửa sổ anh đêm nay. Ý nghĩ ấy ủa qua tôi như nước buông xuống trên cửa sổ tiệm bán hoa, như một lớp kem dịu mát sau khi ta tắm rồi dành cả ngày sưởi nắng, yêu mặt trời

nhưng yêu hương nhựa cây balsam hơn. Giống như khi ta bị tê cứng, đầu tiên là ý nghĩ về những thái cực của ta, rồi thứ ấy xuyên qua toàn bộ thân thể, làm nảy ra đủ kiểu lý lẽ, bắt đầu là những lý lẽ ngớ ngẩn – giờ này trễ tràng quá rồi – cho tới những lý lẽ nghiêm chỉnh – rồi mi còn mặt mũi nào gặp những người khác, mi còn mặt mũi nào đối diện chính mình?

Sao trước đây tôi không nghĩ điều này? Bởi tôi muốn từ từ thưởng thức nó nên để dành? Bởi tôi muốn những lời phản biện tự chúng bật ra, tôi không liên quan gì đến việc triệu gọi chúng, để khỏi bị oán trách? Đừng vậy, Elio, đừng vậy. Là giọng của ông tôi. Tôi được đặt tên theo tên ông, và ông đang nói với tôi từ trên chính chiếc giường nơi ông đã vượt qua một ranh giới còn kinh khiếp hơn nhiều ranh giới giữa phòng tôi và phòng Oliver. *Quay lại đi. Ai mà biết con sẽ tìm được gì khi vào căn phòng đó. Không phải là khám phá bổ ích gì, mà là nỗi tuyệt vọng u ám khi sự tỉnh ngộ mang đến hồ thẹn tràn ngập lòng con. Năm tháng đang quan sát con, từng ngôi sao con thấy đêm nay đều đã biết nỗi khổ tâm trong con, tiền nhân của con tụ họp lại đây và chẳng có gì để nói hoặc trao gửi, Non c'andà, đừng đi vào đó.*

Nhưng tôi thích nỗi sợ hãi – nếu đúng đó là sợ hãi – và họ, tổ tiên của tôi không biết điều này. Tôi thích cái mặt khúat của sợ hãi, giống như lớp len mịn nhất dưới bụng của con cừu sần sùi nhất. Tôi thích sự táo bạo đang đẩy tôi lên phía trước, nó khiến tôi nổi hứng, bởi bản thân nó sinh ra từ đam mê. “Cậu dừng lại là giết tôi đấy” – hay là:

“Anh dừng lại thì tôi chết mất.” Mỗi lần tôi nghe những lời này, tôi không cưỡng lại được.

Tôi gõ nhẹ lên lớp cửa kính. Tim tôi đập điên dại. Tôi không sợ gì hết, vậy thì hốt hoảng làm chi? Tại sao? Bởi vì mọi thứ đều khiến tôi run rẩy, vì cả hai, nỗi sợ và khát khao đang lập lờ nước đôi với chúng, với tôi, tôi thậm chí không phân biệt nỗi ước muốn anh ra mở cửa và hi vọng anh sẽ cho tôi leo cây.

Nhưng tôi vừa gõ lên lớp cửa kính thì nghe gì đó cựa quậy bên trong, giống như ai đó đang tìm dép. Rồi tôi nhận ra ánh đèn yếu ớt đi ra. Tôi nhớ là đã mua cây đèn ngủ này ở Oxford với cha vào một buổi tối đầu xuân rồi, khi phòng khách sạn quá tối, cha đã xuống lầu rồi trở lên, nói là người ta bảo có một cửa hiệu bán đèn ngủ gần đó mở suốt đêm. *Chờ đây nhé, cha trở lại ngay.* Nhưng tôi nói là sẽ đi cùng ông. Tôi mặc áo mưa ngoài chính bộ pyjama tôi đang mặc đêm nay.

“Cậu tới tôi mừng quá,” anh nói. “Tôi nghe tiếng cậu đi lại trong phòng, cứ tưởng là cậu đổi ý, chuẩn bị đi ngủ mất rồi.”

“Tôi mà đổi ý à? Tất nhiên tôi tới chứ.”

Thật lạ khi thấy anh vòng vo ngượng nghịu thế này. Tôi đã mong đợi một trận những lời châm chích, bởi thế tôi căng thẳng. Nhưng tôi lại được chào đón bằng lời quanh co, giống như ai đó xin lỗi vì không có thì giờ để mua bánh quy hoặc trà chiều ngon hơn vậy.

Tôi bước vào chính căn phòng ngủ của mình, ngay lập tức ngạc nhiên vì mùi hương mà tôi không thể gọi tên,

bởi nó là sự kết hợp của quá nhiều thứ, thế rồi tôi nhận ra cái khăn tắm cuộn lại nhét dưới cửa phòng. Anh đã ngồi trên giường, cái gạt tàn đầy một nửa trên cái gối bên phải.

“Vào đi,” anh nói, rồi đóng cửa sổ mái lại. Hẳn tôi đã đứng đực ra đó, vô hồn và ngây dại.

Hai chúng tôi đang nói thì thầm. Một dấu hiệu tốt.

“Tôi không biết là anh hút thuốc.”

“Thi thoảng.” Anh tới giường, ngồi ngay ngắn chính giữa.

Không biết nói gì khác, tôi lẩm bẩm, “Tôi căng thẳng quá.”

“Tôi cũng vậy.”

“Tôi căng hơn anh.”

Anh gượng cười để xóa đi sự ngượng ngùng giữa hai người, rồi đưa tôi điều thuốc quấn cần sa.

Thế là tôi có việc để làm.

Tôi nhớ mình đã suýt ôm anh ngoài bao lơn, nhưng tự ghìm lại được, vì cho rằng một cái ôm sau những lúc lạnh lùng giữa chúng tôi cả ngày trời là không thích hợp. Chỉ bởi vì ai đó nói rằng sẽ gặp mình nửa đêm không có nghĩa là ta tự động phải ôm lấy anh ta khi cả hai chẳng tay bắt mặt mừng gì cả tuần lễ rồi. Tôi nhớ là đã nghĩ vậy trước khi gõ cửa. Ôm. Không ôm. Ôm.

Giờ đây tôi đang ở trong phòng.

Anh đang ngồi trên giường, xếp bằng. Anh trông nhỏ người hơn, trẻ hơn. Tôi thì đang đứng thừa thãi ở

cối giường, không biết làm gì với đôi tay. Hân anh thấy tôi loay hoay áp tay vào hông, rồi xọc vào túi, rồi lại áp bên hông.

Dáng vẻ tôi tệ hại, tôi nghĩ. Đã vậy còn thêm cái-ôm-chưa-thành mà tôi đã kìm nén, và cứ hi vọng là anh chưa nhận ra.

Cảm giác mình như đứa trẻ một mình lần đầu với giáo viên trong phòng hội đồng. “Nào, ngồi đi.”

Ý anh là ngồi vào ghế, hay ngồi vào giường?

Ngập ngừng, tôi rón lại giường, ngồi đối mặt với anh, xếp bằng giống anh, như thể đây là giao thức đồng thuận giữa đàn ông với nhau khi gặp lúc giữa đêm. Tôi không để cho đầu gối chúng tôi chạm nhau. Bởi vì anh sẽ phiền nếu đầu gối chạm nhau, cũng như anh sẽ phiền nếu ôm, cũng như anh sẽ phiền tôi đặt tay vào đùi quần anh khi muốn thổ lộ rằng tôi muốn ở lại lâu hơn bên gò vè hôm nọ.

Nhưng tôi chưa kịp phóng đại khoảng cách giữa chúng tôi, tôi có cảm giác như bị làn nước trượt xuống trên cửa kính hiệu hoa quét đi, sạch sẽ mọi ngưỡng ngừng và kềm chế. Căng thẳng hay không căng thẳng, tôi không còn quan tâm chuyện chất vấn mỗi một xung động của mình nữa. Nếu tôi ngu ngốc, cứ để tôi ngu ngốc. Nếu tôi chạm vào gối anh, thì tôi sẽ chạm vào gối anh. Nếu tôi muốn ôm, tôi sẽ ôm. Tôi cần dựa vào điểm nào đó, thế nên tôi nhích lại đầu giường, tựa lưng vào ốp đầu giường, cạnh anh.

Tôi nhìn chiếc giường. Bây giờ thì nhìn nó được rõ. Đây là nơi tôi qua bao đêm mơ mộng thời khắc như thế này. Bây giờ tôi đang ở đây. Vài tuần nữa, tôi sẽ trở lại chính trên chiếc giường này. Tôi sẽ bật cái đèn ngủ Oxford rồi nhớ lại lúc đứng ngoài bao lơn, lúc nghe được tiếng sột soạt của đôi chân anh tìm dép. Tôi tự hỏi liệu mình có buồn rầu khi hồi tưởng chẳng. Hay xấu hổ. Hay dừng dừng, hi vọng là vậy.

“Cậu ổn chứ?” Anh hỏi.

“Tôi ổn.”

Tuyệt chẳng có chuyện gì để mà nói. Tôi đưa mấy ngón chân ra với sang chạm vào ngón chân anh. Rồi không nghĩ ngợi, tôi xỏ ngón cái vào giữa ngón cái và ngón kế của anh. Vì đang ngồi bên trái anh, đây rất có thể không phải là những ngón chân đã chạm vào tôi trong bữa trưa hôm nọ. Thủ phạm là bàn chân phải của anh. Tôi cố chạm vào nó bằng chân phải của mình, luôn tránh chạm vào cả hai đầu gối anh, cứ như có gì đó ngăn hai đầu gối tôi vượt giới hạn. “Cậu đang làm gì vậy?” Rốt cuộc anh hỏi. “Đâu có gì.” Tôi không biết mình, nhưng thân thể anh dần đáp lại cử động ấy, có vẻ như lơ đãng, vô tư, cũng ngượng ngập chẳng kém gì thân thể tôi, như muốn nói, *Khi có người chạm vào ngón chân mình bằng ngón chân họ thì biết phản ứng thế nào, ngoài chuyện đáp lại tương tự?* Sau đó, tôi nhích lại gần, rồi ôm anh. Một cái ôm như của con trẻ mà tôi mong anh sẽ hiểu là vòng tay âu yếm. Anh không phản ứng. “Bắt đầu thế đấy,” rất

cuộc anh nói, có lẽ pha chút đùa tếu nhiều hơn tôi mong muốn. Tôi không muốn chúng tôi nói gì. Càng nói ít thì cử động càng ít bị ngăn trở. Tôi thích ôm anh.

“Em thích như vậy sao?” Anh hỏi.

Tôi gật đầu, lần nữa hi vọng là anh sẽ cảm nhận được tôi gật đầu, không cần nói năng gì.

Sau cùng, tư thế của tôi như thúc giục anh làm tương tự, anh đưa tay sang ôm tôi. Cánh tay không ập vào tôi, cũng chẳng siết chặt. Lúc này tôi chẳng muốn nhận tình anh em. Cho nên tôi vẫn ôm anh, nhưng thả lỏng ra một lát, đủ thời gian để đưa cả hai cánh tay vào trong lớp áo rộng của anh rồi ôm lại. Tôi muốn có làn da anh.

“Em chắc là muốn thế này?” Anh hỏi, cứ như anh đã ngần ngại đến nay vì nỗi nghi ngờ.

Tôi gật lần nữa. Tôi đang nói dối. Lúc đó tôi không chắc được. Tự hỏi khi cái ôm của tôi đã dứt thì bao lâu sau tôi, hoặc anh sẽ chán. Nhanh? Chậm? Ngay bây giờ?

“Mình chưa nói chuyện,” anh nói.

Tôi nhún vai, tức là, Không cần nói.

Anh đưa hai tay nâng mặt tôi lên, nhìn tôi chăm chú như hôm nọ bên gò vè, lần này còn chăm chú hơn, bởi chúng tôi biết mình đã vượt quá giới hạn. “Anh hôn em được chứ?” Hỏi thật lạ, sau cái hôn bên gò vè! Hay chúng tôi đã quên sạch quá khứ, đang bắt đầu lại lần nữa?

Tôi không cho anh câu trả lời. Không gật đầu. Tôi liền cúi sang miệng anh, như tôi đã hôn Marzia đêm trước. Đường như giữa chúng tôi có gì đó đã rút lui, và trong

một giây, ngỡ như chúng tôi tuyệt đối không khác nhau về tuổi tác, chỉ là hai gã đàn ông hôn nhau, và ngay cả điều này dường như mờ nhạt đi, khi tôi bắt đầu cảm thấy chúng tôi không phải là hai gã đàn ông nữa mà là hai sinh thể. Tôi yêu cái chủ nghĩa bình quân của giây phút này. Tôi thích cảm giác trẻ hơn và già hơn, con người với con người, đàn ông với đàn ông, Do Thái với Do Thái. Tôi thích cái đèn ngủ. Nó khiến tôi thấy ấm cúng, an toàn, giống cảm giác đêm nọ trong phòng khách sạn ở Oxford. Thậm chí tôi cũng thích cảm giác cũ kỹ, nhột nhột gọi lên bởi phòng ngủ trước là của mình, giờ đây toàn đồ của anh nhưng nhờ đó mà trở nên sống động hơn lúc tôi ở: một bức tranh ở đây, cái bàn con, sách, thiệp, nhạc.

Tôi quyết định vào trong chăn. Tôi thích mùi này. Tôi muốn mình thích mùi này. Thậm chí thích cả sự thật rằng có những thứ trên giường còn chưa được dời đi, tôi quỳ lên đó và chẳng phiền gập phải, khi xỏ một chân vào trong, bởi vì chúng là một phần của giường anh, cuộc đời anh, thế giới của anh.

Anh cũng vào chăn, rồi chưa kịp gì đã bắt đầu cười đồ tôi. Tôi đã lo chuyện phải cười đồ thế nào, hoặc lỡ như anh không giúp, tôi sẽ làm điều mà biết bao cô gái đã làm trong phim, cởi áo, thả quần, rồi chỉ đứng đó, trần truồng, tay buông thông, ý nói: Đây là con người em, em được sinh ra như thế, đây, hãy chiếm lấy em, em là của anh. Nhưng anh đã giải quyết vấn đề đó rồi. Anh thì thầm, “Ra này, ra này, ra này, ra này,” khiến tôi bật cười, rồi đột nhiên tôi trần trụi, cảm thấy sức nặng của lớp

chăn trên cái ấy, chẳng còn bí mật nào trên đời, bởi bí mật duy nhất của tôi là được trên giường cùng anh, và tôi đang chia sẻ nó với anh. Thật tuyệt vời khi cảm nhận bàn tay anh khắp trên người tôi dưới lớp chăn, như thể một phần của chúng tôi là toán tiền trạm đã tới trước được chốn thân thương, trong khi phần còn lại lộ ra ngoài lớp chăn vẫn còn đang vật vã với những nghi thức, giống như những kẻ đến muộn phải giậm chân trong tiết trời lạnh giá, trong khi mọi người khác đang hơ tay trong một hộp đệm đông đúc. Anh vẫn còn mặc, tôi thì không. Tôi thích trần trụi trước mắt anh. Rồi anh hôn tôi, hôn tôi lần nữa, lần sau nồng nàn hơn, như thể anh rồi sau cùng cũng buông lời. Đến một lúc, tôi nhận ra anh đã khóa thân tự khi nào, dù tôi không nhận ra lúc anh cởi, nhưng anh đây rồi, toàn thân thể áp vào tôi. Tôi đã ở đâu vậy chứ? Ý tôi muốn nêu câu hỏi tế nhị về an toàn sức khỏe, nhưng dường như cả điều đó cũng được giải đáp một lúc trước rồi, bởi khi tôi gom đủ can đảm để hỏi thì anh đáp, “Anh nói với em rồi, anh ổn.” “Em có nói với anh là em cũng ổn chưa?” “Có.” Anh mỉm cười. Tôi nhìn chỗ khác, vì anh đang nhìn tôi trần trụi, và tôi biết mình đỏ mặt, và tôi biết mình sẽ nhăn nhó, dù tôi vẫn muốn anh nhìn mình ngay cả khi cái nhìn ấy khiến tôi bối rối, và tôi cũng muốn nhìn anh lâu khi chúng tôi vào thế như đang vật nhau, vai anh cạ vào đầu gối tôi. Chúng tôi đã đi bao xa kể từ buổi chiều khi tôi cởi quần lót của mình, đặt lên cái quần bơi của anh và nghĩ đây là khoảng cách gần nhất mà thân thể anh sẽ tiếp xúc với thân thể tôi. Giờ thì

thế này. Tôi đang ở điểm bắt đầu của điều gì đó, nhưng tôi cũng muốn nó kéo dài mãi mãi, bởi tôi biết sẽ chẳng còn đường trở lui nữa. Khi nó xảy ra, nó xảy ra không hẳn như tôi đã mơ, nhưng sự không thoả mái buộc tôi để lộ về mình nhiều hơn mức tôi muốn bày tỏ. Tôi chực ngăn anh, và khi anh nhận ra, anh hỏi, nhưng tôi không trả lời, hoặc không biết trả lời ra sao, và có khoảng thời gian gần như vô tận trôi qua giữa sự ngăn ngừa của tôi và ở anh là bản năng bù đắp cho tôi. Tôi nghĩ từ giây phút này trở đi, từ giây phút này trở đi, lần đầu tiên trong đời tôi có cảm giác đến được bến bờ rất đổi thân thương, mong muốn được thế này mãi mãi, được là tôi, là tôi, là tôi, là tôi, chứ không phải ai khác, chỉ là tôi thôi, tìm thấy trong từng cơn run rẩy chạy dọc cánh tay mình thứ gì đó hoàn toàn xa lạ nhưng lại quen thuộc, cứ như nó đã là một phần cuộc đời tôi tự thuở nào, tôi đã đặt nó sai chỗ, và rồi anh giúp tôi tìm lại. Giấc mơ ấy đã đúng – thế này giống như trở về nhà, như khi ta hỏi, Ta đã ở những đâu cả cuộc đời? Tức là một cách khác để hỏi, Thời em thơ ấu anh ở đâu hờ Oliver. Lại là một cách khác để hỏi, Không có nó thì cuộc đời sẽ thế nào? Cho nên rốt cuộc là tôi, chứ không phải anh, thốt lên không phải một lần mà nhiều lần, Anh đừng lại là giết em đấy, anh đừng lại là giết em đấy, bởi vì đây cũng là cách tôi khép lại vòng tròn của mộng và ảo, tôi và anh, những từ ngữ được mong chờ từ miệng anh trở lại miệng tôi, lời nói từ miệng sang miệng, đó là lúc tôi bắt đầu dùng tới ý nghĩ tục tĩu rằng anh lặp lại theo tôi, ban đầu nhẹ nhàng, cho tới khi anh

bảo, “Hãy gọi anh bằng tên em, và anh sẽ gọi em bằng tên anh.” Tôi chưa từng làm vậy trong đời, và ngay khi tôi nói tên mình như tên anh, tôi như được đưa vào một cõi mình chưa từng chia sẻ với ai trước giờ, hoặc cả sau này.

Chúng tôi có gây ra tiếng động?

Anh mỉm cười. Không có gì phải lo cả.

Tôi nghĩ có khi mình đã nức nở, nhưng không chắc. Anh lấy áo anh lau cho tôi. Bà dì Mafalda cứ chăm chăm tìm dấu vết. Dì ấy sẽ không thấy gì đâu, anh nói. Em gọi cái áo này là “Dợn-sống,” anh mặc nó ngày đầu tới đây, nó có nhiều anh hơn em có. Anh không tin, anh đáp. Anh còn chưa buông tôi ra, nhưng khi thân thể chúng tôi rời ra, hình như tôi nhớ lại dù là rất mơ hồ, rằng một lúc trước tôi lơ đãng đẩy một cuốn sách lạc vào dưới lưng tôi khi anh vẫn còn trong tôi. Bây giờ nó nằm trên sàn. Khi nào tôi đã nhận ra đó là cuốn *Se l'amore*? Đang lúc cao trào sao tôi còn đủ thì giờ để tự hỏi có phải anh đã tới dự bữa tiệc ra mắt sách cái đêm tôi tới đó cùng Marzia? Những ý nghĩ lạ lùng dường như trôi dạt về từ lâu, lâu lắm, không lâu hơn nửa giờ trước.

Cảm giác đó đã tới với tôi một lúc sau khi tôi vẫn còn trong vòng tay anh. Nó thúc tôi dậy ngay cả trước khi tôi nhận ra mình đã thiếp đi, khiến tôi tràn ngập nỗi sợ hãi và bồn loạn mà tôi không lường được. Tôi nghe nôn nao, cứ như đã ngã bệnh và cần không chỉ tắm nhiều lần để rửa sạch mọi thứ, mà còn cần tắm trong nước súc miệng nữa. Tôi cần phải rời xa – khỏi anh, khỏi căn phòng này,

khỏi điều chúng tôi làm cùng nhau. Cứ như tôi đang từ từ thức dậy sau một cơn ác mộng tồi tệ nhưng vẫn chưa tỉnh hẳn, và không chắc là mình muốn tỉnh, bởi điều đợi chờ ta sẽ không tốt lành hơn, dù tôi biết mình không thể cứ bám víu lấy giấc mơ vô định, giấc mơ ấy cứ như đám mây u tối nhất chứa những cảm ghét bản thân và hối tiếc từng lạc vào cuộc đời tôi. Tôi sẽ không bao giờ như cũ. Sao tôi lại để anh làm những chuyện ấy với tôi, mà tôi đã háo hức dự phần tới vậy, lại còn khuyến khích nữa chứ, rồi chờ anh, rồi van vãn anh, Đừng dừng lại. Tôi đã vượt qua một giới hạn khủng khiếp, không phải liên quan đến những ai tôi thương quý nhất, thậm chí chẳng liên quan đến tôi, hay bất cứ gì thiêng liêng, hay chính cuộc đua đã mang chúng tôi tới gần mức này, thậm chí không liên quan đến Marzia, người giờ đây như một tiếng hát ma mị trên dải đá ngầm đang chìm xuống trùng khơi, xa xôi và lạc lõng, bị phủi sạch bởi những làn sóng mùa hè nối nhau trong khi tôi cố sức vừa bơi vừa hét ra với nàng, trong lòng ngập tràn lo lắng, hi vọng rằng nàng có mặt trong những hình ảnh nâng đỡ tôi tái tạo lại chính mình vào lúc hừng đông. Tôi không xúc phạm đến những người ấy, mà là những người chưa được sinh ra, chưa được gặp, và những ai tôi sẽ không bao giờ có thể yêu đương mà không nhớ lại mớ nhục nhã cùng sự đột biến nảy ra giữa cuộc đời tôi và cuộc đời họ. Nó sẽ ám ảnh và làm hoen ố tình thương của tôi dành cho họ, và giữa chúng tôi, bí mật này có thể phá hỏng mọi điều tốt đẹp trong tôi.

Hay tôi đã phạm đến điều gì còn sâu thẳm hơn? Nó là gì?

Có phải sự căm ghét trong tôi luôn có sẵn đó, dù được ngụy trang, và chỉ cần một đêm thế này là nó lộ ra?

Có cảm giác gần như buồn nôn, gần như hối tiếc – nó là gì vậy? Nó bắt đầu túm lấy tôi, rồi dường như tự định nghĩa nó càng lúc càng rõ khi tôi chớm nhận ra ánh sáng ban ngày xuyên qua cửa sổ.

Nỗi hối tiếc, giống như ánh sáng, nếu đúng nó là hối tiếc, dường như phai đi một lúc. Nhưng khi tôi nằm trên giường, người không thoải mái, nó học tốc trở lại như để chứng minh sự hiện diện mỗi lần tôi nghĩ mình không còn cảm thấy nó nữa. Tôi đã biết là sẽ đau khổ. Điều tôi không mong đợi là nỗi đau lại cuộn xoắn thành từng cơn tội lỗi. Chưa từng có ai nói với tôi điều này.

Bên ngoài trời đã sáng rõ.

Sao anh lại chăm chăm nhìn tôi? Anh đã đoán được cảm giác của tôi?

“Em không được vui,” anh nói.

Tôi nhún vai.

Không phải là tôi ghét anh – tôi ghét điều chúng tôi đã làm. Tôi chưa muốn anh nhìn vào tận sâu tim tôi. Thay vào đó, tôi muốn dứt mình ra khỏi mớ lầy lội chán ghét bản thân mà không biết phải làm sao.

“Em thấy chuyện đó tệ quá phải không?”

Tôi lại nhún vai để lờ đi.

“Anh biết lẽ ra mình không nên. Anh biết mà,” anh

lập lại. Lần đầu tiên trong đời tôi thấy anh ngại ngùng, chịu đựng mối hoài nghi về bản thân. “Lẽ ra mình nói chuyện thôi...”

“Có lẽ,” tôi đáp.

Trong tất cả những gì tôi đã nói ra buổi sáng hôm ấy, thì hai chữ “có lẽ” nhỏ nhoi này là độc ác nhất.

“Em ghét nó à?”

Không, tôi không ghét nó. Nhưng điều tôi cảm nhận còn tệ hơn là ghét. Tôi không muốn nhớ, không muốn nghĩ tới nó. Chỉ bỏ qua một bên. Nó chưa từng xảy ra. Tôi đã cố cách ấy, không hiệu quả, giờ đây tôi muốn được hoàn tiền, tua lại bộ phim, đưa tôi về lại giây phút tôi suýt bước chân trần ra bao lơn, tôi sẽ không tiến xa hơn, tôi sẽ chỉ ở yên đó, quần quai và không bao giờ biết được – thà là tranh đấu với thân xác mình còn hơn phải cảm thấy như lúc này. *Elio, Elio, chúng ta đã cảnh báo mi rồi mà?*

Đây tôi nằm trên giường anh, anh thì nhả nhận đến mức cường điệu. “Nếu muốn thì em ngủ đi,” anh bảo, có lẽ đây là lời nói nhân từ nhất anh từng nói với tôi, tay đặt lên vai tôi, trong khi tôi cứ như Judas, lặp đi lặp lại với bản thân, Giá mà anh biết được. Giá mà anh biết được tôi muốn tránh ra càng xa anh càng tốt. Tôi ôm anh. Tôi nhắm mắt. “Anh đang nhìn em,” tôi nói, trong khi mắt vẫn nhắm. Tôi thích có người nhìn mình lúc mình nhắm mắt.

Tôi cần anh đi càng xa càng tốt nếu tôi muốn cảm thấy khá hơn, và quên lãng – nhưng tôi cần anh cạnh

bên phòng khi cảm giác này tệ hơn và chẳng có ai để tôi tâm tình.

Trong khi đó, phần khác trong tôi thật ra lại vui vì chuyện đó đã qua rồi. Anh đã ra khỏi hệ thống của tôi. Tôi sẽ trả giá. Câu hỏi là: Anh có hiểu không? Và có tha thứ không?

Hay đây chỉ là một trò nũa để ngăn chặn sự trở lại cảm giác chán ghét cùng ô nhục?

Sáng sớm, chúng tôi đi bơi cùng nhau. Tôi có cảm giác đây là lần cuối cùng chúng tôi bên cạnh nhau thế này. Tôi sẽ về phòng mình, ngủ, thức dậy, ăn điểm tâm, lấy cuốn sổ biên nhạc, rồi dành nhiều giờ buổi sáng tuyệt vời chuyên chú cải biên bản nhạc Haydn, thi thoảng bất chợt cảm thấy nôn nao, trông chờ sự bề mặt của anh ở bàn điểm tâm, rồi lại nhớ ra rằng chúng tôi đã qua giai đoạn đó rồi, rằng mới vài giờ trước thôi tôi có anh bên trong mình, và tôi phấn khích khi nhìn anh mê mải, lên đỉnh ngay trước mắt mình.

Bây giờ anh bước đi, nước tới đầu gối, người vẫn mặc áo. Tôi biết anh đang làm gì. Nếu dì Mafalda hỏi, anh sẽ chối rằng cái áo gặp rủi nên ướt.

Chúng tôi cùng bơi tới tảng đá lớn. Chúng tôi nói chuyện. Tôi muốn anh nghĩ rằng mình hạnh phúc khi bên anh. Tôi đã muốn biển rửa trôi đi mọi nỗi nhay trên ngực mình, vậy mà không thành. Một lúc sau khi tắm bằng xà phòng, mọi hoài nghi về bản thân tôi, bắt đầu ba năm về trước khi một chàng trai trẻ vô danh chạy xe đạp dừng lại, xuống xe, khoác vai tôi, rồi cưỡi đi đó đã

khuấy động hoặc thúc đẩy cái gì đó mà nếu không có cái khoác vai hẳn sẽ tốn nhiều thời gian hơn để được nhận thức rõ ràng – tất cả những điều này giờ đây cũng có thể được rửa trôi đi, tan biến như một lời đồn ác độc hoặc một niềm tin sai trái về tôi, được giải thoát như vị thần đã chịu phạt xong và giờ đang được thanh tẩy bằng mùi xà phòng mềm thơm mùi hoa cúc có trong mọi phòng tắm nhà tôi.

Chúng tôi ngồi trên một trong các tầng đá, nói chuyện. Vì sao trước đây chúng tôi không chuyện trò thế này? Nếu chúng tôi có được tình bạn thế này vài tuần sớm hơn thì tôi đã không khát khao anh đến tuyệt vọng. Có lẽ chúng tôi đã tránh được chuyện ngủ với nhau. Tôi muốn kể với anh là tôi đã làm tình với Marzia đêm nọ cách nơi chúng tôi đang ngồi chưa tới hai trăm mét. Nhưng tôi im lặng. Chúng tôi nói về bản “It is finished” của Haydn mà tôi vừa cải biên xong. Tôi có thể nói chuyện này và không cảm thấy mình làm vậy là để gây ấn tượng hay thu hút chú ý của anh hay dựng lên một cây cầu bộ hành chòng chành giữa chúng tôi. Tôi có thể nói về Haydn hàng giờ liền – thật là một tình bạn đáng yêu.

Ý nghĩ ấy chưa từng xảy đến, trong khi tôi đang trải qua cảm giác đoạn tuyệt, chấm dứt với anh và thậm chí một chút thất vọng vì tôi đã dễ dàng hồi phục sau vài tuần như bị bùa mê, rằng mong muốn được ngồi xuống mà bàn luận Haydn một cách quá ư thư thái đến bất thường như chúng tôi bây giờ là điểm yếu nhất của tôi, bởi nếu khát khao có tái hiện, nó có thể dễ dàng lên vào

qua chính cánh cổng này, cánh cổng mà tôi cho là an toàn nhất, ví dụ như khi trông thấy anh khóa thân một phần cạnh bể bơi.

Đến một lúc, anh cắt ngang.

“Em ổn chứ?”

“Ổn, ổn mà,” tôi đáp.

Rồi anh cười ngượng ngịu, như đang sửa lại câu hỏi ban đầu: “Em ổn khắp người chứ?”

Tôi cười lại mơ hồ, biết rằng mình đã khép lòng lại, đóng hết cửa nẻo giữa chúng tôi, thổi tắt nến bởi một cuộc mặt trời đã mọc lần nữa, và nổi ô nhục vẽ ra những cái bóng dài.

“Nhưng lúc anh... thì em có phiền không?”

Tôi quay mặt đi hướng khác, như thể một luồng gió lạnh vừa chạm vào tai và tôi không muốn để nó thổi vào mặt mình. “Mình có cần nói chuyện đó không?” Tôi hỏi.

Tôi đã dùng chính lời của Marzia thốt lên khi tôi muốn biết nàng có thích điều tôi làm với nàng không.

“Nếu em không muốn thì thôi.”

Tôi biết chính xác anh muốn nói về điều gì. Anh muốn xóa bỏ cái khoảnh khắc khi tôi suýt bảo anh dừng lại.

Giờ đây lúc chúng tôi nói chuyện, tôi chỉ nghĩ tới chuyện ngày hôm nay tôi sẽ tản bộ cùng Marzia, và mỗi lần hai đứa ngồi lại đâu đó tôi sẽ bị đau. Cả một sự sỉ nhục. Ngồi trên bờ thành lũy của thị trấn – nơi mọi người đồng trang lứa tụ tập hàng đêm lúc chúng tôi không ở trong các hàng quán – và bị lúng túng cũng như nhắc

nhớ về điều tôi đã làm đêm qua. Câu đùa của miệng của lũ nam sinh. Nhìn Oliver nhìn tôi quần quai rồi nghĩ, *Tôi đã làm với cậu, nhỉ?*

Tôi ước chi chúng tôi chưa ngủ với nhau. Ngay cả thân thể anh, tôi cũng hết hứng. Trên tảng đá nơi chúng tôi đang ngồi, tôi nhìn vào thân thể anh mà như người ta nhìn vào những áo quần dơ bẩn bị đóng thùng chờ Đội-quân-cứu-thế¹ tới thu gom.

Vai: xong.

Chỗ da giữa trong và ngoài khuỷu tay mà tôi từng tôn thờ: xong.

Đũng: xong.

Cổ: xong.

Gờ cong quả mơ: xong.

Bàn chân – à, bàn chân đó: nhưng mà, ừ, xong.

Mỉm cười khi anh nói, *Em ốn khắp người chứ: ừ, cái đó cũng xong.* Không được bỏ sót thứ gì cho may rủi.

Đã có lúc tôi tôn thờ tất cả. Tôi đã chạm vào chúng theo cách con cây hương cạ mình vào vật mà nó thềm muốn. Chúng đã là của tôi trong một đêm. Giờ tôi không muốn chúng. Điều tôi không thể nhớ chứ đừng nói gì hiểu được, là làm thế nào tôi lại khiến mình muốn chúng, khiến mình làm tất cả những gì tôi đã làm để

¹ Salvation Army: tổ chức từ thiện tôn giáo được thành lập bởi William Booth vào năm 1865 ở London

được gần chúng, chạm vào chúng, ngủ với chúng. Sau cuộc bơi chung tôi mong mau đi tắm. Quên đi, quên đi.

Lúc cả hai bơi trở vào bờ, anh hỏi, có vẻ như sau một hồi ngẫm nghĩ, “Em định hờn giận anh vì đêm qua sao?”

“Không,” tôi đáp. Nhưng dù trong lòng thật sự có ý vậy, tôi đã đáp quá nhanh. Để làm dịu đi cái mập mờ của chữ không đó, tôi bảo rất có thể tôi muốn ngủ cả ngày. “Chắc bữa nay em không đạp xe nổi.”

“Tại vì...” Anh không phải đang hỏi, mà là đang đưa ra câu trả lời.

“Phải, tại vậy.”

Chợt nghĩ rằng một trong những lý do khiến tôi quyết định xa cách anh mau chóng tới vậy không chỉ là tránh làm anh tự ái hoặc cảnh giác hoặc gây ra một tình huống sượng sùng, khó xử ở nhà, mà là vì tôi không chắc trong vòng vài tiếng đồng hồ nữa mình lại không lên cơn thèm khát anh.

Nhưng rồi tôi nhớ tới lòng tự tin của mình, cái danh sách của mình, cùng nỗi thèm khát kết thúc với anh. Giải lăm. Tôi lau khô mình, mặc cái quần pyjama đêm qua, nằm phịch lên giường, rồi ngủ mãi tới lúc dì Mafalda gõ cửa phòng hỏi có muốn dùng trứng điểm tâm không.

Cái miệng sắp đi ăn trứng này đã chu du khắp nơi đêm qua.

Như bị say rượu, tôi cứ tự hỏi tới chừng nào mới hết cảm giác buồn nôn.

Thi thoảng, cái đau bất chợt làm tôi nổi cơn khó chịu,

nhục nhã. Kẻ nào nói linh hồn và thể xác gặp nhau ở tuyến quả thông là kẻ ngốc.

Lúc anh xuống dùng điểm tâm, anh mặc bộ đồ bơi của tôi. Không ai để ý chuyện đó, vì mọi người luôn đồ mặc trong nhà, nhưng đây là lần đầu tiên anh làm vậy, nó là bộ tôi mặc vào chính buổi bình minh mà chúng tôi đi bơi cùng nhau. Nhìn anh mặc đồ của mình gọi lên cơn hứng không chịu nổi. Và anh biết vậy. Cả hai chúng tôi đều nổi hứng. Tôi nghĩ đến cái ấy của anh cạ vào lớp vải lưới chỗ cái của tôi đã ở. Nhưng cái làm tôi nổi hứng không phải là điều này. Nó là độ rỗng cũng như tính khả hoán của thân thể chúng tôi – những gì của tôi bỗng nhiên thành của anh, cũng như cái thuộc về anh có thể thành của tôi bây giờ. Có phải tôi đang bị cảm dỗ trở lại? Anh quyết định ngồi cạnh tôi bên bàn, rồi khi không ai nhìn thấy, đút bàn chân anh không phải lên trên mà là vào bên dưới bàn chân tôi. Tôi biết bàn chân mình sẵn sù vì lúc nào cũng đi trần; bàn chân anh thì láng mịn; đêm qua tôi đã hôn bàn chân anh, mút ngón chân anh, giờ đây chúng rúc vào bàn chân sẵn sù của tôi và tôi cần phải bảo vệ người bảo vệ của mình.

Anh không cho tôi quên anh. Tôi nhớ tới câu chuyện một mệnh phụ đã có chồng, sau khi ngủ với một viên tùy tướng đã lệnh cho vệ binh lâu đài bắt ông ta vào buổi sáng hôm sau, rồi hành hình ông ta ngay tức khắc trong ngục tối vì những tội danh bịa đặt, không chỉ để triệt mọi chứng cứ của cái đêm gian dâm giữa họ và ngăn ngừa kẻ tình nhân trẻ tuổi hơn trở thành mối phiền phức bởi ông

ta nghĩ mình được hưởng đặc ân của bà, mà còn để gây ra sự cảm dỗ tìm đến ông vào đêm hôm sau. Có phải anh đang trở thành mối phiền phức đeo bám lấy tôi? Và tôi phải làm gì – nói với mẹ sao?

Sáng ấy anh đi một mình vào thị trấn. Bưu điện, Signora Milani, như thường lệ. Tôi thấy anh đạp xe xuống dọc hàng cây bách, vẫn mặc cái quần tằm của tôi. Chưa từng có ai mặc đồ của tôi. Có lẽ ý nghĩa vật lý và hàm ngôn là những cách thức vụng về để hiểu chuyện xảy ra khi hai người cần không chỉ là ở gần bên nhau mà là trở thành hoàn toàn hòa thuận, người này trở thành người kia. Tôi là tôi vì anh. Anh là anh vì tôi. Anh là cái ống dẫn bí mật vào chính tôi – giống như chất xúc tác cho phép chúng ta trở thành chúng ta, cái thân thể được ghép, máy điều hòa nhịp tim, mảnh mô ghép, miếng dán gù đi tất cả những xung nhịp đúng đắn, cái kim ghim thép giữ xương một người lính lại với nhau, trái tim của người đàn ông kia khiến cho chúng ta là chúng ta hơn lúc trước khi phẫu thuật cấy ghép.

Ý nghĩ này đột nhiên khiến tôi muốn buông bỏ mọi thứ tôi sẽ làm ngày hôm nay, để chạy đến với anh. Tôi chờ mười phút, lấy xe ra rồi dù đã hứa là không đi xe hôm ấy, phóng đi qua ngã nhà Marzia, rồi lao lên con đường đồi dốc nhanh hết tốc lực. Khi tới quảng trường, tôi nhận ra mình tới sau anh vài phút. Anh đang dựng xe, đã mua tờ *Herald Tribune*, và đang đi lại bưu điện – việc cần làm đầu tiên. “Em phải gặp anh,” tôi nói lúc chạy ào tới. “Sao vậy, có gì không ổn à?” “Chỉ là em phải gặp anh.” “Em

không chán anh sao?” Em nghĩ em định – em định nói là – và em muốn được – “Chỉ là em muốn được ở bên anh,” tôi nói. Rồi chợt nghĩ: “Nếu anh muốn thì em về vậy,” tôi nói. Anh đứng yên, thông bàn tay cầm mớ thư chưa gửi, rồi chỉ đứng đó nhìn tôi chăm chú, lắc đầu. “Em có biết là anh vui xiết bao khi mình ngủ với nhau?”

Tôi nhún vai như để xua đi một lời bình phẩm. Tôi không đáng lời bình phẩm nào cả, nhất là do anh nói ra. “Em không biết.”

“Có vẻ như là em không muốn biết. Anh không muốn hối tiếc bất cứ gì – kể cả điều em không cho anh nói sáng nay. Anh chỉ sợ ý nghĩ là đã làm cho em rối loạn. Anh không muốn ai trong chúng ta phải trả giá cách này hay cách khác.”

Tôi biết chính xác anh đang nói tới điều gì nhưng giả vờ như không. “Em không nói với ai. Sẽ chẳng có rắc rối nào hết.”

“Anh không nói *chuyện đó*. Chắc chắn là anh sẽ trả giá thế nào đó.” Lần đầu tiên giữa ban ngày tôi bắt gặp một Oliver khác. “Đối với em, dù em có nghĩ gì đi nữa thì cái chính vẫn là chuyện vui chơi thôi, nên như vậy. Còn với anh thì nó là thứ gì khác mà anh chưa hình dung ra. Không hình dung ra nổi, nên anh sợ.”

“Bộ anh không thích em tới đây?” Có phải tôi đang cố ý dẫn độ?

“Nếu được thì anh sẽ ôm hôn em ngay.”

“Em cũng vậy.”

Tôi gần lại tai anh lúc anh sắp sửa bước vào bưu điện, và thì thầm, “Ấy em đi, Elio.”

Anh nhớ ra, ngay lập tức rên lên tên mình ba lần, như chúng tôi đã làm đêm ấy. Tôi thấy mình đã bắt đầu hưng. Rồi để trêu anh, tôi bảo, “Để dành sau nhé.”

Rồi tôi nói với anh hai chữ *Gặp sau!* sẽ luôn nhắc tôi nhớ tới anh. Anh bật cười, đáp, “*Gặp sau!*” – ý nghĩa chính xác như tôi muốn: không chỉ là tạm biệt, anh xéo đi, mà còn là lời hẹn làm tình vào buổi chiều. Tôi quay lại, lập tức lên xe, phóng vù trở về xuống đồi, cười toe toét, hát được cũng đã hát rồi.

Tôi chưa từng vui sướng đến vậy trong đời. Không thể có gì bất ổn, mọi thứ diễn ra như ý, tất cả các cửa đều mở ra từng cái một, và cuộc đời rực rỡ hơn bao giờ hết: nó đang chiếu sáng vào tôi, rồi khi tôi rẽ xe sang trái hay phải hoặc cố tránh khỏi ánh sáng của nó, nó theo tôi như bóng đèn chiếu theo diễn viên trên sân khấu. Tôi thèm muốn anh nhưng tôi có thể dễ dàng sống mà không anh, và cách nào cũng được.

Trên đường về, tôi quyết định ghé nhà Marzia. Nàng đang ra bãi biển. Tôi cùng đi, rồi hai đứa xuống bãi đá, nằm phơi nắng. Tôi yêu mùi hương nàng, miệng nàng. Nàng cời phần trên, rồi nhờ tôi thoa kem rám nắng lên lưng, biết rằng tay tôi thế nào cũng sẽ ôm lấy vú nàng. Gia đình nàng có một căn nhà nhỏ mái tranh cạnh bãi biển, nàng nói sẽ vào đó. Không ai qua lại. Tôi khóa trái cửa,

đặt nạng lên bàn, cởi bộ đồ tắm của nạng ra, áp miệng vào nơi nạng có mùi biển cả. Nạng ngửa ra sau, nâng hai chân để lên vai tôi. Mới nửa tiếng đồng hồ trước tôi bảo Oliver ấy tôi, mà bây giờ tôi sắp làm tình với Marzia. Vậy mà hai việc ấy chẳng liên quan gì tới nhau, ngoại trừ đều thông qua Elio, tình cờ là cùng một người.

Sau bữa trưa Oliver bảo anh phải trở lại B. để giao Signora Milani bản chỉnh sửa mới nhất. Anh liếc nhanh về phía tôi, nhưng khi thấy tôi không phản ứng liền rời đi ngay. Sau hai ly vang, tôi nôn nóng đi ngủ. Tôi cầm theo hai trái đào lớn trên bàn, tạt ngang hôn mẹ. Lát nữa con ăn, tôi nói. Trong căn phòng ngủ tối, tôi đặt chúng lên mặt bàn cẩm thạch. Và rồi cởi hết. Những tấm trải sạch, mát, mới cứng, thơm nức xếp căng trên giường tôi – Chúa phù hộ dì, Mafalda. Tôi có muốn ở một mình? Có. Một người đêm qua; rồi lần nữa lúc bình minh. Rồi buổi sáng, một người nữa. Giờ đây tôi nằm trên tấm trải, vui sướng như một cây hướng dương cứng cáp, mới mọc lên, tràn đầy sinh lực trong buổi chiều nắng rực rỡ nhất mùa hè. Giấc ngủ đến rồi đây, tôi có vui khi một mình? Có. À, không. Có. Nhưng có lẽ là không. Có, có, có. Tôi đang vui, và chỉ mỗi điều này là quan trọng, dù ở với người khác hay không ai cả, tôi đang vui.

Nửa giờ sau, hoặc sớm hơn, tôi thức dậy khi ngủi thấy mùi cà phê lạ lùng, nồng nàn phảng phất khắp nhà. Dù cửa đóng, tôi vẫn ngủi được, và biết rằng đây không phải là cà phê của cha mẹ tôi. Của họ đã được pha và uống một lúc rồi. Đây là lần cà phê thứ hai trong

chiều, được pha bằng máy pha espresso Naples mà dì Mafalda, chồng dì, cùng già Anchise pha sau khi họ ăn trưa. Không lâu nữa họ cũng nghỉ. Bầu không khí uể oải buông xuống – cả thế gian đang chìm vào giấc ngủ. Tôi rất muốn anh hoặc Marzia đi ngang cửa bao lơn phòng tôi, qua cánh cửa chớp khép hờ nhận ra thân thể trần truồng của tôi trên giường. Anh hoặc Marzia – nhưng tôi muốn ai đó đi ngang qua, thấy tôi, rồi tự quyết định làm gì. Tôi có thể ngủ tiếp, hoặc nếu họ nhích lại gần bên, tôi sẽ dành chỗ cho họ, rồi chúng tôi sẽ ngủ cùng nhau. Tôi thấy một trong số họ vào phòng mình, với lấy trái đào, cầm nó trong tay, tới bên giường, đưa nó lại cái ấy. *Tôi biết cậu chưa ngủ đâu*, họ sẽ nói vậy, rồi nhẹ ấn trái đào chín rục xuống nó cho tới khi tôi xuyên qua cái chỗ nê quá giống với mộng của Oliver. Ý tưởng ấy choán lấy tôi, không buông.

Tôi dậy, lấy một trái đào, ấn ngón cái vào khe cuống, đẩy mở hạt ra đặt lên bàn, rồi nhẹ nhàng đặt trái đào ửng đỏ, lốm đốm lông tơ vào giữa hai chân, bắt đầu ấn vào nó cho tới khi cái ấy của tôi xuyên qua hẳn. Lỡ như già Anchise biết được, giá mà già Anchise biết điều tôi đang làm với trái đào mà chú chăm chút nâng niu từng ngày, ông già đội nón rơm có ngón tay chai sần lúc nào cũng nhỏ cò trên mảnh đất khô nóng. Những trái đào của chú giống mơ hơn là đào, có điều to hơn, mọng nước hơn. Tôi lục trong trí hình ảnh của thần Ovid – chẳng phải có một nhân vật biến thành trái đào hay sao, mà nếu không có, tôi bịa ra ngay bây giờ được chứ, xem nào, một chàng

thanh niên phận hẩm cùng một cô gái trẻ, cả hai đẹp dễ ngời ngời xuân xanh, đã hắt hủi một vị thần nên bị biến thành cây đào, và giờ đây, sau ba ngàn năm, họ được trao trả thứ đã bị tước đoạt một cách bất công, trong khi họ thì thầm với nhau *Ta sẽ chết khi người thôi, mà người đừng thôi, không bao giờ được thôi?* Câu chuyện làm tôi nổi hứng tới nổi suýt nữa tôi đột ngột đạt cực khoái. Cảm giác tôi có thể ngừng lại ngay lúc đó, hoặc chỉ cần một cú trượt nữa tôi sẽ ra, rớt cuộc tôi ra, cẩn thận nhắm vào lõi đỏ của trái đào như một nghi thức thụ tinh vậy.

Chuyện này thật là điên rồ. Tôi ngửa người ra, hai tay cầm trái đào, mừng vì nước và dịch đều chưa kịp rơi xuống làm bẩn tấm trải giường. Trái đào bầm dập, tả tơi như một nạn nhân bị hiếp nằm nghiêng trên bàn, tủi thẹn, cương nghị, đau đớn, và bối rối, cố giữ thứ tôi đã để lại trong nó. Nó khiến tôi nhớ lại có lẽ đáng về tôi cũng chẳng khác mấy trên giường anh đêm qua sau khi anh vào trong tôi lần đầu tiên.

Tôi mặc áo thun cộc tay vào, nhưng rồi quyết định khóa thân, chui xuống dưới lớp chăn.

Tôi thức dậy khi nghe tiếng ai mở chốt cửa chớp, rồi cài chốt lại. Như trong giấc mơ nọ, người này nhón chân lại chỗ tôi, không phải để làm tôi giật mình mà là để tránh thức tôi dậy. Tôi biết đó là Oliver, và vẫn nhắm mắt, tôi đưa tay về phía anh. Anh vỗ lấy, hôn nó, rồi mở chăn ra, có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi trần trụi. Lập tức anh đưa đôi môi đến nơi mà sáng nay chúng đã hứa hẹn. Anh thích cái vị dinh dính nọ. Tôi đã làm gì vậy?

Tôi kể với anh, rồi chỉ vào cái tang chúng bị bấm dập nằm trên bàn.

“Để anh xem nào.”

Anh đứng dậy, hỏi tôi có chữa lại cho anh không.

“Nào, anh đâu cần phải làm vậy. Em là người theo đuổi anh, em tìm ra anh, mọi chuyện xảy ra là do em – anh không phải làm vậy.”

“Nhảm nhí. Anh muốn em từ ngày đầu tiên. Có điều anh giỏi giấu hơn.”

“Chứ gì nữa!”

“Dù có gì xảy ra giữa chúng ta, Elio, anh chỉ muốn em biết là đừng bao giờ nói rằng em không biết.” Tình cảm dâng trào là một chuyện. Nhưng lúc này không phải thế. Anh đang đưa tôi đi cùng anh.

Lời anh nói chẳng có nghĩa gì. Nhưng tôi biết chính xác ý nghĩa ấy.

Tôi đưa lòng bàn tay vuốt ve mặt anh. Rồi không rõ lý do vì sao, tôi bắt đầu liếm mí mắt anh.

“Hôn em đi, khi nó vẫn còn,” tôi nói. Miệng anh có vị của đào và của tôi.

Tôi ở lại phòng khá lâu sau khi Oliver đi khỏi. Khi tỉnh dậy đã là gần tối, tôi đắm câu bản. Không còn đau nữa, nhưng cơn khó ở lúc bình minh lại trở dậy. Tôi không rõ đây có cùng là cảm giác đó không, nổi lên sau quãng gián đoạn dài, hay cảm giác trước đó đã lạnh lặn, còn giờ đây là cái hoàn toàn mới theo sau pha làm tình hồi chiều. Liệu tôi luôn phải chịu đựng cảm giác tội lỗi trong đơn

độc sau những giây phút mê say bên nhau hay không? Tại sao với Marzia tôi không bị vậy? Có phải đây là cách tạo hóa nhắc nhở tôi rằng tôi nên ở bên nàng?

Tôi đi tắm, mặc quần áo sạch vào. Dưới lầu, mọi người đang dùng cocktail. Hai người khách đêm qua lại có mặt, cười đùa với mẹ tôi, trong khi một người mới đến là phóng viên đang bận tai nghe Oliver mô tả cuốn sách anh viết về Heraclitus. Anh đã hoàn thiện nghệ thuật thảo ra một bản tóm tắt chỉ năm câu cho một người xa lạ, dường như được phác nên một cách ngẫu hứng vì một thính giả cụ thể. “Con ở lại chứ?” Mẹ hỏi tôi.

“Không, con đi gặp Marzia.”

Mẹ nhìn tôi có vẻ thông hiểu, rồi thật kín đáo bà lắc đầu, tức là, *Ta không cho phép gặp riêng, con bé tử tế quá, các con nên đi chơi chung một nhóm*. “Để nó yên, bà với cái khái niệm chơi chung nhóm của bà,” cha tôi phản bác, thế là tôi thoát. “Thấy không, thằng nhỏ im ru trong nhà suốt cả ngày. Nó muốn gì cứ để nó như ý. Để nó như ý!”

Giá mà cha biết.

Mà nếu cha đã biết thì sao?

Cha tôi sẽ không phản đối. Có thể mới đầu ông nhăn nhó, nhưng rồi thôi.

Tôi chưa từng nghĩ tới chuyện giấu Oliver chuyện tôi với Marzia. Tôi thấy hai chuyện với hai người là hoàn toàn khác nhau. Mà anh cũng chẳng nghĩ ngợi gì chuyện tôi với nàng.

Đêm đó Marzia và tôi đi xem phim. Hai đứa ăn kem trên quảng trường. Rồi lại lần nữa ở nhà cha mẹ nàng.

“Em muốn tới nhà sách lần nữa,” nàng nói lúc đưa tôi tới cánh cổng vào vườn nhà. “Nhưng em không thích đi xem phim với anh.”

“Mai, lúc tiệm sắp đóng mình tới nhé?”

“Sao lại không?” Nàng muốn lặp lại đêm hôm nọ.

Nàng hôn tôi. Thực ra điều tôi muốn là hai đứa tới hiệu sách khi nó mới mở vào buổi sáng, có thể tới lại ghé lần nữa.

Lúc tôi về nhà khách khứa sắp rời đi. Oliver vắng mặt. Đáng đời cho tôi lắm.

Tôi lên phòng mình, rồi vì chẳng có gì để làm, tôi mở nhật ký.

Viết đêm qua: *“Nửa đêm nay gặp nhau.”* Mi đợi mà xem, anh ta sẽ chẳng ở nhà. *“Trường thành lên”* có nghĩa là *“Biến đi.”* Ước gì mình chưa từng nói.

Nhìn những nét khoanh tròn quanh dòng chữ này trước khi đi về phòng anh, tôi đang cố hình dung lại nỗi phấp phỏng đêm qua. Có lẽ tôi muốn sống lại tâm trạng lo âu đêm qua, vừa để ngụy trang cho nỗi lo âu đêm nay, vừa để tự nhắc rằng nếu những nỗi sợ tệ hại nhất trong tôi đã đột nhiên tan biến sau khi vào phòng anh, thì có lẽ đêm nay chúng cũng kết thúc y hệt, bởi chúng sẽ dễ dàng nhẹ vơi đi khi tôi nghe thấy tiếng bước chân anh.

Nhưng tôi không thể nhớ lại những lo âu đêm qua. Chúng bị phủ lấp bởi những việc xảy đến sau đó, và

dường như thuộc về một chiều thời gian mà tôi không vào được. Mọi thứ về đêm qua đột nhiên biến mất. Tôi chẳng nhớ gì. Tôi cố thì thầm “Biến đi” cho mình nghe như để xốc lại trí nhớ. Đêm qua hai chữ này nghe rất thật. Giờ đây chỉ là hai chữ cố gắng nặn ra ý nghĩa nào đó.

Rồi tôi nhận ra. Điều tôi trải nghiệm đêm nay không giống với bất kỳ điều gì khác tôi từng trải nghiệm trong đời.

Tệ hơn nhiều nữa là khác. Tôi thậm chí không biết gọi tên nó là gì.

Nghĩ đi nghĩ lại, tôi thậm chí cũng không biết gọi tên nỗi phấp phồng đêm qua là gì.

Đêm qua tôi đã tiến một bước dài. Nhưng rồi giờ tôi đây, chẳng khôn ngoan hơn, cũng chẳng chắc chắn hơn về mọi thứ so với trước khi tôi cảm nhận anh bằng trọn vẹn thân mình. Có khi đêm qua chúng tôi chẳng ngủ với nhau.

Ít nhất, đêm qua còn có nỗi sợ thất bại, nỗi sợ mình bị tống cổ ra ngoài hoặc bị gọi bằng cái tên tôi đã dùng gọi những kẻ khác. Vì tôi đã vượt qua nỗi sợ ấy, có phải tâm trạng lo âu này đã luôn hiện diện, dù là tiềm tàng, giống như linh cảm, lời cảnh báo mơ hồ về bãi đá ngầm chết người trước cơn bão loạn?

Và tại sao tôi quan tâm chuyện anh ở đâu? Chẳng phải tôi muốn chuyện với hai người là hoàn toàn khác nhau? Sao lại chơi với chỉ vì anh vắng mặt hoặc anh biến mất, sao lại thấy như tất cả những gì tôi đang làm lúc này là chờ đợi anh – chờ, chờ, chờ?

Sao chuyện chờ đợi lại bắt đầu tạo cảm giác như tra tấn?

Nếu anh đang cùng ai đó, Oliver, giờ đã đến lúc về nhà rồi. Em hứa sẽ không hỏi gì cả, chỉ cần đừng bắt em đợi.

Nếu mười phút nữa mà anh không xuất hiện, tôi sẽ làm gì đó.

Mười phút sau, cảm giác bất lực và chán ghét chính mình vì cảm thấy bất lực, tôi quyết định chờ *lần-này-đúng-mười-phút-nữa*.

Hai mươi phút sau, tôi không chịu nổi nữa. Tôi mặc áo khoác len, rời bao lơn, rồi xuống lầu. Tôi sẽ đi B. nếu cần phải thế để tự mình kiểm tra xem. Lúc đang đi ra nhà kho, trong lòng đang nghĩ hay là tới N. trước, chỗ người ta thường thức khuya tiệc tùng muộn hơn ở B. , rồi chải rửa mình vì quên bơm bánh xe hơi sáng, tôi bất gặp ý nghĩ khiến tôi thấy mình nên đứng yên ngay tại chỗ, không đánh thức già Anchise đang ngủ trong căn lều gần bên. Anchise hắc ám – mọi người đều bảo già là hắc ám. Có phải tôi đã luôn nghi ngờ? Hẳn là có. Lần té xe đạp, thứ thuốc mỡ của nông dân, sự chăm sóc ân cần dành cho anh, lại còn chuyện lau sạch vết xước.

Nhưng kia chỗ bờ biển lờ mờ chồm đá, dưới ánh trăng, tôi nhìn ra anh. Anh đang ngồi trên một tảng đá cao, mặc cái áo khoác len sọc trắng và xanh dương kiểu thủy thủ, hàng nút luôn mở dọc vai mà anh đã mua ở Sicily hồi đầu hè. Anh chẳng làm gì cả, chỉ đang ôm gối, nghe tiếng nước róc rách vỗ vào đá bên dưới. Đứng ở hàng rào chắn song ngắm nhìn anh, tôi chợt nghe một cảm giác

dịu dàng dành cho anh khiến tôi nhớ lại mình đã háo hức chạy tới B. để bắt kịp anh trước khi anh còn chưa vào bưu điện. Đây là con người tốt đẹp nhất mà tôi từng biết. Tôi đã kỹ càng khi chọn anh. Tôi mở cánh cổng, đi lướt qua vài tầng đá, tới gặp anh.

“Em đã chờ anh,” tôi nói.

“Anh tưởng em định đi ngủ. Anh cứ ngỡ em không muốn.”

“Không. Vẫn chờ. Em chỉ tắt đèn thôi.”

Tôi nhìn lên ngôi nhà. Mọi cánh cửa sổ đều đã khép. Tôi cúi xuống hôn lên cổ anh. Đây là lần đầu tiên tôi hôn anh với cảm xúc này, không chỉ là lòng dục. Anh quàng tay ôm tôi. Có ai thấy chẳng nữa cũng đâu hại gì.

“Anh đang làm gì?” Tôi hỏi.

“Nghĩ.”

“Về điều gì?”

“Nhiều thứ. Trở về Mỹ. Mấy khóa dạy thu này. Cuốn sách. Em.”

“Em sao?”

“Em sao?” Anh đang nhại lại sự khiêm nhường của tôi.

“Không ai khác?”

“Không ai khác.” Anh im lặng một lúc. “Đêm nào anh cũng tới ngôi đây. Có khi nhiều tiếng đồng hồ.”

“Mỗi một mình anh thôi?”

Anh gật đầu.

“Em nào có hay. Em tưởng...”

“Anh biết em tưởng gì.”

Phát hiện mới này khiến tôi vui sướng như điên. Rõ ràng là mối nghi ngờ đã phủ bóng lên mọi thứ giữa chúng tôi. Tôi quyết định không hỏi han gì thêm.

“Đây chắc là nơi anh sẽ nhớ nhất.” Rồi nghĩ lại: “Anh đã hạnh phúc ở B.”

Nghe cứ như một lời mào đầu trước lời chia ly.

“Anh đã nhìn về đó,” anh nói tiếp, chỉ về đường chân trời, “và nghĩ rằng sau hai tuần anh sẽ trở về trường Columbia.”

Anh đúng. Tôi đã cố ý không bao giờ đếm ngày. Mới đầu là vì tôi không muốn nghĩ anh sẽ ở với chúng tôi bao lâu; về sau là vì tôi không muốn đối mặt với sự thật là những ngày còn lại nơi đây của anh thật ít ỏi.

“Có nghĩa là sau mười ngày nữa khi em từ đây trông ra xa, anh không còn bên cạnh. Em không biết lúc đó mình sẽ làm gì. Ít ra thì anh sẽ ở nơi nào khác, nơi không có kỷ niệm.”

Anh siết chặt vai tôi vào vai anh. “Cách em nghĩ đôi lúc thật là... Em sẽ ổn thôi.”

“Có thể. Nhưng rồi cũng có thể không. Mình đã lãng phí biết bao ngày – biết bao tuần lễ.”

“Lãng phí à? Anh không biết. Có lẽ mình chỉ cần thời gian để biết được rằng đây là điều mình muốn.”

“Có vài người trong chúng ta gây khó dễ.”

“Anh à?”

Tôi gật đầu. “Anh biết chính xác điều mà chúng ta làm vào đêm nọ.”

Anh mỉm cười. “Anh không biết mình cảm nhận sao về chuyện đó.”

“Em cũng không chắc. Nhưng em vui là mình đã làm.”

“Em sẽ ổn chứ?”

“Em sẽ ổn.” Tôi dứt một bàn tay vào quần của anh. “Em thích ở đây với anh.”

Đó là cách tôi nói, nơi đây em cũng đã hạnh phúc. Tôi cố tưởng tượng *hạnh phúc nơi đây* có nghĩa gì với anh: hạnh phúc lúc tới đây sau khi tưởng tượng nơi đây trông ra sao, hạnh phúc làm việc của anh vào những buổi sáng nắng như thiêu ở *thiên đàng*, hạnh phúc đạp xe tới lui gặp cô biên dịch, hạnh phúc lên vào thị trấn mỗi đêm rồi về lúc thật khuya, hạnh phúc với cha mẹ tôi cùng cái gọi là *chuyện nhàm sau bữa chiều*, hạnh phúc với mấy bạn chơi poker của anh và tất cả những bạn bè anh đã quen trong thị trấn mà tôi chẳng hề quen biết? Một ngày nào đó anh sẽ kể với tôi. Tôi tự hỏi mình có vai trò gì trong toàn bộ cái hạnh phúc của anh.

Trong khi đó, ngày mai, nếu chúng tôi đi bơi sớm cùng nhau, tôi có thể lần nữa vượt qua cảm giác chán ghét bản thân thừa thãi này. Liệu người ta có quen được với nó chẳng. Hay người ta tích lũy cái khoản nợ khó ở nhiều tới mức người ta tìm ra cách khoanh nó lại thành

một khoản nợ cảm xúc lớn, có cả thời gian ân hận? Hay sự hiện hữu của người khác, người mới sáng qua thôi hãy còn như kẻ xâm nhập, ngày càng trở nên cần thiết bởi nó che chở chúng ta khỏi địa ngục của chính mình – để chính người gây khổ cho ta lúc bình minh lại là người sẽ giải thoát nỗi khổ ấy trong đêm?

Sáng hôm sau chúng tôi đi bơi cùng nhau. Còn chưa qua sáu giờ, sớm như vậy nên chúng tôi tập được tốt. Sau đó anh trình diễn màn nổi trên nước như người chết, tôi muốn giữ anh, giống như khi người dạy bơi giữ người ta thật nhẹ, giống như là giữ ta nổi mà gần như chẳng phải chạm một ngón tay nào. Sao trong khoảnh khắc đó tôi lại thấy mình lớn tuổi hơn anh? Sáng hôm nay tôi muốn che chở anh khỏi mọi thứ, khỏi rặng đá, khỏi bọn sữa, bởi vì giờ đang là mùa sữa, khỏi già Anchise có cái liếc mắt đáng ngại khi đi vào vườn để bặt các vôi tươi, đi tới đâu là nhỏ cỏ tới đó, ngay cả khi trời mưa, ngay cả khi nói chuyện với người ta, ngay cả khi ông dọa bỏ chúng tôi mà đi. Cái liếc mắt đó dường như có thể nặn ra được mọi bí mật mà ta nghĩ là đã chôn giấu gọn ghẽ khi ông nhìn tới.

“Anh khỏe không?” Tôi hỏi, bắt chước câu anh hỏi sáng hôm qua.

“Em biết mà.”

Lúc dùng bữa sáng, tôi không tin nổi mình bị gì đó nhập, đi cắt phần trên vỏ trứng chần của anh trước khi dì Mafalda can thiệp hoặc trước khi anh lấy muỗng mà đập. Tôi chưa từng làm vậy cho ai khác trong đời, vậy mà

đây, đang cố sao cho không một mẩu vỏ nào rơi vào cái trứng của anh. Anh vui mừng dùng cái trứng đó. Khi dì Mafalda mang cho anh món *polpo*, bạch tuộc như mọi ngày, tôi thấy vui cho anh. Như vợ chồng vui cho nhau vậy. Chỉ vì đêm qua anh cho tôi được làm top.

Tôi bắt gặp cha đang ngó trần vào mình lúc tôi cắt chóp vỏ trứng chân thứ hai cho anh.

“Người Mỹ chả bao giờ biết phải làm thế nào,” tôi nói.

“Ta chắc là họ có cách của mình...”, ông nói.

Bàn chân đang rúc dưới chân tôi dưới bàn tỏ ý rằng có lẽ tôi nên thôi đi, kéo cha tôi sinh nghi. “Bác không có khờ đâu,” lúc sau anh nói với tôi khi chuẩn bị đi B.

“Muốn em đi cùng không?”

“Thôi, tốt nhất là đừng bực lộ nhiều. Hôm nay em nên làm việc với Haydn đi. Gặp sau.”

“Gặp sau.”

Sáng ấy Marzia gọi điện lúc anh sắp sửa rời đi. Anh gần như nháy mắt khi đưa điện thoại cho tôi. Không chút mĩa mai nào, trừ khi tôi nhầm thì điều mặc nhiên được hiểu là chuyện giữa chúng tôi với nhau chỉ là tình bạn bè trong veo.

Có lẽ chúng tôi trước hết là bạn, sau là tình nhân.

Nhưng có lẽ như thế mới đáng gọi là tình nhân.

Khi tôi hồi tưởng lại mười ngày cuối chúng tôi bên nhau, tôi thấy cuộc đi bơi lúc sáng sớm, những bữa điểm tâm uể oải, chuyến đạp xe vào thị trấn, làm việc trong vườn,

các bữa trưa và giấc ngủ ban chiều, chiều cũng làm việc, có lẽ là quần vợt, các bữa ăn tối muộn ở quảng trường, và mỗi đêm là kiểu làm tình càng ngày càng tuyệt. Nhớ lại những ngày ấy, tôi nghĩ chưa từng có phút giây nào chứ đừng nói tới nửa giờ hay hơn mà anh dành cho cô biên dịch, hoặc khi tôi xoay sở được vài giờ với Marzia lúc anh và tôi không ở cạnh nhau.

“Anh biết về em khi nào?” Một hôm tôi hỏi anh. Tôi hi vọng là anh sẽ nói, *Khi anh bóp vai em và em suýt nữa rún ra*. Hoặc, *Lúc em ướt trong cái quần tắm buổi chiều nọ, khi mình nói chuyện*. Gì đó đại loại vậy. “Khi em đỏ mặt,” anh nói. “Em đỏ mặt sao?” Chúng tôi đã nói về chuyện dịch thơ, lúc đó là sáng sớm, tuần đầu anh ở với nhà tôi. Hôm ấy chúng tôi bắt đầu làm việc sớm hơn lệ thường, có lẽ là vì chúng tôi thích tán gẫu trong lúc chờ bữa điểm tâm được dọn lên dưới bóng cây đoan, háo hức dành thời gian cho nhau. Anh hỏi tôi có từng dịch thơ chưa. Tôi đáp rằng có. Sao hỏi vậy, anh có chưa? Rồi. Anh đọc Leopardi, bắt gặp một vài đoạn không dịch nổi. Chúng tôi trao đổi qua lại, không ai biết được một cuộc đối thoại tự do có thể đi xa tới đâu, bởi càng đi sâu vào thế giới thơ của Leopardi, chúng tôi cũng thi thoảng tìm ra những góc ngách nơi khiếu hài hước cùng sở thích làm trò hề của chúng tôi tha hồ bộc lộ. Chúng tôi dịch đoạn thơ sang tiếng Anh, rồi từ tiếng Anh sang tiếng Hy Lạp, rồi trở lại tiếng Anh cổ quái, rồi tiếng Ý cổ quái. Mấy dòng kết bài “Đến mặt trăng” của Leopardi bị méo mó tới nỗi chúng tôi cười ngặt ngẽo trong khi lặp lại những dòng vô nghĩa

bằng tiếng Ý – rồi đột nhiên im lặng, tôi nhìn lên thì thấy anh đang nhìn thẳng vào mình, cái nhìn lạnh lùng trong vắt của anh luôn khiến tôi bất an. Tôi cố nói gì đó, rồi khi anh hỏi sao tôi biết nhiều thứ như vậy, tôi còn đủ trí óc để mà huyền thuyên gì đó rằng mình là con trai của một giáo sư. Tôi không phải lúc nào cũng háo hức phô ra kiến thức của mình, nhất là với người có thể dễ dàng khiến tôi chột dạ. Tôi chẳng có gì để mà đấu lại, không có gì để thêm vào, không có gì để tung hỏa mù, không có nơi nào để trốn nấp. Tôi cảm thấy lộ liễu như con cừu đi lạc trên đồng bằng Serengeti khô cằn, không một giọt nước. Cái nhìn chằm chằm không còn là một phần của cuộc trò chuyện, hay thậm chí là cái sự tán hươu tán vượn về dịch thuật; cái nhìn thay thế cho cuộc trò chuyện và trở thành chủ đề của chính nó, có điều cả hai không dám cũng như không muốn nhắc tới việc ấy. À phải, trong ánh mắt anh có gì đó quá đỗi rực rỡ khiến tôi phải lảng tránh, rồi tôi lại nhìn anh, anh vẫn không nhìn chỗ khác mà cứ chăm chăm vào mặt tôi, như muốn nói, *Vậy là cậu lảng tránh rồi trở lại, chừng nào cậu lại nhìn đi chỗ khác?* – thế nên tôi lại lảng tránh, ra vẻ đang suy tư, nhưng lúc nào cũng cố tìm ra gì đó để mà nói, cứ như con cá cố tìm nước trong vùng nước đang mau chóng khô đi dưới sức nóng mặt trời. Hẳn anh biết cảm giác của tôi. Điều rất cuộc khiến tôi đỏ mặt không phải là sự bối rối tự nhiên vào lúc tôi biết được anh bắt gặp tôi cố nhìn lại anh chỉ rồi để rồi vụt trốn chạy; điều khiến tôi đỏ mặt là cái khả năng đầy phấn khích là có lẽ anh thật sự thích tôi, và

anh thích tôi theo cái cách mà tôi thích anh, dẫu rằng điều đó rất khó tin.

Nhiều tuần liền tôi đã nhăm cái nhìn chằm chằm ấy với sự thù địch không giấu giếm. Tôi đã nhăm to. Đơn giản đó là cách đàn ông đáp lại cái nhìn của đối phương.

Rốt cuộc tôi hiểu ra rằng hai chúng tôi là hai kẻ nhút nhát nhất đời.

Cha tôi là người duy nhất nhìn thấu anh từ ban đầu.

“Anh thích Leopardi không?” Tôi hỏi để cho có chuyện, nhưng cũng để tỏ ý rằng chủ đề Leopardi đã khiến tôi hơi xao lãng khi cuộc chuyện trò tạm dừng.

“Có, rất thích.”

“Em cũng thích thi sĩ đó lắm.”

Tôi biết là mình không phải đang nói về Leopardi. Quan trọng là, anh có biết chẳng?

“Anh biết là đã làm em bối rối, nhưng anh phải chắc về một thứ.”

“Vậy là lần này anh biết rồi chứ?”

“Có thể nói là khá chắc.”

Nói cách khác, chuyện đã bắt đầu vài ngày sau khi anh tới. Vậy lẽ nào mọi thứ kể từ đó đều là giả vờ? Rồi mọi chuyện xảy ra giữa hai thái cực bạn bè và người dưng – chúng là gì? Cách anh và tôi bí mật theo dõi đối phương trong khi một mực phủ nhận? Hay chúng đơn giản là bất cứ cách thức ranh ma nào để đẩy nhau ra xa, hi vọng rằng cái chúng tôi cảm thấy đích thực là sự dửng dưng?

“Sao anh không cho em dấu hiệu nào cả?” Tôi hỏi.

“Có chứ. Ít ra thì anh có thử.”

“Khi nào?”

“Lần nọ sau khi chơi quần vợt. Anh chạm em. Chỉ là cách anh tỏ ý thích em. Em phản ứng cứ như là anh suýt nữa thì gạ gẫm em. Nên anh quyết định giữ khoảng cách.”

Buổi chiều là lúc chúng tôi có những phút giây vui sướng nhất. Sau bữa ăn trưa, tôi lên lầu nghỉ vừa đúng lúc sắp có cà phê dọn lên. Rồi khi khách dùng bữa trưa rồi đi hết, hoặc linh đi nghỉ trong nhà khách, cha tôi hoặc sẽ rút vào phòng làm việc hoặc chợp mắt cùng mẹ. Chừng hai giờ chiều, bức màn im lặng buông xuống ngôi nhà, và dường như phủ khắp trần gian, thi thoảng bị cắt ngang bởi hoặc là tiếng gù chim bồ câu hoặc tiếng búa của già Anchise cố sửa lại đồ nghề mà không gây ồn quá. Tôi thích nghe tiếng ông làm việc buổi chiều, và ngay cả khi tiếng đập hay tiếng cưa thoảng hoặc của ông làm tôi bừng giấc, hoặc khi gã thợ mài dao kéo cứ mỗi chiều thứ Tư lại miết dao vào thỏi đá mài của gã, những tiếng ấy khiến tôi cảm thấy trong lòng thanh thản, hòa thuận với thế gian như nhiều năm sau này tôi cảm thấy lúc giữa đêm nghe một tiếng còi tầm báo sương mù vắng ra từ mũi Cod. Oliver thích để mở các cửa sổ và cửa chớp vào buổi chiều, chỉ có một lớp màn căng ra giữa chúng tôi và cuộc đời ngoài kia, bởi sẽ là “tội ác” nếu che hết đi bấy nhiêu ánh mặt trời, che luôn cả phong cảnh, đặc biệt là khi ta không được hưởng những điều ấy mãi. Rồi những

cánh đồng uống lượn của thung lũng dẫn lên các ngọn đồi dường như ở trong một màn sương có màu xanh ô-liu: cây hướng dương, các giàn nho, những mảng màu tím oải hương, cùng những cây ô liu thấp lùn, khiêm nhường lom khom trông như những hình nộm xác xơ, cũ kỹ nhòm vào qua cửa sổ trong khi chúng tôi nằm khóa thân trên giường tôi, có mùi mồ hôi của anh, tức là mùi mồ hôi của tôi, và bên cạnh người đàn ông-đàn bà có người đàn ông-đàn bà là tôi đây, và xung quanh chúng tôi là đồ giặt thơm mùi xà phòng hương cúc của dì Mafalda, đó chính là mùi thơm của buổi chiều nóng như thiêu trong ngôi nhà chúng tôi.

Tôi nhìn lại những ngày ấy và không hề hối tiếc về những rủi ro, về nỗi ô nhục, hay sự thiếu vắng hoàn toàn tiên báo. Ánh mặt trời tình tứ, những cánh đồng chen chúc các cây cao lớn gập gù dưới sức nóng kinh khiếp giữa trưa, tiếng ván sàn cọt kẹt, hay tiếng rít của cái gạt tàn đất nung bị đẩy thật nhẹ trên phiến đá hoa từng nằm trên bàn đầu giường của tôi. Tôi biết rằng thời khắc của chúng tôi là có hạn, nhưng tôi không dám đếm chúng, bởi tôi biết tất cả những điều này rồi sẽ đi về đâu, nhưng tôi không quan tâm đến bảng chỉ đường. Có một lúc tôi cố tình không để lại dấu vết cho chặng đường trở về; thay vì vậy tôi ăn sạch. Có thể hóa ra anh là một kẻ hoàn toàn điên khùng; anh có thể thay đổi tôi hoặc hủy hoại tôi mãi mãi, trong khi thời gian bên nhau và tán gẫu có thể rất cuộc sẽ tước đi mọi thứ chúng tôi sẽ chia, và sẽ chẳng còn lại gì hết. Có thể tôi sẽ nhớ ngày này, hoặc tôi làm tốt

hơn thế, nhưng tôi sẽ luôn nhớ rằng những buổi chiều ấy, trong phòng ngủ, tôi đã nắm bắt thời khắc của mình.

Dù sao thì khi tôi thức dậy một buổi sáng nọ, nhìn thấy toàn B. bị phủ mây đen đang thấp dần bay ngang qua trời. Tôi biết chính xác điều này nghĩa là gì. Sắp vào thu mất rồi.

Vài giờ sau, mây tan hết, và thời tiết dường như xóa sạch mọi dấu vết thu sang khỏi cuộc đời chúng tôi, ban cho chúng tôi một ngày ôn hòa nhất của mùa, như để bù đắp cho trò tình quái trước đó. Nhưng tôi đã lưu ý lời cảnh báo kia, và giống như chuyện của các quan tòa đã nghe chứng cứ bất khả nhận trước khi nó được trích ra từ hồ sơ, tôi đột nhiên nhận ra chúng tôi đang dùng thời gian vay mượn, rằng thời gian ấy luôn là vay mượn, và người cho vay đòi tiền lãi đúng ngay lúc chúng tôi chưa kịp chuẩn bị chi trả và cần phải vay thêm. Bỗng tôi bắt đầu phác lại những ký ức tinh thần về anh, nhặt những mảnh vụn bánh mì rơi vãi khỏi bàn rồi gom lại dành khi ẩn trốn, và xấu hổ thay, tôi cũng viết nên các danh sách: tảng đá, gò vẽ, cái giường, âm thanh của cái gạt tàn. Tảng đá, gò vẽ, chiếc giường... Tôi ước mình giống như những người lính trong phim, bị hết đạn, vút súng đi cứ như họ sẽ chẳng bao giờ dùng tới súng nữa; hay giống như những kẻ đào tẩu trên hoang mạc, thay vì chia phần nước trong bầu lại đầu hàng cơn khát và nốc ừng ực cho kỳ hết, rồi vút bầu nước lại trên đường đi. Thay vào đó, tôi cóp nhặt những thứ nhỏ nhoi để trong những ngày tháng thiếu thốn sắp tới, chút kỷ niệm từ quá khứ có thể mang

lại hơi ẩm. Tôi miễn cưỡng bắt đầu đánh cắp thực tại để trả những món nợ mà mình sẽ mắc phải trong tương lai. Tôi biết điều này cũng là một tội nặng như tội đóng hết cửa nẻo vào những buổi chiều nắng đẹp. Nhưng tôi cũng biết là theo lối mê tín của dì Mafalda, chờ đợi điều tồi tệ nhất là cách tốt nhất để ngăn ngừa nó xảy ra.

Một đêm nợ khi chúng tôi đang đi bộ, anh nói là anh sắp sửa trở về nhà, tôi nhận ra sự tiên đoán ngớ là chắc chắn của mình lại vô ích đến thế nào. Những quả bom không bao giờ rơi xuống cùng một chỗ, quả này lại rơi nhằm trúng vào chốn trú ẩn của tôi, dù tôi đã có linh cảm trước.

Oliver sẽ về Mỹ vào tuần thứ hai tháng Tám. Qua đầu tháng vài ngày, anh nói là muốn ở Rome ba ngày, dành thời gian hoàn thiện bản thảo với nhà xuất bản Ý. Rồi anh sẽ bay thẳng về nhà. Tôi có muốn đi cùng anh không?

Tôi nói rằng có. Tôi nên hỏi cha mẹ trước chứ nhỉ? Không cần, họ chẳng bao giờ từ chối. Nhưng họ sẽ...? Họ sẽ không. Khi hay tin Oliver sẽ rời đi sớm hơn dự định, và sẽ ở Rome vài ngày, mẹ tôi hỏi anh cho tôi đi cùng được không – dĩ nhiên là nếu *il cauboi* cho phép. Cha tôi thì không phản đối.

Mẹ giúp tôi xếp đồ. Tôi có cần áo khoác không, lẽ như nhà xuất bản đưa chúng tôi dùng bữa tối? Sẽ chẳng có bữa tối nào cả. Ngoài ra, sao tôi lại được mời dự cơ chứ? Tôi vẫn nên mang theo cái áo khoác, bà nghĩ. Tôi muốn mang theo. Con đi có hai ba ngày thôi mà. Cả Oliver lẫn tôi đều không chắc chắn về những ngày cuối bên nhau.

Mẹ sẽ chẳng bao giờ biết “hai ba ngày gì đó” của bà đã khiến tôi đau đớn thế nào. Chúng tôi có biết là sẽ ở khách sạn nào không? *Pensione* hay gì đó. Chưa từng nghe qua, nhưng mẹ thì làm sao biết được chứ, mẹ nói. Cha tôi thì đời nào chịu được lối cảm rằm đó của mẹ. Ông tự thân đặt phòng khách sạn. Ông bảo hãy xem đây là một món quà.

Oliver không chỉ xếp đồ vào cái túi vải ngang, hôm chúng tôi bắt chuyến xe *diretissimo* đi thẳng tới Rome, anh cố moi ra được cái va-li rồi đặt nó đúng cái chỗ trong phòng ngủ mà tôi đã làm rơi nó xuống hôm đầu tiên anh tới. Hôm đó tôi đã tua nhanh tâm trí mình tới ngày tôi có lại căn phòng. Giờ tôi tự hỏi mình sẵn lòng từ bỏ những gì để xoay ngược thời gian về cái buổi chiều hạ tuần tháng sáu, khi tôi theo thông lệ đưa anh đi thăm thú các nơi khu nhà mình, và làm thế nào sau một chuỗi việc này việc kia chúng tôi lại tới cái khu đất khô héo trống trải cạnh đường ray bỏ hoang, nơi tôi nhận cái liều *Gặp sau!* đầu tiên từ anh. Bất cứ ai tuổi tôi sẽ chọn đánh một giấc trưa chứ chả thêm cuộc bộ ra tận khu đất hậu hôm đó. Rõ ràng tôi đã biết là mình đang làm gì.

Là do căn phòng anh bày trí hài hoà, hay do sự gọn ghẽ trông hoác như vừa bị đánh cướp của nó mà hòng tôi ghen đáng? Đối với tôi nó không giống mấy với căn phòng khách sạn khi ta chờ anh bồi giúp mang đồ đặc xuống lầu sau một ngày rục rờ kết thúc sớm hơn mong đợi, mà giống với căn phòng ở bệnh viện, sau khi mọi thứ tư trang đã bị gói ghém lại hết, trong khi bệnh nhân kể

tiếp chưa được nhận vào vẫn còn đang chờ trong phòng cấp cứu như ta đã chờ đợi một tuần trước đó.

Đây là bài kiểm tra cho cuộc chia ly của chúng tôi. Giống như ai đó đang phải dùng máy thở, rồi vài ngày sau rốt cuộc nó bị tắt đi.

Tôi vui vì căn phòng sẽ trở về với tôi. Trong căn phòng của tôi/của anh, sẽ dễ hơn để mà nhớ nhung những đêm bên nhau.

Không, nên ở trong căn phòng hiện tại. Vậy thì ít ra tôi có thể vờ tin rằng anh vẫn còn đó trong phòng anh, và nếu anh không ở đó thì anh vẫn còn ở ngoài như hồi những đêm anh vắng nhà, còn tôi thì đếm từng phút, từng giờ, từng tiếng động trôi qua.

Lúc tôi mở tủ của anh, tôi để ý thấy anh để lại một chiếc quần tắm, một cặp đồ lót, vài quần dài vải bông thô, cùng một sơ-mi treo móc. Tôi nhận ra cái áo sơ-mi. Dợn-sống. Và tôi nhận ra chiếc quần. Màu đỏ. Cái này để khi anh đi bơi lần cuối hồi sáng nay.

“Em phải kể với anh chuyện về cái quần tắm này,” tôi nói lúc đóng cửa tủ lại.

“Chuyện gì chứ?”

“Lên tàu em kể.”

Nhưng tôi vẫn kể ngay. “Chỉ cần anh hứa là để nó lại cho em khi đi.”

“Vậy thôi à?”

“À, hôm nay anh mặc nó lâu lâu vào – mà đừng có bơi.”

“Vừa bệnh vừa đồi bại.”

“Vừa bệnh vừa đời bại, và rất rất buồn.”

“Anh chưa từng thấy em thế này.”

“Em cũng muốn có Dọn-sóng nữa, với đôi giày vải, kính râm, và anh.”

Trên tàu tôi kể với anh về cái ngày nhà tôi nghĩ là anh đã chết đuối, và tôi đã cương quyết thế nào khi bảo cha tập hợp càng nhiều dân chài càng tốt để đi tìm anh, và rồi khi họ tìm ra anh, tôi những muốn đốt cái dàn thiêu trên bờ biển, trong khi tôi cầm lấy con dao bếp của dì Mafalda và rút tim anh ra, bởi vì trái tim ấy cùng cái áo của anh là tất cả những gì tôi sẽ có được trong đời sau mọi chuyện. Một trái tim và một cái áo. Trái tim anh bọc trong cái áo ướt – như con cá của già Anchise vậy.

Phần 3

Hội chứng San Clemente

Chúng tôi tới ga Stazione Termini lúc gần 7 giờ tối một hôm thứ tư. Không khí đặc sệt, oi bức, cứ như Rome vừa qua một cơn mưa bão chợt đến chợt đi, hãy còn lại nguyên bầu ẩm ướt. Một giờ sau hoàng hôn, những con đường lấp lánh qua vầng sáng đông đặc, trong khi những cửa hiệu sáng đèn dường như nhúng trong thứ sắc màu tự bùng cháy. Khí ẩm bám vào từng cái trán, từng gương mặt. Tôi muốn vuốt ve gương mặt anh. Tôi nôn nóng tới khách sạn, tắm rồi nằm phịch xuống giường, trong lòng luôn biết rằng trừ khi chúng tôi có mấy điều hòa tốt, tôi có tắm cũng như không. Nhưng tôi cũng yêu cái tịch mịch nặng nề phủ lên thành đô, như một cánh tay mỗi một của người tình tựa lên vai ta.

Có lẽ chúng tôi sẽ có bao lợn. Tôi có thể dùng bao lợn. Ngồi trên lớp cẩm thạch mát và ngắm mặt trời lặn ở thành Rome. Nước khoáng. Hoặc bia. Và đồ ăn vặt để nhai. Cha đã đặt phòng cho chúng tôi trong khách sạn thuộc loại sang trọng nhất Rome.

Oliver muốn bắt chiếc taxi đầu tiên tới. Tôi thì lại muốn đi xe buýt. Tôi thêm những chiếc xe buýt đông

ken. Tôi muốn lên một xe buýt, vệt đường đi giữa đám người đang vã mồ hôi, anh cũng lấn tới phía sau mình. Nhưng nhảy lên buýt rồi thì sau vài giây, chúng tôi quyết định xuống xe. Cảnh này quá *sống sượng*, chúng tôi đùa. Tôi lúi lại xuyên qua sức ép của những người đang về nhà, giận dữ không hiểu chúng tôi định làm gì. Tôi giẫm phải chân một phụ nữ. “*E non chiede manco scusa*, không thèm xin lỗi luôn chứ,” chị rít lên với những người xung quanh vừa chen lên xe buýt và không cho chúng tôi chen ra ngoài.

Rốt cuộc chúng tôi vẫy một chiếc taxi. Nghe tên khách sạn, thấy chúng tôi nói tiếng Anh, tay tài xế bắt đầu rẽ vài chỗ khó hiểu. “*Inutile prendere tante scorciatoie*, không cần đi tắt nhiều vậy. Chúng tôi không vội!” Tôi nói bằng giọng Rome.

Mùng một điều là phần lớn hai phòng ngủ kề nhau của chúng tôi có cả bao lơn và cửa sổ, và khi chúng tôi mở cửa sổ tò vò, những mái vòm lấp lánh của vô số nhà thờ phản chiếu ánh mặt trời lặn giữa khung cảnh mênh mông, không giới hạn bên dưới chúng tôi. Ai đó đã gửi một bó hoa cùng một chạn đầy trái cây. Tám thiệp là do nhà xuất bản ở Ý của Oliver gửi: “*Hãy đến hiệu sách lúc khoảng tám rưỡi. Mang bản thảo theo. Có tiệc cho một trong các tác giả. Ti aspettiamo, chúng tôi đang mong chờ anh.*”

Chúng tôi chưa định làm gì cả trừ đi ăn tối rồi lang thang phố phường sau đó. “Em có được mời không, nhỉ?” Tôi hỏi, cảm thấy có chút không thoải mái. “Giờ thì rồi đó,” anh đáp.

Chúng tôi ăn trái cây trong cái tô nằm cạnh tủ ti-vi, lột vỏ trái vả cho nhau.

Anh nói là sẽ đi tắm. Lúc nhìn thấy anh trần truồng tôi cũng lập tức cởi quần áo. “Chờ em chút xíu,” tôi nói khi thân thể chúng tôi chạm nhau, bởi tôi thích sự ẩm ướt phủ khắp người anh. “Ước gì anh không phải tắm.” Mùi của anh khiến tôi nhớ lại mùi của Marzia, nhớ lại đường như nàng luôn tỏa ra mùi mằn mặn của bờ biển vào những ngày vắng gió, trong khi lẽ ra những ngày ấy ta chỉ ngửi thấy mùi thô thốc của mặt cát nóng ran. Tôi thích vị mặn trên tay anh, trên vai anh, dọc những đốt xương sống của anh. Những chỗ ấy còn mới với tôi. “Nếu bây giờ mình nằm xuống thì khỏi tiệt sách tiệt vở gì hết,” anh nói.

Chúng tôi đang trong trạng thái ngây ngất mà dường như chẳng ai có thể tước đoạt được. Những lời này sẽ đưa tôi trở về căn phòng khách sạn, và buổi tối ẩm ướt một ngày giữa tháng Tám, trong khi hai chúng tôi trần như nhộng đứng tì tay vào bậc cửa sổ, trông ra ánh sáng chiều giữa cái nóng bức bất kham ở thành Rome, cả hai vẫn còn nghe mùi toa tàu ngọt ngào trên chuyến tàu về hướng nam giờ đây có lẽ đang tới gần Naples, trên đó chúng tôi đã ngủ, đầu tôi tựa vào đầu anh trước mắt bao nhiêu là hành khách. Nhoài ra hít lấy không khí buổi tối, tôi biết rằng cơ hội thế này có thể sẽ không bao giờ tới với chúng tôi lần nữa, vậy mà tôi vẫn còn chưa thể tin được. Hẳn anh cũng cùng ý nghĩ trong lúc chúng tôi ngấm nhìn quang cảnh lộng lẫy của thành phố, hút

thuốc, ăn quả và tươi, vai kề vai, ai cũng muốn làm gì đó để đánh dấu khoảnh khắc này. Rồi theo một ý muốn rất đỗi tự nhiên vào lúc đó, tôi cho tay mình xoa mông anh khi anh nói, “Em cứ thế này, thì chắc chắn không tiếc tùng gì hết.” Tôi bảo anh hãy cho tôi toại nguyện, cứ nhìn ra ngoài cửa sổ nhưng nghiêng về trước một tí, cho tới khi tôi mê người đi: chúng tôi có thể bắt đầu nhưng sẽ không kết thúc. Rồi chúng tôi sẽ tắm, rồi đi ra ngoài như hai sợi dây điện tước vỏ xẹt điện vào nhau mỗi lần chạm. Nhìn những căn nhà cũ và muốn ôm lấy từng căn, gặp một trụ đèn ở góc đường rồi muốn xịt lên nó như loài chó vẫn làm, đi qua một phòng tranh và tìm cái lỗ trong bức tranh khóa thân, phớt qua một gương mặt chẳng làm gì hơn ngoài mỉm cười hướng về chúng tôi và bắt đầu lột trần cả con người ấy, và mời cô ấy, hoặc anh ấy đi ăn tối, hoặc bất cứ gì. Cupid hiện diện khắp nơi ở Rome bởi chúng tôi đã ghim một cánh của thần, nên thần buộc phải bay vòng vòng.

Chúng tôi chưa từng tắm cùng nhau. Thậm chí chưa từng ở trong cùng một phòng tắm với nhau. Thân thể anh, cuộc đời anh bỗng nhiên có vẻ thật mong manh, dễ vỡ. Anh bước ra, hôn môi tôi.

Tôi không muốn có bí mật, màn che, hay bất cứ gì ngăn cách chúng tôi. Tôi đâu biết rằng nếu mình tận hưởng sự chân thành khiến chúng tôi gắn bó với nhau mỗi lần chúng tôi thề rằng *thân thể tôi là thân thể anh*, đó cũng là vì tôi thích khơi ánh lửa trong cái ngọn đèn leo lét là nỗi ô nhục. Nó rọi sáng đúng vào nơi tôi muốn tối.

Nỗi ô nhục theo dấu tình thân mật. Có thể nào tình thân mật vẫn còn đó một khi sự không đúng đắn đã hết, và thân thể chúng tôi không còn tròn mèu nào nữa?

Tôi không biết mình đã nêu câu hỏi ấy, chỉ vì tôi không chắc hôm nay mình có thể trả lời nó. Có phải tình thân mật của chúng tôi đã được mua bằng phương tiện thanh toán sai lầm?

Hay tình thân mật là sản phẩm được ao ước bất kể ta tìm ra nó ở đâu, ta đạt được nó bằng cách nào, ta trả cái gì để có nó – chợ đen, chợ xám, có thuế, không thuế, lén lút dưới gầm bàn, công khai trên quầy?

Tôi chỉ biết mình không còn gì để giấu anh. Tôi chưa từng cảm thấy tự do hay an toàn đến vậy trong đời.

Chúng tôi được ở riêng bên nhau trong ba ngày, chúng tôi không quen ai trong thành phố, tôi có thể là bất kỳ ai, nói bất cứ gì, làm bất cứ gì. Cảm giác như mình là một tù nhân chiến tranh đột nhiên được đạo quân xâm lăng phóng thích, bảo rằng hắn có thể bắt đầu về nhà, không cần điền đơn từ gì, không thẩm vấn, không câu hỏi nào, không xe buýt, không kiểm soát khi qua cổng, không cần xếp hàng chờ quần áo sạch – chỉ cần bắt đầu bước đi.

Chúng tôi tắm. Chúng tôi mặc quần áo của nhau. Chúng tôi mặc đồ lót của nhau. Là ý của tôi.

Có lẽ tất cả những điều này đã phục hồi sự ngốc nghếch, và tuổi trẻ ở trong anh.

Có lẽ anh đã sớm biết từ nhiều năm trước, và đang dừng lại chốc lát trên hành trình trở về nhà.

Có lẽ từ xưa giờ anh chỉ giả vờ thuận ý, để quan sát tôi.

Có lẽ anh chưa từng làm vậy với ai, và tôi xuất hiện vào phút chót.

Anh cầm lấy bản thảo, kính râm của anh, rồi chúng tôi đóng cửa phòng khách sạn. Cảm giác trong lòng rất phấn khích. Chúng tôi bước ra khỏi cửa thang máy. Cười tươi hết cỡ với mọi người. Với nhân viên khách sạn. Với người bán hoa ven đường. Với em gái ở quầy báo.

Ta cười, và cả thế gian cười đáp lại. “Oliver, em hạnh phúc,” tôi nói.

Anh kinh ngạc nhìn tôi. “Em hứng tình thì có.”

“Hạnh phúc chứ không phải hứng tình.”

Đọc theo con đường, chúng tôi thấy một tượng người Dante phủ màu đỏ, mũi khoằm quá mức, nét mặt lộ vẻ rất đỗi khinh miệt. Chiếc áo choàng toga, cái mũ đỏ cùng cặp kính gọng dày bằng gỗ khiến cho gương mặt ông ta vốn đã khinh khinh lại càng thêm khắc nghiệt, như mặt một cha đạo bất dung. Đám đông tụ lại quanh nhân vật vĩ đại ấy vốn đang đứng bất động trên vỉa hè, khoanh tay thách thức, cả thân người thẳng đuột, cứ như kẻ ấy đang đứng chờ thi hào Virgil, hoặc chờ một chiếc xe buýt đến trễ. Ngay khi một du khách ném đồng xu vào cuốn sách cổ, rỗng ruột, ông ta bắt chước thần thái mơ hồ của Dante, người vừa bắt gặp Beatrice của chàng thả bước ngang qua Ponte Vecchio, và vươn cái cổ như rắn hổ mang, ngay lập tức rên lên như một anh xiếc đường phố khạc lửa,

*Guido, vorrei che tu e Lapo ed io
fossimo presi per incantamento,
e messi ad un vascel, ch'ad ogni vento
per mare andasse a voler vostro e mio.*

Guido hỡi, ta những ước Lapo, chàng và ta
Đắm trong cơn say, ngay phút giây này
Lên con thuyền mộng ra nơi khơi xa
Cưỡi cơn gió lớn, trí ta vụt bay

Thật là đúng quá, tôi nghĩ. Oliver à, em ước sao anh và em cùng những ai ta yêu quý có thể sống mãi cùng nhau dưới một mái nhà...

Sau khi đọc đoạn thơ ấy bằng giọng thì thầm, anh ta dần dần trở lại với cái nhìn chăm chăm, thù ghét nhân loại cho tới khi một du khách khác ném cho đồng xu nữa.

*Ed io, quando 'l suo braccio a me distese,
ficcai li occhi per lo cotto aspetto,
sì che 'l viso abbrusciato non difese
la conoscenza sua al mio 'ntelletto;
e chinando la mano a la sua faccia,
rispuosi: "Siete voi qui, ser Brunetto?"*

Khi chàng vươn sải tay chạm vào ta
Ta dán mắt nơi mặt chàng nóng bỏng

Làm sao ngăn nổi hồn ta thấu hiểu chàng
 Ghé sát chàng, ta nói: “chàng có ở đây chẳng, hỡi
 Brunetto?”

Vẫn ánh mắt khinh miệt. Vẫn hé miệng. Đám đông
 vãng đi. Hình như không có ai nhận ra đoạn ấy trong
 khổ thơ thứ mười lăm phần *Hỏa ngục*, khi Dante gặp
 người thầy trước đây của chàng, Brunetto Latini. Hai
 người Mỹ sau khi lục lọi trong ba-lô ném cho Dante
 một loạt đồng xu nhỏ tí. Vẫn nguyên cái nhìn trừng trộ,
 cáu tiết:

*Ma che ciarifrega, che ciarimporta,
 se l'oste ar vino cia messo l'acqua:
 e noi je dimo, e noi je famo,
 “ciai messo l'acqua
 e nun te pagamo.”*

Ta không biết, ta không cần biết
 Chủ quán trọ thêm nước vào rượu
 Ta chỉ bảo:
 “Người thêm nước thì ta không trả tiền.”

Oliver không hiểu vì sao mọi người phá lên cười hai
 du khách kém may. Bởi anh ta vừa ngâm một bài hát khi
 rượu chè thời La Mã, trừ khi ta biết thì nó không có gì
 buồn cười.

Tôi nói là tôi sẽ chỉ anh một lối tắt tới hiệu sách. Anh không ngại đi lối xa. Hay là mình cứ đi lối thường đi, có gì mà vội? Anh hỏi. Lối của tôi tốt hơn. Oliver dường như đang bực, không chịu như vậy. “Có gì em cần biết không?” Rốt cuộc tôi hỏi. Tôi nghĩ đó là cách khéo léo để cho anh cơ hội nói ra bất cứ điều gì đang phiền anh. Anh đang khó chịu điều gì sao? Có phải liên quan tới nhà xuất bản? Ai khác? Hay có lẽ là sự hiện diện của tôi? Em tự lo cho mình được, nếu anh muốn ở một mình hơn. Đột nhiên tôi nghĩ ra điều đang phiền anh. Tôi là con trai của ngài giáo sư đang bám đuôi.

“Không phải vậy đâu, chàng khờ?”

“Vậy thì là gì?”

Trong lúc đang đi, anh quàng tay ngang hông tôi.

“Anh không muốn có gì thay đổi hay ngăn trở bọn mình đêm nay.”

“Ai mới là chàng khờ?”

Anh nhìn tôi thật lâu.

Chúng tôi quyết định đi theo lối của tôi, bằng từ quảng trường Montecitorio tới Corso. Rồi ngược lên qua Belsiana. “Đây là nơi chuyện bắt đầu,” tôi nói.

“Chuyện gì?”

“Chuyện đó.”

“Cho nên em muốn tới đây à?”

“Với anh.”

Tôi đã kể với anh. Một chàng trai đi xe đạp ba năm về trước, rất có thể là người giao hàng tạp hóa hoặc chân sai

vật, mặc tạp dề chạy xuống con đường hẹp, nhìn chằm chằm vào mặt tôi trong khi tôi nhìn lại, không cười, chỉ là mặt mày nhăn nhó, cho tới khi anh ta đi qua tôi. Rồi tôi làm điều mà tôi luôn mong người khác sẽ làm trong những tình huống như vậy. Tôi chờ vài giây, rồi quay nhìn. Anh ta cũng ngoái lại. Theo nền nếp gia đình, tôi không nói chuyện với người lạ mặt. Anh ta thì nói. Anh ta quay ngoắt xe lại, rấn lên cho tới khi bắt kịp tôi. Vài câu chữ băng quơ để xã giao. Không hề khó với anh ta. Hỏi, hỏi, hỏi – chỉ để cho có chuyện mà nói – trong khi tôi thậm chí chẳng à hay ừ gì nổi. Anh ta bắt tay tôi, nhưng rõ ràng là lấy đó làm cớ để nắm hoài. Rồi quàng tay áp tôi vào anh ta, như thể chúng tôi đang kể một trò đùa khiến cả hai cười, gần lại với nhau. Liệu tôi có muốn hẹn hò với anh ta trong rạp phim gần đó? Tôi lắc đầu. Tôi có muốn theo anh lại cửa hiệu – giờ này buổi tối ông chủ chắc đi rồi. Lại lắc đầu. Cậu ngượng à? Tôi gật đầu. Hỏi han bấy nhiêu trong khi vẫn nắm tay tôi, siết tay tôi, siết vai tôi, xoa gáy tôi trong khi cười cười, ra vẻ người lớn, khoan dung, kiểu như anh ta đã bỏ cuộc nhưng chưa muốn bỏ đi vội. Sao lại không? Anh ta cứ hỏi. Có lẽ tôi – tôi chưa từng.

“Tôi đã từ chối nhiều người. Chưa từng theo đuổi ai hết.”

“Anh theo đuổi tôi.”

“Cậu cho tôi theo đó chứ.”

Qua Frattina, qua Borgognova, qua Condotti, qua delle Carrozze, della Croce, qua Vittoria. Đột nhiên tôi yêu tất

cả những con đường ấy. Khi gần tới hiệu sách, Oliver nói tôi cứ đi tiếp, anh chỉ gọi điện thoại một lát thôi. Anh gọi điện thoại ở khách sạn được mà. Hay có lẽ anh cần riêng tư. Nên tôi cứ bước, dừng lại ở một tiệm nọ để mua thuốc lá. Lúc tới hiệu sách có cửa kính to cùng hai bức tượng La Mã nửa người nằm trên hình như là thân cây cổ xưa, đột nhiên tôi đâm hồi hộp. Trong ấy đông ken, qua lớp cửa kính viền đồng, có thể thấy một đám người lớn đang ăn món có vẻ là bánh ga-tô nhỏ. Ai đó bắt gặp tôi đang nhìn vào cửa hiệu, bèn ra dấu cho tôi vào. Tôi lắc đầu, giơ ngón trỏ lên tỏ ý là đang chờ một người sắp tới phố này. Nhưng người chủ hiệu hoặc giúp việc của ông ta, giống như chủ nhiệm một câu lạc bộ, đứng bên trong hiệu, vươn tay hết cỡ mở rộng cánh cửa kính rồi giữ nguyên, gần như ra lệnh cho tôi tiến vào. “*Venga, su, venga*, mau mau vào đi!” Ông nói, cặp ống tay áo vén lên đến tận vai, ngang tàng. Buổi đọc sách hãy chưa bắt đầu, nhưng cửa hiệu đã đông nghịt, mọi người đang hút thuốc, tán gẫu náo nhiệt, lật giở những cuốn sách mới, mỗi người cầm một cốc nhựa nhỏ dường như đựng rượu scotch. Ngay cả phòng trưng bày ở tầng trên, cùng thành cầu thang cũng kín các khuỷu tay và cánh tay phụ nữ tựa vào, đông nghẹt. Tôi nhận ra tác giả cuốn sách ngay. Ông chính là người đã ký vào hai quyển thơ cho Marzia và tôi, *Se l'amore*. Ông đang bắt tay vài người.

Khi ông đi lại gần, tôi không tìm được nên chìa tay ra bắt tay ông, nói với ông là tôi thích đọc thơ của ông. Làm sao mà tôi đọc được thơ của tôi khi sách còn chưa kịp ra?

Ai đó nghe được câu hỏi của ông – có phải họ sắp tổng cổ tôi ra khỏi hiệu như một kẻ giả mạo?

“Tôi mua nó ở nhà sách ở B. vài tuần trước, ông đã từ tể ký tặng cho tôi nữa.”

Ông nhớ ra đêm ấy. “*Un vero fan*, người ái mộ thật sự đây rồi,” ông nói to để những người khác trong tầm cũng nghe thấy. Thực ra mọi người đều quay sang nhìn. “Có lẽ không phải người ái mộ – ở tuổi cậu nhóc này thì nhiều khả năng là thành phần muốn nổi tiếng kè thôi,” một phụ nữ lớn tuổi có buồm cổ, mặc đồ màu chóc khiến bà ta trông như một con chim tu-can.

“Anh thích bài thơ nào nhất?”

“Alfredo à, anh cứ xử cứ như thầy giáo hỏi thi vấn đáp vậy,” một phụ nữ chừng ba mươi ngoài chế giễu.

“Tôi chỉ muốn biết anh chàng này thích bài thơ nào nhất. Hỏi han tí có hại gì đâu nhỉ?” Ông phiền trách, giọng giả vờ như đang giận sôi lên.

Trong thoáng chốc, tôi tin là người phụ nữ góp lời ủng hộ đã giải thoát cho tôi. Tôi lẩm.

“Nói tôi xem nào,” thi sĩ lại hỏi, “bài nào.”

“Bài so sánh cuộc đời với San Clemente.”

“Bài so sánh *tình yêu* với San Clemente,” ông chỉnh lại, dường như đang suy tưởng sâu sắc về hai câu vừa rồi. “Hội chứng San Clemente.” Thi sĩ nhìn tôi chằm chằm. “Tại sao thế?”

“Trời ơi, tha cho cậu nhóc tội nghiệp đi chứ. Lại đây nào,” một phụ nữ khác cắt ngang, chị đã nghe thấy người

ủng hộ tôi lên tiếng. Chị nắm lấy tay tôi. “Tôi dẫn cậu lại chỗ đồ ăn, để cậu thoát khỏi tên quái nhân với cái tôi to bằng chân hần – cậu thấy giày hần to cỡ nào chưa? Alfredo, ông rất nên làm gì đó với đôi giày của ông đi,” chị nói vọng lên giữa hiệu sách đông ken.

“Giày tôi à? Giày tôi làm sao chứ?” Thi sĩ hỏi.

“*Chúng. To. Quá. Cỡ.* Chẳng phải giày hần to kỉnh sao?” Chị hỏi tôi. “Thi sĩ chẳng thể nào để bàn chân to như thế.”

“Mặc kệ bàn chân tôi.”

Ai đó nhìn thi sĩ thương cảm. “Đừng trêu bàn chân anh ấy, Lucia. Nó có bị làm sao đâu.”

“Bàn chân của người nghèo rớt mỏng tôi. Đi chân trần cả đời, vậy mà vẫn mua giày to hơn một số, phòng khi bàn chân hần lớn thêm trước kỳ Giáng sinh năm tới, lúc gia đình nghỉ lễ cùng nhau!” Người phụ nữ đánh đá bị ruộng rẫy thốt lên.

Nhưng tôi không buông tay chị ra. Chị cũng không. Tình bạn trong thành phố. Thật dễ chịu khi nắm tay một phụ nữ, nhất là khi ta không biết gì về chị. *Se l'amore*, tôi nghĩ. Và tất thấy những cánh tay và khuỷu tay rám nắng thuộc về mọi phụ nữ nhìn xuống từ phòng trưng bày. *Se l'amore*.

Người chủ hiệu sách cắt ngang pha tranh cãi để trở thành xích mích giữa chồng và vợ. “*Se l'amore*,” ông gào lên. Mọi người bật cười. Không rõ cái cười ấy là tín hiệu nhẹ nhõm vì dẹp yên được màn cãi vã giữa vợ chồng thi sĩ, hay bởi cách dùng mấy chữ *Se l'amore*, nếu đây là tình yêu, thì...

Nhưng người ta hiểu rằng đây cũng là tín hiệu buổi đọc sách bắt đầu, thế là mỗi người tìm một góc thoải mái hoặc mảng tường để dựa vào. Góc của chúng tôi là tốt nhất, ngay trên cầu thang xoắn ốc, mỗi người ngồi trên một bậc cầu thang. Vẫn nắm tay. Người của nhà xuất bản sắp giới thiệu thi sĩ thì của kết mở. Oliver cố gắng chen vào, theo cùng là hai cô nàng cực xinh có vẻ là người mẫu hay diễn viên thích chưng diện. Đường như anh đã chộp được họ dọc đường tối hiệu sách, một nàng cho anh, một nàng cho tôi. *Se l'amore*.

“Oliver! Anh đây rồi!” Ông nhà xuất bản kêu lên, giọng cao ly rượu. “Chào mừng, chào mừng anh tới.”

Mọi người quay sang nhìn.

“Một trong những triết gia trẻ nhất, tài ba nhất nước Mỹ,” ông nói, “tháp tùng là hai cô con gái của tôi, không có họ thì *Se l'amore* sẽ không bao giờ được chào đời.”

Thi sĩ gật gù. Vợ ông quay sang tôi, thì thầm, “Hai cô em hấp dẫn quá nhỉ?” Ông xuất bản xuống khỏi cái thang gấp nhỏ, ôm lấy Oliver. Ông nắm vào cái bìa to mà Oliver đựng các trang giấy. “Bản thảo?” “Bản thảo,” Oliver đáp. Ông lấy cái bìa, đưa lại cho Oliver cuốn sách ra mắt tối nay. “Ông đưa tôi một cuốn rồi.” “Đúng nhỉ.” Nhưng Oliver lịch sự, nhìn bìa sách với vẻ trầm trồ, rồi nhìn quanh, sau cùng nhận ra tôi ngồi cạnh Lucia. Anh bước lại chỗ tôi, khoác vai tôi, rồi nhoài qua hôn chị. Chị nhìn tôi lần nữa, nhìn Oliver, đánh giá tình hình: “Oliver, *sei un dissoluto*, anh đúng là đồi bại.”

“*Se l'amore*,” anh đáp, trưng cuốn sách ra như để nói rằng bất cứ gì anh làm trong đời đều được nêu trong sách của chồng chị, và do đó khá là trong khuôn khổ.

“*Se l'amore* ma bắt anh đi.”

Tôi chẳng biết anh bị gọi là đôi bại bởi hai cô nàng hấp dẫn mà anh vào cùng, hay vì tôi. Hay cả hai.

Oliver giới thiệu tôi với hai nàng. Hẳn nhiên anh biết rõ các nàng, và cả hai đều thích anh. “*Sei l'amico di Oliver, vero?* Anh là bạn của Oliver nhỉ?” Một nàng hỏi. “Anh ấy có kể về anh.”

“Kể gì cơ?”

“Kể điều tốt.”

Nàng dựa vào tường cạnh chỗ tôi đứng với vợ của thi sĩ. “Anh chàng này sẽ không đời nào bỏ tay tôi ra đâu nhỉ?” Lucia nói như đang nói với một người nào khác vắng mặt. Có lẽ chị muốn hai nàng kia để ý.

Tôi không muốn buông tay chị ngay nhưng biết rằng mình phải thế. Nên tôi cầm lấy bằng cả hai bàn tay, nâng lên môi, hôn vào rìa gần lòng bàn tay, rồi buông ra. Tôi có cảm giác như mình đã có chị cả một buổi chiều, giờ đây thả chị về với chồng như người ta thả một con chim bị thương ở cánh mãi không lành.

“*Se l'amore*,” chị nói, lắc đầu luôn như bày tỏ ý quở trách. “Chẳng kém đôi bại hơn tên kia, có điều ngọt ngào hơn. Chị để lại cho hai em.”

Một trong hai nàng khúc khích khá gượng. “Để bọn em xem làm được gì.”

Tôi sướng như lên thiên đàng.

Nàng biết tên tôi. Tên nàng là Amanda. Em của nàng là Adele. “Còn một em gái thứ ba nữa,” Amanda nói, như để giảm bớt số lượng. “Bây giờ chắc em ấy phải đâu đây rồi.”

Thi sĩ hăng giọng. Theo thông lệ, phần trước tiên, tôi xin có lời cảm ơn quý vị. Phần sau cùng nhưng không kém phần quan trọng, tôi cảm ơn ánh sáng trong mắt nàng, Lucia. Tại sao nàng chịu đựng thi sĩ? Tại sao lại như thế? Người vợ rít lên, gửi nụ cười yêu thương cho thi sĩ.

“Bởi vì đôi giày của hắn,” ông nói.

“Nữa rồi.”

“Tiếp đi, Alfredo,” bà tu-can có buồm nói.

“*Se l'amore. Se l'amore* là tập thơ được sáng tác dựa theo một học kỳ giảng dạy về thơ Dante ở Thái Lan. Như các bạn đã biết, tôi yêu Thái Lan trước khi tới, và ghét nó sau khi tới. Tôi nói lại nhé: Tôi ghét nó khi tôi ở đó, và vừa rời khỏi nó thì tôi yêu nó ngay.”

Tiếng cười.

Thức uống đang được chuyển ra.

“Ở Bangkok tôi cứ nghĩ về Rome – còn gì nữa? Nghĩ về cửa hiệu nho nhỏ bên đường này, về những con phố quanh đây ngay trước lúc mặt trời lặn, về tiếng chuông nhà thờ vào chủ nhật lễ phục sinh, và vào những ngày mưa gió bất tận ở Bangkok, tôi gần như khóc nức. Lucia, Lucia, Lucia, sao em chưa từng nói lời ngăn cản trong khi em biết anh nhớ em nhiều thế nào những ngày anh

thấy mình còn trống rỗng hơn cả Ovid khi người ta đẩy chàng ra cái tiền đồn heo hút để chết? Khi ra đi tôi là một tên khờ, lúc trở lại tôi cũng chẳng khôn ngoan hơn. Con người Thái Lan thật đẹp – thế nên nỗi cô đơn là cực hình khi bạn rùng rình để uống rượu rồi gần như chạm vào kẻ lạ mặt đầu tiên tôi với bạn – nơi ấy, tất cả họ đều đẹp đẽ, nhưng bạn uống một ly thì được thấy họ cười một lần.” Ông dừng lại, như đang gom ý nghĩ. “Tôi gọi những bài thơ này là ‘Tristia.’”

“Tristia” chiếm gần trọn hai mươi phút. Rồi đến tràng vỗ tay. Một trong hai nàng dùng tới một chữ là *forte*. *Molto forte*, rất đổi hùng hồn. Bà tu-can có bước quay sang một phụ nữ khác cứ gật đầu liên hồi gần như sau mỗi một vần thơ mà thi sĩ đọc lên, giờ đây đang lặp đi lặp lại *straordinario-fantastico*, kỳ diệu đến xuất thần. Thi sĩ bước xuống, cầm ly nước, nín thở giây lát – để cho dứt cơn nấc cụt. Tôi đã nhầm cơn nấc cụt này là tiếng khóc kìm nén. Thi sĩ, sau khi lục tìm hết trong các túi áo khoác thể thao mà không có gì, kẹp ngón trỏ và ngón giữa rồi hươ hươ trước miệng, ra dấu với ông chủ hiệu sách là ông muốn hút thuốc và có lẽ là chuyện trò chốc lát. Cô *straordinario-fantastico* bắt gặp cái ra dấu kia, lập tức chìa ra một bao thuốc lá. “*Stasera non dormo*, đêm nay em không ngủ được, hậu quả của thi ca,” cô nói, trách tài làm thơ của ông khiến cho cô mất ngủ vì thốn thức đêm nay.

Bấy giờ ai ai đều vã mồ hôi, không khí bên trong và bên ngoài hiệu sách trở nên nóng ẩm không chịu được.

“Vì tình yêu của Chúa, mở cửa ra,” thi sĩ kêu lên với chủ hiệu sách. “Chúng ta đang ngộp cả thở trong này.” Ông Venga gỡ một miếng nệm gỗ bé xíu ra, mở cửa, rồi chốt nó lại giữa bức tường và khung đồng.

“Đỡ chưa?” ông hỏi một cách kính cẩn.

“Không. Nhưng ít nhất ta biết là cửa đang mở.”

Oliver nhìn tôi tỏ ý, Em có thích không? Tôi nhún vai, như bảo rằng sẽ bình luận sau. Nhưng tôi đang không thật; tôi thích nhiều lắm.

Có lẽ tôi thích phần buổi tối hơn. Mọi thứ suốt buổi tối đều làm tôi phấn khích. Mỗi cái liếc nhìn đáp lại cái liếc nhìn của tôi như là lời tán dương, hoặc giống như lời mời hoặc lời hứa cứ lơ lửng trong không trung giữa tôi và thế giới xung quanh. Tôi bị kích thích bởi bầu không khí sôi nổi trong cửa hiệu khiến cho mọi thứ trở nên đẹp đẽ: từ cửa kính, món bánh ga-tô nhỏ, những ly nhựa màu hoàng thổ đầy rượu scotch, ống tay áo xấn lên của ông Venga, cả ngài thi sĩ, xuống theo cầu thang xoắn ốc nơi chúng tôi tụ lại bên cặp chị em nóng bỏng – tất cả dường như tỏa ra ánh huy hoàng làm mê hoặc, phấn chấn lòng người.

Tôi ghen tị với những cuộc đời ấy, và nghĩ về cuộc đời quá đổi khổ hạnh của cha mẹ tôi, với những bữa ăn trưa gây mụ mị, những bữa tối nhàn đàm, căn nhà bé như lỗ mũi, và năm học sắp tới của tôi. Mọi thứ ở nhà chỉ là trẻ con so với cuộc sống ở nơi này. Vì sao năm sau lại đi Mỹ trong khi tôi có thể dễ dàng sống xa nhà bốn năm để được dự những buổi đọc sách thế này, ngồi lại và nói

chuyện như người ta đang làm ngay lúc này? Có nhiều thứ để học trong hiệu sách đông nghịt này hơn bất cứ định chế hùng mạnh nào quanh Đại Tây Dương.

Một ông lớn tuổi với hàm râu quai nón xồm xoàm không đều cùng cái bụng phệ của nhân vật Falstaff¹ mang đến cho tôi một ly rượu.

“Ecco.”

“Cho tôi à?”

“Tất nhiên là cho cậu. Cậu có thích các bài thơ không?”

“Thích lắm ạ,” tôi nói, cố ra vẻ châm biếm và giả dối, chẳng hiểu sao.

“Tôi là bố đỡ đầu thi sĩ, tôi tôn trọng ý kiến của cậu,” ông nói như đã nhìn thấu được trò lừa đầu tiên của tôi nhưng không truy cứu. “Nhưng tôi tôn trọng tuổi trẻ của cậu hơn.”

“Tôi chắc là một vài năm nữa sẽ chẳng còn mấy tuổi trẻ,” tôi nói, cố ra vẻ chua chát và cam chịu như những người đã trải đời và hiểu mình.

“Phải, nhưng khi ấy tôi đâu còn để mà thấy nữa.”

Có phải lão này đang muốn ngủ với tôi?

“Nên cứ nhận lấy,” lão nói, trao cho tôi cái cốc nhựa. Tôi ngần ngừ rồi mới nhận. Trong đó là cùng loại rượu mà cha tôi uống ở nhà.

1 Falstaff: một nhân vật xuất hiện trong ba vở kịch của Shakespeare gồm Henry IV phần 1 và 2, Các bà lảm điều vui vẻ ở Windsor. Ông ta to béo, bụng phệ, tham lam, bất lương, thường say xỉn, nhưng luôn gây cười, là một trong những nhân vật được ưa chuộng nhất của Shakespeare, vai quan trọng nhất của ông là bạn hoàng tử Hal trong Henry IV phần 1.

Lucia bắt gặp màn đối đáp này, bảo: “Uống đi, thêm một cốc whisky nữa cũng chả giúp cậu bớt đôi bại đi đâu.”

“Tôi ước gì mình đôi bại,” tôi nói, quay sang chị và phớt lờ lão Falstaff.

“Sao chứ, đời cậu còn thiếu gì chẳng?”

“Đời tôi thiếu gì à?” Tôi định nói là mọi thứ, nhưng tự sửa lại. “Bạn bè – kiểu bạn bè mà người ta mau chóng làm quen ở nơi này – tôi ước ao mình có bạn như chị, như bạn của chị.”

“Sẽ có khối thì giờ cho mớ bè bạn này. Họ sẽ cứu cậu khỏi sự đôi bại à?” Hai chữ ấy cứ trở lại như tổ cáo một khiếm khuyết sâu xa và xấu xí trong tính cách của tôi.

“Tôi ước chi mình có một người bạn mà tôi không phải mất.”

Chị nhìn tôi, nở một nụ cười trầm ngâm.

“Cậu đang nói tới một chủ đề sâu sắc viết đầy vô khối sách, bạn à, mà đêm nay ta chỉ bàn tới những bài thơ ngắn thôi.”

Chị vẫn nhìn tôi. “Tôi cảm nhận được cậu.” Chị đưa bàn tay lên vuốt nhẹ mặt tôi vừa âu yếm vừa âu sầu, như tôi đã đột nhiên biến thành đứa con của chị.

Tôi cũng thích điều ấy.

“Cậu còn quá trẻ, không biết tôi đang nói gì đâu. Nhưng sớm thôi, một ngày nào đó tôi hi vọng ta sẽ lại chuyện trò, rồi ta sẽ xem tôi có đủ lớn để rút lại lời tôi nói đêm nay. Scherzavo, tôi đùa thôi.” Một cái hôn lên má tôi.

Thật là một thế giới diệu kỳ. Chị gần gấp đôi tuổi tôi, nhưng tôi có thể làm tình với chị ngay phút này, và rơi lệ cùng chị.

“Chúng ta nâng ly đi nhỉ?” Ai đó hét lên từ một góc khác.

Rồi đến một tràng thanh âm chửi nhau.

Rồi nó đến – một bàn tay trên vai tôi. Là tay Amanda. Một tay nữa bên hông tôi. Ôi, tôi biết bàn tay kia quá rõ. Cầu mong nó đừng bao giờ rời xa tôi đêm nay. Tôi tôn thờ từng ngón trên bàn tay ấy, từng cái móng tay trên từng ngón tay mà anh cắn vào, Oliver thân thương của em – đừng buông em ra vội, em cần bàn tay anh ở đó. Cơn rừng mình chạy xuống dọc sống lưng tôi.

“Còn tôi là Ada,” ai đó nói mà như xin lỗi, dường như nàng hiểu mình đã đến đúng mãi mới tới góc hiệu sách chỗ chúng tôi, giờ đang để chúng tôi định đoạt bằng cách tỏ cho mọi người quanh đây biết nàng chính là Ada mà mọi người hẳn đã kháo nhau. Giọng nàng có gì đó khàn khàn, ngông nghênh, hay đó là do nàng thông thả nói ra cái tên Ada, hoặc cách nàng dường như xem nhẹ mọi thứ – tiệc sách, lời giới thiệu, ngay cả tình bạn – bỗng nhiên tôi dám chắc là đêm nay mình đã thực sự bước vào một thế giới đầy mê hoặc.

Tôi chưa từng du hành trong thế giới này. Nhưng tôi yêu nó. Và tôi sẽ càng yêu nó hơn một khi tôi học được cách nói ngôn ngữ của nó – bởi đó là ngôn ngữ của tôi, thể thức xưng hô nơi những khao khát sâu kín nhất của ta được lén đưa vào trong lời bông đùa, không phải bởi

an toàn hơn thêm nụ cười vào sau câu nói mà ta e là sẽ gây sốc, nhưng bởi cái uyển chuyển của lòng ham muốn chỉ có thể được diễn đạt bằng kịch.

Mọi người đều sẵn sàng, sống một cách sẵn sàng giống như thành phố này, và giả sử mọi người khác cũng đều muốn như vậy. Tôi ước ao được giống như họ.

Ông chủ hiệu sách reng cái chuông nhỏ cạnh quầy thu tiền, thế là mọi người im lặng.

Thi sĩ cất tiếng. “Tôi không định đọc bài thơ này đêm nay, nhưng bởi có người” – đây, ông đổi giọng – “có người nhắc đến nó, nên tôi không kìm được. Bài thơ có tựa “Hội chúng San Clemente.” Nếu một người làm thơ được phép nói về tác phẩm của mình thì tôi phải thừa nhận mình thích nhất bài này.” (Sau này tôi phát hiện ra là ông ta chưa từng tự xưng là nhà thơ, hay chưa từng gọi tác phẩm của ông là thơ.) “Bởi vì đó là bài thơ khó viết nhất, bởi nó làm tôi nhớ nhà khủng khiếp, bởi vì nó đã cứu tôi ở Thái Lan, bởi nó cắt nghĩa tất cả đời tôi. Tôi đếm ngày, đếm đêm với ý nghĩ về San Clemente trong tâm trí. Ý tưởng quay trở về Rome lúc bài thơ chưa xong khiến tôi sợ còn hơn chuyện bị kẹt lại ở sân bay Bangkok thêm một tuần nữa. Vậy mà khi ở Rome, nơi chúng ta sống chưa tới hai trăm mét cách thánh đường San Clemente, nơi tôi trau chuốt lại bài thơ lần cuối, mĩa may thay, tôi đã bắt đầu nó tự bao nhiêu niên kỷ trước ở Bangkok bởi cảm giác như giữa tôi và Rome cách nhau biết bao dải ngân hà.

Trong khi ông đọc bài thơ, tôi bắt đầu nghĩ là mình

không giống như ông, tôi luôn tìm ra cách để tránh đếm ngày trôi. Ba ngày nữa chúng tôi rời đi – và rồi bất cứ gì tôi đã có với Oliver sẽ phải biến mất. Chúng tôi có bàn chuyện gặp nhau ở Mỹ, bàn chuyện viết lách, và điện thoại – nhưng tất cả như có gì đó siêu thực, và chúng tôi cố ý làm cho chúng mờ mờ ảo ảo – không phải bởi chúng tôi muốn bị bất ngờ trước các sự kiện để chúng tôi có thể đổ lỗi cho hoàn cảnh chứ không phải bản thân, mà bởi vì bằng cách không lên kế hoạch trước để giữ cho tình cảm ấy sống, chúng tôi tránh cái viễn cảnh nó có thể chết đi. Chúng tôi đã đến Rome cũng với tinh thần né tránh như thế: Rome là cuộc tiệc tùng cuối trước tận trường, và du hành choán hết tâm trí, chỉ là một cách trì hoãn mọi thứ, và kéo dài buổi tiệc lâu thêm sau giờ nghỉ. Có lẽ vô hình trung, chúng tôi đã nhận nhiều hơn một kỳ nghỉ chóng vánh; chúng tôi đang trốn đi cùng nhau với vé khứ hồi tới những điểm đến riêng biệt.

Có lẽ nó là món quà anh dành cho tôi.

Có lẽ nó là món quà của cha dành cho hai chúng tôi.

Liệu tôi có sống được khi không có bàn tay anh trên bụng, quanh hông mình? Không hôn, không liếm lên vết thương trên hông anh tốn nhiều tuần liền để lành lại, nhưng giờ đây đã xa? Rồi tôi sẽ gọi ai khác bằng tên mình đây?

Tất nhiên sẽ có những người khác, và những người khác sau những người khác, nhưng gọi họ bằng tên tôi lúc cao trào cảm xúc sẽ chỉ mang lại cái phẩn khích phái sinh, cái giả vờ.

Tôi nhớ cái tủ trống không cùng va-li đã gói đồ cạnh giường anh. Rồi chóng thôi, tôi sẽ ngủ trong phòng Oliver. Tôi sẽ ngủ với áo của anh, nằm cạnh nó, mặc nó lúc ngủ.

Sau buổi đọc, thêm tiếng vỗ tay, thêm phần vui vẻ, thêm rượu chè. Chẳng mấy chốc đã tới giờ đóng cửa hiệu. Tôi nhớ Marzia lúc hiệu sách ở B. sắp đóng cửa. Thật là xa xôi, thật là khác biệt. Nàng đã trở nên hoàn toàn phi thực.

Ai đó nói tất cả chúng tôi nên đi dùng bữa tối cùng nhau. Có khoảng ba mươi người. Ai đó đề nghị một nhà hàng ở hồ Albano. Một nhà hàng trông lên bầu trời đêm đầy sao bật ra trong trí tôi, giống như một bản viết tay thời trung cổ được soi sáng. Ai đó nói không, xa quá. Xa, nhưng ánh đèn đêm trên hồ thì thật... Ánh đèn đêm trên hồ sẽ phải chờ lần tới. Sao không đi đâu trên khu Cassia? Được, nhưng như vậy không giải quyết được vấn đề số xe: không có đủ xe. Chắc chắn là đủ. Nếu phải ngồi chồng lên nhau một chút thì đã sao? Tất nhiên là không phiền. Nhất là khi tôi được ngồi giữa hai cô gái xinh đẹp này. Nhưng lỡ như lão Falstaff được ngồi trên người hai nàng thì sao?

Chỉ có năm chiếc xe, mỗi chiếc đậu ở các hẻm ngách tí hon không xa cửa hiệu. Bởi không thể xuất phát cùng nhau, chúng tôi sẽ phải gặp ai đó gần Ponte Milvio. Từ đó đi lên qua Cassia tới nhà hàng Ý có khăn trải bàn ca-rô và nến chống muỗi trải ra vuông vắn giữa các thực khách. Nhưng bây giờ hẳn đã mười một giờ. Không khí vẫn

còn rất ẩm. Cái ẩm thấp hiện ra trên gương mặt, quần áo chúng tôi, chúng tôi có vẻ ủ rũ, ướt át. Ngay cả các tấm trải bàn cũng có vẻ ủ rũ và ướt át. Nhưng nhà hàng nằm trên đồi, thi thoảng một cơn gió thoảng xào xạc qua hàng cây, chứng tỏ ngày mai trời sẽ lại mưa nhưng trời vẫn oi bức không đổi.

Cô phục vụ bàn, một phụ nữ gần sáu mươi tuổi nhanh chóng đếm xem có bao nhiêu người, rồi nhờ người xếp bàn thành hình móng ngựa hai mặt, việc ấy lập tức xong ngay. Rồi cô bảo chúng tôi các món sẽ được phục vụ. Tạ ơn trời chúng tôi chả phải quyết định, bởi theo như vợ của ông thi sĩ, khi để ông quyết định món ăn, chúng tôi sẽ ở lại đây thêm một giờ nữa, rồi họ sẽ hết sạch thức ăn trong bếp. Chị đọc nhanh một danh sách dài gồm món nguội khai vị – vừa gọi là đã có ngay, sau đó là bánh mì, rượu vang, nước khoáng, vang sủi tăm và vang tự nhiên. Đạm bạc thôi nhì, chị giải thích. Chúng ta dùng đạm bạc thôi, ông giám đốc nhà xuất bản vọng lại. “Năm nay chúng ta lại bội chi rồi.”

Mọi người nâng ly mừng thi sĩ lần nữa. Rồi đến nhà xuất bản. Đến chủ hiệu sách. Đến người vợ, các cô con gái, ai nữa nhì?

Có tiếng cười, và tình hữu hảo. Ada phát biểu ứng tấu một bài ngắn – à không ứng tấu cho lắm, nàng thừa nhận. Lão Falstaff và bà tu-can nói là có giúp tí đỉnh.

Hơn nửa giờ sau, món hoành thánh dùng với sốt kem được dọn lên. Tối lúc ấy tôi không uống rượu, bởi hai ly scotch uống vội giờ bắt đầu thấm. Ba chị em gái ngồi

giữa chúng tôi, và mọi người trên cùng băng ghế ngồi áp sát vào nhau. Thiên đường.

Mãi mới tới món thứ hai: thịt om, đậu Hà Lan. Rau trộn.

Rồi đến phô-mai.

Chuyện liên miên không dứt, rồi chúng tôi bắt đầu nói về Bangkok. “Ai ai cũng đẹp, nhưng đẹp theo kiểu lai dị chủng khác thường, cho nên tôi muốn tới đó,” thi sĩ nói. “Họ không mang thần thái Á châu, cũng không phải Âu châu, và cụm từ Á-Âu thì quá đơn giản. Họ kỳ lạ theo nghĩa thuần túy nhất của hai chữ đó, vậy mà không xa lạ. Ta lập tức nhận ra họ dù chưa từng thấy họ trước đây, và không thể diễn tả điều họ khơi gợi lên trong ta, hay điều họ muốn từ ta.

“Mới đầu tôi ngỡ họ suy nghĩ khác. Rồi tôi nhận ra họ cảm nhận sự vật khác. Và họ thật là ngọt ngào, theo cái kiểu mà ta không tưởng tượng nổi một người nào ở đây như thế. Ôi, ta có thể tử tế, có thể quan tâm, và ta có thể rất rất nồng ấm theo kiểu ấm nằng, nhiệt thành Địa Trung Hải, nhưng họ mới là ngọt ngào, bất vị lợi, ngọt ngào tự trong tim, ngọt ngào trong thân thể, ngọt ngào mà không hề có chút u buồn hay oán hận, ngọt ngào như trẻ thơ, không chua cay hay ngượng nghịu. Tôi xấu hổ vì điều mình cảm nhận về họ. Đây có lẽ là thiên đường như tôi mơ. Viên tiếp tân hai mươi bốn tuổi ở cái khách sạn cũ mềm chỗ tôi ở, đội một chiếc mũ không có lưỡi trai, đã từng chứng kiến đủ hạng người đến rồi đi, nhìn tôi chăm chăm, và tôi nhìn lại. Nét mặt cậu ta như con gái.

Nhưng cậu ta trông giống một cô gái trông giống một cậu trai. Cô nhân viên chuyển tiền American Express nhìn tôi chằm chằm, và tôi nhìn lại. Cô ấy trông giống một cậu trai có vẻ giống một cô gái cho nên đó chỉ là một cậu trai. Những người trẻ tuổi hơn, cả đàn ông lẫn đàn bà luôn khúc khích khi tôi nhìn ngó họ. Ngay cả cô gái ở lãnh sự quán thạo tiếng Milan cùng các sinh viên đại học đứng chờ vào đúng một giờ mỗi buổi sáng để bắt xe buýt nhìn tôi chằm chằm và tôi nhìn lại – có phải cái sự nhìn chằm chằm này bổ nghĩa cho điều tôi nghĩ, bởi vì dù thích hay không, khi ta nói tới tri giác, mọi con người đều nói chung thứ ngôn ngữ thô lỗ.”

Thêm tua thứ hai grappa và sambuca.

“Tôi muốn ngủ với mọi thứ Thái Lan. Và hóa ra mọi thứ Thái Lan cũng đang tán tỉnh tôi. Hề bạn bước đi một bước là luôn có khả năng sa vào ai đó.”

“Đây, uống chút grappa này đi, rồi nói tôi nghe điều đó không phải là trò phù thủy,” ông chủ hiệu sách cắt ngang. Thi sĩ để cho bồi bàn rót thêm ly nữa. Lần này ông nhắm nháp chậm rãi. Lão Falstaff ực cạn một hơi. Cô straordinario-fantastico cũng ực cạn một phát. Oliver chép môi. Thi sĩ bảo thứ rượu ấy làm ta trẻ lại. “Tôi thích uống grappa ban đêm, nó tiếp sinh lực cho tôi. Nhưng cậu thì” – ông đang nhìn tôi – “sẽ không hiểu đâu. Ở tuổi cậu thì có trời biết, cậu chẳng cần đến tiếp sinh lực.”

Ông nhìn tôi uống một chút rượu trong ly. “Cậu có cảm nhận được không?”

“Cảm nhận gì cơ?”

“Sự tiếp sinh lực.”

Tôi lại nốc thứ rượu ấy. “Không hẳn.”

“Không hẳn à,” ông lặp lại, ánh mắt bối rối và thất vọng.

“Đó là vì ở tuổi cậu ấy, cái sinh lực luôn có sẵn rồi,” Lucia nói thêm.

“Phải,” ai đó nói, “cái gọi là sinh lực của anh chỉ cần ở những ai không còn nó nữa mà thôi.”

Thi sĩ nói: “Sinh lực không hiếm gặp ở Bangkok. Một đêm nọ trong phòng khách sạn, tôi tưởng mình sẽ lên cơn mất trí. Có thể là do cô đơn, hay do tiếng người ở bên ngoài, hay là thể lực tà ác tác động. Nhưng đó là khi tôi bắt đầu nghĩ tới San Clemente. Đó là một cảm giác không xác định, mù mờ, có phần kích thích, có phần nhớ nhà, có phần ẩn dụ. Ta du hành tới một nơi vì ta có bức ảnh của nó, rồi ta muốn kết đôi với cả đất nước đó. Rồi ta nhận ra giữa ta và người bản xứ chẳng có điểm chung nào. Ta không hiểu những tín hiệu cơ bản mà ta luôn ngộ nhận rằng mọi con người đều chia sẻ. Ta cả quyết rằng tất thảy là sai lầm, chỉ là ý nghĩ trong đầu chứ không phải thực tế. Rồi ta nghĩ sâu hơn, nhận ra rằng dù ta có nghi ngờ một cách hợp lý, ta vẫn thèm muốn tất cả họ, nhưng ta không biết đích xác mình muốn thứ gì từ họ, hay họ có vẻ muốn gì từ ta, bởi vì hóa ra chính họ cũng đang nhìn vào ta, vẻ mặt phản ánh điều duy nhất trong tâm trí họ. Nhưng ta tự nhủ rằng mình đang hoang tưởng. Rồi ta sẵn sàng gói ghém đồ đạc trở lại Rome vì tất cả những tín hiệu chạm-rối-đi làm cho ta phát điên. Nhưng rồi có

gì đó đột nhiên xuất hiện, giống như một lối đi ngấm bí mật, thế là ta nhận ra là họ cũng khao khát ta đến đau đớn. Mà điều tệ hại nhất là dù ta có bao kinh nghiệm, có óc mĩa mai, có khả năng vượt qua sự ngưỡng ngừng giới đến mấy khi nó xuất hiện, ta thấy hoàn toàn lạc lối. Tôi không biết tiếng của họ, không biết tiếng nói con tim họ, thậm chí chả biết của chính mình. Tôi thấy màn che ở khắp nơi: điều tôi muốn, điều tôi không biết là mình muốn, điều tôi không muốn biết là mình muốn, điều tôi luôn biết là mình muốn. Đó hoặc là thiên đường, hoặc địa ngục.

“Giống như từng trải nghiệm khắc ghi vào ta cả đời, tôi thấy mình bị lộn ngược, rồi phanh thây. Tổng kết mọi điều tôi đã cảm nhận trong đời là vậy: tôi là ai khi tôi vừa hát vừa xào rau cải cho gia đình, bè bạn vào chiều chủ nhật, tôi là ai khi thức dậy vào những đêm lạnh cóng, chỉ muốn mặc thêm cái áo khoác len, chạy tới bên bàn, viết về con người mà chỉ có mình tôi biết đó là tôi; tôi là ai khi tôi thêm muốn được trần trướng với một thân thể trần trướng khác, hay khi tôi thêm muốn được một mình trên thế gian; tôi là ai khi mọi phần trong tôi dường như phân tách ra cách nhau hàng dặm, hàng thế kỷ và mỗi phần ấy đều thể rằng nó mang tên tôi.

“Tôi gọi đó là hội chứng San Clemente. Thánh đường San Clemente của hôm nay được xây trên nền của nơi từng là chốn trú ẩn cho dân công giáo bị đàn áp. Nhà của quan chấp chính tối cao La Mã, Titus Flavius Clemens, nó bị thiêu rụi dưới quyền cai trị của hoàng đế Nero.

Cạnh bên tàn tro ngôi nhà ấy, trong nơi có thể là hầm mộ lớn, cao như hang động, người La Mã xây một đền thờ đa thần giáo ngầm thờ Mithras, thần ban mai, ánh sáng của thế gian, rồi trên đó những người công giáo thuở sơ khai xây một nhà thờ khác thờ một vị có họ Clement khác là Giáo hoàng St. Clement – có trùng hợp hay chẳng thì đây là vấn đề cần khảo cứu thêm, rồi trên đỉnh của nó lại là một nhà thờ khác bị cháy rụi, và vị trí này hôm nay là thánh đường. Cú đào sâu thêm sẽ thấy nhiều nữa. Giống như tiềm thức, giống như tình yêu, giống như ký ức, giống như chính thời gian, giống như mỗi một người trong chúng ta, nhà thờ được xây trên tàn tích của hoạt động phục hồi về sau, không có nền đá dưới cùng, không có gì là đầu tiên, không có gì là cuối cùng, chỉ là nhiều lớp xây và hành lang bí mật cùng những căn phòng đan cài vào nhau, giống như khu hầm mộ công giáo, và ngay dọc theo nó là khu hầm mộ Do Thái.

“Nhưng các bạn của tôi ơi, như Nietzsche từng nói, tôi đã báo cho các bạn biết bài học trước khi kể câu chuyện ngụ ngôn rồi.”

“Alfriedo, tình yêu của em, làm ơn ngắn gọn thôi.”

Lúc này quản lý của nhà hàng đã nhận ra chúng tôi còn lâu mới rời đi, nên lần nữa lại phục grappa và sambuca cho từng người.

“Thế là cái đêm nồng nàn khi tôi tưởng mình đang mất trí, tôi đang ngồi ở quầy bar ọp ọp của cái khách sạn ọp ọp, và người ngồi ở bàn bên cạnh tôi chẳng có ai ngoại trừ người phục vụ đêm, đầu đội cái mũ không lười trai

kỳ quặc nọ. Hết giờ à? Tôi hỏi. Hết giờ, cậu ta nói. Vậy sao cậu không về nhà? Tôi sống ở đây, chỉ uống chút trước khi đi ngủ.

“Tôi nhìn cậu ta chăm chăm. Và ngược lại.

“Không để phí phút giây nào, cậu ta một tay cầm ly đồ uống, tay kia cầm cái bình thon – tôi tưởng mình đã xâm phạm, làm phiền cậu ta, và rằng cậu ta muốn được một mình nên sắp đi lại một bàn xa tôi – nhưng này nhìn mà xem, cậu ta tới ngay bàn tôi, ngồi xuống ngay trước mặt. Muốn thử chút này không? Cậu ta hỏi. Sao lại không, cứ thử, tôi nghĩ, khi nhập gia Rome thì, à khi nhập gia ở Thái Lan thì... Tất nhiên tôi đã nghe đủ thứ chuyện đời, nên tôi thấy có gì đó mờ ám và trái đạo, nhưng cứ tiếp xem thế nào.

“Cậu ta búng tay, rồi dứt khoát gọi cho tôi một ly nhỏ tí. Vừa gọi xong rót liền.

“Uống một tí đi.

“Có khi tôi không thích, tôi nói.

“Thì cứ uống đi. Cậu ta rót một ít cho tôi rồi một ít cho mình.

“Món này ngon nhì. Ly này chả lớn hơn mấy so với cái đê khâu của bà tôi, bà dùng nó để mạng vớ.

“Làm ngậm nữa đi – cho chắc.

“Tôi uống ly thứ hai. Khởi phải nói. Nó có chút giống grappa, mạnh hơn nhưng không chát bằng.

“Trong khi đó, người trực đêm cứ nhìn tôi chăm chăm. Tôi không thích bị nhìn căng như thế. Khó mà chịu nổi

ánh mắt cậu ta. Tôi gần như phát hiện ra tiếng cười khúc khích sắp sửa cất lên.

“Cậu đang nhìn tôi chăm chăm đấy, rốt cuộc tôi nói.

“Tôi biết.

“Sao cậu nhìn chăm chăm vậy?

“Cậu ta nhòai qua phía bàn tôi: Bởi vì tôi thích anh.

“Này... Tôi bắt đầu phản đối.

“Làm ly nữa đi. Rồi rót cho cậu ta một ly, tôi một ly.

“Để tôi nói thế này: Tôi không phải...

“Nhưng cậu ta không để tôi dứt lời.

“Vậy thì càng có lý do cho anh uống ly nữa.

“Đầu óc tôi đang chớp chớp đèn đỏ báo động khắp nơi. Bọn họ chúc cho ta say, đưa ta tới nơi nào đó, cướp sạch, rồi khi ta trình báo cảnh sát, bọn này thì chả tốt lành hơn bọn trộm cướp bao nhiêu, sẽ dựng lên mọi điều xằng bậy về ta, có cả hình ảnh để làm bằng chứng. Một mối lo khác ủa qua tôi: tiền hóa đơn quầy bar sẽ cao ngút trời trong khi cái người gọi thức uống tợp nước trà rồi giả vờ say. Trò cũ xưa nhất quả đất – tôi là gì, con nít sao?

“Tôi thấy mình không có hứng thú. Vui lòng...

“Thêm ly nữa đi.

“Mím cười.

“Tôi sắp sửa lặp lại lời phản đối, nhưng tôi đã nghe cậu ta nói, Thêm ly nữa đi. Tôi gần như bật lên cười.

Cậu ta thấy thế, nhưng không quan tâm lý do, chỉ quan tâm tới nụ cười của tôi.

“Bấy giờ cậu ta rút cho mình một ly.

“Này bạn hiền, tôi hi vọng cậu hiểu là tôi không trả mấy ly này đâu.

“Gã tư sản nhỏ nhen trong tôi rất cuộc cũng cất tiếng. Tôi biết mọi mảnh khoe đường mật để moi tiền khách nước ngoài.”

“Tôi không đòi anh trả tiền thức uống, hoặc trả tiền cho tôi vì điều kia.”

“Lạ lùng là cậu ta không phật ý. Hẳn cậu ta biết rồi điều này sẽ tới. Hẳn đã làm vậy cả triệu lần rồi – nghề kèm theo nghiệp mà.

“Đây, ly nữa – nhân danh tình bạn.

“Tình bạn à?

“Anh không phải sợ tôi đâu.

“Tôi không ngủ với cậu đâu.

“Có thể anh sẽ không. Có thể anh sẽ. Mới vào đêm thôi mà, tôi vẫn chưa bỏ cuộc.

“Tới lúc này, cậu ta gỡ nón ra, thả ra bao nhiêu là tóc, tôi không thể hiểu được sao người ta có thể ém giấu bao nhiêu là tóc dưới cái mũ không vành nhỏ tí thế kia. Cậu ta là một phụ nữ.

“Thất vọng à?

“Không, ngược lại thì có.

“Hai cổ tay tí hon, thái độ e lệ, làn da mềm mại nhất đời, sự ngọt ngào tỏa ra từ đôi mắt cô ấy – không phải kiểu bạo dạn của kẻ từng trải mà là lời hứa hẹn sự ngọt ngào

và trinh bạch nhất trên giường. Tôi có thất vọng chẳng? Có lẽ, bởi vì tình huống chẳng còn gì mơ mộng nữa.

“Một bàn tay chìa ra chạm vào má tôi, ở yên đó, như xoa đi cái sốc, cái sững sờ. Khá hơn chưa?

“Tôi gật đầu.

“Anh cần ly nữa.

“Em cũng vậy, tôi nói, lần này tôi rót cho nàng.

“Tôi hỏi nàng vì sao nàng cố tình lừa người ta tin nàng là đàn ông. Tôi trông chờ lời đáp kiểu như, *Vậy thì làm ăn an toàn hơn* – hoặc gì đó có chút phóng đảng kiểu như, *Vì những lúc thế này đây*.

“Rồi có tiếng khúc khích, lần này là thật, cứ như nàng vừa phạm một tội lừa đảo tinh quái nhưng không hề phạt ý hay ngạc nhiên khi bị lộ. Nhưng em là đàn ông mà, nàng nói.

“Nàng gật đầu để xua đi nỗi ngờ trong tôi, cứ như cái gật đầu kia là một phần của trò lừa.

“Em là đàn ông? Tôi hỏi, thất vọng hết như lúc phát hiện ra nàng là phụ nữ.

“Em e là vậy.

“Rồi đặt hai khuỷu tay lên bàn, cậu ta nhoài tới, gần như chạm vào mũi tôi bằng mũi của cậu mà nói: Em thích anh rất rất nhiều, Signor Alfredo. Mà anh cũng thích em rất rất nhiều – hay ở chỗ là cả hai ta đều biết điều đó.

“Tôi nhìn cậu ta, cô ta chằm chằm, ai mà biết là cô hay cậu. Thôi tìm người khác đi, tôi nói.

“Em vừa định hỏi anh, người bạn quý quai của tôi nói.

“Anh muốn em là đàn ông hay đàn bà? cô/cậu ta hỏi, cứ như người ta có thể truy ngược lên theo hệ cây phát sinh loài vậy.

“Tôi không biết trả lời sao. Tôi muốn nói, tôi muốn nàng là đầu đó giữa hai phái. Cho nên tôi nói, tôi muốn em như cả hai, hoặc là như ở giữa.

“Cậu ta có vẻ sùng sốt.

“Bậy quá, bậy quá, cậu ta nói, cứ như lần đầu tiên tôi có thể khiến cậu sốc vì thứ gì đó thực sự đối bại.

“Lúc cậu ta đứng dậy vào phòng vệ sinh, tôi để ý nàng thực ra là một phụ nữ mặc váy, đi giày cao gót. Tôi không thể đứng được, cứ ngó trân vào làn da yêu kiều nhất nơi mắt cá chân yêu kiều nhất của nàng.

“Nàng biết mình đã bắt được tôi lần nữa, nên lại bắt đầu cười rộ hết cỡ.

“Anh trông hộ cái ví cho em nhé? Nàng hỏi. Hẳn nàng đã linh tính là nếu không nhờ tôi trông chừng cái gì giúp nàng, rất có thể tôi sẽ trả hóa đơn rồi rời bar.

“Nói ngắn gọn, đây là cái mà tôi gọi là hội chứng San Clemente.”

Một tràng vỗ tay, và đó là tràng vỗ tay đầy cảm mến. Chúng tôi không chỉ thích câu chuyện, mà cả người kể câu chuyện ấy.

“*Evviva il sindromo di San Clemente*, hội chứng San Clemente muôn năm,” cô straordinario-fantastico nói.

“*Sindromo* không phải giống đực mà là giống cái, cho nên phải là *la sindrome*, ai đó ngồi cạnh cô giải thích.

“*Evviva la sindrome di San Clemente*,” tiếng một người đang rõ là thèm gào lên cái gì đó. Anh này cùng với vài người khác đã tới bữa tối quá trễ, gào lên bằng giọng Rome chuẩn mấy tiếng *Lassatece passà*, cho chúng tôi qua – với chủ nhà hàng, như để thông báo là anh ta nhập hội. Mọi người đã bắt đầu dùng bữa từ lâu. Xe của anh rẽ sai đường ở Ponte Milvio. Rồi anh ta không tìm ra nhà hàng, vân vân. Cho nên anh ta bỏ lỡ hai món đầu. Bây giờ anh ngồi ở tí cuối bàn, cũng như những người đi cùng từ hiệu sách được dọn cho mấy mẫu phô-mai cuối cùng còn sót lại. Thêm hai bánh flan cho mỗi người, bởi vì tất cả chỉ còn bấy nhiêu. Anh ta bù lại phần thức ăn đã lỡ bằng quá nhiều rượu vang. Anh nghe được hầu hết bài diễn văn của thi sĩ về San Clemente.

“Tôi nghĩ rằng tất cả những điều về clemente-hóa này khá là duyên dáng, dù tôi chẳng biết cái ẩn dụ của anh có giúp chúng tôi nhìn nhận chúng tôi là ai, chúng tôi muốn gì, chúng tôi đi về đâu hay hơn là mớ rượu vang mà chúng tôi đã uống. Nhưng nếu lợi ích của thi ca, như lợi ích của rượu vang, là giúp chúng ta mở rộng tầm nhìn gấp đôi, thì tôi đề nghị nâng ly lần nữa cho tới khi chúng ta đủ say để nhìn thế gian này bằng bốn con mắt – và nếu không khéo thì có khi là tám con mắt.”

“*Evviva!*” Amanda cắt ngang, nâng ly mừng người đến muộn, tuyệt vọng mong anh ta câm miệng.

“*Evviva!*” Ai khác hô lên.

“Nên viết thêm một quyển thơ nữa đi – mau mau vào,” cô *straordinario-fantastico* nói.

Có người đề nghị tới một quán kem không xa nhà hàng. Thôi, bỏ qua kem đi, đi uống cà phê thôi. Tất cả chúng tôi dồn vào ô tô, đi dọc phố Lungotevere về phía điện thờ Pantheon.

Trong xe, tôi thấy hạnh phúc. Nhưng tôi cứ nghĩ về ngôi thánh đường, và thật giống như buổi tối của chúng tôi, thứ này dẫn tới thứ kia, thứ kế tiếp, tới thứ gì đó hoàn toàn ngoài dự đoán, và ngay khi ta ngỡ là chu kỳ đã khép thì lại có gì đó mới bật lên, và sau đó là thứ gì khác nữa, cho tới khi ta nhận ra ta có thể dễ dàng trở lại nơi ta bắt đầu, ngay trái tim thành Rome cổ. Một ngày trước chúng tôi đi bơi dưới ánh trăng. Giờ chúng tôi ở đây. Vài ngày nữa rồi anh sẽ ra đi. Giá mà anh trở lại đúng một năm kể từ hôm nay. Tôi vòng tay quanh Oliver, và tựa vào Ada. Tôi chìm vào giấc ngủ.

Lúc cả bọn tới quán cà phê Sant'Eustachio thì đã quá một giờ khuya. Chúng tôi gọi cà phê cho mọi người. Tôi tưởng mình hiểu tại sao ai cũng thể trên ly cà phê Sant'Eustachio; hay có lẽ tôi muốn nghĩ là mình hiểu, nhưng tôi không chắc. Tôi thậm chí không chắc là mình thích nó. Có lẽ không ai khác thích nhưng cảm thấy buộc phải đồng tình với ý kiến số đông và bảo rằng chính họ cũng không thể sống thiếu nó. Có một đám đông người uống cà phê đang đứng và ngồi chung quanh quán cà phê danh tiếng của thành Rome. Tôi thích nhìn ngắm tất cả những con người ăn mặc thanh nhã này đứng gần sát

mình, tất cả họ chia sẻ cùng một điều cơ bản: tình yêu đối với màn đêm, tình yêu đối với thành phố, tình yêu với cư dân, và mong muốn cháy bỏng được cặp đôi – với bất kỳ ai. Tình yêu đối với bất kỳ thứ gì khiến cho những nhóm nhỏ con người hội tụ về đây khỏi tan rã. Sau châu cà phê, khi nhóm nghĩ tới chuyện chia nhau ra về, ai đó nói, “Không, ta chưa thể tạm biệt nhau vội.” Ai đó đề nghị tới quán rượu gần bên. Bia ngon nhất thành Rome. Sao lại không? Thế là chúng tôi xuống một con đường nhỏ hẹp dẫn về hướng Campo de’ Fiori. Lucia đi giữa tôi và thi sĩ. Oliver đang nói với hai chị em đi phía sau chúng tôi. Ông già đã làm bạn với cô nàng *straordinario-fantastico* và cả hai đang tán dóc về San Clemente. “Thật là một ẩn dụ để đời,” cô *straordinario-fantastico* nói. “Xin đừng! Không cần phải làm quá mọi chuyện lên với cái kiểu *clemente-hóa*, *clemente-biến* này nọ. Nó chỉ là một lối diễn đạt kỳ quái mà thôi, các vị biết mà,” Lão Falstaff lên tiếng, có lẽ ông tràn ngập ánh vinh quang đêm nay của đứa con đỡ đầu. Để ý thấy Ada đang đi một mình, tôi lùi lại, nắm tay nàng. Nàng mặc trang phục màu trắng, và làn da rám nắng óng ánh của nàng khiến tôi muốn chạm vào từng lỗ chân lông trên người nàng. Chúng tôi không nói. Tôi nghe được tiếng gót đôi giày cao của nàng gõ lên vỉa hè lát đá hoa. Trong bóng đêm trông nàng có vẻ ủy mị.

Tôi muốn bước đi mãi không thôi. Con hẻm im ắng, không người thật là âm u, cùng với những viên sỏi lở rỗ lát đường cổ xưa lấp lánh trong bầu không khí ẩm, cứ như một người đánh xe thuở xa xưa đã làm rơi vãi

thứ nước sền sệt từ trong cái vò hai quai rồi biến mất xuống lòng đất thành đô cổ đại. Mọi người đều đã rời thành Rome. Và thành phố trống hoang đã từng chứng kiến biết bao người, đã thấy tất cả họ, giờ đây chỉ thuộc về chúng tôi và thi sĩ đã rời bỏ nó, dù chỉ trong một đêm, trong hình ảnh thơ của ông. Đêm nay trời vẫn nóng ẩm. Nếu muốn chúng tôi có thể đi lòng vòng theo hình tròn và chẳng ai sẽ biết, mà cũng chẳng ai bận tâm.

Trong khi thả bước xuống một mê cung trống trải những con đường thiếu ánh đèn, tôi bắt đầu tự hỏi cuộc nói chuyện về San Clemente liên quan ra sao đến chúng tôi – chúng tôi xuyên qua thời gian thế nào, thời gian xuyên qua chúng tôi ra sao, chúng tôi thay đổi, tiếp tục thay đổi rồi lại trở về như nguyên thủy ra sao. Người ta có thể già đi mà không hề học được điều gì ngoại trừ điều này. Đây là bài học của thi sĩ, tôi nghĩ vậy. Chừng một tháng nữa, khi tôi thăm lại thành Rome, ký ức về đêm nay với Oliver sẽ có vẻ hoàn toàn không thật, cứ như nó đã xảy ra với một tôi hoàn toàn khác. Ba năm trước, anh chàng giao hàng nợ mời tôi tới một rạp phim rẻ tiền được biết là để nhằm mục đích ấy. Một điều ước đã nảy ra, nhưng không thành. Và ba tháng nữa lại có một điều ước cũng không thành. Anh ta đến. Anh ta đi. Không có gì khác thay đổi. Tôi không thay đổi. Thế gian chẳng thay đổi. Vậy mà không có gì nguyên như cũ. Còn lại chỉ là những mộng tưởng và hồi ức dị kỳ.

Khi chúng tôi tới thì quán bar đang đóng cửa. “Quán đóng cửa lúc hai giờ.” “À vậy hăng còn kịp làm vài ly.”

Oliver gọi một ly martini, kiểu Mỹ. Thật là một ý tưởng mỹ miều, thi sĩ nói. “Tôi cũng vậy,” ai đó cắt ngang. Từ cái máy hát nhạc văng ra tiếng bài hát thịnh hành hồi mùa hè mà chúng tôi nghe suốt tháng bảy. Khi nghe tới món “martini,” ông già và người nhà xuất bản liền cùng gọi nó. “*Ehi, taverniere!* Ê này chủ quán!” Lão Falstaff gào lên. Người bồi nói là chúng tôi chỉ có thể uống bia hoặc rượu vang, bởi tay pha chế đã về trước đó rồi, nghe nói là vì mẹ anh ta lâm bệnh nặng nên phải vào bệnh viện nơi mà bà phải đến. Mọi người cười ồ vì câu nói lung củng của anh bồi. Oliver hỏi họ tính tiền martini bao nhiêu. Anh bồi gào hỏi cô gái bên quầy thu tiền. Cô ta nói giá. “À, vậy tôi pha đồ uống, rồi các người tính tiền trừ đi công pha chế được không?”

Anh bồi và cô gái thu tiền ngán ngừ. Chủ quán đã về từ lâu rồi. “Sao lại không?” cô gái nói. “Nếu anh biết cách pha thì *faccia pure*, cứ việc.”

Một tràng vỗ tay cho Oliver, anh chậm rãi vào sau quầy và sau vài giây, sau khi thêm đá vào rượu gin và véc-mút thì lắc mạnh ly trộn cocktail. Không tìm thấy ô-liu trong tủ lạnh bé xíu cạnh quầy. Cô gái thu tiền tới, xem xét rồi lòi ra cả một thố. “Ô-liu đây,” cô nói, nhìn đăm đăm vào mặt Oliver như muốn nói, *Ngay trước mắt mà sao không thấy, anh có nhìn không vậy? Còn gì nữa nào?* “Hay là em dùng một ly martini với bọn anh nhé,” anh nói. “Đêm nay vốn đã là một đêm điên rồ. Thêm một ly nữa thì cũng chả điên rồ hơn. Làm ly nhỏ thôi nhé.”

“Muốn anh dạy em không?”

Rồi anh giải thích các bước pha món martini trong ly cao và lạnh. Anh ổn với chuyện làm người pha chế để giúp cho quán bar.

“Pha chế 101. Bản quyền Harvard. Những ngày cuối tuần, anh làm bartender kiếm sống suốt mấy năm học đại học. Rồi anh làm đầu bếp, rồi làm quản lý nhà hàng. Nhưng luôn luôn là người chơi bài poker.”

Những năm anh học đại học, mỗi lần kể lại đều như chuyện thần tiên, như thuộc về một cuộc đời khác, cuộc đời mà tôi không thể len vào bởi nó đã thành quá khứ. Bằng chứng sự hiện hữu của nó ngay lúc này đây là khả năng anh pha nước uống, hoặc phân biệt các loại rượu nho grappa bí hiểm, hoặc bắt chuyện với tất cả phụ nữ, hoặc những phong thư vuông vắn đề tên anh gửi đến nhà tôi từ khắp thế giới.

Tôi chưa từng ghen tị với quá khứ của anh, cũng như không thấy bị nó đe dọa. Tất cả những góc cạnh cuộc đời anh có cái bí ẩn của những việc xảy ra trong cuộc đời cha tôi trước khi tôi chào đời, nhưng tiếp tục vang âm vào hiện tại. Tôi không ghen tị với cuộc đời trước khi tôi hiện hữu, và tôi cũng không muốn trở về thời gian anh trạc tuổi mình.

Chúng tôi chừng mười lăm người, ngồi vào một trong những cái bàn gỗ lớn thô mộc. Anh bồi thông báo châu rượu cuối cùng, lần này là lần thứ hai rồi. Trong vòng mười phút, khách khứa bàn khác ra về hết cả. Anh bồi đã bắt đầu hạ cánh cổng kim loại xuống, lý do là đã đến giờ *chiusura*, đóng cửa. Máy hát bị ngắt điện ngay lập tức.

Nếu chúng tôi cứ tiếp tục chuyện trò, rất có thể sẽ ở đây tới bình minh.

“Tôi có làm cậu sốc không?” Thi sĩ hỏi.

“Tôi ấy à?” Tôi hỏi, không chắc tại sao ông ta lại hỏi mình chứ không phải những người khác.

Lucia nhìn chúng tôi chằm chằm. “Alfredo à, em e là cậu ấy biết nhiều hơn anh về tuổi trẻ hư hỏng. *E un dissoluto assoluto*, và là một thanh niên phóng đảng tuyệt đối,” chị nói, tay lại áp vào má tôi.

“Bài thơ này viết về một thứ duy nhất mà thôi,” cô *straordinario-fantastico* nói.

“San Clemente thật ra nói về bốn thứ – ít nhất là thế!” Thi sĩ vịn lại.

Chầu cuối, lần thứ ba.

“Nghe này,” chủ hiệu sách cắt ngang lời anh bồi, “hay cứ để bọn tôi ở lại đi. Bọn này xong xuôi thì đón taxi cho quý cô. Và bọn này trả tiền luôn. Thêm chầu martini nữa nhé?”

“Cứ tự nhiên,” anh bồi nói, gõ tạp dề ra. Anh ta chịu thua rồi. “Tôi về nhà đây.”

Oliver tới bên cạnh, bảo tôi chơi gì đó bằng piano.

“Anh thích bản nào?” Tôi hỏi.

“Gì cũng được.”

Đây là cách tôi cảm tạ cho đêm đẹp nhất đời mình. Tôi nhấp ngụm martini thứ hai, có cảm giác mình là một trong những nghệ sĩ jazz đánh piano theo trường phái

suy đồi, chuyên hút thuốc nhiều, rượu chè nhiều rồi chết trong rãnh nước đoạn cuối phim thời xưa.

Tôi muốn chơi nhạc Brahms. Nhưng linh tính mách bảo tôi chơi bản gì thật khê khàng và sâu lắng. Thế nên tôi chơi một trong các bản biến tấu Goldberg, bản này khiến tôi khê khàng và sâu lắng. Có tiếng thở dài đầu đó giữa mười lăm người nghe, tôi hài lòng, bởi đây là cách duy nhất tôi đến đáp lại một đêm kỳ diệu.

Rồi người ta nhờ tôi chơi bản khác, tôi đề nghị một bản capricio của Brahms. Họ đều nhất trí đó là ý hay, cho tới khi ma xui quỷ khiến thế nào, sau vài nhịp mở đầu của bản capricio, bỗng dưng tôi đánh một đoạn *stornello*. Sự tương phản khiến họ bất ngờ, tất cả bắt đầu hát, dù không đồng lời, bởi mỗi người hát khúc *stornello* mà mình biết. Mỗi lần tới phần điệp khúc, chúng tôi đồng ý là sẽ hát cùng một khúc mà trước đó Oliver và tôi đã nghe bức tượng Dante trích ngâm. Ai nấy đều ngắt ngảy, tôi được nhờ chơi bản khác, rồi bản khác nữa. Các bản *stornello* thành Rome thường là thô tục, du dương chứ không phải tan nát, sâu thẳm như các khúc aria xứ Naples. Sau bản thứ ba, tôi nhìn sang Oliver, nói là tôi muốn ra ngoài hít thở không khí.

“Sao vậy, cậu ta không khỏe à?” Thi sĩ hỏi Oliver.

“Không phải, chỉ cần ít không khí. Xin cứ ở nguyên chỗ.”

Cô gái thu ngân cúi gập người dùng một tay nâng cánh cửa chớp cuốn. Tôi ra ngoài qua cửa chớp hạ một

nửa ấy, bỗng một cơn gió mát lành ùa qua con hẻm vắng. “Mình đi bộ chút nhé?” Tôi hỏi Oliver.

Chúng tôi thông dong bước xuống con hẻm tối, hết như hai bóng người trong thi phẩm Dante, một già một trẻ. Trời vẫn còn nóng lắm, ánh sáng từ một ngọn đèn đường lấp lánh trên trán Oliver. Chúng tôi đi sâu hơn vào một ngõ cực kỳ tịch mịch, rồi qua một ngõ khác, cứ như được kéo qua những lối đi ma quái, huyền ảo và dinh dính dường như dẫn tới một cõi không tưởng mà ta chỉ có thể vào khi trong trạng thái sững sờ và kinh ngạc. Tôi chỉ nghe tiếng bọn mèo trong ngõ, và tiếng nước văng gần đó. Có thể là một đài hoa cương phun nước, hoặc một trong vô số các vòi phun ở khắp nơi thành Rome. “Nước,” tôi thở gấp. “Em không hợp với martini. Say quá rồi.”

“Lẽ ra em không nên uống. Nào là scotch, rồi vang, rồi grappa, lại còn gin nữa.”

“Uống trợ hứng như đêm nay là quá nhiều.”

Anh cười thầm. “Trông em nhợt nhạt quá.”

“Chắc là em sắp ói đây.”

“Cách tốt nhất là tự làm cho ói.”

“Làm sao?”

“Cúi người, thọc ngón tay vào họng.”

Tôi lắc đầu. Không đời nào.

Chúng tôi tìm thấy một thùng rác dọc lối đi. “Vào đây này.”

Thường thì tôi chống lại cơn nôn. Nhưng bây giờ mà

làm vẻ trẻ con thì đáng xấu hổ. Nôn trước mặt anh cũng không thoải mái. Biết đâu Amanda đi theo chúng tôi.

“Đây, cúi xuống, anh giữ đầu cho.”

Tôi chống chọi. “Nó sẽ qua, chắc sẽ qua thôi.”

“Há miệng ra nào.”

Tôi há miệng. Chưa kịp gì thì tôi đã oẹ ra khi anh vừa chạm vào lưỡi gà trong họng tôi.

Thật là an ủi khi có người giữ đầu mình, thật là can đảm khi giữ đầu cho một người đang nôn. Tôi có dám làm vậy cho anh không?

“Chắc là xong rồi,” tôi nói.

“Chờ xem còn ra nữa không.”

Vừa dứt lời thì một cơn nữa tổng thêm ra thức ăn và đồ uống đêm nay.

“Em không nhai đậu à?” Anh hỏi, mỉm cười nhìn tôi.

Tôi thích cách anh đùa như thế.

“Mong là giày anh không bị dơ,” tôi đáp.

“Không phải giày mà là xăng-đan.”

Cả hai phá lên cười.

Lúc nhìn lại, tôi thấy mình đã nôn ngay bên cạnh bức tượng Pasquino. Thật chả ra làm sao, nôn ngay trước bức tượng đá kích đáng tôn kính nhất thành Rome.

“Thề với em là mấy hạt đậu còn chưa bị cắn đó đủ nuôi trẻ con xứ Ấn Độ.”

Cười nữa. Tôi rửa mặt, súc miệng ở vòi phun nước bên đường trở lại.

Ngay trước chúng tôi là bức tượng người Dante. Ông ta đã cởi áo choàng, mái tóc dài đen xổ ra hết. Đóng bộ như thế chắc là ra mồ hôi như tắm. Lúc này ông ta đang tranh cãi âm ỉ với bức tượng nữ hoàng Nefertiti, cô ta cũng đã tháo mặt nạ, mở tóc dài bết lại vì mồ hôi. “Thôi tôi dọn hàng đây, chào nhé, biến đi cho khuất mắt.” “Ông cũng biến đi cho khuất mắt, *vaffanculo*, đi chơi đi.” “*Fanculo, e poi t’inculo*.” Thế là Nefertiti ném một mớ đồng xu vào Dante, ông ta cúi đầu né, nhưng một đồng trúng vào mặt. “Aiiiii,” ông ta hét. Tôi thoáng tưởng họ sắp choảng nhau đến nơi.

Chúng tôi trở lại bằng một ngõ cũng tối tăm, hoang vắng và lấp lánh như lối cũ, rồi trở qua Santa Maria dell’Anima. Phía trên là một ngọn đèn vuông leo lét gắn vào tường một tòa nhà be bé cũ kỹ. Ngày xưa, có lẽ người ta dùng đèn đốt khí ga. Tôi dừng lại, anh cũng dừng. “Ngày đẹp nhất đời em, nhưng rút cuộc em lại nôn thốc tháo.” Anh không nghe. Anh ấn tôi vào tường, bắt đầu hôn tôi, hông áp chặt vào hông tôi, tay sắp sửa nhấc tôi lên khỏi mặt đất. Mắt tôi nhắm, nhưng tôi biết anh dừng hôn tôi để nhìn quanh; có khi người ta đi ngang. Tôi không muốn nhìn. Hãy để anh là người lo lắng. Rồi chúng tôi lại hôn nhau. Rồi mắt vẫn nhắm, tôi nghĩ là mình nghe tiếng hai người – là giọng nam lớn tuổi lắm bẩm rằng nhìn hai kẻ này mà xem, ngày xưa làm gì có chuyện. Nhưng tôi không muốn nghĩ về họ. Tôi không muốn lo lắng. Nếu anh không lo thì tôi cũng không lo. Tôi có thể sống đến hết đời thế này: với anh, ban đêm, ở

Rome, mắt nhắm chặt, một chân cuộn qua chân anh. Tôi nghĩ đến chuyện trở lại đây trong tương lai, vài tuần hay vài tháng nữa – bởi vì đây là chỗ của chúng tôi.

Chúng tôi quay lại quán bar thì thấy mọi người đã về hết. Lúc đó hẳn đã ba giờ sáng, hoặc hơn nữa. Ngoại trừ vài chiếc ô tô, thành phố im phăng phắc. Rồi do nhầm lẫn, chúng tôi tới quảng trường Rotonda thường khi đông đúc quanh điện thờ Pantheon, nơi đây cũng trống trải lạ kỳ. Vài du khách đang kéo những ba-lô to đùng, vài kẻ say, và những tên bán ma túy thường lệ. Oliver đứng lại bên một quầy hàng rong, mua cho tôi một chai sô-đa chanh. Vị chanh đắng thật mát, khiến tôi thấy khá hơn. Oliver mua món nước cam đắng, và một lát dưa hấu. Anh cho tôi ăn cùng, nhưng tôi từ chối. Thật tuyệt khi được thả bộ lúc say say tỉnh tỉnh, uống nước sô-đa chanh vào một đêm thế này, quanh những ngõ hẻm lát đá phiến lấp lánh của Rome, có một vòng tay ôm mình. Chúng tôi rẽ trái, rồi khi đang về quảng trường Febo, bất chợt từ thình không, có tiếng ai gảy đàn guitar, hát một bài không phải nhạc rock. Khi lại gần hơn thì chúng tôi nhận ra đó là một giai điệu xứ Naples xưa ời là xưa. “*Fenesta ca lucive*.” Phải mất một lúc tôi mới nhận ra. Rồi tôi nhớ.

Dì Mafalda đã dạy tôi bài này nhiều năm trước, hồi tôi còn nhỏ. Đó là bài hát ru của dì. Tôi đâu biết gì về xứ Naples, và ngoại trừ thông qua dì và những người đồng hương thân cận của dì, vài chuyến thăm vu vơ cùng cha mẹ tới xứ Naples, và chưa từng tiếp xúc với dân xứ ấy.

Nhưng giai điệu sâu thẳm của bài hát khuấy động nỗi hoài nhớ mãnh liệt về tình yêu mất mát, và những gì mất mát dọc theo đường đời, tiếc thương những cuộc đời như cuộc đời ông tôi, vốn đã hiện hữu từ lâu trước cuộc đời tôi. Đột nhiên tôi được đưa về cái vũ trụ nghèo khổ, sầu đau khôn dứt của những con người giản dị như tổ tiên của dì Mafalda vốn từng hối hả qua lại trên những *vicoli*, ngõ ngách bé tí của xứ Naples xưa. Giờ đây tôi muốn chia sẻ từng từ từng chữ một cái ký ức về xứ ấy với Oliver, ngỡ là anh giống như dì Mafalda, chú Manfredi, già Anchise và tôi đều là một người đồng hương miền Nam mà tôi gặp ở một thành phố càng xa lạ, ngay lập tức hiểu vì sao âm thanh của bài hát cũ xưa này, giống như một lời nguyện cầu tự thuở nào dành cho người chết bằng thứ ngôn ngữ đã tuyệt thế, lại có thể khiến ta nhòe lệ dù chẳng hiểu được một vần một chữ nào.

Bài hát khiến anh nhớ tới quốc ca Israel, anh bảo. Hay là khúc ca ấy được gọi cảm hứng bởi bản nhạc Moldau? Nghĩ lại, nó có thể là một khúc aria trong tác phẩm *Sonnambula* của Bellini. Ấm, nhưng vẫn không hợp, tôi nói, dù bản nhạc ấy thường được xem là của Bellini. Bọn mình đang *clement-hóa*, anh nói.

Tôi dịch lời ca từ tiếng Naples sang tiếng Ý rồi sang tiếng Anh. Bản nhạc nói về một chàng trai trẻ đi ngang qua cửa sổ nhà người yêu rồi được người chị em của nàng Nennella báo rằng nàng đã chết. Đôi môi ngọc ngà ôi giờ đây nát tan. Vĩnh biệt cửa sổ thân thương, Nenna của lòng tôi chẳng bao giờ nhìn ra được nữa.

Một du khách Đức, hình như là say khướt, lẻ bóng đêm đó đã nghe loáng thoáng tôi dịch bài hát sang tiếng Anh bèn lại gần, nài nỉ tôi bằng thứ tiếng Anh bập bõm, nhờ tôi dịch sang tiếng Đức. Dọc đường về khách sạn, tôi dạy cho Oliver và ông người Đức cách hát phần điệp khúc, cả ba cứ lặp đi lặp lại, giọng chúng tôi vang vọng trong những ngõ hẻm chật hẹp, ẩm ướt của thành Rome trong khi mỗi người mỗi lời ca Naples. Khi về khách sạn, Oliver và tôi khẽ bắt đầu hát lại điệp khúc,

*Chiagneva sempe ca durmeva sola,
mo dorme co' li muorte accompagnata*

Xưa nàng mãi khóc gối chiếc đơn côi

Thì nay nàng đã yên giấc ngàn thu đâu còn

Giờ đây dù đã sau bao nhiêu năm, tôi nghĩ mình vẫn còn nghe tiếng hai người trai trẻ hát những lời Naples này lúc đêm gần tàn, không ai nhận ra đêm ấy là đêm cuối họ tình tự bên nhau, khi cả hai ôm lấy nhau rồi hôn triền miên trên những con phố mờ tối của thành Rome cổ kính.

“Ngày mai mình đi San Clemente đi,” tôi nói.

“Ngày mai là hôm nay,” anh đáp.

Phần 4

Nơi hồn nường nấu

Già Anchise đợi tôi ở ga. Tôi nhìn ra già ngay khi con tàu vào khúc ray uốn dài men theo vịnh, chậm lại rồi gần như ăn lấy những cây bách cao mà tôi rất yêu, qua nơi này tôi luôn bắt gặp khung cảnh biển biếc chào đón mình về. Tôi hạ cửa sổ, để gió thổi vào mặt, thoáng thấy chiếc xe chở gỗ của chúng tôi phía xa, xa tít. Tôi luôn vui khi về B. Việc này khiến tôi nhớ lại những lần về vào đầu tháng Sáu, lúc trường nghỉ vào mỗi năm học. Gió, sức nóng, mặt sân ga xám bóng với cái bột của trường ga mãi đóng kể từ Thế chiến I, sự tịch mịch đến lạnh người, tất thảy hóa phép vào mùa ưa thích của tôi, vào thời điểm hoang vắng và dễ chịu nhất trong ngày. Mùa hè chỉ mới chớm bắt đầu, có lẽ vậy, mọi sự vẫn chưa xảy ra, đầu tôi vẫn còn ong ong sách vở trước những bài thi, nhưng năm nay thì đây là lần đầu tôi đang ngắm biển. Oliver nào?

Con tàu dừng lại vài giây, thả xuống năm hành khách. Tiếng ầm ầm quen thuộc, theo sau là tiếng máy tàu xoành xoạch. Rồi cứ dễ dàng như lúc dừng lại, các toa tàu rin rít ra khỏi ga, từng toa một, rồi trượt đi mất. Thịnh lặng hoàn toàn.

Tôi đứng một lúc dưới rầm gỗ sậy. Toàn bộ nơi này, kể cả căn nhà bằng ván sục mùi xăng, nhựa đường, sơn tróc, và nước tiểu.

Và như thường lệ: chim sáo, những cây thông, bọn ve sầu.

Mùa hè.

Tôi chẳng mấy khi nghĩ về năm học sắp tới. Tôi thấy biết ơn, vì mùa tựu trường dường như còn cách những vài tháng nữa, bởi tiết trời hè ấm áp biết bao.

Vài phút sau khi tôi tới, chuyến tàu đi thẳng tới Rome lao vút theo đường ray ngược lại – con tàu ấy luôn luôn đúng giờ. Ba ngày trước, chúng tôi đã lên chính con tàu đó. Tôi nhớ khi ấy mình nhìn ra ngoài cửa sổ con tàu, nghĩ: Vài ngày nữa, mi sẽ trở lại, mi sẽ một mình, mi sẽ ghét điều ấy, thế nên hãy chuẩn bị cho bất kỳ thứ gì. Hãy nhớ lấy. Tôi đã tập dượt chuyện mất anh, một mặt là bằng cách đón nhận từng chút một từ sớm để tránh sự đau lòng quá đỗi, nhưng một mặt khác, như những người mê tín, cũng là để xem sự sẵn lòng đón nhận điều kinh khủng nhất có thể không khiến cho số phận bớt khắc nghiệt đi. Giống như những người lính rèn luyện để chiến đấu ban đêm, tôi sống trong bóng tối để không bị mù khi bóng tối đến. Tập cơn đau để làm dịu cơn đau. Theo phép vi lượng đồng căn¹.

1 Một phương pháp điều trị bệnh dựa trên thuyết cho rằng chất gây ra các triệu chứng trên người khỏe mạnh có thể chữa được các triệu chứng tương tự trên người bệnh. Phép này đã được chứng minh là giả khoa học, và không hiệu quả hơn giả dược.

Xem lại lần nữa nào. Tầm nhìn ra vịnh: xong.

Mùi cây thông: xong.

Căn buồng của trưởng ga: xong.

Những dấu hiệu trên đôi xa xa gợi nhớ lại buổi sáng chúng tôi đạp xe trở về B. , xuống đồi, suýt nữa va phải một cô gái gypsy: xong.

Mùi nước tiểu, xăng, nhựa đường, sơn bóng: xong, xong, xong và xong.

Già Anchise tóm lấy ba-lô, đòi mang giúp tôi. Tôi không chịu, ba-lô là để chủ nó tự mang. Già không hiểu được, đưa trả tôi.

Già hỏi Signor Ulliva đã đi khỏi rồi sao.

Phải, sáng nay.

“*Triste*, buồn,” già nhận xét.

“Vâng, một chút.”

“*Anche a me duole*, tôi thì buồn hết sức.”

Tôi tránh ánh mắt của già. Tôi không muốn khuyến khích già nói bất cứ gì hay thậm chí là nhắc đến.

Khi tôi về đến, mẹ tôi muốn biết tất tậ về chuyến đi. Tôi kể rằng chúng tôi chẳng làm gì đặc biệt, chỉ đi xem khu Capitol, Villa Borghese và San Clemente. Ngoài ra thì đi bộ loanh quanh nhiều. Có nhiều đài phun nước. Nhiều chốn lạ về đêm. Hai bữa ăn tối. “Ăn tối à?” Mẹ tôi hỏi, có ý đắc thắng ngầm *thấy-chưa-đã-báo-mà*. “Với ai thế?” “Người ta.” “Người ta nào?” “Nhà văn, nhà xuất bản, bạn bè của Oliver. Bọn con đêm nào cũng thức khuya.” “Chưa đầy mười tám mà cậu nhà đã biết hưởng la dolce

vita, cuộc sống ngọt ngào,” dì Mafalda châm biếm. Mẹ tôi đồng ý.

“Ở nhà mọi người đã dọn lại phòng con như trước đây, nghĩ là con thích có lại căn phòng.”

Lập tức tôi cảm thấy vừa buồn vừa tức phát điên. Ai cho họ quyền đó chứ? Chắc là họ đã xoi mói đủ thứ, không cùng nhau thì từng người.

Tôi luôn biết rằng rốt cuộc mình sẽ lấy lại căn phòng. Nhưng tôi đã mong sự chuyển đổi chậm hơn, lâu hơn, trở về tình trạng trước khi Oliver đến. Tôi đã mừng tượng mình nằm trên giường, cố gom can đảm để bước qua phòng anh. Điều tôi không ngờ đến là dì Mafalda đã thay ga trải giường của anh – của chúng tôi. May mà sáng hôm đó tôi đã đòi anh đưa tôi Dọn-sống lần nữa, sau khi bảo đảm là anh mặc nó suốt kỳ nghỉ ở Rome. Tôi đặt nó vào cái túi nhựa trong phòng khách sạn, và nhiều khả năng là sẽ phải giấu nó đi để tránh bất cứ ai tọc mạch trong suốt phần đời còn lại. Có những đêm tôi lấy Dọn-sống ra khỏi túi, xem nó có bị ám mùi bao nhựa hay mùi đồ của tôi không, giữ nó cạnh mình, vẫy hai tay áo dài quanh mình, và thì thào tên anh trong bóng tối. Ulliva, Ulliva, Ulliva – đó là Oliver gọi tôi bằng tên anh khi anh bắt chước cách gọi biến âm của dì Mafalda và già Anchise; nhưng cũng là cách tôi gọi anh bằng tên anh, thậm chí mong anh sẽ gọi tôi bằng tên tôi, tôi nói ra với mình để anh biết, và trở lại với anh: *Elio, Elio, Elio*.

Để tránh vào phòng ngủ của mình từ ban công rồi thấy anh không còn, tôi dùng cầu thang trong. Tôi mở

cánh cửa nổi vào phòng mình, thả ba-lô xuống sàn, rồi nằm lên chiếc giường ấm áp, ngập nắng của mình. Biết ơn một điều. Họ chưa giặt tấm phủ giường. Bỗng nhiên tôi thấy vui vì đã về nhà. Tôi có thể ngủ đi ngay lúc ấy, ngay nơi ấy, quên hết về Dợn-sóng và mùi hương, quên cả chính Oliver. Ai có thể cưỡng nổi cơn buồn ngủ lúc hai ba giờ chiều ở những vùng đất ngập nắng xứ Địa Trung Hải?

Kiệt sức, tôi quyết định để chiều hăng lấy cuốn sổ cải biên nhạc ra, rồi mở ra đúng ngay bản Haydn mà tôi đang dở. Hoặc là thế, hoặc vào sân quần vợt, ngồi trong nắng trên một trong những băng ghế chắn chắn sẽ mang lại cảm giác khỏe khoắn khắp thân người tôi, để xem có ai để chơi cùng. Lúc nào cũng có ai đó.

Tôi chưa từng đón đợi giấc ngủ đến trong yên bình đến thế. Rồi sẽ có thì giờ để tiếc nhớ, tôi nghĩ. Nó sẽ đến, rất có thể là thầm lặng, tôi từng nghe những chuyện thế này luôn tới trong thầm lặng, và sẽ không thể dứt bỏ dễ dàng. Trông đợi nỗi sầu để làm giảm bớt nỗi sầu – như thế là tầm thường, hèn nhát, tôi tự bảo, biết rằng mình là tay lão luyện trong chuyện này. Mà nếu nó tới mãnh liệt thì sao? Lỡ như nó tới rồi không chịu đi, một nỗi sầu cứ vương mãi, rồi khiến tôi lại như lúc bị nỗi khát khao anh giằng xé vào những đêm nọ, khi dường như có gì đó rất thiết yếu bị thiếu trong cuộc đời mình, hay như thiếu trong thân thể mình, cho nên giờ đây mất anh cũng giống như mất đi một bàn tay – ta có thể thấy điều này trong mọi bức hình trong nhà, nhưng không có thì ta

không thể còn là mình nữa. Ta mất nó, ta luôn biết là sẽ như thế, thậm chí là sẵn sàng đón nhận mất mát, nhưng ta không thể khiến mình chung sống với sự mất mát. Và hi vọng không phải nghĩ đến, giống như cầu nguyện là sẽ không mơ đến, đau khổ cũng ngang nhau cả thôi.

Rồi một ý tưởng kỳ lạ choán lấy tôi: Nếu thân thể tôi – chỉ thân thể tôi, trái tim tôi – thốn thức đòi hỏi thân thể anh, trái tim anh, thì phải làm sao?

Nếu đêm đêm tôi không thể chịu nổi chính mình trừ khi tôi có anh kề bên, trong tôi? Vậy thì sao?

Nghĩ đến nỗi đau trước khi nó tới.

Tôi biết mình đang làm gì. Ngay cả trong giấc ngủ, tôi biết mình đang làm gì. Cố gắng tự miễn, đó là cái ta đang làm – rốt cuộc ta sẽ kết liễu tất cả chuyện này – thăng nhóc lên lút, ranh ma, đó là mi đấy, lên lút, vô tâm, xảo quyệt. Tôi cười với giọng nói ấy. Mặt trời đang soi vào tôi, tôi yêu mặt trời bằng thứ tình yêu gần như ngoại giáo đối với tất cả vạn vật của trần gian. Ngoại giáo, là mi đấy. Tôi chưa từng biết mình yêu mặt đất, mặt trời, biển cả – con người, vạn vật, dường như nghệ thuật cũng chỉ xếp thứ hai. Hay là tôi đang tự lừa mình?

Giữa chiều, tôi nhận ra mình thích ngủ, và không chỉ tìm chốn trú ẩn trong nó – giấc ngủ bên trong giấc ngủ, giống như giấc mơ bên trong giấc mơ, còn gì tuyệt hơn nữa? Một cảm giác ngây ngất thuần khiết vương vào tôi. Hôm nay hẳn là thứ tư, tôi nghĩ, quả vậy, khi người mài dao kéo dựng quấy trong sân chúng tôi, rồi bắt đầu mài

tùng mặt dao lưỡi kéo trong nhà, dì Mafalda luôn tán gẫu với anh ta khi đứng bên cạnh, tay cầm bình nước chanh cho anh trong khi anh tỉ mẩn làm việc với viên đá mài. Tiếng ken két mài xát cứ canh cách, rìn rít trong cái nóng ban chiều, gửi đi những làn sóng âm hoan hỉ lên đến tận phòng tôi. Tôi chưa từng đủ sức thừa nhận với lòng mình Oliver đã khiến tôi vui sướng thế nào cái ngày anh nuốt trái đào của tôi. Tất nhiên việc ấy khiến tôi cảm động, và tự mãn nữa, dù cho cử chỉ của anh như nói rằng, *Bằng từng tế bào trong thân thể mình, anh tin rằng từng tế bào của em không bao giờ được chết đi, mà nếu có phải chết đi, hãy để nó chết trong thân thể anh.* Anh đã tháo chốt cánh cửa ban công mở hé từ bên ngoài, rồi bước vào – hôm ấy chúng tôi chả nói chuyện; anh không xin phép vào phòng gì cả. Tôi làm sao đây? Nói là, anh không được vào? Đó là lúc tôi giơ cánh tay lên chào anh, cho anh biết tôi đã thôi hờn dỗi, không bao giờ hờn dỗi nữa, và để anh nhắc tấm chăn ra mà vào giường tôi. Giờ đây, khi vừa nghe thấy tiếng đá mài giữa tiếng bầy ve, tôi biết mình hoặc sẽ thức dậy hoặc tiếp tục ngủ, cả hai đều tốt, mơ hoặc ngủ, cái này cũng như cái kia, tôi sẽ đón nhận một hoặc cả hai.

Tôi thức dậy thì đã gần năm giờ. Không còn muốn chơi quần vợt, cũng không có hứng thú làm tiếp bản nhạc Haydn nữa. Đi bơi thôi, tôi nghĩ. Tôi mặc đồ bơi vào rồi bước xuống cầu thang. Vimini đang ngồi trên ghế tường lửng cạnh ngói nhà gia đình cô bé.

“Sao anh lại đi bơi?” Cô bé hỏi.

“Không biết. Thấy thích bơi. Đi cùng không?”

“Hôm nay thì không. Họ bắt em đội cái nón nục cười này nếu muốn ở ngoài trời. Trông em cứ như tên cướp Mexico vậy.”

“Ngày tướng cướp Pancho Vimini. Anh mà đi bơi thì em sẽ làm gì nào?”

“Em nhìn thôi. Trừ khi anh giúp em lên ngói trên chỗ hòn đá, em sẽ ngồi đó, nhúng chân cho ướt, giữ nón trên đầu.”

“Vậy mình đi nào.”

Ta chẳng bao giờ cần phải hỏi để cầm tay Vimini. Bàn tay ấy chìa ra tự nhiên, cách mà người mù tự động cầm lấy khuỷu tay ta. “Mà đừng đi nhanh quá nhé,” cô bé nói.

Hai chúng tôi đi xuống cầu thang, rồi lúc tới rặng đá, tôi tìm tảng đá mà cô bé thích nhất, rồi ngồi xuống bên cạnh. Đây là chỗ ưa thích của cô bé với Oliver. Tảng đá âm ẩm, và tôi thích cảm giác ánh nắng trên da mình giờ này buổi chiều. “Anh mừng là mình đã về,” tôi nói.

“Các anh ở Rome có vui không?”

Tôi gật đầu.

“Chúng em nhớ các anh.”

“Chúng em nào?”

“Em, với Marzia. Hôm bữa chị ấy tới tìm anh.”

“À.”

“Em kể với chị ấy các anh đi đâu.”

“À,” tôi lặp lại.

Tôi biết rằng cô bé đang dò xét nét mặt mình. “Em nghĩ là chị ấy biết anh không thích chị lắm.”

Tranh cãi chuyện này nào có ích gì.

“Rồi sao?” Tôi hỏi.

“Đâu có sao. Em chỉ thấy tội nghiệp cho chị ấy. Em kể là hai anh đi vội ghê lắm.”

Vimini rõ ràng là rất thích thú trò lừa của mình.

“Chị ấy có tin em không?”

“Em nghĩ là có. Nói vậy cũng đâu phải nói dối, anh biết mà.”

“Ý em là gì?”

“Thì cả hai anh đi mà chả thèm nói lời từ biệt.”

“Em nói phải. Mà bọn anh im lặng mà đi vậy không có ý gì đâu.”

“Ôi, anh thì em chả trách. Nhưng anh ấy thì em trách. Rất nhiều.”

“Tại sao?”

“Tại sao ư, Elio? Anh phải thú lỗi cho em vì nói điều này, nhưng anh chả bao giờ thông minh được mấy.”

Phải một lúc tôi mới nhận ra cô bé đang nói tới chuyện gì. Rồi tôi chợt hiểu ra.

“Có khi anh cũng không bao giờ được gặp lại anh ấy nữa,” tôi nói.

“Không, anh thì vẫn có thể. Nhưng em thì không biết.”

Tôi thấy cổ họng thít nghẹn, nên tôi để cô bé ngồi trên tảng đá, rồi bắt đầu xuống nước. Đây chính là điều tôi dự

đoán xảy đến. Tôi đã nhìn chăm chăm vào làn nước tối hôm ấy, và trong một phần giây tôi quên là anh không còn đây nữa, rằng chẳng ích gì khi ngoái lại nhìn lên bao lơn, nơi hình ảnh của anh vẫn còn chưa biến mất hẳn. Vậy mà mới vài giờ trước thôi, thân thể anh và tôi... Giờ đây có thể anh đã dùng bữa thứ hai trên máy bay, và sắp đáp ở sân bay JFK. Tôi biết rằng lòng anh đầy sầu khổ khi hôn tôi lần cuối trong buồng tắm ở sân bay Fiumicino, và ngay cả khi bị xao lãng bởi nước uống cùng bộ phim trên máy bay, khi anh một mình trong phòng ở New York, anh sẽ lại buồn, và tôi ghét nghĩ đến chuyện anh buồn, cũng như tôi biết anh sẽ ghét thấy tôi buồn trong căn phòng ngủ của chúng tôi, cái căn phòng đã trở lại thành phòng ngủ của tôi quá sớm.

Có ai đang tới rặng đá. Tôi cố nghĩ tới điều gì đó để xua đi nỗi u sầu, thế là vướng vào sự thật mĩa mai rằng cái khoảng cách chia rẽ Viminis và tôi chính là thứ đã chia rẽ tôi với Oliver. Bảy năm. Trong bảy năm ấy, tôi bắt đầu nghĩ, và đột nhiên nghe như vỡ òa trong cổ họng. Tôi lặn xuống nước.

Sau bữa ăn tối thì điện thoại reo. Oliver đã tới nơi an ổn. Phải, New York. Phải, cùng căn hộ, cùng những người ta, cùng tiếng ồn – không may là cùng thứ nhạc phát ra từ bên ngoài cửa sổ – em nghe thấy chứ. Anh giờ điện thoại ra ngoài cửa sổ, cho chúng tôi biết tí giai điệu Mỹ gốc Tây Ban Nha của New York. Đường Một-trăm-mười-bốn, anh nói. Sắp đi ăn trưa muộn với đám bạn. Mẹ và cha tôi đều đang nói với anh bằng hai điện thoại riêng

trong phòng khách. Tôi đang dùng điện thoại trong bếp. Bên này à? À, anh biết mà. Khách bữa tối như thường lệ. Mới vừa đi khỏi. Ủ, ở đây cũng nóng lắm. Cha tôi hi vọng là vụ này có kết quả tốt. Vụ này? Ở với chúng tôi, cha giải thích. Điều vui sướng nhất đời tôi. Nếu được là tôi tốt lên cùng chiếc máy bay đó, chỉ mang mỗi cái áo dính lưng, đồ tắm biển, thêm cây bàn chải đánh răng. Mọi người cười vang. Rất sẵn lòng, *caro*, con trai à. Hai bên cười đùa qua lại. Cậu biết truyền thống của chúng tôi rồi, mẹ tôi giảng giải, cậu phải trở lại đây, dù chỉ là một vài ngày – nhưng ý mẹ đúng như thế, mà anh cũng biết. “*Allora ciao, Oliver, e a presto*, thôi chào nhé Oliver, nói sau,” mẹ nói. Cha tôi lặp lại gần giống câu đó, rồi nói thêm, “*Dunque, ti passo Elio – vi lascio*, thế nói chuyện với Elio nhé, tôi cúp đây.” Tôi nghe tiếng hai cái điện thoại cúp, không còn ai khác đang nghe. Cha tôi thật khéo. Nhưng được bắt gặp tự do với nhau xuyên qua hàng rào thời gian khiến tôi ớn lạnh. Chuyến đi của anh thế nào? Tốt. Anh có ghét đồ ăn bay không? Có. Anh có nghĩ về tôi không? Tôi hết câu hỏi, và nên thôi vồn vã hỏi thêm nữa. “Em nghĩ sao?” là câu trả lời mơ hồ của anh – như thể anh sợ ai đó có thể tình cờ nhắc điện thoại lên nghe? Vimini gửi lời. Rất buồn. Mai anh sẽ đi mua gì đó cho con bé, gửi qua đường thư khẩn. Anh sẽ nhớ Rome suốt đời. Em cũng vậy. Anh có thích phòng của anh không? Cũng được. Cửa sổ mở ra khoảng sân ồn ào, không có ánh mặt trời, chả đủ chỗ cho bất cứ gì, không biết là anh có nhiều sách tới vậy, giờ cái giường nhỏ quá. Ước gì bọn mình được bắt đầu lại

trong căn phòng đó, tôi nói. Cả hai nhào ra cửa sổ vào buổi tối, xoa vai nhau như bọn mình làm ở Rome – mỗi ngày cuộc đời em, tôi nói. Mỗi ngày cuộc đời anh nữa. Áo, bàn chải đánh răng, sổ cái biên, rồi anh sẽ bay trở lại, cho nên đừng xúi giục anh nữa. Anh đã lấy một thứ trong phòng em, anh nói. Là gì? Em không đoán nổi đâu. Gì chứ? Tự đi tìm mà xem. Rồi tôi nói điều ấy ra không phải vì đó là điều tôi muốn nói, mà là vì im lặng đang đè nặng lên chúng tôi, đây là điều dễ nhất để chen vào phút giây lưng chừng – và ít nhất tôi sẽ nói như thế: Em không muốn mất anh. Bọn mình sẽ viết thư. Tôi sẽ gọi từ bưu điện – vậy thì riêng tư hơn. Nghe nói là có tổ chức lễ Giáng sinh, rồi lễ Tạ ơn nữa. Ủa, Giáng sinh. Nhưng thế giới của anh tới khi ấy hãy còn có vẻ không cách biệt mấy với thế giới của tôi, như mảnh da mà Chiara từng tách ra khỏi vai anh thôi, bỗng nhiên rút xa diệu vợi. Đến Giáng sinh thì có lẽ không còn quan trọng nữa. Cho em nghe tiếng ngoài cửa sổ anh lần cuối đi. Tôi nghe tiếng lách cách. Cho em nghe tiếng anh khi anh... Một âm thanh khe khẽ, rón rén – bởi vì sợ người khác có mặt trong nhà. Chúng tôi bật cười. Thêm nữa, người ta đang chờ anh đi ra ngoài. Tôi ước gì anh đã không gọi. Tôi những muốn nghe anh gọi tên tôi lần nữa. Tôi định hỏi anh, giờ mình xa nhau rồi, xưa chuyện giữa anh với Chiara là thế nào. Tôi cũng quên hỏi anh đặt bộ đồ tắm màu đỏ ở đâu. Có khi anh quên lời tôi, nên mang nó theo luôn chẳng.

Việc đầu tiên tôi làm sau cuộc điện thoại ấy là lên phòng mình để xem thứ anh lấy đi là gì mà có thể nhắc

tôi nhớ về anh. Rồi tôi thấy chỗ trống không tô vàng trên tường. Cầu trời phù hộ anh. Anh đã lấy tấm bưu thiếp cổ, lồng khung có hình gò vẽ của Monet in hồi khoảng năm 1905. Một sinh viên Mỹ ở trọ trước đây đã moi nó ra chợ trời Paris hai năm về trước, gửi cho tôi làm kỷ niệm. Tấm bưu thiếp hoen màu được gửi lần đầu vào năm 1914 – có vài dòng chữ tiếng Đức ghi vội bằng mực nâu đỏ, gửi cho một vị bác sĩ ở nước Anh, cạnh đó anh chàng sinh viên Mỹ để dòng chữ cho tôi bằng mực đen: *Hãy nghĩ đến tôi một ngày nào đó*. Bức ảnh sẽ nhắc Oliver nhớ lại buổi sáng khi tôi nói chuyện lần đầu. Hoặc cái ngày chúng tôi đi xe qua gò vẽ, vờ như không nhận ra nó. Hoặc cái ngày chúng tôi quyết định đi picnic ở đó, hứa là không chạm vào nhau, để rồi tận hưởng cảm giác nằm trên giường cùng nhau vào buổi chiều hôm ấy. Tôi muốn anh luôn có bức ảnh trước mắt anh mọi lúc, cả cuộc đời anh, trên bàn, trên giường, mọi thứ. Gắn nó vào mọi nơi anh đi, tôi nghĩ.

Thế là bí ẩn đã được vén màn, theo cái cách vẫn luôn xảy ra với tôi, trong giấc ngủ đêm ấy. Chuyện ấy chưa từng hiện ra trong đầu tôi. Vậy mà nó ở đó, nhìn tôi chằm chằm suốt hai năm trời. Anh tên là Maynard. Đầu một buổi chiều, biết đó là khi mọi người đang nghỉ ngơi, anh đến gõ vào cửa sổ phòng tôi để hỏi xem tôi có mực đen không – anh hết mực, anh nói vậy, và chỉ dùng mực đen, anh biết tôi cũng vậy. Anh bước vào. Tôi đang mặc mỗi cái quần tắm, đi lại bàn rồi đưa anh hũ mực. Anh nhìn tôi chằm chằm, đứng đó một chốc lóng ngóng, rồi

nhận lấy hũ mực. Đêm hôm đó anh để cái hũ mực ngay ngoài cửa bao lơn của tôi. Bất kỳ ai khác sẽ gõ cửa để đưa trả. Khi ấy tôi mười lăm tuổi. Nhưng tôi sẽ không từ chối. Có lúc đang nói chuyện với anh tôi đã kể về chỗ tôi thích trên đồi.

Tôi chưa từng nghĩ đến anh cho tới khi Oliver lấy đi bức ảnh đó.

Một lát sau bữa tối, tôi thấy cha ngồi ở chỗ thường lệ bên bàn điểm tâm, ghế xoay ra hướng biển, trong lòng là các bản thảo cuốn sách mới nhất của ông. Ông đang uống trà hoa cúc như thường ngày, tận hưởng buổi tối. Bên cạnh ông là ba cây nến hương sả lớn. Bọn muỗi đêm nay tung hoành hết cỡ. Tôi xuống lầu đến bên ông. Đây là thời gian trong ngày hai cha con ngồi với nhau, mà tháng rồi tôi đã xao lãng.

“Kể cha nghe về Rome đi,” ông nói ngay khi thấy tôi sắp sửa ngồi xuống bên cạnh. Đây cũng là lúc ông cho phép mình hút điếu thuốc cuối ngày. Ông cất bản thảo đi bằng một cử chỉ có vẻ mệt mỏi, cho thấy thái độ *giờ-ta-bắt-đầu-phần-hay-ho-đây*, rồi châm điếu thuốc một cách nghịch ngợm bằng cây nến hương sả.

Đâu có gì để kể. Tôi lặp lại những gì đã nói với mẹ: khách sạn, khu Capitol, Villa Borghese, San Clemente, các nhà hàng.

“Ăn tốt chứ?”

Tôi gật đầu.

“Và uống cũng tốt chứ?”

Lại gật đầu.

“Làm những chuyện ông nội con sẽ bằng lòng chứ?”
Tôi bật cười. Không, cái này thì không. Tôi kể với ông chuyện xảy ra gần Pasquino. “Hay ho làm sao, đi nôn ngay trước mặt một bức tượng tranh đấu!”

“Phim ảnh, nhạc nhẽo thì sao?”

Tôi có cảm giác rờn rợn là có thể ông đang lái câu chuyện sang hướng nào đó, hình như chính ông cũng không rõ. Tôi nhận ra điều này vì khi ông cứ hỏi những câu mập mé chủ đề, tôi thấy mình bắt đầu tránh né còn trước khi cái bất ngờ chực chờ đâu đó còn chưa lộ diện. Tôi nói về tình trạng dơ bẩn thường trực, xuống cấp của những quảng trường ở Rome. Cái nóng, thời tiết, xe cộ, quá nhiều nữ tu. Nhà thờ kia nọ dừng hoạt động. Với gạch đổ nát khắp nơi. Công trình phục dựng thì xác xơ. Rồi tôi phàn nàn về con người, về du khách, về những chuyến xe buýt mini nhận rồi thả ra đàn đàn lũ lũ người ta mang máy ảnh và đội mũ bóng chày.

“Có xem qua mấy sân trong nhà riêng mà cha kể với con không?”

Tôi đoán là hai chúng tôi đã không xem qua mấy sân trong nhà riêng mà ông kể với chúng tôi.

“Có thăm tượng Giordano Bruno chứ?” Ông hỏi.

Chắc chắn là có. Suýt nữa thì lại nôn bên tượng đêm ấy.

Hai cha con bật cười.

Im lặng giây lát. Ông rít thêm một hơi thuốc.

Bắt đầu đây.

“Các con có một tình bạn đẹp.”

Lời này bạo dạn hơn tôi mong đợi.

“Vâng,” tôi đáp, cố gắng để chữ “vâng” của mình lơ lửng trong không trung như được nâng bởi một phù định từ bị kìm nén vào lúc chót. Tôi chỉ mong ông không bắt được cái sắc thái *Vâng, thì sao?* hơi thù địch, tránh né và dường như mỗi một trong giọng mình.

Dẫu vậy, tôi cũng mong ông sẽ bắt lấy cơ hội vì cái sự *Vâng, thì sao?* trong lời đáp của tôi để mà mắng mỏ tôi, như ông thường làm, vì cái tội khắc nghiệt, dừng đứng hoặc ưa chỉ trích đối với những người có đầy đủ lý do để tự xem là bạn bè tôi. Rồi có thể ông sẽ chua thêm cái câu cũ rích là tình bằng hữu tốt hiếm hoi đến thế nào, ngay cả khi người ta khó gần trong một thời gian, nhưng họ đều có ý tốt, và mỗi người đều có gì đó hay ho để truyền cho ta. Không có ai là một hòn đảo biệt lập, không thể tự ngăn cách ta với kẻ khác, người cần có người, vân vân.

Nhưng tôi đoán nhầm.

“Con chắc đủ khôn ngoan để biết cái mà hai đứa con có được nó quý hiếm, đặc biệt đến mức nào.”

“Oliver là Oliver,” tôi nói như để tổng kết lại.

“*Parce que c’était lui, parce que c’était moi*, bởi vì đó là người, bởi vì đó là tôi” cha tôi trích lời giải thích của Montaigne về tình bạn của ông với Etienne de la Boétie.

Tôi ngẫm nghĩ, nhưng là về câu của Emily Bronte: bởi vì “người là ta nhiều hơn cả ta.”

“Oliver có thể rất thông minh,” tôi bắt đầu. Một lần nữa, tôi lên giọng như thông báo một chữ *nhưng* đang lơ lửng vô hình giữa hai cha con. Bất cứ gì để ngăn cha tôi đưa đẩy thêm theo lối này.

“Thông minh ấy à? Anh ta còn hơn cả thông minh. Điều hai con có với nhau vừa rất mực liên quan, vừa lại không hề liên quan đến trí thông minh. Anh ta tốt, và hai con may mắn tìm được nhau, bởi vì hai con đều tốt.”

Cha tôi chưa bao giờ nói về lòng tốt cách này. Thế là tôi bị tước vũ khí.

“Con nghĩ anh ấy tốt hơn con, papa à.”

“Cha chắc chắn anh ta cũng sẽ nói vậy về con, điều đó tán dương cả hai.”

Ông sắp sửa gõ điều thuốc, và lúc cúi người về cái gạt tàn, ông chìa tay ra chạm vào tay tôi.

“Điều sắp tới đây sẽ rất khó khăn,” ông bắt đầu nói bằng giọng khác. Giọng ấy có ý: *Chúng ta không phải nói về nó, nhưng đừng giả vờ rằng chúng ta không biết điều cha đang nói.*

Nói trừu tượng là cách duy nhất để bày tỏ sự thật với ông.

“Đừng sợ. Nó sẽ tới. Ít nhất thì cha hi vọng nó tới. Mà tới khi con ít ngờ nhất. Giới tự nhiên vẫn luôn tinh ranh trong chuyện tìm ra điểm yếu nhất của ta. Chỉ cần nhớ: Cha ở đây. Ngay lúc này có lẽ con không muốn cảm nhận bất cứ gì. Có lẽ con chưa từng mong ước cảm nhận bất cứ gì. Rồi có lẽ cha không phải là người con muốn chia sẻ những điều này. Nhưng hãy cảm nhận điều con đã nói.”

Tôi nhìn ông. Đây là lúc tôi nên lừa dối, nên nói rằng ông hoàn toàn lạc hướng. Tôi đã sắp sửa.

“Này,” ông cắt ngang. “Con có một tình bạn đẹp. Có lẽ hơn cả tình bạn. Cha ghen tị với con. Ở địa vị của cha, hầu hết các vị phụ huynh sẽ mong toàn bộ chuyện đó biến đi, hoặc cầu nguyện rằng con trai của họ vượt qua cho chóng. Nhưng cha không phải một phụ huynh như thế. Ở địa vị của con, nếu có nỗi đau, hãy nuôi dưỡng nó, và nếu ngọn lửa bùng lên, đừng dập tắt nó, đừng tàn bạo với nó. Sự rút lui có thể là thứ kinh khủng khi nó khiến ta tỉnh thức vào đêm, và khi những kẻ khác quên ta đi nhanh hơn ý muốn của ta. Ta hi sinh bản thể quá nhiều để được chữa lành cho nhanh chóng, thế nên đến năm ba mươi tuổi ta đã cạn kiệt, chả còn gì để trao đi mỗi khi bắt đầu với một người mới. Nhưng chuyện không cảm nhận gì hết để tránh cảm nhận một điều cụ thể – thật là lãng phí!”

Tôi không thể hiểu được tất cả những lời này. Tôi chết lặng.

“Cha nói điều gì không nên à?” Ông hỏi.

Tôi lắc đầu.

“Vậy thì để cha nói thêm điều này nữa. Nó sẽ giải tỏa cảm giác khó khăn. Có thể cha đã tới gần sát, nhưng chưa từng có được điều con có. Có gì đó luôn níu cha lại, hoặc cản lối. Con sống cuộc đời con thế nào là chuyện của con. Nhưng hãy nhớ, trái tim và thân thể ta chỉ được nhận có một lần thôi. Hầu hết mọi người sống cứ như là có hai cuộc đời để sống vậy, một cuộc đời làm nháp,

một cuộc đời hoàn chỉnh, rồi mọi phiên bản khác ở giữa. Nhưng chỉ có một mà thôi, trước khi con kịp nhận ra thì tim con đã mòn mỏi, còn thân thể con thì sẽ đến lúc chả ai thèm nhìn nữa chứ đừng nói là tới gần. Ngay lúc này thì có sầu khổ đó. Cha không ghen tị với nỗi đau. Nhưng cha ghen tị với nỗi đau của con.”

Ông hít thở một hơi.

“Chúng ta sẽ không được nói về chuyện này nữa. Nhưng cha hi vọng con sẽ không bao giờ ghét cha vì ta đã nói chuyện. Cha sẽ là một người cha kinh khủng nếu một ngày nào đó con muốn nói chuyện nhưng lại cảm thấy cánh cửa đã đóng hoặc mở không đủ.”

Tôi muốn hỏi làm sao mà ông biết được. Nhưng rồi sao mà lại không? Sao mọi người có thể không biết? “Mẹ có biết không?” Tôi hỏi. Tôi định nói là *ngghi ngờ* nhưng tự sửa lại. “Cha không nghĩ mẹ biết.” Giọng ông có nghĩa là, Mà có biết đi nữa, cha chắc thái độ của mẹ sẽ không khác gì cha.

Hai cha con tạm biệt. Lúc lên lầu, tôi nguyện là sẽ hỏi về cuộc đời ông. Chúng tôi đã nghe về những phụ nữ của ông thời trẻ, nhưng tôi chưa hề biết gì về những thứ khác.

Liệu cha tôi có phải là ai đó khác? Nếu ông là ai đó khác, thì tôi là ai?

Oliver giữ lời hứa. Anh trở lại ngay trước Giáng sinh, ở tới ngày đầu năm mới. Lúc đầu thì anh mệt rũ vì đổi múi giờ. Anh cần thời gian, tôi nghĩ. Nhưng tôi cũng vậy. Anh dành nhiều giờ đồng hồ hầu hết là với cha mẹ tôi, rồi

với Vimini, cô bé vui sướng xiết bao khi thấy chẳng có gì thay đổi giữa họ. Tôi đã bắt đầu sợ chúng tôi sẽ trượt về những ngày đầu của chúng tôi – ngoại trừ những lời xã giao trong sân vườn thì chỉ có tránh mặt, dừng dừng. Vì sao cú điện thoại của anh không giúp tôi sẵn sàng cho việc này? Có phải tôi là người có lỗi trong chuyện chúng tôi lạnh nhạt? Hay cha mẹ tôi nói gì chẳng? Có phải anh trở lại vì tôi? Hay vì họ, vì ngôi nhà, để rồi ra đi? Anh đã trở lại vì quyển sách của anh, vốn được xuất bản ở Anh, Pháp, Đức, và rốt cuộc sắp ra mắt ở Ý. Đó là một quyển sách trang nhã, và tất cả chúng tôi đều mừng cho anh, gồm cả người chủ hiệu sách ở B. , ông ta hứa mở tiệc sách vào mùa hè năm sau. “Có lẽ được. Chúng tôi sẽ cân nhắc,” Oliver nói sau khi chúng tôi ghé hiệu sách bằng xe đạp. Quầy bán kem đã đóng cửa theo mùa. Tiệm hoa và tiệm thuốc mà chúng tôi ghé vào lúc rời gò về lần đầu tiên ấy, lần anh cho tôi xem anh bị trầy xước kinh khủng thế nào, cũng đã đóng cửa. Chúng đều thuộc về thời xưa nào. Thị trấn trống trải, bầu trời xám đen. Một đêm nọ, anh nói chuyện lâu với cha tôi. Rất có thể là họ bàn về tôi, hoặc kế hoạch vào đại học của tôi, hoặc mùa hè rồi, hoặc quyển sách mới của anh. Khi họ mở cửa, tôi nghe tiếng cười trong hành lang dưới lầu, mẹ tôi hôn anh. Một lát sau có tiếng gõ cửa phòng tôi, không phải cửa chớp – vậy thì lối vào ấy phải được đóng kín vĩnh viễn. “Nói chuyện chút nhé?” Tôi đã vào giường. Anh đang mặc áo khoác len, hình như mặc vậy để đi dạo. Ngồi xuống mép giường tôi, anh trông bồn chồn như tôi lần đầu trong căn

phòng khi trước thuộc về anh. “Xuân năm sau có thể anh cười,” anh nói. Tôi chết lặng. “Nhưng chưa nghe anh nói gì cả.” “À chuyện cứ khi này khi khác cũng hơn hai năm rồi.” “Em thấy đây là tin tuyệt vời,” tôi nói. Người ta cười nhau luôn là tin tuyệt vời, tôi vui cho họ, hôn nhân thì tốt lành, và nụ cười tươi trên mặt tôi chắc là đủ thật, ngay cả khi một thoáng sau đó tôi nghĩ ra rằng tin như thế có thể không tốt đối với chúng tôi. Tôi có phật ý chẳng? Anh hỏi. “Anh ngốc quá,” tôi nói. Im lặng hồi lâu. “Giờ anh vào giường chứ nhỉ?” Tôi hỏi. Anh nhìn tôi thận trọng. “Một lát. Nhưng anh không muốn làm gì cả đâu.” Nghe như phiên bản cập nhật, bóng bẩy hơn của *Có lẽ để sau*. Vây là chúng ta trở lại đó, đúng không? Tôi bỗng muốn bắt chước anh, nhưng kìm lại. Anh nằm bên cạnh tôi, trên tấm chăn, vẫn mặc nguyên áo len. Thứ duy nhất anh cười ra là đôi giày bệt. “Em nghĩ chuyện này sẽ kéo dài bao lâu?” Anh nhăn nhó hỏi. “Hi vọng là không lâu.” Anh hôn môi tôi, nhưng đó không phải cái hôn sau chuyện bên tượng Pasquino, lúc anh ép chặt tôi vào tường ở phố via Santa Maria dell’Anima. Tôi nhận ra mùi vị này lập tức. Không nhận biết được mình đã thích nó đến thế nào, hay đã nhớ nhưng nó bao lâu. Thêm một thứ nữa cho vào danh sách những gì tôi sẽ nhớ trước khi mất anh mãi mãi. Tôi sắp sửa chui ra khỏi chăn. “Anh không thể thế này,” anh nói, rồi bật ra xa. “Em thì có thể,” tôi đáp. “Ừa, nhưng anh thì không.” Hắt ánh mắt rất sắc lạnh, bởi anh đột nhiên nhận thấy tôi giận dữ đến mức nào. “Anh rất muốn cởi quần áo em ra, rồi ít nhất là ôm em. Nhưng

anh không thể.” Tôi quàng tay ôm đầu anh, giữ lấy. “Vậy có lẽ anh không nên ở lại. Họ biết chuyện của mình.” “Anh biết,” anh đáp. “Sao biết?” “Qua cách cha em nói chuyện. Em may đó. Nếu là cha anh, anh sẽ bị tổng vào trường cái tào.” Tôi nhìn anh: Tôi muốn được hôn lần nữa.

Tôi nên, tôi có thể cưỡng ép anh.

Đến sáng hôm sau, mọi thứ chính thức thành ra lạnh lùng.

Tuần đó có một sự kiện nho nhỏ xảy ra. Chúng tôi đang ngồi uống cà phê trong phòng khách sau giờ ăn trưa, cha tôi mang ra một bì hồ sơ bằng giấy manila, trong có sáu tờ đơn cùng với bản sao hộ chiếu của từng người viết đơn. Là các khách xin trọ mùa hè tới. Cha tôi muốn hỏi ý Oliver, rồi chuyển bì hồ sơ sang mẹ tôi, tôi, và một giáo sư ghé dùng bữa trưa cùng vợ – cũng là một đồng nghiệp ở đại học, đã tới vào mùa này năm trước. “Người kế tục tôi,” Oliver nói, chọn ra một tờ đơn rồi chuyển quanh. Cha tôi theo bản năng liếc nhìn về phía tôi, rồi thôi ngay.

Gần ngày này năm trước, chuyện y hệt đã xảy ra. Pavel, người đến sau Maynard, đã tới thăm vào Giáng sinh, khi xem qua các giấy tờ đã mạnh dạn đề nghị một người từ Chicago – thực ra anh ta biết người đó rất rõ. Pavel và mọi người khác trong phòng khá lãnh đạm với vị nghiên cứu sinh sau tiến sĩ giảng dạy ở Columbia chuyên cái gì không chuyên lại chuyên về triết tiền Socrate. Tôi dành nhiều thời giờ hơn cần thiết để nhìn vào ảnh của anh ta, nhẹ nhõm khi thấy mình chẳng có cảm giác gì.

Giờ đây nghĩ lại, tôi dám chắc chắn rằng mọi thứ giữa chúng tôi đã bắt đầu trong chính căn phòng này, vào kỳ nghỉ Giáng sinh.

“Tôi đã được tuyển lựa thế này ư?” Anh hỏi, thái độ thành khẩn đến là vụng về, điều này luôn khiến mẹ tôi xiêu lòng.

“Em muốn đó là anh,” tối hôm đó tôi nói với Oliver lúc giúp anh chất đồ lên xe vài phút trước khi chú Manfredi đưa anh ra ga. “Em bảo đảm sao cho họ chọn anh.”

Đêm ấy tôi lục lọi trong tủ của cha tôi, tìm ra hồ sơ đơn xin trợ của những người năm rồi. Tôi tìm được bức ảnh của anh. Sơ-mi hở khuy cổ, Dợn-sóng, tóc dài, vẻ mặt như một ngôi sao điện ảnh bị chụp lén. Thảo nào tôi đã nhìn chằm chằm bức ảnh. Ước gì tôi nhớ được mình đã cảm nhận gì vào chính buổi chiều đó hồi năm ngoái – cơn khao khát bùng lên rồi ngay lập tức gặp phải thứ thuốc giải là nỗi sợ. Con người thật của Oliver, và mỗi Oliver ngày tiếp theo mặc một bộ đồ tắm khác màu, hoặc Oliver nằm khoả thân trên giường, hoặc là người bên bậu cửa sổ khách sạn chúng tôi ở Rome, đứng giữa cái hình ảnh rắc rối và hỗn độn mà tôi vẽ nên anh khi lần đầu nhìn vào bức ảnh chụp anh.

Tôi nhìn mặt những khách xin trợ khác. Người này không đến nỗi tệ. Tôi bắt đầu thắc mắc cuộc đời mình sẽ thế nào nếu tôi đã chọn ai khác. Tôi sẽ không đi Rome. Nhưng có thể tôi sẽ đi nơi khác. Sẽ không biết chút gì về San Clemente. Nhưng tôi có thể khám phá ra điều gì khác mà tôi đã bỏ lỡ và chẳng bao giờ biết được. Sẽ

không thay đổi, sẽ không bao giờ là con người tôi hôm nay, sẽ trở thành con người khác.

Tôi tự hỏi con người khác đó giờ đây là ai. Liệu hẳn có vui hơn chẳng? Liệu tôi có thể nhúng mình vào cuộc đời hẳn vài giờ, vài ngày để tận mục – không chỉ để kiểm tra xem cuộc đời khác ấy có tốt hơn, hay để đo đếm hai cuộc đời của tôi và hẳn khác nhau diệu vợi đến mức nào bởi vì Oliver, nhưng cũng là để cân nhắc điều tôi sẽ nói với phiên bản khác của mình nhờ khi tôi đến thăm hẳn ngày nào đó. Liệu tôi có thích hẳn, hẳn có thích tôi, liệu có ai trong số chúng tôi hiểu tại sao người kia thành ra như thế, liệu có ai ngạc nhiên khi biết mỗi người thực ra đã tình cờ gặp Oliver theo cách này hay cách khác, là đàn ông hay đàn bà, và rằng chúng tôi rất có thể là cùng một người, bất kể người đến ở cùng với chúng tôi mùa hè ấy là ai đi nữa?

Chuyện là mẹ tôi ghét Pavel, và ép cha tôi từ chối bất kỳ ai mà Pavel đề nghị, mẹ là người xoay chuyển số mệnh. Bà nói, có thể chúng ta là người Do Thái kín đáo, nhưng tên Pavel này là kẻ bài Do Thái, mà tôi thì không muốn có thêm một kẻ như thế trong nhà.

Tôi nhớ cuộc nói chuyện đó. Nó cũng đã in hẳn lên bức ảnh gương mặt anh. Hóa ra anh cũng là người Do Thái, tôi nghĩ.

Và rồi đêm đó, tôi làm điều mình đã định làm từ thuở đầu trong phòng làm việc của cha. Tôi giả vờ không biết anh chàng Oliver này là ai. Khi này là Giáng sinh năm trước. Pavel vẫn đang cố thuyết phục chúng tôi cho

người bạn của hắn đến trọ. Mùa hè chưa xảy đến. Oliver rất có thể sẽ tới bằng taxi. Tôi sẽ mang hành lý cho anh, chỉ anh về phòng mình, đưa anh ra bãi biển theo lối bậc thang xuống rặng đá, và rồi nếu còn thì giờ, cho anh xem vòng quanh khu đất, xa tới tận trạm dừng đường tàu cũ, và nói gì đó về đám người gypsy sống trong các toa tàu mang huy hiệu hoàng gia của gia tộc Savoy. Vài tuần sau, nếu chúng tôi rồi, chúng tôi có thể đi xe đạp đến B. Chúng tôi sẽ dừng để giải khát. Tôi sẽ chỉ cho anh hiệu sách. Rồi tôi sẽ chỉ anh gò vẽ của Monet. Tất cả hãy còn chưa xảy đến.

Chúng tôi hay tin đám cưới của anh vào mùa hè năm sau. Chúng tôi gửi quà, tôi thì góp một câu dí dỏm. Mùa hè tới rồi qua đi. Tôi thường bị xúi giục kể với anh về “người kế tục” của anh và thêu dệt đủ chuyện về người hàng xóm mới ở lầu dưới. Nhưng tôi không gửi gì cho anh cả. Lá thư duy nhất tôi gửi hồi năm ngoái là để kể với anh Vimini đã chết. Anh viết cho tất cả chúng tôi, nói rằng anh rất tiếc. Anh đang du lịch ở Á châu, thế nên khi lá thư tới chỗ chúng tôi, phản ứng của anh với cái chết của Vimini thay vì xoa dịu một vết thương há hốc dường như lại cào xới vào vết thương đã tự lành. Viết cho anh kể về cô bé giống như vượt qua cây cầu cuối cùng giữa chúng tôi, nhất là sau khi đã rõ rằng chúng tôi sẽ chẳng bao giờ nhắc đến cái đã từng tồn tại giữa chúng tôi, hoặc thậm chí là chuyện sẽ không nói về nó. Viết thư cũng là cách tôi báo cho anh đại học mà tôi theo học ở Mỹ, phòng khi cha tôi, vốn giữ liên lạc thư từ thường xuyên với các

khách trọ cũ, chưa kể với anh. Mía may là Oliver hồi âm về địa chỉ của tôi ở Ý – thêm một lý do chậm trễ nữa.

Rồi đến những năm trống rỗng. Nếu tôi chấm phẩy cuộc đời mình bằng những người mà tôi ngủ chung giường, và nếu những người này có thể được chia thành hai mục – trước và sau Oliver – thì món quà tuyệt vời nhất mà cuộc đời có thể ban cho tôi đó là đời người làm mốc phân chia ấy lên trước. Nhiều người đã giúp tôi chia cuộc đời thành Trước X và các phần Sau X, nhiều người mang tới niềm vui cùng nỗi sầu, nhiều người khiến cuộc đời tôi chệch hướng, trong khi những người khác chả làm nên thay đổi gì, thế nên Oliver, người từ đời thuở nào đã sừng sững như điểm tựa cân cân cuộc đời, rốt cuộc có những người kế tục khiến anh lu mờ, hoặc biến anh thành một biển chỉ đường xa xưa, một ngã ba không tên trên đường, Hải Vương Tinh trên hành trình tới Diêm Vương Tinh và xa hơn nữa. Tưởng tượng xem nào, tôi có thể nói: vào thời điểm tôi biết Oliver, tôi vẫn chưa gặp người-này-người-nọ. Vậy mà cuộc sống không có người-này-người-nọ thì tôi không tưởng tượng ra được.

Một mùa hè, chín năm sau lá thư cuối của anh, tôi đang ở Mỹ thì nhận được một cú điện thoại từ cha mẹ. “Con không đoán nổi ai đang ở với chúng ta hai ngày đâu. Trong phòng ngủ cũ của con đó. Người đó đang đứng ngay trước mặt chúng ta đây.” Tất nhiên tôi đoán ra, nhưng vờ như không. “Con đoán ra rồi mà không chịu nói, điều này nhiều ý nghĩa,” cha tôi cười thầm trước khi chào. Cha mẹ tranh giành nhau ai phải chuyển máy cho

người kia. Rốt cuộc thì giọng anh vang lên. “Elio,” anh nói. Tôi có thể nghe tiếng cha mẹ và đám trẻ con phía xa. Không ai có thể nói tên tôi cách ấy. “Elio,” tôi lặp lại để cho biết tôi đang nghe máy, nhưng cũng để nhắc nhớ về trò chơi ngày xưa, và rằng tôi không quên gì cả. “Oliver đây,” anh nói. Anh quên rồi.

“Họ cho tôi xem hình, cậu không thay đổi gì,” anh nói. Anh kể về hai đứa con trai đang chơi đùa trong phòng khách cùng mẹ tôi, tám và sáu tuổi, tôi phải gặp vợ anh, anh rất vui khi tới đây, cậu không biết đâu, không biết đâu. Đó là chốn đẹp nhất thế gian, tôi nói, vờ tỏ ý rằng anh vui là vì nơi chốn. Cậu không hiểu được tôi vui đến thế nào khi đến đây. Lời nói của anh lung củng, anh đưa điện thoại lại cho mẹ tôi. Mẹ trước khi quay sang tôi vẫn nói với anh những từ âu yếm. “*Ma s’è tutto commosso*, nó vui đến nghẹn lời,” rốt cuộc bà nói với tôi. “Ước gì con được bên cạnh mọi người,” tôi đáp, trong lòng khổ sở vì một người tôi đã gần như không còn nghĩ đến. Thời gian làm cho ta thành ra đa cảm. Có lẽ đến lúc cuối ta khổ là do thời gian.

Bốn năm sau, lúc đi ngang qua khu đại học của anh, tôi làm một chuyện khác thường. Tôi quyết định lộ diện. Tôi ngồi trong giảng đường lớp chiều của anh, rồi sau giờ học, lúc anh đang cất sách vở, xếp giấy tờ vào bìa, tôi bước lại gần. Tôi sẽ không bắt làm khó, bắt anh đoán tôi là ai, nhưng cũng sẽ không dễ dãi gì.

Một sinh viên muốn hỏi anh gì đó. Thế nên tôi đợi lượt mình. Rồi thì sinh viên kia đi khỏi. “Chắc là anh không

nhớ tôi đâu,” tôi mở lời, anh liếc nhìn cố nhớ ra. Bỗng nhiên anh trở nên xa xôi, cứ như vì sợ chúng tôi đã gặp nhau ở một nơi anh chẳng thêm nhớ. Anh làm vè mặt dò xét, mĩa mai, chất vấn, thêm nụ cười không thoải mái, nhẩn nhúm, giống như đang nghĩ trong đầu, *Tôi e là anh nhầm tôi với ai rồi*. Rồi anh dừng. “Ôi trời, Elio!” Anh nói hàm râu quai nón khiến tôi trông lạ hoắc. Anh ôm tôi, rồi vỗ nhẹ vài cái vào gương mặt lông lá của tôi như thời tôi còn non dại mùa hè xa xưa ấy. Anh ôm tôi cái cách anh không thể ép mình ôm cái đêm anh bước vào phòng tôi để báo là anh sắp cưới. “Bao nhiêu năm rồi nhỉ?”

“Mười lăm. Tôi đếm trên đường tới đây.” Rồi nói thêm: “Thực ra, không đúng. Tôi luôn biết là bao lâu.”

“Mười lăm năm rồi. Nhìn cậu mà xem!”

“Này,” anh nói, “đến chơi uống rượu, dùng bữa tối, ngay đêm nay, ngay bây giờ, gặp vợ tôi, các con tôi, nhé. Đi, đi, đi mà.”

“Tôi muốn lắm...”

“Tôi phải cắt chút đồ ở văn phòng tôi, rồi ta đi. Đi bộ ra bãi đậu xe thú lắm.”

“Anh không hiểu. Tôi muốn. Nhưng tôi không thể.”

Hai chữ “không thể” có nghĩa là tôi rồi để đến thăm nhà nhưng tôi không thể khiến mình làm việc ấy.

Anh nhìn tôi trong lúc vẫn đang cắt giấy tờ vào cặp da.

“Cậu chưa từng tha thứ cho tôi, có phải không?”

“Tha thứ gì? Đâu có gì để mà tha thứ. Tôi biết ơn về mọi chuyện thì có. Tôi chỉ nhớ những chuyện tốt thôi.”

Tôi đã nghe người ta nói vậy trong phim ảnh. Có vẻ như họ tin điều ấy.

“Vậy thì là gì?” Anh hỏi.

Chúng tôi rời phòng học, bước vào khu học đường chung, nơi ánh hoàng hôn mùa thu uể oải trên bờ biển phía đông ném sắc dạ quang màu cam lên những ngọn đồi kề nhau.

Làm sao tôi có thể cắt nghĩa cho anh hiểu, hoặc cho tôi hiểu lý do tôi không thể đến nhà anh, gặp gia đình anh, dù trong lòng tôi rất muốn? Vợ Oliver. Các con trai Oliver. Các thú nuôi Oliver. Phòng làm việc, bàn, sách, thế giới, cuộc đời Oliver. Tôi đã mong đợi gì? Một cái ôm, một cái bắt tay, câu nói chiếu lệ này-gặp-nhau-vui-quá, rồi câu *Sau nhé!*? không thể tránh khỏi ư.

Cái khả năng gặp gỡ gia đình anh bất chợt khiến tôi hoảng sợ – quá thật, quá đột ngột, quá sẵn sàng, chưa tập dượt gì cả. Qua nhiều năm, tôi đã đẩy anh vào cái quá khứ miên viễn của mình, người tình thời quá khứ hoàn thành, để yên anh đấy, nhét đẩy anh bằng ký ức và long não giống như một vật phẩm trang trí làm từ thú săn, và lấy đó tin là thật, giống như bóng ma hằng đêm. Thi thoảng tôi sẽ gỡ anh xuống phủi bụi, rồi đặt trả lại mặt lò sưởi. Anh không còn thuộc về cõi này, cuộc đời này. Điều có lẽ lúc này tôi khám phá ra không phải là con đường chúng tôi chọn quá cách xa nhau, mà là biện pháp mất mát sắp sửa hại tôi – sự mất mát mà tôi không ngại khi nghĩ đến một cách trừu tượng, nhưng lại gây đau khi nhìn trực diện vào, cái cách mà hoài niệm vẫn gây khổ

đau rất lâu sau khi ta đã thôi nghĩ về những điều mất mát và có thể xưa ta cũng chẳng quan tâm.

Hay đó là vì tôi ghen tị với gia đình anh, ghen với cuộc đời anh đã tạo ra cho mình, hay với những gì tôi chưa từng chia sẻ và không thể nào biết tới? Những điều anh khát khao, yêu, và mất, và sự mất mát của ai đã khiến anh tan vỡ, nhưng sự hiện diện của ai trong đời anh khi anh có họ, tôi không có mặt để chứng kiến, và không hề biết tí gì. Tôi không có mặt khi anh đoạt được họ, không có mặt khi anh từ bỏ họ. Hay nó đơn giản hơn rất nhiều? Tôi đã tới để xem liệu mình có cảm nhận gì chẳng, xem chút tình xưa còn vương vấn chẳng. Rắc rối là tôi cũng chẳng muốn còn vương vấn gì hết.

Tất cả những năm qua, bất cứ khi nào nghĩ đến anh, tôi nghĩ về hoặc là thị trấn B. hoặc là những ngày cuối chúng tôi ở Rome, hai điều ấy dẫn tới hai cảnh: bao lơn cùng nổi thống khổ đi kèm, và con phố Santa Maria dell'Anima, nơi anh đã ép chặt tôi vào bức tường cũ kỹ và hôn tôi rồi sau cùng để tôi vòng một chân quanh chân anh. Mỗi lần tôi trở lại Rome, tôi trở lại điểm ấy. Nó vẫn còn vương vấn trong tôi, vẫn còn vang vọng thứ gì đó rất đổi hiện hữu, cứ như một quả tim bị đánh cắp khỏi câu chuyện kinh dị của Poe còn đang đập dưới viên đá hoa lát đường từ thời cổ đại kia để nhắc tôi nhớ rằng, nơi đây, rốt cuộc tôi đã gặp được cuộc đời đúng đắn cho mình, nhưng không có được nó. Tôi chẳng thể nghĩ tới anh khi ở New England. Khi sống ở New England được một dạo, và cách xa anh không quá tám mươi cây số, tôi tiếp tục

tưởng tượng anh vẫn còn kẹt lại đâu đó ở nước Ý, như mộng ảo, như bóng ma. Bây giờ, hóa ra không chỉ các thị trấn ở New England rất đổi sống động, mà anh cũng vậy. Tôi có thể dễ dàng xông vào chiếm lấy anh nhiều năm về trước, mặc kệ anh có cưới hay không cưới ai kia – trừ khi ngược đời ở chỗ người từ đầu đã mờ ảo như hình như bóng lại là tôi.

Hay tôi đã tới vì một mục đích hèn mọn hơn nhiều? Để thấy anh đang sống một mình, chờ đợi tôi, khao khát được đưa trở về B. ? Phải, cuộc đời hai chúng tôi lay lắt, chờ thời khắc rồi cuộc chúng tôi gặp lại nhau rồi tìm đường về lại tượng đài Piave.

Thế rồi câu nói vang lên từ miệng tôi: “Sự thật là tôi không chắc mình sẽ không cảm thấy gì. Và nếu tôi gặp gia đình anh, tôi muốn là mình không cảm thấy gì cả.” Sau đó là im lặng đáng sợ. “Có lẽ nó chưa bao giờ mất đi.”

Đó có phải sự thật? Hay vì khoảnh khắc ấy mong manh và căng thẳng khiến tôi thốt nên những lời tôi chưa từng thừa nhận, và vẫn không thể đoán chắc là thật? “Tôi nghĩ chuyện xưa chưa bao giờ mất đi,” tôi lặp lại.

“Ra vậy,” anh nói. Hai chữ *ra vậy* là cách duy nhất để tổng kết lại những điều không chắc chắn trong tôi. Nhưng có lẽ anh cũng có ý nói *Ra vậy, rồi sao?* như để chất vấn rằng có gì sốc khi sau bao nhiêu năm tôi vẫn còn muốn anh nhiều đến vậy.

“Ra vậy,” tôi lặp lại, như đang đề cập đến những cơn đau, những nỗi sầu khổ thất thường của một bên thứ ba nặng trĩu là tôi.

“VẬY, ĐÓ LÀ LÝ DO CẬU KHÔNG THỂ TỚI LÀM VÀI LY SAO?”

“PHẢI, ĐÓ LÀ LÝ DO TÔI KHÔNG THỂ ĐẾN LÀM VÀI LY.”

“ĐÚNG LÀ TÊN NGỐC!”

Tôi đã quên hẳn chữ anh dùng.

Chúng tôi vào văn phòng anh. Anh giới thiệu tôi với hai hoặc ba đồng nghiệp tình cờ đang ở trong phòng lúc ấy, khiến tôi ngạc nhiên vì anh rất dễ quen thuộc với từng khía cạnh trong sự nghiệp của tôi. Anh biết mọi thứ, biết tin tức mới nhất cả những chi tiết chẳng quan trọng gì. Trong vài trường hợp, chắc chắn anh đã sục sạo được những thông tin chỉ có trên mạng. Điều ấy khiến tôi cảm động. Tôi cứ ngỡ anh đã quên bằng tôi rồi.

“Tôi muốn cho cậu xem một thứ,” anh nói. Văn phòng của anh có một chiếc sofa da to kénh. Sofa Oliver, tôi nghĩ. Vậy đây là chỗ anh ngồi và đọc. Giấy tờ vương vãi trên sofa, trên sàn, ngoại trừ chỗ ngồi ở góc dưới một cây đèn thạch cao tuyết hoa. Đèn Oliver. Tôi nhớ lại những tấm lát sàn trong phòng anh ở B. “Nhận ra nó chứ?” Anh hỏi. Trên tường có một bức bích họa bong tróc hình thần ánh sáng Mithras có râu quai nón. Mỗi người chúng tôi mua một cái như thế vào buổi sáng thăm San Clemente. Tôi đã lâu lắm không thấy bức của mình. Cạnh đó trên tường là tấm bưu thiếp gò vè của Monet lộn khung. Tôi nhận ra nó lập tức.

“Nó từng là của tôi, nhưng anh đã sở hữu nó lâu hơn nhiều so với tôi.” Chúng tôi từng thuộc về nhau, nhưng đã sống xa nhau đến nỗi giờ đây chúng tôi thuộc về

những người khác. Chúng tôi thuộc về nhau, đích thực chẳng qua chỉ là nhờ sự chiếm hữu phi pháp.

“Nó có cả một lịch sử dài,” tôi nói.

“Tôi biết. Khi tôi nhờ người lộng khung nó mới thấy những câu đề tặng sau lưng, thế nên bây giờ cậu cũng đọc được sau lưng thiếp. Tôi thường nghĩ tới người tên là Maynard này. *Hãy nghĩ về tôi một ngày nào đó.*”

“Vị khách trọ trước anh,” tôi trêu đùa. “Không, chẳng có chuyện ấy. Rồi sau này anh sẽ tặng nó cho ai?”

“Tôi hi vọng ngày nào đó sẽ để cho một trong các con trai đích thân mang tới khi xin lưu trú. Tôi đã ghi lời đề tặng rồi, nhưng giờ thì cậu không được xem. Cậu ở lại phố chứ?” Anh hỏi để đổi chủ đề lúc mặc áo đi mưa vào.

“Phải. Một đêm. Tôi sẽ gặp vài người ở đại học vào sáng mai, rồi rời đi.”

Anh nhìn tôi. Tôi biết anh đang nghĩ đến cái đêm dạo kỳ nghỉ Giáng sinh, và anh biết là tôi biết. “Vậy là tôi được tha thứ.”

Anh mím môi như kìm lại lời xin lỗi.

“Đến khách sạn chỗ tôi uống nước nhé.”

Tôi cảm nhận được sự băn khoăn ở anh.

“Tôi nói là uống nước, chứ có phải phang phịch gì.”

Anh nhìn tôi, mặt đỏ bừng. Tôi đang chăm chăm ngó anh. Anh vẫn đẹp không ngờ, không rụng tóc, không béo, vẫn chạy bộ buổi sớm – theo lời anh, làn da vẫn mịn như xưa. Chỉ có hai bàn tay thêm vài vết cháy nắng. Vết cháy nắng, lạ nhỉ, và tôi cứ nghĩ mãi. “Những vết này là

sao?” Tôi hỏi, chỉ rồi chạm vào tay anh. “Tôi bị khắp cả.” Vết cháy nắng. Những vết ấy làm tôi đau lòng quá đỗi, tôi muốn hôn lên từng cái một. “Phơi nắng quá nhiều hồi thời trẻ. Mà cũng đâu có gì đáng ngạc nhiên. Tôi đang sống tiếp đời mình. Ba năm nữa, đứa con trai lớn của tôi sẽ bằng tuổi cậu khi nào – thật ra thẳng nhóc gần với con người cậu khi chúng ta bên nhau hơn là cậu gần với Elio mà tôi biết khi đó. Ấy là nói về sự kỳ lạ.”

Hóa ra anh gọi thời gian ấy như thế, *khi chúng ta bên nhau?*

Bên quầy bar khách sạn New England cũ, chúng tôi tìm được một chỗ yên tĩnh trông ra sông cùng một vườn hoa lớn, tháng ấy đang khoe sắc rực rỡ. Chúng tôi gọi hai ly martini – rượu gin xanh ngọc bích, anh dặn – rồi ngồi gần nhau trong căn buồng có hình móng ngựa, như hai ông chồng buộc phải gượng gạo ngồi sát nhau trong khi các bà vợ vào phòng vệ sinh.

“Tám năm nữa, tôi sẽ bốn bảy, cậu bốn mươi. Rồi năm năm nữa, tôi lên năm hai, cậu bốn lăm. Khi đó cậu tới dùng bữa nhé?”

“Vâng. Tôi hứa.”

“Vậy ý cậu là cậu chỉ đến khi quá già để mà bận tâm. Khi bọn trẻ nhà tôi đã đi khỏi. Hoặc khi tôi lên chức ông. Tôi thì chỉ có thể hình dung chúng ta – vào tối đó, chúng ta sẽ ngồi cùng nhau, cùng uống eau-de-vie, giống như loại grappa cha cậu thường phục thi thoảng lúc đêm.”

“Và giống những người già ngồi quanh quảng trường

nhỏ đối diện tượng đài Piave, ta sẽ nói về hai thanh niên đã hạnh phúc xiết bao trong vài tuần ngắn ngủi, để suốt phần đời còn lại cứ nhúng mẩu bông hút vào cái bát hạnh phúc ấy mà uống, cứ sợ rồi sẽ cạn, chỉ dám uống mỗi lần từng ngụm nhỏ vào những dịp lễ kỷ niệm tinh thần.” Nhưng tôi muốn nói với anh, điều gần như chưa từng ấy vẫn còn vang vọng. Hai thanh niên ấy không bao giờ có thể xóa bỏ, lãng quên, phủ nhận, hay sống lại cái hạnh phúc ấy – nó cứ mắc kẹt lại trong tâm tưởng, cứ như hình ảnh bọn đom đóm bay trên cánh đồng mùa hè khi trời tối, cứ nhắc đi nhắc lại, *Thay vào đó, hai người có thể đã thế này*. Nhưng trở lại là sai. Bước tiếp cũng là sai. Nhìn hướng khác là sai. Cố chỉnh sửa tất cả những điều ấy, hóa ra cũng là sai nốt.

Cuộc đời họ giống như tiếng vang bị chặn, vùi chôn mãi mãi trong một căn hầm bí kín thờ thần Mithras.

Im lặng.

“Ôi trời, nhớ lại cách người ta đổ kị với bọn mình từ bên kia bàn đêm đầu ở Rome,” anh nói.” “Cứ ngó chăm chăm, người trẻ, kẻ già, đàn ông cũng như đàn bà – từng người họ bên bàn ăn tối – cứ há hốc nhìn chúng ta, bởi chúng ta quá đổi vui sướng.”

“Và rồi đêm ấy khi ta già đi, chúng ta sẽ vẫn nói về hai chàng thanh niên như thể họ là hai kẻ xa lạ ta gặp trên tàu, những kẻ mà ta ngưỡng mộ, muốn giúp đỡ. Và ta sẽ muốn gọi đó là nỗi đổ kị, bởi vì lòng ta sẽ rất đau khi gọi đó là sự nuối tiếc.”

Lại im lặng.

“Có lẽ tôi chưa sẵn sàng nói về họ như những kẻ lạ,” tôi đáp.

“Nói điều này có lẽ làm cậu dễ chịu hơn chút, tôi nghĩ hai chúng ta sẽ không bao giờ sẵn sàng.”

“Tôi thì nghĩ ta nên làm ly nữa.”

Anh nhượng bộ ngay khi chưa kịp thốt lên lời phản đối nào, liên quan đến chuyện về nhà.

Chúng tôi loại bỏ những chuyện mào đầu. Cuộc đời anh, cuộc đời tôi, anh đã làm gì, tôi đã làm gì, cái gì tốt, cái gì không. Anh đã mong điều gì, tôi đã mong gì. Chúng tôi tránh nhắc tới cha mẹ tôi. Tôi nghĩ là anh biết. Mà anh không hỏi tôi, tức là anh đã biết.

Một tiếng trôi qua.

“Khoảnh khắc vui nhất của cậu?” Rốt cuộc anh cắt ngang.

Tôi nghĩ một lúc.

“Đêm đầu tiên là lúc tôi nhớ rõ nhất – có lẽ bởi tôi lúng túng nhiều. Nhưng cũng vì Rome. Có một chỗ trên phố Santa Maria dell’Anima mà mỗi khi thăm Rome tôi đều ghé. Tôi nhìn chằm chằm vào đó một lát, rồi đột nhiên tất cả sẽ ùa về. Là tôi nôn ói đêm đó, trên đường trở về quán bar nơi anh hôn tôi. Người ta qua lại nhưng tôi chả bận tâm, anh cũng không. Tạ ơn trời, cái hôn vẫn còn in hằn nơi đó. Đó là tất cả những gì tôi có từ anh. Nó, và cái sơ-mi.”

Anh còn nhớ.

“Còn anh, là lúc nào?” Tôi hỏi.

“Cũng là Rome. Hát cùng nhau cho tới tận sáng trên quảng trường Piazza Navona.”

Tôi quên bằng mất. Đêm đó chúng tôi đã cùng hát không chỉ mỗi bài ca xứ Naples. Một nhóm thanh niên Hà Lan rút đàn guitar ra, hát liền từ từ mấy bản của Beatles, rồi mọi người gần đài nước tới nhập bọn, chúng tôi cũng vậy. Thậm chí gã Dante lại xuất hiện, cùng hát bằng thứ tiếng Anh méo mó. “Bọn họ đã hát dạ khúc cho ta nghe, hay tôi tưởng tượng ra?”

Anh nhìn tôi, hoang mang.

“Người ta hát dạ khúc cho cậu – cậu say tới mất trí. Cuối cùng thì cậu giằng lấy một cây guitar, bắt đầu gảy đàn rồi bỗng dừng hát lên. Bọn họ đều sững sờ. Rồi thì tất cả đám nghiện trên đời đồng loạt lắng nghe nhạc Handel. Một trong các cô gái người Hà Lan phát cuồng lên. Cậu muốn đưa cô nàng tới khách sạn. Cô nàng cũng muốn đi. Thật là một đêm hết biết. Rồi bọn mình ngồi ở mặt tiền vắng lặng của một quán cà phê đóng cửa, sau quảng trường, mỗi cậu với tôi và cô nàng kia, ngồi sụp trên ghế cùng ngắm bình minh.”

Anh nhìn tôi. “Tôi vui vì cậu đã đến.”

“Tôi cũng vui vì anh đã đến.”

“Tôi hỏi cậu cái này nhé?”

Sao bỗng dừng tôi lại căng thẳng. “Hỏi đi.”

“Nếu có thể, cậu có bắt đầu lại như đã từng?”

Tôi nhìn anh. “Sao anh hỏi vậy?”

“Thì hỏi. Trả lời đi.”

“Nếu có thể thì tôi có bắt đầu lại như thế? Trong một giây. Nhưng tôi đã nốc hai ly như thế, và sắp sửa gọi ly thứ ba.”

Anh mỉm cười. Hẳn là tôi lượt tôi hỏi lại chính câu đó, nhưng tôi đâu muốn khiến anh bối rối. Đây là Oliver mà tôi ưa thích: con người suy nghĩ hết như tôi.

“Gặp lại cậu nơi này giống như tỉnh dậy sau cơn hôn mê hai mươi năm. Cậu nhìn quanh, thấy vợ cậu đã bỏ đi, con cái mà tuổi thơ vắng ta đã trở thành người lớn, vài đứa kết hôn, cha mẹ chết đã lâu, cậu chẳng có bạn bè, rồi cặp mắt trên gương mặt nhỏ tí nhìn chăm chăm vào cậu của đứa cháu trai được đưa tới để chào đón người ông sau giấc ngủ dài. Gương mặt cậu trong gương trắng bệch như Rip Van Winkle¹. Nhưng lưu ý này: cậu sẽ vẫn trẻ hơn hai mươi năm so với những người vây quanh cậu, thế nên tôi có thể về lại tuổi hai mươi bốn trong tích tắc – tôi hai mươi bốn. Rồi nếu cậu lùi phép tính lại vài năm trước nữa, tôi có thể thức dậy, thành ra trẻ hơn cả con trai cả của mình.”

“Như vậy thì liên quan thế nào đến cuộc đời anh đã sống?”

“Một phần – chỉ một phần cuộc đời tôi – là cơn hôn mê, nhưng tôi thích gọi nó là cuộc đời song song. Nghe

¹ Rip Van Winkle: nhân vật trong truyện của tác giả Washington Irving (Mỹ), thức dậy sau 20 năm hôn mê và thấy thế giới đã hoàn toàn thay đổi

khá hơn. Vấn đề là hầu hết chúng ta có, hoặc nói đúng hơn là sống nhiều hơn hai cuộc đời song song.”

Có lẽ là do rượu, có lẽ đó là sự thật, có lẽ tôi không muốn mọi thứ trở nên trừu tượng, nhưng tôi cảm thấy nên nói ra điều này, bởi đây chính là giây phút để mà nói, bởi vì tôi chợt hiểu ra đây là lý do tôi đã tới – để nói với anh: “Anh là người duy nhất tôi muốn từ biệt khi tôi chết đi, bởi vì chỉ khi ấy cái mà tôi gọi là cuộc đời này mới có ý nghĩa gì đó. Và nếu tôi hay tin anh chết, cuộc đời tôi như tôi vốn biết, con người tôi đang nói chuyện với anh đây sẽ không còn tồn tại nữa. Đôi lần tôi hình dung ra cảnh thức dậy trong ngôi nhà của chúng tôi ở B. rồi nhìn ra biển, hay tin dữ từ những con sóng, *Anh chết đêm qua*. Chúng ta đã bỏ lỡ quá nhiều cơ hội. Là do cơn hôn mê kia. Ngày mai tôi trở về cơn hôn mê của mình, và cậu cũng vậy. Xin thứ lỗi, tôi không có ý xúc phạm – tôi chắc chắn ở anh thì không phải là cơn hôn mê.”

“Không, là cuộc đời song song.”

Có lẽ từng nổi sầu khổ tôi biết trong đời mình bỗng nhiên quyết định đồng quy về điểm này. Tôi phải chống lại cảm xúc dâng trào. Và nếu anh không thấy, rất có thể là vì chính anh cũng không miễn nhiễm với nó.

Tùy hứng, tôi hỏi anh có từng đọc một cuốn tiểu thuyết của Thomas Hardy tựa là *The well-beloved*. Không, chưa đọc. Nói về một nhân vật nam phải lòng một nhân vật nữ, nàng chết sau nhiều năm rời bỏ chàng. Chàng đến thăm nhà nàng, rồi gặp con gái nàng, phải lòng

người con gái, rồi khi mất luôn cả người con gái đó nhiều năm sau, gặp được con gái của người đó, và chàng lại yêu nàng. “Những yêu thương này tự chết đi, hay có gì đó cần tới nhiều thế hệ, nhiều cuộc đời mới tự kết liễu?”

“Tôi không muốn bất kỳ đứa con trai nào lên giường cậu hoặc ngược lại – giả sử cậu có một đứa con trai nào trên giường con trai tôi.”

Chúng tôi cười lặng. “Dẫu vậy, tôi thắc mắc về các ông bố của chúng ta.”

Anh nghĩ một lát, rồi mỉm cười.

“Điều tôi không muốn, đó là nhận một bức thư từ con trai cậu mang tin dữ: *Và tiện thể, xin đọc bưu thiếp đính kèm mà bố tôi nhờ chuyển trả lại cho bác.* Tôi cũng không muốn phải trả lời đại loại như: *Cháu cứ đến bất cứ khi nào thích, bác chắc là thằng nhóc sẽ muốn cháu ở lại trong phòng nó.* Hãy hứa với tôi là chuyện như thế sẽ không xảy ra.”

“Hứa.”

“Anh viết gì sau tấm bưu thiếp vậy?”

“Phải bí mật mới ngạc nhiên chứ.”

“Tôi quá già cho trò ngạc nhiên rồi. Hơn nữa, sự ngạc nhiên thường có cái sắc bén làm ta đau. Tôi không muốn bị đau – nhất là do anh. Nói tôi nghe đi.”

“Chỉ hai chữ thôi.”

“Để tôi đoán nhé: *Nếu không phải sau này thì khi nào?*”

“Đã nói là hai chữ mà. Mà nói ra thì ác.”

Tôi ngẫm nghĩ một lúc.

“Tôi chịu thua.”

“*Cor cordium*, trái tim của những trái tim, tôi chưa từng nói điều gì chân thật hơn trong đời với bất kỳ ai.”

Tôi chăm chăm nhìn anh.

Thật tốt vì chúng tôi đang ở chốn công cộng.

“Ta nên đi thôi.” Anh với lấy áo đi mưa xếp bên cạnh chỗ ngồi, rồi bắt đầu sửa soạn đứng dậy.

Tôi định bụng đi cùng anh ra hành lang khách sạn rồi đứng đó nhìn anh ra đi. Chúng tôi sẽ nói lời từ biệt bất cứ phút giây nào từ đây. Đột nhiên một phần cuộc đời tôi như sắp sửa bị tước đoạt và sẽ chẳng bao giờ được hoàn nguyên.

“Thế, tôi đưa anh ra xe nhé,” tôi nói.

“Thế, cậu đến dùng bữa nhé.”

“Thế, hãy xem như tôi đến.”

Bên ngoài, đêm buông nhanh. Tôi thích sự bình yên, tĩnh mịch của vùng quê, ánh hồng trên đỉnh núi mờ dần, và con sông đang dần tối đi. Miền quê Oliver, tôi nghĩ. Những vệt sáng lốm đốm từ bên kia bờ sông chiếu lên mặt nước, khiến tôi nhớ đến bức họa Ánh sao trên dòng Rhone của Van Gogh. Rất đậm sắc thu, rất đậm không khí tựu trường, rất đậm tiết trời khô ấm miền đông Mỹ, và luôn luôn vào buổi chiều tà cuối thu như thế, bầu không khí lơ lửng của công việc còn dang dở, bài tập còn dang dở và luôn là ảo tưởng về những tháng

ngày sắp tới hao mòn đi thành thình không ngay khi ánh mặt trời tắt hẳn.

Tôi cố tưởng tượng cảnh gia đình anh vui vầy, các cậu con trai mê mải làm bài tập, lệch thếch về nhà sau buổi tập muộn, tiếng đôi ủng lem bùn cáu kinh, gắt gỏng giậm thình thịch, từng hình ảnh khuôn sáo hiện lên trong trí tôi. Đây là người mà cha đã ở nhờ nhà lúc sống bên Ý, anh sẽ nói vậy, rồi đến tiếng dằng hắng cốc cần của hai thanh niên trưởng thành chả bận tâm tới ông người Ý hay căn nhà ở nước Ý, nhưng sẽ giãy lên vì sốc nếu được kể thế này, À tiện thể giới thiệu, khi xưa người này cũng trạc tuổi các con, cứ sáng sáng lại lặng lẽ cải biên bản nhạc Bảy lời cuối của Chúa, *rồi tối tối thì lên vào phòng cha, và rồi chúng ta phịch nhau cho ra bã. Thế nên hãy bắt tay người ta rồi ngoan nhé.*

Rồi tôi nghĩ đến chặng xe về giữa đêm khuya, dọc theo con đường ánh sao cặp con sông đến khách sạn cổ kính ở New England bên mép nước mà tôi hi vọng sẽ nhắc cả hai về bờ vịnh ở B. , về bức họa đêm đầy sao của Van Gogh, và về cái đêm tôi đến bên anh trên tảng đá, hôn cổ anh, và về đêm qua khi chúng tôi thả bước cùng nhau trên bờ biển, cảm thấy chúng tôi sẽ hết mất những nhiệm màu phút cuối để ngăn anh ra đi. Tôi tưởng tượng mình ngồi trong xe anh, tự hỏi lòng: Ai mà biết được, tôi có muốn, hay anh có muốn chẳng, có lẽ một ly rượu cuối ngày ở quán bar sẽ quyết định, biết rằng, suốt bữa ăn tối hôm đó, anh và tôi sẽ lo lắng về cùng một điều, hi vọng nó có thể xảy ra, nguyên cớ nó không xảy ra, có lẽ một

ly rượu cuối sẽ quyết định – tôi đọc được điều ấy trên mặt anh trong khi hình dung anh nhìn đi chỗ khác lúc vặn mở chai rượu vang và đổi nhạc, bởi anh cũng sẽ bất gặp ý nghĩ ấy lướt qua tâm trí, và muốn tôi biết rằng anh đang giằng xé bởi cùng điều ấy, bởi vì khi anh rót rượu vang cho vợ mình, cho tôi, cho chính anh, cả hai chúng tôi rồi sẽ nhận ra rằng anh là tôi còn hơn tôi là chính mình, bởi nhiều năm trước vào đêm anh trở thành tôi và tôi trở thành anh, anh đã và sẽ mãi là người anh em, là bạn, là cha, là con trai, là chồng, là người tình, là chính bản thân tôi, ngay cả sau khi anh đã đi hết những ngã rẽ cuộc đời mình. Trong những tuần lễ bên nhau mùa hè ấy, cuộc sống của chúng tôi chẳng mấy chạm vào nhau, nhưng chúng tôi đã vượt quá giới hạn, khi thời gian dừng lại, thiên đường cúi chạm trần gian và cho chúng tôi thưởng thức điều thiêng liêng vốn thuộc về chúng tôi tự thuở chào đời. Chúng tôi đã nhìn lảng đi. Chúng tôi nói về mọi thứ trừ điều ấy. Nhưng chúng tôi đã luôn biết, và giờ đây thình lặn càng xác quyết việc này thêm nữa. Chúng ta đã tìm được những vì sao, anh và tôi. Và điều ấy chỉ được ban mỗi một lần.

Mãi đến hè năm rồi, anh mới trở lại. Đó là một chuyến thăm qua đêm, dịp anh đi từ Rome tới Menton. Anh tới bằng taxi dọc theo con đường dưới bóng cây, chiếc xe đỗ lại gần đúng vị trí nó đã hai mươi năm về trước. Anh nhảy phắt ra, cầm máy tính xách tay, túi xách thể thao to kênh, cùng một cái hộp được gói kỹ, hẳn là quà. “Dành cho mẹ cậu,” anh nói khi bắt gặp cái liếc mắt của tôi. “Tốt

hơn hết là nói cho bà biết trong đó có gì,” tôi nói ngay khi giúp anh đặt đồ vào tiền sảnh. “Bà nghi ngờ mọi người.” Anh hiểu. Và anh buồn.

“Phòng cũ à?” Tôi hỏi.

“Phòng cũ,” anh xác nhận, dù chúng tôi đã sắp xếp mọi thứ qua email cả rồi.

“Vậy thì phòng cũ.”

Tôi không mấy hồ hởi chuyện lên lầu với anh, rồi nhẹ lòng khi thấy chú Manfredi với dì Mafalda lê bước ra khỏi bếp chào anh từ lúc nghe tiếng xe taxi. Những cái ôm hôn chặt tới mức gây choáng của ba người làm dịu đi phần nào sự lúng túng mà tôi biết mình sẽ cảm thấy ngay khi anh bước chân vào nhà. Tôi muốn sự tiếp đón quá nồng nhiệt của họ kéo dài suốt giờ đầu anh ở đây. Sao cũng được, miễn là chúng tôi không phải ngồi mặt đối mặt với nhau uống cà phê, và rút cuộc thốt lên ba chữ không thể tránh khỏi: hai mươi năm.

Thay vì vậy, chúng tôi sẽ để đồ của anh ở tiền sảnh, hi vọng chú Manfredi sẽ mang lên lầu trong khi Oliver và tôi dạo nhanh quanh nhà. “Tôi chắc là anh rất muốn thấy,” tôi sẽ nói, ý nhắc tới khu vườn, hàng rào chắn song, và cảnh biển. Chúng tôi sẽ đi quanh bể bơi, trở lại vào phòng khách nơi cây đàn piano nằm cạnh cửa sổ chớp, và rút cuộc chúng tôi sẽ trở ra tiền sảnh, nhận ra đồ đạc của anh đã được mang lên lầu. Một phần trong tôi muốn anh nhận ra chẳng có gì thay đổi kể từ lần cuối anh ở đây, *chốn thiên đàng* của anh vẫn nguyên đó, cánh cổng lệch

ngiên hướng dẫn ra bãi biển vẫn cát kết, thế giới này vẫn y nguyên như khi anh ra đi, trừ Viminis, già Anchise, và cha tôi. Đây là nhã ý chào mừng mà tôi muốn trao. Nhưng phần khác trong tôi muốn anh cảm nhận rằng giờ đây có cố bất kịp thực tại cũng chẳng ích gì – chúng tôi đã đi quá xa, trải qua quá nhiều thứ mà không có nhau, để rồi chẳng còn mấy điểm chung. Có lẽ tôi muốn anh cảm thấy nỗi mất mát, rồi anh đau đớn. Nhưng cuối cùng, có lẽ như một cách thỏa hiệp, tôi quyết định rằng cách dễ chịu nhất là cho anh thấy tôi đã không hề quên gì cả. Tôi tỏ ý đưa anh tới khu đất trống vẫn khô cháy và hoang phế như lúc tôi cho anh xem hai thập kỷ trước. Tôi còn chưa kịp dứt lời thì – “Tới rồi, xem rồi,” anh đáp. Đó là cách anh chứng tỏ anh cũng chưa hề quên. “Có lẽ anh muốn ghé qua ngân hàng chút.” Anh bật cười. “Dám cá với cậu là họ chưa bao giờ dẹp tài khoản của tôi.” “Nếu mình có thời gian và anh có hứng thì cho tôi đưa anh đi xem gác chuông. Tôi biết anh chưa từng lên đó.”

“Đáng-để-chết à?”

Tôi mỉm cười đáp lại. Anh nhớ biệt danh chúng tôi đặt cho nó.

Khi dạo bước ở sân trong nhìn ra màu xanh thẫm trước mắt, tôi đứng lại, ngắm anh tựa vào hàng rào chắn song trông ra vịnh.

Bên dưới chúng tôi là tảng đá của anh, nơi anh ngồi buổi đêm, nơi anh cùng Viminis đã trải qua suốt những buổi chiều với nhau.

“Hôm nay cô bé được ba mươi rồi,” anh nói.

“Tôi biết.”

“Ngày nào cô bé cũng viết thư cho tôi. Ngày nào cũng như ngày nào.”

Anh đang nhìn chăm chăm ra nơi của hai người. Tôi nhớ cách họ đã nắm tay nhau, chạy vù xuống bờ biển.

“Rồi một ngày cô bé ngừng viết. Thế là tôi biết. Tôi biết ngay. Cậu biết đó, tôi giữ tất cả thư của cô bé.”

Tôi nhìn anh đắm chiêu.

“Tôi cũng giữ thư cậu,” anh liền nói thêm để trấn an tôi, dù là mơ hồ, vì anh chẳng biết đó có phải điều tôi muốn nghe hay không.

Đến lượt tôi. “Tôi cũng giữ tất cả thư anh. Và thứ khác nữa. Rồi tôi sẽ cho anh xem. Để sau.”

Anh không nhớ Dợn-sóng ư, hay anh quá khiêm nhường, quá cẩn trọng, không tỏ ra anh biết chính xác tôi đang nói tới vật gì? Anh lại nhìn ra khơi xa.

Anh đến đúng ngày trời trong. Không một đám mây, mặt biển lặng ngắt, chẳng có tí gió nào. “Tôi đã quên mình yêu nơi này đến nhường nào. Nhưng tôi nhớ rõ nó như thế này. Lúc giữa trưa đúng là thiên đường.”

Tôi để anh nói. Thật tốt khi nhìn mắt anh đắm chiêu ra khơi xa. Có lẽ anh cũng muốn tránh ba chữ ấy khi mặt đối mặt.

“Già Anchise sao rồi?” Rốt cuộc anh hỏi.

“Nhà tôi mất già ấy vì bệnh ung thư, ông già đáng

thương. Xưa tôi tưởng ông ấy già lắm. Nhưng ông mất lúc chưa tới năm mươi.”

“Ông ấy cũng yêu nơi này – ông ấy cứ ghép cây tía canh, chăm vườn cây ăn trái.”

“Già chết trong phòng ngủ của ông tôi.”

Lại thinh lặng. Tôi định nói là Phòng cũ của tôi, nhưng đổi ý.

“Anh về đây có vui không?”

Anh thấu suốt câu hỏi ấy trước cả tôi?

“Tôi về đây *cậu* có vui không?” Anh hỏi vặn lại.

Tôi nhìn anh, cảm thấy mình như bị nhìn thấu tâm can, nhưng không sợ hãi. Giống như người dễ đỏ mặt nhưng không ngượng ngùng vì điều ấy, tôi biết mình chẳng nên áp chế cảm giác này, mà nên thả trôi theo nó.

“Anh biết tôi vui mà. Có khi còn vui quá mức nữa ấy chứ.”

“Tôi cũng vậy.”

Bấy nhiêu đã nói lên tất cả.

“Đi nào, tôi sẽ cho anh xem chỗ nhà chôn một phần tro cốt cha tôi.”

Chúng tôi bước xuống cầu thang hậu dẫn vào vườn, nơi đặt cái bàn điếm tâm khi xưa. “Đây là chỗ của cha tôi. Tôi gọi nó là nơi có hồn ông. Anh còn nhớ thì bên kia từng là chỗ của tôi.” Tôi chỉ về chỗ cái bàn cũ mình từng nằm bên bể bơi.

“Xưa tôi có chỗ không nhỉ?” Anh hỏi, miệng kìm lại nụ cười hết cỡ.

“Anh sẽ luôn có một chỗ.”

Tôi muốn nói với anh rằng bể bơi, khu vườn, căn nhà, sân quần vợt, *chốn thiên đàng*, toàn bộ nơi này sẽ luôn là nơi lưu giữ hồn anh. Nhưng không, tôi chỉ lên lầu về phía cửa sổ chớp phòng anh. Ánh mắt anh sẽ mãi ở đó, tôi muốn nói vậy, mắc kẹt trong những nếp rèm, nhìn róng riết ra ngoài phòng ngủ trên lầu của tôi, nơi dạo này chẳng ai ngủ lại nữa. Khi gió thổi đến, màn đông đưa, từ đây tôi ngóng lên hoặc đứng bên ngoài bao lơn, tôi sẽ nghĩ rằng anh trong đó, phóng ánh nhìn đăm đăm từ thế giới của anh vào thế giới của tôi, ý muốn nói như cái đêm tôi tìm thấy anh trên tảng đá, *Anh hạnh phúc ở đây*. Anh ở cách xa hàng ngàn dặm, nhưng hễ tôi nhìn vào nơi cửa sổ ấy tôi sẽ nghĩ ngay đến một bộ đồ tắm, một cái áo mặc vội, những cánh tay tì lên lan can, và đột nhiên anh hiện ra, châm lửa điếu thuốc đầu ngày – nay thoát đã hai mươi năm. Chừng nào ngôi nhà này còn, đây sẽ là nơi lưu hồn anh – và cả tôi nữa. Tôi muốn nói thế.

“Tôi biết cha hẳn sẽ muốn điều giống thế này xảy ra, nhất là vào một ngày hè tuyệt diệu như hôm nay.”

“Tôi chắc là ông sẽ. Phần tro cốt còn lại, nhà chôn ở đâu?” Anh hỏi.

“À, khắp nơi cả. Ở dòng Hudson, biển Aegean, biển Chết. Nhưng đây là nơi tôi tới để được bên ông.”

Anh không nói gì. Đâu có gì để nói.

“Đi nào, tôi sẽ đưa anh tới San Giacomo trước khi anh đổi ý,” rốt cuộc tôi thốt. “Vẫn còn thì giờ trước bữa ăn trưa. Nhớ đường chứ?”

“Tôi nhớ đường.”

“Anh nhớ đường,” tôi vọng lại.

Anh nhìn tôi, mỉm cười. Điều ấy làm tôi vui sướng. Có lẽ vì tôi biết anh đang trêu chọc mình.

Hai mươi năm thấm thoát như mới hôm qua, và hôm qua chỉ là sớm hơn buổi sáng nay, và buổi sáng dường như cách xa diệu vợi.

“Anh giống em,” anh nói. “Anh nhớ tất cả mọi thứ.”

Tôi dừng lại một giây. Nếu anh nhớ tất cả mọi thứ, tôi muốn nói, và nếu anh thực sự giống em, thì trước khi anh rời đi vào ngày mai, hay khi anh vừa sắp sửa đóng cửa chiếc taxi, vừa nói xong lời từ biệt với mọi người khác và chẳng còn gì để nói nữa trên đời này, khi ấy, chỉ một lần này thôi, quay nhìn em, dù chỉ là vui đùa, hoặc là thoáng nghĩ lại, những điều này có ý nghĩa biết bao với em khi ta từng bên nhau, và như ngày xưa, hãy nhìn thẳng vào mặt em, để em ngắm anh, và gọi em bằng tên anh.



GỌI EM BẰNG TÊN ANH

ANDRÉ ACIMAN

Nhật Khoa dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Phụ trách bản thảo: NGUYỄN PHAN NAM AN

Biên tập và sửa bản in: NGUYỄN QUANG KHẢI

Xử lý bìa: NGUYỄN NGÔ THÙY TIỀN

Trình bày: VÕ BÁ HOÀI LINH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (028) 38437450

E-mail: hophubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024) 37734544

Fax: (024) 35123395

E-mail: chinhanhhanoi@nxbtre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 028 35261001 – Fax: 028 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Khô:...cm x...cm, số:.../CXB/.../Tre

Quyết định xuất bản số.../QĐ-Tre, ngày... tháng... năm...

In... cuốn, tại Công ty...

Địa chỉ:...

In xong và nộp lưu chiểu tháng... năm...

Sách được chuyển thể thành phim điện ảnh cùng tên với sự tham gia diễn xuất của *Timothée Chalamet*, *Michael Stuhlbarg* và *Armie Hammer*.

Sách Nổi bật của năm, *New York Times* (2007)

Sách hay nhất năm, *Publishers Weekly* (2007)

Sách Hu cấu hay nhất năm, *Washington Post* (2007)

Sách yêu thích của năm, *Chicago Tribune* (2007)

Sách yêu thích của năm, *Seattle Times* (2007)

GOIEM BẰNG TÊN ANH là câu chuyện tình yêu bất ngờ và mạnh mẽ nảy nở giữa thiếu niên 17 tuổi tên Elio với Oliver, một học giả Mỹ là khách trọ mùa hè ở căn biệt thự của ba mẹ Elio tại vùng duyên hải Riviera nước Ý thập niên 1980. Trong những tuần mùa hè sôi động ấy, dòng chảy cuốn cuộn ám ảnh và đam mê bị kìm nén càng làm mãnh liệt thêm tình yêu giữa hai chàng trai trẻ. Cuốn tiểu thuyết đầu tay của André Aciman là một khúc bi ca chân thành và cảm động dành cho tình yêu con người. Một cuốn sách không thể nào quên.

"Cuốn tiểu thuyết này nóng bỏng... một bức thư tình, một câu thần chú, và có gì đó như một văn bia... Một cuốn sách đẹp tuyệt vời".

—STACEY D'ERASMO, *The New York Times Book Review*

"Một câu chuyện tình yêu vĩ đại... mỗi đoạn văn, mỗi cơn đau, mỗi cơn sóng xúc cảm trong cuốn tiểu thuyết đẹp đẽ này đều chân thật".

—MICHAEL UPCHURCH, *The Seattle Times*

"Tuyệt vời... Vẻ đẹp trong văn chương của Aciman và sự tinh khiết trong tình cảm của ông đưa cuốn tiểu thuyết đầu tay xuất sắc này lên hàng các câu chuyện tình yêu vĩ đại nhất cho tất cả mọi người".

—KAREN CAMPBELL, *The Boston Globe*

"Nếu bạn thích thú văn chương dửng dưng, sắc sảo, hoan hỉ, trần trụi, tàn bạo, dịu dàng, nhân văn và đẹp đẽ thì bạn đã tới đúng chỗ rồi đấy".

—NICOLE KRAUSS, tác giả *The History of Love*

SỬ DỤNG TEM THÔNG MINH - Chương trình chăm sóc khách hàng và khuyến mãi của NXB Trẻ. Cào tem và đăng ký bằng 1 trong 2 cách:
1. Truy cập <http://cskh.nxbtre.com.vn/Active/va> và đăng ký/đăng nhập tài khoản để nhập mã số
2. Dùng smartphone quét QR Code và đăng ký/đăng nhập tài khoản để nhập mã số. Để được hỗ trợ xin liên hệ: Hotline: 0932.260.062 - Email: cskh@nxbtre.com.vn



QR Code

18+

ISBN 978-604-1-10512-6



9 786041 105126